

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

TÒA THÁNH TÂY NINH



NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

ĐOÀN THỊ ĐIỂM



HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **ĐAOCÀODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **HIÊN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE ĐAOCÀODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 02/12/2011

Tâm Nguyễn

NỘI DUNG

- NỮ TRUNG TÙNG PHẬN Nguyên Bản của Đoàn Thị Điểm 5
- NỮ TRUNG TÙNG PHẬN Giới Thiệu & Chú Thích của Đức Nguyễn 79
 1. Giới thiệu Tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận 81
 2. Tiểu sử Bà Đoàn Thị Điểm 89
 3. Mục đích Giáo dục của Nữ Trung Tùng Phận. 117
 4. Những giới hạn thời gian trong Nữ Trung Tùng Phận. 129
 5. Tứ Đức & Tam Tùng đối với phụ nữ thời nay 137
 6. Giải thích hình bìa, tên sách, khảo đính 147
 7. Nữ Trung Tùng Phận chú thích ... 153
 8. Phụ lục: Chinh Phụ Ngâm 391
 9. Hướng dẫn tìm các: Từ ngữ, Thành ngữ, Điển tích. 415

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN
Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ đề bút
Năm Quý Dậu – 1933

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

TÒA THÁNH TÂY NINH



NỮ TRUNG TÙNG PHẬN
ĐOÀN THỊ ĐIỂM

HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN



01

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quân hồng.
Gươm thư giúp sức gươm hùng,
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.*

05

*Bởi rẻ rúng thuyền quyền thiếu học,
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.
Tinh thần cao thấp nhờ thi,
Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.*

09

*Chinh phụ trước treo nên giá quý,
Áng văn làm nhuộm khi cầu vinh.
Thêm duyên chước quý giao tình,
Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.*

13

*Nấu kinh sử ra mùi son phấn,
Cầm bút nghiên dặng thắm má đào.
Quân xoa đỡ ngọn binh đao,
Xây hình thực nữ giặm màu nước non.*

17

Cửa Thánh miếu hỡi còn thiếu gái,
Chốn quyền môn nữ lại vẫn không.
Vật chơi ở chốn khuê phòng,
Đã cam phận vợ để chồng cầm duyên.

21

Phần nội trợ trăm phiền đeo đẳng,
Đạo phụ cơ đã nặng cho mình.
Duyên may chồng đã nghĩ tình,
Còn cha còn mẹ có đánh phận đâu?

25

Nỗi em chị bởi đâu chẳng thuận,
Nỗi nhi tôn lẩn bấn bên lưng.
Nỗi nhà, nỗi bếp, nỗi lân,
Nỗi trong thân tộc, nỗi gần, nỗi xa.

29

Trên lo thảo, giữa hòa, dưới thuận,
Ngoài nên danh, trong vững mối giềng.
Nỗi trông hương hỏa giữ bên,
Giúp nên chồng có phẩm quyền cao sang.

33

Mảng lo lắng chữ nhàn nào rõ,
Huống để công đến ngõ Không Trình.
Rừng Nho biển Thánh tỉnh tỉnh,
Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.

37

Kính tổ hiền nãi thờ nãi phụng,
Tế tông đường lo cúng lo đơm.
Kiến thân viếng sớm thăm hôm,
Chua cay rõ miếng cơm ngon cá bùi.

41

Lưỡi lừa miếng nhai cơm lữ trẻ,
Kiêng vật ăn dặng để nuôi con.
Còn con nòi giống chồng còn,
Mảnh thân đành chịu hao mòn với ai?

45

Còn gặp thưở xanh mày lịch sắc,
Dâng hình hoa treo mắt bướm ong.
Nào là hương đượm lửa nồng,
Nết khuôn giữ vẹn chữ đồng lương nhân.

49

Muốn trau chuốt mặt ngấn thân dịu,
Vẽ cho hay mày liễu má đào.
Thương gìn lúc ốm khi đau,
Sợ chê xấu phận, cậy màu phấn son.

53

Mình mỏng mảnh sức non nớt yếu,
Đỡ nâng chồng vốn thiếu tay co.
Không toan sớm đói chiều no,
Lựa là tứ hải ngũ hồ giúp nhau.

57

Cứ tựa cửa phòng đào giấu dạng,
 Ngoài nước non nào hẳn vui chénh.
 Mảng trong thắm nghĩa nặng tình,
 Để công bề liễu, bản bình trượng phu.

61

Dầu khôn mấy giả ngu cho thuận,
 Phải bao nhiêu cũng nhận lỗi lầm.
 Phòng đào giữ rủi rơi trâm,
 Sợ lời hơi sắt, tiếng cầm lạc cung.

65

Thử từ nét khi chung lúc chạ,
 Gióng từ hơi hòa nhã tơ loan.
 Chiều vui dưới trướng ngoài màn,
 Nhãng lo ngại nỗi phụ phàng ái ân.

69

Nghe từ lệnh, cúi vâng từ mạng,
 Nhọc lòng chi nào dám di hơi.
 Sợ cơn giông gió tới bời,
 Trà mi sơ sẩy hoa rời rã bông.

73

Che đây kín tường đông ong bướm,
 Giấu nhật nghiêm nhụy tương hương hình.
 E khi vách có âm thính,
 Để gương lỗi đạo, lỗi tình phu thê.

77

Giao thân cứ gần kẻ kẻ thiết,
 Ép nhớ thương làm điếc làm đui.
 Mặc người cha mẹ dễ duôi,
 Ngoại tông nương phận ném mùi trần cam.

81

Hiếu thương ghét giả cam phận đại,
 Biết nên hư chẳng cãi cho cùng.
 Nên thì an phận kiếm cung,
 Hư thì khổ vợ tội chồng chung nhau.

85

Ngoài mặt phép, chàng sao thiệp vậy,
 Giữa cửa công, phải quấy đồng thân.
 Vinh thì chàng mào thiệp cán,
 Hèn thì chàng vấy thiệp quân đổi thay.

89

Lấy khổ cực làm bài thuốc mẫn,
 Dụng đau thương rừ quên thâm tình.
 Dầu chàng đối dạ én anh,
 Tê mi vện đạo, giữ gìn phép khuôn.

93

Nàng khăn trấp giải buồn quân tử,
 Hầu tửu trà giấc ngủ không an.
 Chàng vui thiệp cũng vui càn,
 Chàng buồn thiệp tựa bên màn khóc theo.

97

*Dòng Tương chảy thân bèo trôi nổi,
 Chẳng ai thương chữa lỗi bình lời.
 Chàng thì biển cả vơi vơi,
 Thiếp như bóng bọt giữa vời linh đình.*

101

*Nếu gặp phúc bố kinh đáng khách,
 Biết yêu hoa dưới gạch phòng thu.
 Rủi duyên gặp phải thường phu,
 Nhàn xuân thì trọng, gương thu dở cầm.*

105

*Khi lịch sắc trao trâm đáng giá,
 Con tàn hoa, keo rã sơn rời.
 Vẽ hồng mắc mỏ bao mươi,
 Đưa cho quân tử trọn đời chủ trương.*

109

*Nhụy đương nở mùi thơm ngào ngạt,
 Dáng hình hoa lo lót con ong.
 Trăm năm kim cải cũng chồng,
 Trái duyên cũng vẹn đạo tông mà thôi.*

113

*Thân lòn cúi, vợ tôi chồng chúa,
 Đạo phu thế như đũa nên đôi.
 Dầu cho lúc đứng khi ngồi,
 Chàng là chúa cả, thiếp thời gia nô.*

117

*May quan cả, rủ cho lê thứ,
 Trong tộc gia cũng cú phép nhà.
 Hèn người sang ấy của ta,
 Chê người ta lại cho là đáng khen.*

121

*Chông sang dặng, ta hèn chẳng quản,
 Chông đẹp hình, ta mắng lo âu.
 E ra nhiều thiếp nhiều hầu,
 Rồi tham bề lựu, bỏ đào bơ vơ.*

125

*Hề xấu dạng thì nhơ mặt thiếp,
 Còn đẹp hình, nhất kiếp phù dung.
 Minh thương người cũng thương cùng,
 Còn như chê bỏ, lại dùng vào đâu?*

129

*Kiểm xứng mặt mày râu dưới thế,
 E không mưu đủ kể gìn duyên.
 Còn theo thăm ván bán thuyền,
 Trông chi giữ mảnh hương nguyên cùng nhau.*

133

*Lỡ lối cũ động đào lạc bước,
 Khó cầm duyên đợi ngọc cầu Lam,
 Thân Tiên dầu lỗ gót phàm,
 Gương xưa lỗi rập, ai cầm làm chi?*

137

Nhẹ là bức, nặng chì tình nghĩa,
 Để dùng riêng cho phía nữ lưu.
 Thung dung quân tử hảo cừ,
 Năm thê bảy thiếp mặc dầu trắng hoa.

141

Nào có tưởng vợ nhà đau đớn,
 Ôm tình si muôn lượng sầu than.
 Máu ghen chần gối dấy tràn,
 Hình mai ủ dột sắc càng héo don.

145

Hễ càng ngắm hao mòn đá ngọc,
 Càng riêng lo tơ tóc không bền.
 Chàng vui cung nguyệt trao duyên,
 Thiếp sầu sợ nén hương nguyệt bết thơm.

149

Lo ngại rồi ra cơn mắt nết,
 Vì ghen tương hết biết thân mình.
 Dám toan tử tiết với tình,
 Còn chi kể đến gia đình hư nên.

153

Nếu ôm ấp một bên thương nhớ,
 Bệnh tương tư khó gỡ cho kham.
 Nên toan đập nát cung cầm,
 Vô duyên đành phận, sống làm chi đây?

157

Thương ra giận khó khuấy nổi nhớ,
 Mối tơ duyên ai gỡ cho đang?
 Hỡi người côi phụng giữa loan,
 Phải chi vợ dám phụ phàng mới sao?

161

Tả nổi thâm thêm đau mấy đoạn,
 Mượn bút hoa đắp cạn thành sầu.
 Tiếng tiêu dẫu lọt phụng lầu,
 Hoặc may gỡ đặng dây sầu nữ nhi.

165

Cầm bút ngọc để thi tự thuật,
 Một kiếp sanh của bậc văn tài.
 Nêu gương tuyết giá hậu lai,
 Gỡ trong muôn một những bài sanh ly.

169

Khi đầu ấp cùng khi tay gối,
 Thân thiết nhau sớm tối quen hơi.
 Chừ sao chong ngọn đèn ngôi,
 Cô đặng giỡn bóng, ghẹo người thương tâm.

173

Nào là thuở âm thầm dan díu,
 Vịn bóng trăng đặng níu hoa đào.
 Chừ sao bỏ cảnh úa xào,
 Nhụy phai hương lọt, khuôn rạo tả tôi.

177

Nào khi đứng lúc ngồi đủ mặt,
 Qua tường đông lóng bạc tơ đông.
 Chừ sao chẵn chiếu lạnh lòng.
 Phím loan nín bật, tranh tòng đứt dây.

181

Nào khi lén vẽ mày thực nữ,
 Nào khi lo gìn giữ hương thể.
 Chừ sao bướm cũ lia huê,
 Vườn thu vắng khách, ủ ê canh tàn.

185

Nào khi tựa bên màn canh lụn,
 Nào khi ngồi ngó bóng Hằng Nga.
 Chừ sao để lụn canh gà,
 Vắng hoe gỏi phụng, nguyệt tà hoa thưa.

189

Nào khi đổ mây mưa đánh giáp,
 Nào khi lo ấm áp cung thiềm.
 Chừ sao vắng dạng tàn đêm,
 Gia cư rách cửa, ven thềm cỏ chen.

193

Nào khi ước giữ niêm son sắt,
 Nào thể non nắm chặt dải đồng.
 Chừ sao đổi dạ thay lòng,
 Hẹn xưa bỏ chảy theo dòng Tương giang.

197

Nào khi đứng giữa hàng trông ngọc,
 Nào khi ngồi dưới bệ trong châu.
 Chừ sao phụ nghĩa sơ giao,
 Phòng toan ném gánh tâm đầu sông Ngân.

201

Nào khi đến cầu Lam chường ngọc,
 Nào khi lo già thuốc trường sanh.
 Chừ sao bỏ nghĩa én anh,
 Tham lê bỏ lựu, phụ tình trước mai.

205

Nào khi cửa then gài mấy lớp,
 Cấm vườn xuân nướm nượp én anh.
 Chừ hoang cây cỏ xứ mảnh,
 Gân cây chim lánh, đến cảnh gió day.

209

Nào khi sắc so tài đẹp dạ,
 Nào khi nhen hương hỏa ba sinh.
 Chừ toan bút mảnh tơ tình,
 Trà ngâu ché nhớ, rượu quỳnh chối thương.

213

Nào khi hỏi thăm hang Từ Thích,
 Nào khi dò mấy bực cầu ô.
 Chừ sao kẻ Hôn người Hồ,
 Để cho phòng hạnh ra mồ quạt duyên.

217

Nào là lúc giữa nghiêng đêm quạnh,
 Nào là khi thức tỉnh đêm khuya.
 Chừ sao loan phụng chia lìa,
 Con trông vợ nhớ, mắt kẻ ngó song.

221

Càng thấy con khờ không đủ trí,
 Càng thêm lo huyết khí bên chông.
 Nắng niu lúc ấm khi bóng,
 Phũ thân thế phận cho chông dạy khuyên.

225

Càng sợ hờ thung huyền phiến muộn,
 Thắm bao nhiêu gắng gương làm vui.
 Tảo tần sớm dưỡng chiều nuôi,
 Thế chàng thiếp lãnh vai người hiếu nam.

229

Thấy em dại không ham đèn sách,
 Càng để lòng hời hạc kinh luân.
 Thay chàng thiếp trả nghĩa thân,
 Dạy em văn hóa, thiếp làm trường huynh.

233

Càng nghĩ đến linh đình phận thiếp,
 Càng ngại lo tội nghiệp thân con.
 Những ngờ nước thấm đầu non,
 Nào hay trăng khuyết hao mòn nhưn duyên.

237

Càng đeo đẳng nỗi phiền nỗi thảm,
 Càng thương thân chích bạn lia đôi.
 Phận sao phận bạc như vôi,
 Nước lưng đầy gáo, hương trôi dòng là.

241

Càng ngắm đến cỏ hoa vật loại,
 Càng thẹn vì vẫn với tơ tình.
 Chim kết cánh, cây liền cành,
 Còn thân thiếp chịu một mình đơn cô.

245

Kìa cá giỡn vẫn vờ đáy nước,
 Nọ kết đôi cưu thước ven trời.
 Còn thân thiếp chịu cút côi,
 Đền khuya nhắc thảm, gió mới gheo sầu.

249

Kìa oan ương ấp nhau chẳng hờ,
 Nọ én anh rí rả kêu thương.
 Còn ta lưỡng những đoạn trường,
 Gối chần tê tái, chiếu giường lạnh tanh.

253

Kìa cảm điều bề cảnh kết ổ,
 Nọ thú trùng moi lỗ làm hang.
 Nầy thân thiếp chịu gian nan,
 Linh đình đất chiếu, trời màn không nơi.

257

Kìa ong kiến tha mồi dành để,
 Con khốn cùng có thể nuôi thân.
 Còn thân thiếp chịu khốn nàn,
 Tả tơi nổi mẹ, trường trần nổi con.

261

Thôi đành kiếp nốt non gương sống,
 Sống vì con, chẳng sống vì thân.
 Đòi phen đổi thâm ra mảng,
 Nắng niu trẻ dại cho gần đặng cha.

265

Đưa giọt sữa ra hòa giọt lụy,
 Trong tình chung huyết khí đúc hình.
 Còn con may đặng giữ tình,
 Khối chung tình ở nơi mình ấu nhi.

269

Nghe trẻ khóc như chì dẫn dạ,
 Thấy con đau như đá đập đầu.
 Còn con ô thước bắc cầu,
 Mắt con là cửa vô lầu lãnh cung.

273

Thấy xuân đến về hồng khắp chốn,
 Nường con thơ sống rớn cùng xuân.
 Ru con giọng hát ngập ngừng,
 Xuân ôi! Xuân biết mấy lần đau thương?

277

Ve kêu hạ như đường trên thảm,
 Mưa sáu tuôn mấy dặm biệt ly.
 Dỗ con lệ ngọc li bì,
 Hạ ôi! Hạ có biết nghì phu thê?

281

Chiều thu nhắc ử ê cảnh hạn,
 Nhấp nhô xem cánh nhạn về non.
 Trông thu râu nhớ thân con,
 Thu ôi! Thu biết hao mòn tấm duyên?

285

Đông lạnh ngắt mảnh mền úm trẻ,
 Ngồi đêm trường quanh quē phòng không.
 Nhớ chồng thấy trẻ nảo nông,
 Đông ôi! Đông biết tấm lòng kiên trinh?

289

Vắng mặt chồng, cân hình của trẻ,
 Ngó thấy con đặng vẽ tượng chồng.
 Cân thương trẻ ấy mà đông,
 Thì trong thương ấy, của chồng tám phân.

293

Kìa máu huyết, cành xuân nhụy nở,
 Khối ái ân đành ở nơi con.
 Dầu cho biển cạn non mòn,
 Tơ duyên khăn khít chỉ còn bấy nhiêu.

297

Trẻ nhỏ dại lắm điều học hỏi,
 Thường kiếm cha mong mỗi thấy nhau.
 Dỗ con chỉ bóng giải sầu,
 Rằng khuya đèn thấp cha hầu về thăm.

301

Hơi mảnh áo còn cảm đặnng ngủi,
 Gối loan gìn từ buổi kết duyên.
 Ba sanh dâu toại thừa nguyên,
 Họa trong giấc mộng giải phiền giao hoan.

305

Càng bạc phước càng than con dại,
 Lo tảo tần mấy may dưỡng nuôi.
 Còn cha con tỵ như côi,
 Chít chiu trẻ khó, bồi hồi mẹ đơn.

309

Nhịn ăn mặc giữa cơn thiếu thốn,
 Làm lưng nhiều nuôi dưỡng sắp con.
 Nại chi xác yếu thịt mòn,
 Gia tư miễn đặnng vương tròn giữ duyên.

313

Lớn một tuổi, mẹ thêm một khổ,
 Hiểu một điều, mẹ hổ cho thân.
 Tri con lần mở nẻo gần,
 Hỏi cha sao phụ, tổ trấn làm răng?

317

Chẳng lẽ nói cho chàng đen bạc,
 Chẳng lẽ cho côi hạc quên nhà.
 Không đành nói thác ra ma.
 Không đành nói ngụ nơi nhà lầu xanh.

321

Không lẽ nói mển anh quên én,
 Không lẽ rằng trộm nén hương thừa.
 Nói chi tìm vợ dâng đưa,
 Lẽ nào nói rượt theo vừa Hằng Nga.

325

Không lẽ nói đi qua Đông Độ,
 Không lẽ rằng vô số chinh phu.
 Lẽ nào nói bị tội tù,
 Lẽ nào nói trấn Tây Âu làm hoàng.

329

Còn nói thiệt rằng chàng phụ thiệp,
 Cũng vì mê theo kiếp làng chơi.
 E con đến lớn nên người,
 Gương cha để thẹn những lời bợm hoang.

333

Riêng chịu thảm không than với trẻ,
 Đổ lụy rơi theo khóe miệng cười.
 Vui là gắng gượng làm vui,
 Cái vui cùng trẻ là hỏi ai bi.

337

Ngàn dầu ngó ngày chảy thắm thắm,
 Bận lòng con lại vấn nô y.
 Xem chừng coi mảnh anh nhi,
 Co tay đếm tuổi bấy chầy không cha.

341

Hột cơm tẻ nhai ra như cát,
 Gan còn nguyên như nát bao chừ.
 Nuôi con từ lúc đào thư,
 Bao nhiêu máu thịt công chờ bấy nhiều.

345

Chàng đâu rõ khúc khiu cực nhọc,
 Lớn khôn ngoan biết học biết hành.
 Biết ơn nuôi dưỡng sanh thành,
 Tìm cha lại bỏ một mình thiệp cõi.

349

Càng thấy lớn, mắng rồi lại sợ,
 Mắng nên hình, còn sợ theo cha.
 Đường như con vệt mẹ gà,
 Trẻ thơ vội phản, mẹ già kinh tâm.

353

Làm lụng tẻ bao lăm của cải,
 Để cho con làm ngãi cùng con.
 Nỗi lo đời lúa vương tròn,
 Còn lo gia thất vĩnh tồn hậu lai.

357

Định hương hỏa, hằng bày qui tế,
 Lập pháp gia, tự kể phụng thờ.
 Con chàng thiệp trả khi thơ,
 Dòng chàng thiệp dạy phụng thờ tổ tông.

361

Lựa cho học các công các nghệ,
 Tính cho hay mọi vẻ văn tài.
 Sĩ, Nông, Công, Cổ sanh nhai,
 Ngư, Tiều, Canh, Mục làm bài bảo thân.

365

Hễ phải mặt văn nhân tài tử,
 Dạy con nên vẹn giữ nhưn luân.
 Văn là thượng sĩ danh thân,
 Võ thì bạt tụy siêu quân quân trung.

369

Quan thì phải tận trung vì chúa,
 Dân thì hay tập búa Lỗ Ban.
 Sang thì giữ vững ngai vàng,
 Hèn thì trừ đảng bạo tàn hại dân.

373

Trọng thì lấy đai cân làm lệnh,
 Khinh thì lo trừ nghịch làm duyên.
 Nước non để tuổi cùng tên,
 Quốc gia khinh trọng bỏ bên nơi dân.

377

*Con thương mẹ dầu vàng lịnh dạy,
Thương quê hương trọng ngãi quân thân.
Ngọn rau tấc đất là ân,
Một dòng một giống lo cần ích chung.*

381

*Nếu để đặng tình trung hai chữ,
Vạch lưng con viết thử để dành.
Rủi cơn loạn quốc khuynh thành,
Tấm gan liệt sĩ cũng đành độ dân.*

385

*Dầu rủi phận nợ thân chẳng vẹn,
Đạo Cần Vương nêu tiếng thanh cao.
Trung thành giữ cõi Nam trào,
Hùng anh trước đặng Ngụy Tào khiếp oai.*

389

*Trước quốc chảnh chia hai tộc chủng,
Núi Hoành sơn định phong biên cương.
Bắc Nam hiệp Tổ Hùng Vương,
Xúm nhau nâng nổi miếu đường Việt Nam.*

393

*Giang san bốn ngàn năm tổ nghiệp,
Văn hóa so cũng kịp tha bang.
Xa thơ nay gãy giữa đàng,
Con tua giữ dạ cứu nàn giúp nguy.*

397

*Nào quốc thể, người khi kẻ thị,
Nào dân đen, phép qui hợp hôn.
Nấu sôi cái máu anh phong,
An bang tế thể một lòng lo âu.*

401

*Đấng nam tử đầu đầu cũng nợ,
Khấp năm châu khai mở qui mô.
Châu lưu từ hải ngũ hồ,
Thơ hương đặc vận cây nhờ dân sanh.*

405

*Vùng Nam Hải uy linh nhứt quốc,
Cỏ rã hai chia đất rấp ranh.
Trời còn roi nước hùng anh,
Giang sơn là đấy, còn mình ở đâu?*

409

*Con cũng đứng mày râu dưới thế,
Nếu kém phương thiếu thể vận trù.
Dầu khôn, mẹ cũng cho ngu,
Tài chi trong kiếp tội tù dã man.*

413

*Con phải nhớ da vàng máu đỏ,
Cõi Nam Châu rõ rõ quốc triều.
Con Hồng cháu Lạc bao nhiêu,
Thiếu tài khiếm đức, định triều an bang.*

417

Mẹ dẫu phải suốt vàng nhấm mắt,
 Vui thấy con đáng mặt làm trai.
 Nhục con, con chịu chó nài,
 Nhục cho quốc thể ra tài hy sinh.

421

Thất xã tắc, dân mình nghịch chủng,
 Quen nghề tham, lại những quan gian.
 Sâu dân một nước bạo tàn,
 Mua quan bán chức nhộn nhàng cân đai.

425

Đem chơn chánh phò bày trừ mị,
 Nâng niu cho dân khí lấy lưng.
 Dân thì biết phận làm dân,
 Chúa cho đáng chúa, đình thần đáng quan.

429

Trừ đảng dữ tham gian bạo ngược,
 Diệt những phường mưu chước cầu vinh.
 Xem đường cuông khấu biên đình,
 Cung dẫu tên cỏ, nước mình chấn hưng.

433

Xem lịch sử vĩ nhân mấy mặt,
 Đại trượng phu trước giặc vong thân.
 Nên danh khai quốc công thân,
 Nêu tên hậu thế xa gần tặng phong.

437

Muốn hiển tổ vinh tông báo hiếu,
 Học cho hay trọng yếu miếu đường.
 Tảng quen côi ngựa cầm cương,
 Trận trung quyết thắng chiến trường đoạt binh.

441

Lựa những mặt tài tình thọ giáo,
 Học cho thông mối đạo quân thần.
 Trương Lương dâng dếp ba lần,
 Chút công ấy định Hôn Tần nên hư.

445

Trọng Ni nhận vi sư Hạng Thác,
 Học tinh thần khai phát Nho tông.
 Gẫm coi tổn bấy nhiều công,
 Làm cho thiên hạ đại đồng trí tri.

449

Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ,
 Môi đặc truyền mọi lẽ cao sâu.
 Học hay kể nhiệm mưu mưu,
 Học nên tài đặng giải sầu quốc gia.

453

Học dặng định chánh tà giả thiệt,
 Học cho thông đặc biệt hư nên.
 Học gan sắt đá cứng bền,
 Học cho đủ chước xây nền Nam phong.

457

Học cho rộng giao thông tứ xứ,
 Học cho cùng xử sự ngoại lân.
 Học cho đúng bậc tài thần,
 Ưu quân ái quốc vua cần dân nghinh.

461

Học cho thấu máy linh cơ tạo,
 Học cho toàn trí xảo văn minh.
 Thâu tài hay nhập nước mình,
 Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.

465

Công dạy dỗ muôn ngàn khó học,
 Ôn của thầy con học nên người.
 Tài hay tom góp một đời,
 Cho con chẳng kể vốn lời hơn thua.

469

Thầy lao lực tùy vừa trí trẻ,
 Dạy cho thông mọi lẽ gần xa.
 Tuổi xanh con đặng trí già,
 Còn thơ con học hóa ra lão thành.

473

Con nhờ thầy công danh mới toại,
 Như nhờ cha mới giỏi hình dung.
 Hai ơn ấy găm so đồng,
 Nghĩa kia như hiếu, mặn nồng cả hai.

477

Xưa ruộng Thuần voi cày chim cấy,
 Vì hiếu thân nổi dậy tuổi tên.
 Đế Nghiêu tìm hiếu truyền hiền,
 Nương nơi gương ấy vẫn bền đạo con.

481

Mãn Tử Khiên tích còn roi dẫu,
 Dẩy xe cha áo xấu mặt dơ.
 Sợ đàn em dạy u ơ,
 Khổ thà cam khổ cũng thờ dưỡng nghi.

485

Con ví biết trọng nghi phụ tử,
 Hiếu tông môn khá giữ nơi lòng.
 Đừng làm nhục tổ hồ tông,
 Lập thân trả hiếu nổi dòng truyền hương.

489

Nhìn thung đường đến ơn cúc dục,
 Nhớ công sanh giữ chút hình hài.
 Dưỡng nuôi lao khổ đắng cay,
 Lửa hương chín ước có ngày nổi xa.

493

Còn em út trong nhà thơ bé,
 Trai dạy khuyên, gái để khép khuôn.
 Con đừng quen tánh lương tuồng,
 Các em hư nết, gieo buồn song thân.

497

Một cục máu chia phân mấy mảnh,
 Hình hài em tượng ảnh thân con.
 Chữ rằng huyết mạch đồng môn,
 Riêng chứng thân thể, tâm hồn cũng con.

501

Ngoài gia tộc, nước non vậy bạn,
 Lựa tài danh giao cạn tâm tình.
 Đời như trận giặc đua tranh,
 Dầu tài một ngựa một mình khó nên.

505

Coi gương trước Thánh Hiền ghi lại,
 Kết bạn nhau đạo ngài làm sao.
 Tuy là khác thửa đồng bào,
 Mà trong sanh tử một màu sắt son.

509

Lưu Quan Trương giữ còn nghiệp Hôn,
 Gìn trọn thể chết sống có nhau.
 Dầu cơn độc mã đờn đao,
 Tâm trung nghĩa khí, Ngô, Tào cũng kiêu.

513

Sài Triệu Trinh cũng nguyên như thế,
 Mà nên mưu đủ kế đồ vương.
 Tống thâu thiên hạ Đại Đường,
 Cũng do bởi học nơi trường hữu giao.

517

Trong vũ trụ hiệp hào là mạnh,
 Phận đồ thơ phải gánh non sông.
 Anh em bạn tác vậy đồng,
 Xô thành cũng ngã, lấp sông cũng bằng.

521

Trai nam tử gió trăng là phận,
 Đạp nước non dặng tấn khí hùng.
 Đi con đường thể gai chông,
 Lớn gan hiu quạnh thì lòng cũng nao.

525

Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
 Đạo nhơn luân gây sống của đời.
 Dầu cho non nước đổi dời,
 Còn niềm chông vợ, còn người còn ta.

529

Bạn trăm tuổi thân hòa làm một,
 Dầu sanh hèn xấu tốt cũng duyên.
 Cùng nhau giữ vẹn hương nguyên,
 Cái duyên kinh bố là duyên Châu Trần.

533

Con đừng thấy phụ nhân nan hóa,
 Cầm hồn hoa vậy vĩa thân hoa.
 Vợ con thay phận mẹ già,
 Nuôi con mẹ cậy bóng ngà nữ dung.

537

Khi tối sớm lạnh nồng có kẻ,
Thân mệt con đặng dễ giữ con.
Mẹ lo trong lúc còn non,
Vợ con lo lúc thân mòn gối run.

541

Nếu khổ cực chung cùng chia sót,
Dầu sang vinh đặng bớt tình nồng.
Hễ là vào đạo vợ chồng,
Hư nên đều có của ông công bà.

545

Con chớ ý mình là nam tử,
Chiếm chủ gia hẹp xử thế nhi.
Đừng xem ra phận tiện tỳ,
Quyền trong nội trợ cũng bì đồng nhau.

549

Ai nâng đỡ khi đau lúc ốm,
Ai dù tròn nắng sớm mưa mờ.
Tình chung bền giữ một đời,
Chia cơm cắn muối không đời lòng thương.

553

Áo trâu đắp đông sương lạnh lẽo,
Cửa hấp gà mở nẻo tiền phu.
Lập thân đừng để danh lưu,
Cũng như Bá Lý Hề âu bạc tình.

557

Chém vợ để cầu vinh thuở trước,
Ngó Khởi còn gian ngược chi danh.
Con đừng mượn nét khuynh thành,
Lợi thân mà hại đến mình hồng nhan.

561

Đừng sang trọng phụ phàng nghèo khó,
Gặp hầu xinh vội bỏ thế hèn.
Cá kia chung chậu hơi quen,
Ái ân đắm thắm bởi bên nghĩa nhân.

565

Giương đẹp để Mãi Thân thuở trước,
Trọng hơn luân sau phúc nên quan.
Hiển danh ghi tạc giang san,
Nghĩa trung đi cặp con đàn trượng phu.

569

Tổng Hoàng chí trượng phu không đổi,
Giữ hơn luân sợ lỗi đạo hàng.
Từ duyên công chúa giao thân,
Đút cơm vợ quáng ân cần dưỡng nuôi.

573

Biết tình nghĩa biết mùi ân ái,
Chia đau thương cột dải đồng tâm.
Kìa ai đã gọi ân thâm,
Hơn niềm chồng vợ âm thầm giúp nhau.

577

Đừng đến lúc ốm đau chẳng ngó,
 Hương sắc xinh lại bỏ hoa tàn.
 Những là anh én nhọn nhàng,
 Buôn duyên bán nợ như hàng chợ đông.

581

Có chi trọng đàn ong xóm bướm,
 Nơi phồn ba đậm nhuộm màu gian.
 Đừng quen kết lữ vậy đoàn,
 Cửa thanh lâu những rộn ràng gió trăng.

585

Giấc phong nguyệt xem bằng túy mộng,
 Vợ cùng hầu so sóng đồng thương.
 Nhỏ thì trọng, lớn thì nhường,
 Nơi can quân tử ra trường đánh ghen.

589

Coi thân vợ như em nhỏ dại,
 Dem lòng yêu phận gái đơn cô.
 Đặng chồng dường thể đặng mỗ,
 Chôn thây cửa lạ, cậy nhờ ở ai?

593

Phải tôn kính cảnh mai đương nở,
 Đừng xa hoa làm mở hàng chơi.
 Sánh mình mỏng mảnh thương người,
 Rủi sanh phận gái khó cười với thân.

597

Gái mẹ dạy ân cần cho lắm,
 Đừng để mình lụy đến sông Tương.
 Bông dầu đẹp, khá gìn hương,
 Quý chi liễu ngô hoa tuồng trao duyên.

601

Đóng chặt cửa giữ nguyên trinh tiết,
 Trọng thân danh bền nét đào yêu.
 Phụng lâu gác quyển chờ tiêu,
 Gieo câu cho đặng, nhiều điều gói gương.

605

Đừng đứng dựa sông Tương nhân khách,
 Đừng trông trăng hỏi gạch Cung Thiềm.
 Đừng để thi lá thơ chim,
 Cầu hôn để phụng đến tìm cung loan.

609

Con khá nhớ hồng nhan phận mỏng,
 Đừng làm cho thẹn bóng trăng xuân.
 Hồng quân tài sắc đa truân,
 Vào vòng bạc phận, chi mong trọn duyên.

613

Hoa phong nhụy cung Tiên cũng mển,
 Gấm lót đường trọng tiếng cũng nhờ.
 Nhà vàng phận quý khi thơ,
 Gót sen dầu lịch cũng nhờ về xuân.

617

Đừng cho nhiễm lấm thân thực nữ,
Chốn phòng the cứ xử rèm là.
Vườn thu giấu dạng Hằng Nga,
Hải đường nở muộn mận mà ái phong.

621

Phạm phạm gái đứng hàng khuê các,
Phải trau tria tướng hạc hình mai.
Chín tầng cửa đóng then gài,
Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.

625

Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
Tiếng tiêu khai phụng phục người mới ngoan.

629

Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,
Cồng chi kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề dâu chẳng đủ tài,
Dệt văn Tô Huệ gỡ đày chinh phu.

633

Sửa từ nét ngày thâu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.
Xấu xa rách rưới lóa lỗ,
Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.

637

Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,
Rán theo cha học lễ học văn.
Phép xưa từng phụ đã rằng,
Dưa thân cội tử đợi hàng trượng phu.

641

Thánh xưa dạy từ câu nói hiếu,
Đạo thờ thân chăm khịu nên kinh.
Tích xưa nhắc đến Đế Oanh,
Thương cha nên phải bán mình kêu oan.

645

Bến nước gái mơ màng trong đục,
Đếm mười hai họa phúc khó lừa.
Xem cha cứ xử mà ngửa,
Phòng sau cho khỏi đổ thừa lỗ duyên.

649

Cao niên biết tuyển hiền đáng mặt,
Khỏi lấm mưu kẻ giặc phong tình.
Sự đời thấu rõ dạng hình,
Trá ngôn lánh chước gia đình pháp nghiêm.

653

Đợi nơi cửa khách tìm thức ngọc,
Đừng đỗ đường rời bốc đóa hoa.
Trông người so sánh với ta,
Lường tài cân sắc hiệp hòa mới nên.

657

*Ai nam tử giữ bên tơ tóc,
Nhiều người hay lừa lọc câu thề.
Trước khen sau ắt có chê,
Ghi tâm tánh đức, kiếm bề phụ nhau.*

661

*Rủi để khách tóm thâu tiết hạnh,
Tránh không qua nhẹ tánh nghi ngờ.
So mình năm dễ tóc tơ,
Ngoài ra còn lắm hăng hồ lừa dối.*

665

*Nét xuân sắc mấy hồi là trọng,
Xuân lỗ rồi khó mộng xuân nguyên.
Thà cho đáng mặt thuyền duyên,
Đừng làm cảm sắt ra duyên bĩ bàng.*

669

*Khi gặp đặng phải trang tài mạo,
Hoặc trao trăm đắp áo làm tin.
Thì toan giữ vẹn chung tình,
Đưa thoi đừng để lỗi mình nữ trung.*

673

*Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,
Phải từng phu là phép xưa nay.
Mạnh Quang tích trước ghi tài,
Tề mi vẹn đạo chẳng nài khổ thân.*

677

*Vợ Châu Công đình thần mạng phụ,
Ở thôn quê lam lũ làm ăn.
Chồng thì triều nội cao sang,
Vợ lo canh cửu cơ hàn tấm thân.*

681

*Giúp chồng trọn ân cần nhiếp chánh,
Mới nên trang chúa thánh tôi hiền.
Vợ không tham những kim tiền,
Chồng lo trọn đạo nắm quyền chấn dân.*

685

*Phạm trọng Yêm mấy lần xa vợ,
Nợ quân vương nhiều thuở truân chuyên.
May duyên gặp đặng vợ hiền,
Thanh liêm chánh trực giữ bền lòng son.*

689

*Phải căn nợ cách non cũng gặp,
Lỡ trái duyên vội gấp ra hư.
Con xem từ trước đến chừ,
Đấng anh hùng gặp anh thư mấy người?*

693

*Dâu đẹp xấu để đời luận biện,
Vui duyên con, thân miễn an vui.
Đừng chê chồng phận thiệt thòi,
Đáng danh quân tử phải người lang quân.*

697

Chữ hàng dạy thanh xuân bất tái,
 Vợ người rồi danh gái hết kêu.
 Noi gương đức tánh Nhị Kiều,
 Dở dang Du Sách, giữ điều tiết trinh.

701

Hễ thất nghĩa rẻ khinh kim cải,
 Khó tươi hoa trở lại thanh tươi.
 Hư nên cũng có một đời,
 Hay chi thay đổi nhành mai sái mùa.

705

Tri âm ví đáng dây cầm nguyệt,
 Đừng đem tình chí thiết giao hoan.
 Căn duyên dẫu có phụ phàng,
 Cũng do tiết giá mở đàn ngai lo.

709

Trai bầy thiệp cũng cho chẳng hại,
 Gái lộn chồng đã hoại tánh danh.
 Con coi phận mẹ mông manh,
 Chánh thể nay lại sánh mình thú thể.

713

Muốn còn phước dựa kẻ quân tử,
 Phải hạ mình đặng xử vương tròn.
 Chia chồng vì dạ sắt son,
 Nhịn chồng bởi chút sắp con cái nhà.

717

May tiểu thiệp biết hòa biết thuận,
 An thân chồng đẹp xứng nợ duyên.
 Rủi ro gặp gái bán thuyền,
 Loạn gia phải chịu thảm phiền lắm cơn.

721

Thà thấy dạng còn hơn biau quạnh,
 Nên cần răng nhịn nhín tình thương.
 Ai đời thất dạ mà lường,
 Bưởi bòng bụng gái vẫn thường giống nhau.

725

Cội thung thấy càng cao tuổi hạc,
 Nhớ liễu mai chéch mác mà đau.
 Trường đình giục thảm canh thâu,
 Gối còn nửa nguyệt đổ đầu phòng thu.

729

Con quốc quốc chưa âu đối bạn,
 Máu đổ quyền đợi mãn kiếp sanh.
 Trượng phu hà hải đã đành,
 Nữ nào đây thiệp một mình tương tư.

733

Chiêu Quân chịu già từ đất Hôn,
 Thân cống Hồ ngắt ngưỡng tha bang.
 Thiếp nay cũng giống như nàng,
 Thân Hồ tâm Hôn đôi đàn khó nguyên.

737

Còn Tinh Vệ lấp phiên biển ai,
Đòi trả chồng hà hải sóng chôn.
Thiếp thân như ốc mượn hồn,
Sống không biết sống, chết còn ngậm đau.

741

Nơi Phiên quốc xô xao lượng thắm,
Hạnh Nguơn xưa đã dám hy sinh.
Cũng như thiếp nặng khối tình,
Gãy trâm Lương Ngọc, bể bình Lý Uyên.

745

Dâu chàng có vui riêng quên thiếp,
Thiếp cũng lo tội nghiệp thân chàng.
Đậm hương cho toại hồng nhan,
Gấm thân có lúc khốn nàn ốm o.

749

Thương chi thật con đồ đưa khách,
Nghĩa chi nông những cách bán duyên.
Còn thân còn mển còn quyền,
Hết ưa hết chuộng thì duyên hết nông.

753

Đây còn nỡ bề bồng thêm trẻ,
Hễ giao tình chẳng lẽ không con.
Hai vai gánh nặng thân mòn,
Con đau thất nghĩa, hầu hồn giảm thương.

757

Chẳng như thiếp nhớ ơn giải cứu,
Mến từ khi mở nụ đào yêu,
Trăm cay ngàn đắng cũng chiều,
Quý thân quân tử, dám liều với thân.

761

Rẻ rúng bấy, hễ cân cũng trọng,
Quý bao nhiêu, hờ hững cũng khinh.
Chàng thì nhẹ thế vì tình,
Thiếp thì lo sợ lụy mình trượng phu.

765

Niềm âu yếm ai đâu rõ giá,
Vui trăng hoa đối trá là thường.
Ăn nhờ, ở tạm, mua thương,
Tiếc chi những thói hoa tường buôn ong.

769

Trông tin nhận về đồng mòn môi,
Thả lá hồng biết hỏi nơi ai?
Khối sầu càng chất càng dày,
Chờ năm, năm lụn, đợi ngày, ngày qua.

773

Soi kính cũ mặt hoa đã nhú,
Tóc hoa râm mà liễu ướm sương.
Mùi ché dưới mắt chán chường,
Còn duyên chi mộng đến đường tái hôn.

777

*Thôi đành gởi tâm hồn gió tuyết,
Theo nương con cho hết tam tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,
Hoặc là chia dạ nào nùng với con.*

781

*Ngắm đường thể đã mòn vinh nhục,
Đổi thay duyên đặng phúc hạnh gì.
Lánh buồn lại lạc lối bi,
Rẻ duyên kim cái, đem bì phấn hương.*

785

*Liếc mắt ngó vào trường phong nguyệt,
Mua trận cười nào tiếc ngàn vàng.
Chừng cơn phấn lạt hương tàn,
Núm mồ bạc mệnh bên đàng cỏ chôn.*

789

*Nào những khách đoạn trường kim cổ,
Bởi trái duyên nên lỗ gót trần.
Bán xuân khi đắt giá xuân,
Thu qua để thẹn hồng quần biết bao.*

793

*Hỏi đến khách sớm đào tối mặn,
Đon những trang ngọc cận hương thân.
Tặng nghe giá tuyết trong ngần,
Có sao bị nhiễm phong trần bởi đâu?*

797

*Bởi thuyền bá sóng xao biển ái,
Bởi non thể sương trải lạnh lung.
Bởi chàng phụ tấm tình chung,
Bởi tơ duyên cũ, tơ hồng hết xe.*

801

*Bởi nhan sắc không khoe không mận,
Bởi hơi đồng không thẳng không kều.
Bởi quen mùi vị phòng tiêu,
Bướm ong kiếm dựa vườn điều đổi hương.*

805

*Bởi hoa chạ bên đường dễ hái,
Bởi buôn hương nặng ngai nhiều hơn.
Đờn hay vắn lăm trọc lờn,
Đổi hơi cầm sắt ra trường ca xang.*

809

*Bởi vào trường ra màn hết vị,
Bởi ngôi lơ lên kỹ hết nông.
Nên ưa mèo mả gà đồng,
Bỏ hình loan phụng dựa lồng chim xanh.*

813

*Bởi mến cảnh đôi cành dài liễu,
Bởi ưa hoa bận bịu dài hoa.
Bởi ham nguyệt rạng lánh nhà,
Đèn chong buồn bực lập lòe rèm thu.*

817

Bởi quen mặt đào châu bớt đẹp,
 Bởi nhìn thường hoa ép liễu nài.
 Chê vành xuân hết bậu mai.
 Kiếm đường hỏi liễu Chương đài bao mươi.

821

Bởi cửa tía bóng trời nồng nức,
 Bởi hiên thu gió chạt đường ong.
 Cánh hồng quen với cuồng phong,
 Nước non thế giới vẫy vùng tinh trắng.

825

Bởi cung Quảng bóng Hằng nhấp nhóa,
 Bởi đèn Ngô nghe gã Tây Thi.
 Bởi ham bóng sắc hơn chi,
 Mỹ nhân thấy dạng kể gì đến duyên.

829

Quen xa mã chê thuyền là chậm,
 Đã mùi chàm gọi thắm là hơn.
 Ca hay quên hẳn giọng đờn,
 Một đêm túy mộng sánh hơn gập vàng.

833

Nơi tửu điểm nhà lang khác hẳn,
 Vợ chồng thường ít sẵn chiều thương.
 Trà mi kém sắc hơn hường,
 Tiếng cười Bao Tỷ hơn hờn Phan Vương.

837

Thiếp biết phận cánh bướm dưới gió,
 Đã khổ đời chịu khổ cùng đời.
 Thuyền nan sợ sóng dòng khơi,
 Khúc quanh eo hẹp, chiều thời khúc quanh.

841

Soi bóng nước đặng nhìn thấy dạng,
 Thấy nghi dung hết mặt nét ngài.
 Chẳng còn yếu điệu hình mai,
 Da môi tóc đã ươm thay nửa vàng.

845

Mãng gương vui cùng đàn cháu dại,
 Chỉ lời hay sự phải khuyên răn.
 Tóc xanh là bạn mày nhẵn,
 Nên ba dạy cháu biết bằng năm mươi.

849

Khóc của mẹ pha cười của trẻ,
 Chậm của già đổi lệ của tơ.
 Ngắm coi cái nhỏ bây giờ,
 Nhớ trong cái lớn mịt mờ chiêm bao.

853

Nương con gậy ra vào lụm cùm,
 Lưng gối dù lưng thừng bước đi.
 Thôi gần hết kiếp còn gì,
 Co tay đếm tuổi quá kỳ tri Thiên.

857

Bỗng tiếng sấm gân bên tai nổ,
 Nghe tin chàng mệnh số du Tiên.
 Ôi trời động đất nghiêng!
 Chết chàng hôn thiếp chơi miền Âm cung.

861

Khi tỉnh giấc còn trong vòng tục,
 Mới biết thân ít phúc hơn chàng.
 Giá chi một mảnh xương tàn,
 Đày cho thiếp nối đoạn tràng tử ly.

865

Một thân góa tang y lại mặc,
 Chống gậy lê nhúc nhắc đưa linh.
 Đầu sương chất trắng khối tình,
 Bao nhiêu ân ái trong mình tử thi.

869

Ngó vạn vật cũng kỳ lẽ chết,
 Nghe non sông như hết khí sinh.
 Hỏi ta có sống thật tình,
 Hay là giấc mộng Diêm đình đưa nhau.

873

Xem cây cỏ như màu thảm đạm,
 Ngó thú cầm đường cảm đau thương.
 Đất nhà cảnh vật ruộng vườn,
 Hình chàng như gấn nẻo đường vô ra.

877

Kìa đào lý tàn già đã cỗi,
 Nhắc tượng chàng dựa cội trông hoa.
 Nào là trời lặn bóng tà,
 Đêm khuya chờ lụng canh gà thăm em.

881

Kìa cụm liễu gió đêm xao xác,
 Đám chim chiều tìm mát nghỉ ngơi.
 Ấy là nơi thiếp trao lời,
 Trăm năm khi hứa nửa đời buổi nay.

885

Kìa đầu rừng chòm mai đua nở,
 Trước xem màu hớn hở như nay,
 Cớ sao như ủ như vầy,
 Hay là nhắc thiếp những ngày trao tơ.

889

Kìa lũ én dật dờ cánh liệng,
 Dựa chơn mây kêu tiếng ni non.
 Cớ sao người cũng vẫn còn,
 Chông ta thân mất hình chôn có nào?

893

Bây hồng nhận lao xao vịnh liễu,
 Đám cò ngà bận bịu gành khơi.
 Là nơi lúc đứng khi ngồi,
 Trông trăng hẹn biển, ngó trời thể non.

897

Kìa đường cũ bước mòn lãng tử,
Đám thú nhà dục dục bước chiều.
Ấy là nẻo thiếp đến kêu,
Chàng vào kẻ trễ quá chiều bữa cơm.

901

Kìa bến nước dập dờn sóng dợn,
Chỗ đôi ta vui giỡn khi thơ.
Cũng cây, cũng bãi, cũng bờ,
Mà sao buổi ấy bây giờ khác nhau?

905

Kìa nhịp cầu bên đầu khe nhỏ,
Đông chòm cây, Tây có triển bưng.
Ấy nơi đôi lứa gặp mừng,
Mà nay như nhắc mấy từng tương tư.

909

Kìa chùa cũ nóc hư muốn sập,
Nơi đôi ta lên gặp gỡ nhau.
Có sao cảnh tịnh ủa xào,
Hay là thấy thiếp mà sầu lẻ loi.

913

Bóng hải đường ta ngồi buổi nọ,
Bồng con thơ tìm ngõ nhà thầy.
Còn am tự, còn chùa mây,
Mà chàng đâu vắng, chốn nầy lặng trang.

917

Kìa cuối xóm mấy hàng trước tử,
Nọ đầu làng chày lữ phơi sương.
Ấy là nơi thiếp đến thường,
Thăm chàng đang học nơi trường sân ngõ.

921

Kìa xóm rẫy năm mồ lỗ xó,
Nơi đôi ta tảo mộ đập thanh.
Gò đầu phút nổi thỉnh linh,
Nào dè chàng cũng đến giành một nơi.

925

Để thân thiếp mình ngồi hiu quạnh,
Còn thấy chàng tuyết lạnh nắng nồng.
Đã đành bề gãy chữ đồng,
Chia đôi thiếp xóm chàng đồng không hay.

929

Tiếng oan ương bên tai dan díu,
Gió đẩy đưa bờ liễu lao xao.
Lạ nghe lời vật thể nào,
Mà ra như tiếng chàng chào buổi xưa.

933

Nhành dâu khuất, bóng đưa mờ mịch,
Cội tà dương như hết reo chiều.
Hương tàn gió tối hiu hiu,
Dở chơn hỏi nợ buổi chiều nghi đâu?

937

*Ai sau gót giầy lâu như nói,
Xin người thương tha lỗi khi xưa.
Giận đem đổi nhớ cũng vừa,
Trách mình nào có đổ thừa phụ duyên.*

941

*Phải buổi trước đừng phiền đừng oán,
Để nguyên tình uống cạn chén tình.
Làm chi rẽ nợ ba sinh,
Mà nay phải chịu một mình riêng thương.*

945

*Tội chàng trước tiêu đường tuyết giá,
Còn thiếp mang trọn cả lỗi chàng.
Lời phiền đổi lại tiếng than,
Thương kia bao nả lại càng thêm thương.*

949

*Đời vẫn ngùn huỳnh lương in giấc,
Kiếp phù sinh đặng thất nơi thân.
Còn thân sống chịu phong trần,
Dứt hơi dầu muốn trọn gần cũng xa.*

953

*Nếu thiếp trước biết hòa biết thuận,
Nhãn ghen tương nhịn lẫn ân tình.
Chia thương ơn ấy đã đành,
Thứ thê chánh thiếp giựt giành chi duyên.*

957

*Giọt lệ thiếp vì phiền mà chảy,
Gấm thương người chia dải đồng tâm.
Ta than lỗi bậc cung cầm,
Nàng sầu lạc nhận ngư trầm biển mê.*

961

*Vắng mặt chàng thiếp về kiếm kẻ,
Chia tương tư đặng để nên tình.
Vì chàng thiếp kết bồ kinh,
Giữ câu hải thệ sơn minh với nàng.*

965

*Mãng sâu muợn ngón ngang trăm mối,
Chùa thu không bóng tối mịt mờ.
Oanh về tổ, dễ reo to,
Đường về vắng bước như tờ canh khuya.*

969

*Tiếng U Minh tia lia gọi thăm,
Giọng kinh khua cửa Phạm dập dờn.
Câu kinh tiếng kệ gọi hồn,
Kêu thương khách tục, giải lòng người nhân.*

973

*Rồn để bước đến gần điện Thánh,
Nhìn tượng thờ lại ngảnh thân mình.
Sao đó hiển, sao đó linh,
Phải chăng trước cũng lụy tình như ta?*

977

*Đau đớn thể nắn ra tượng Phật,
Lánh khổ nên vụt tắt cửa không.
Biết chẳng cái thắm mắt chồng,
Xin cho thiệp dựa nơi lòng từ bi.*

981

*Hay sợ khổ sanh ly tử biệt,
Nên tìm phương dứt tuyệt nợ đời.
Biết chẳng tình ái của người,
Xin cho thiệp hiểu ít lời chơn ngôn.*

985

*Hay đã sợ thân mòn gối mỗi,
Mến ngày xuân mà tuổi không chờ.
Linh đình bề khổ dật dờ,
Xin cho thiệp gọi thân nhờ cửa không.*

989

*Hay đã sợ nắng nóng tuyết lạnh,
Cánh đau thương khó lánh thân phạm.
Thuyền tình chịu sóng không kham,
Xin cho phận thiệp biển làm ni cô.*

993

*Buồn tình lóng nam-mô câu tụng,
Nhìn tượng cây rôi khủng cho thân.
Thân còn nương giữa phong trần,
Khổ kia còn đếm mấy lần mới thôi.*

997

*Rón rén trước Phật ngồi cúi gập,
Mấy lạy trình mấy nấc tương tư.
Mảnh thân xin gọi bấy chừ,
Nương theo thuyền huệ vào bờ Tương giang.*

1001

*Lui chân kiếm con đường nhà nội,
Lửa đóm nhen dẫn lối thắm trang.
Mắt xem cái cảnh điêu tàn,
Lòng thương dường đổ dẫy tràn khắp nơi.*

1005

*Tiếng dế giống như lời chia thắm,
Ngọn đèn khuya nhấp nhoáng mùi thương.
Thương vì trong kiếp đoạn trường,
Cùng căn là chết ấy đường xưa nay.*

1009

*Một ngày sống là bày bước chết,
Sợ chết nên không tiếc sống thừa.
Đời không mến, thể không ưa,
Lòng thương nẩy nở cho vừa tốt tươi.*

1013

*Vì sợ chết mà người kiếm sống,
Trong căn oan lại mộng tâm duyên.
Già hay sợ, thể nên hiền,
Khuyên đau giải thắm cõi phiền của ai?*

1017

Một vật nhỏ cũng mài cũng gọt,
Của dầu hèn cũng mót cũng cần.
Giá kia nào kể nên chăng,
Tay chân chàng để cũng bằng báu châu.

1021

Thấy ai thâm lòng đau ái ngại,
Nghe kẻ sầu như cháy lòng thương.
Lau giọt lệ, giải tai ương,
Chia cơm nhịn muối đỡ đường khó khăn.

1025

Thấy ai thâm lòng vàng xót xáy,
Nghe kẻ sầu như cháy tâm can.
Lau giọt thảm, giúp tai nạn,
Nâng hình quân tử với hàng lụy chung.

1029

Khi ghen ghét không cùng hiệp mặt,
Nay thấy nhau mà bất động tình.
Hơn chi giành én giết anh,
Thước cưa khuất bóng dựa cành chung nhau.

1033

Xem nét thảm, nàng đau như thiếp,
Trông tình chung mòn kiếp hồng nhan.
Phăng tâm dóm mảnh đoạn tràng,
Thì trong mấy khúc của nàng như ta.

1037

Sầu đã cháy mặt hoa ủ dột,
Thảm đã tràn hình cốt héo don.
Xuân mai ba bảy đã mòn,
Cội thu thêm nảy mấy hoàn anh nhi.

1041

Tay bông con, tay thì diu trẻ,
Cảnh gia đình quạnh quẽ không ai.
Hương thê để trước vị bài,
Châm đề thấy rõ những ngày biệt phu.

1045

Cặp liễn tang còn câu long ám,
Hạc qui hồi lãnh đạm trần ai.
Quả như chàng có chốn này,
Tưởng khi đỡ lụy châu mày với duyên.

1049

Hồi don thử lời nguyên buổi trước,
Gấm thân nàng bạc phước như ta.
Oán hình liễu, ghét mày hoa,
Kiếp tu mỏng mảnh mới là nữ nhi.

1053

Giọt lụy đổ không chi ngăn nổi,
Thương thân nàng chung với thân mình.
Thương chàng đầy dẫy mộng mên,
Khối thương khó lấy gáo tình đem đong.

1057

Đôi mắt cách mà lòng vẫn một,
 Khác tông môn hài cốt hòa chung.
 Thề nhau trọn kết dải đồng,
 Cảm ơn chàng giúp mặn nồng nghĩa nhân.

1061

Chia gia nghiệp trong cơn khốn khó,
 Hiệp đôi nhà con nhỏ làm chung.
 Này là vện giống trọn dòng,
 Nàng sanh thiếp dưỡng cũng đồng như nhau.

1065

Lập gia thất làm giàu con trẻ,
 Định lứa đôi đủ thế cùng đời.
 Nàng thì an phận an nơi,
 Con thì đáng mặt đáng người với ai.

1069

Khi thông thả đặt bài trẻ học,
 Lấy gương già gợi chọc sắp con.
 Nhìn non chỉ nước làm hơn,
 Mượn bầu tuế nguyệt giải hờn căn sanh.

1073

Cỏ huyền cắm kên kên đầu tuyết,
 Con gậy lê mòn khuyết nửa cây.
 Mắt mờ thêm nổi lảng tai,
 Thất tuần đã quá từ ngày ấu xuân.

1077

Dò đơn hỏi bước rừng thiên cũ,
 Rằng Phật còn ngụ ở Lô Âm.
 Tính niên rồi lại tử thâm,
 Con đường Cực Lạc biết tầm sao ra.

1081

Nhãng vợ vẫn vào ra bến khổ,
 Trước mặt xem những chỗ sầu than.
 Này là hình ảnh của chàng,
 Này là tiếng khóc của đàn trẻ con.

1085

Này là chỗ thiếp còn niên thiếu,
 Này là nơi chàng náu thiếp trì.
 Này là buổi hiệp hồi ly,
 Này là khi khóc khi thì cười mơn.

1089

Này là chỗ lời hơn tiếng thiệt,
 Này là nơi cách biệt sanh ly.
 Này là chỗ thiếp chẳng vì,
 Này nơi chàng giận ra đi bỏ nhà.

1093

Này là chỗ đôi ta tái hiệp,
 Này là nơi vừa kịp hòa vui.
 Này là chỗ thiếp đương ngồi,
 Tin nghe chàng đã qui hồi Tiên bang.

1097

Các chỗ ấy đầy tràn thảm tín,
 Càng ở gần khó nhìn sâu than.
 Cam tâm nín nấp gia đàn,
 Vì con chưa giữ vững vàng qui mô.

1101

Nay tuyết đóng song hồ động lãnh,
 Đành cửa không gởi mảnh tâm hồn.
 Tiếng chuông thức giấc huyện lương,
 Toan nương thuyền huệ vào đường vĩnh sanh.

1105

Bước cảnh tịnh đã đành để cảnh,
 Tóc qui y nửa trắng nửa vàng.
 Phồn hoa xa mã rộn ràng,
 Vinh vinh nhục nhục đầy tràn kiếp căn.

1109

Ngắm thế cuộc chẳng bằng một giấc,
 Kiếp phù sinh chẳng thất là bao.
 Nhặng là đeo thảm chác sấu,
 Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.

1113

Nào là phép giết giành quyền lợi,
 Nào là phương chuộng quới cầu vinh.
 Thử đem sánh khổ kiếp sanh,
 Chưa ai thấy đặng phúc giành nhiều hơn.

1117

Nào vui gương do cơn khốc lỗ,
 Nào là khi chịu tô làm thây.
 Quyền là chi? Lợi là chi?
 Dứt hơi ba tấc có gì gọi hay.

1121

Nào là lúc ăn cay uống đắng,
 Nào là khen rồi mắng bao phen.
 Tuồng đời trọng trọng hèn hèn,
 Chẳng qua bướm tối mền đèn xôn xao.

1125

Nào chừa để biết bao khổ nhọc,
 Nào hơn thua theo học sách đời.
 Tang thương lúc biển khi đời,
 Trăm năm e cũng một đời thể thôi.

1129

Nào tranh đấu thắng rồi lại thất,
 Cửa phù du chứa chất gọi giàu.
 Thân còn đã quý là bao,
 Dứt hơi của cải thế nào không hay.

1133

Thiệt thì bỏ, giả vay nên nợ,
 Mãn căn sanh chưa mở dây oan.
 Kìa là vua, nợ là quan,
 Cũng như bọn hát hý tràng bán vui.

1137

Sống thấy chết, miệng cười mắt khóc,
 Nịnh lừa trung, lưỡi thọc tay đâm.
 Cũng như ác thú nhốt hầm,
 Ăn nhau cho đã nào cần mệnh nhau.

1141

Muốn lấy đao làm đao hại thế,
 Toan dùng vãn gọi kẻ sanh nhai.
 Đường hung ác, nẻo chông gai,
 Lấn chen vào chốn nghiệt đài gọi ngoan.

1145

Mạnh hiệp yếu lấy gan hung bạo,
 Dữ lấn hiền gươm giáo là hơn.
 Nhặng lo chác oán mua hờn,
 Hại nhau chẳng biết nghĩa hơn thế nào.

1149

Thấy cảnh thế mà đau với thế,
 Biết thương đời mấy kẻ vì đời.
 Ngán thay cái kiếp con người,
 Thôi đành bến Phạm kiếm lời Phật răn.

1153

Thay đao phục bước xãng lánh thế,
 Mời thì kinh, tối kẻ giải lòng.
 Từ bi hứng giọt nhánh dương,
 Lau thanh trái chủ, lấp đường nghiệt căn.

1157

Đoạn tình ái đem quăng bể khổ,
 Bứt hồng duyên tính bỏ non thê.
 Nấy bờ tục, nọ bến mê,
 Từ đây không trở lộn về thấy người.

1161

Vì thấy đó phải cười lộn khóc,
 Sách của người chẳng học mà say.
 Cửa người cửa đọa cửa đày,
 Ghét người ta dứt từ ngày buổi ni.

1165

Lân chuỗi hạt từ bi cứu khổ,
 Nương gió thanh trăng tỏ là nhà.
 Nước non để bước ta-bà,
 Số xiêm đem nhuộm màu đà gọi duyên.

1169

Trương thẳng cánh con thuyền Bát Nhã,
 Cối đau thương giải quả trừ khiên.
 Lấy thân rửa thảm lau phiền,
 Đem công chuộc khách thuyền quỳên lụy tình.

1173

Túi gió trăng thình thình rộng mở,
 Vui hạc cầm hay dở thú riêng.
 Khi động Thánh, lúc non Tiên,
 Sớm thì Hải đảo, tối miền Thiên Thai.

1177

Đạp giày cỏ nương cây gậy bá,
Mặc áo tơ nón lá che thân.
Trừ trần cấu, xử phát trần,
Quen bờ biển trí, dựa gần non nhân.

1181

Đến phôn hoa thân gần tục lự,
Chơi lâu hồng hời thử trái căn.
Chuôi bỏ trừ nghiệt gió trắng,
Linh đơn cứu kẻ khổ phần liễu hoa.

1185

Gót nhân ái đến nhà kẻ bệnh,
Giọng tử bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trời căm,
Lấy hơi hòa nhã dẹp lằn bi thô.

1189

Giúp những kẻ ôm mô thủ hiếu,
Dỡ những trang bận bịu khối tình.
Dọn đường phước giúp mây xanh,
Đưa con thuyền hạc đến gành thiên lương.

1193

Tươi hoa chạ bên đường vô chủ,
Đậy giậu thưa cúc xử mai xào.
Bỏ lòng thâm, dặt tâm đau,
Nấu sòng cây phép đổi giai anh hoa.

1197

Câu tư dục biển ra bác ái,
Nghịch oan khiến đổi lại hồng ân.
Khi kinh Thánh, lúc kệ Thần,
Đoạn trường diệt dứt nợ nần nữ lưu.

1201

Lầu xanh giặm màu tu trở vẻ,
Cửa không môn mở hé chơn hồng.
Thu phòng học chúc thu không,
Đốt hương cho ấm cho nồng phòng tiêu.

1205

Đưa tuổi hạc quen chiều non nước,
Mượn bút nghiên làm chúc chề đời.
Nâng bầu nhứt nguyệt lưng voi,
Dành gương liệt nữ để lời trinh phu.

1209

Năm huệ kiếm định thân trái chủ,
Mặc đạo y sạch giữ phôn hoa.
Nơi bến khổ để bước già,
Xuân xanh nơi dẫu xây tòa anh phong.

1213

Cột thân ái cậy lòng đạo đức,
Gậy từ tâm gắng sức ôn nhu.
Nung trang trí thức nữ lưu,
Biết thân giữ mặt hảo cừu giai nhân.

1217

*Giới trí thức tinh thần đẹp đẽ,
Trau tài ba vẹn vẻ anh thư.
Vinh thì chuộng, nhục thì từ,
Cân cao tinh thấp đặng trừ thiệt hơn.*

1221

*Nước Ma-Ha rửa hờn nhi nữ,
Chuối bỏ để gìn giữ hồng nhan.
Cây trăm thuốc đổi hương tàn,
Treo y bá nạp làm màn phòng the.*

1225

*Để chuông mõ dựa kẻ son phấn,
Chất nhờn tình chông cận kệ kinh.
Tâm ẩn ái giúp Chí Linh,
Biển mê chèo chiếc thuyền tình độ nhân.*

1229

*Lấy tâm chánh làm cân đong thế,
Cậy lòng lành làm kẻ dùi đời.
Chông gai vạch bước thánh thời,
Cầm phương cứu khổ độ người trăm luân.*

1233

*Vẹn như đạo, đi lẫn nẻo chánh,
Đến vô ưu đặng lánh như luân.
Thuyền con mịch mịch như rừng,
Đon đường Thánh đức, hỏi chừng Như Lai.*

1237

*Am tự đóng chặt gài bước tục,
Nước Cam lồ cho phúc tiêu diêu.
Oan trái dứt, nghiệp chướng tiêu,
Cảnh vui Cực Lạc mỹ miều vẻ tâm.*

1241

*Lánh bọn tục tình thâm cũng tránh,
Trốn đau thương xa cảnh trần gian.
Biển thân hạc nội mây ngàn,
Năm phan Tiếp Dẫn, mở đàng Lô Âm.*

1245

*Nơi cảnh tịnh âm thâm vui thú,
Đem tấm tình để ngụ đài sen.
Thong dong quạt gió trăng đèn,
Nhành dương làm bạn, sách hiền gọi quen.*

1249

*Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,
Diệt lục trần, xa lánh phạm tâm.
Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
Đoạt phương tự diệt giải phần hữu sanh.*

1253

*Linh linh, hiển hiển, khinh khinh khứ,
Sắc sắc, không không, sự sự tiêu.
Chơn linh đẹp đẽ mỹ miều,
Xuất dương sớm đã đến triều Ngọc Hu.*

1257

Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
 Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.
 Xác tại thế, đã nên Thần,
 Ba mươi sáu cõi đặn gần Linh Thiên.

1261

Hiệp Tào hóa cầm quyền chuyển thế,
 Dạy vạn linh dụng thế từ bi.
 Sanh ấy kỹ, tử là qui.
 Diệu huyền cơ tạo chẳng gì gọi hơn.

1265

Chữ mới rõ nguồn cơn kiếp sống,
 Tấc thầy phàm rất mỏng số căn.
 Ham phương cứu thế độ nhân,
 Giải mê khách tục, cõi trần lánh xa.

1269

Lấy bác ái làm hòa vạn vật,
 Dem thiện duyên xây nấc thang hồng.
 Đoạn căn đóng chặt Âm cung,
 Tòa sen chín phẩm để cùng Phật tâm.

1273

Trăm tuổi sống chẳng trăm tuổi sống,
 Một kiếp sanh chưa trọn kiếp sanh.
 Thay thân Tào hóa là mình,
 Nâng niu sanh chúng mới đành chữ nhơn.

1277

Ngôi mà lóng tiếng đồn vô cực,
 Phước siêu thăng đặn thất nơi ta.
 Biết coi thế giới như nhà,
 Sống nên Chí Thánh, thác là Thần Tiên.

1281

Thiếp nhờ Đạo giải phiền diệt khổ,
 Biết may duyên lựa chỗ gởi tâm.
 Tìm đâu đặn kẻ tri âm,
 Ôm thương đem gởi cảnh Thần cửa Không.

1285

Càng ngó trái lại miễn thế tục.
 Lụy nhỏ dầm đời khúc lòng đau.
 Ái ân, ân ái là sao?
 Đày thân lắm khách má đào gian truân.

1289

Chịu mòn mỏi mảnh thân nhi nữ,
 Cũng toan lo gìn giữ khối tình.
 Trăm năm đau sống mảnh hình,
 Thi trong tâm lý đã đành tiêu tan.

1293

Nào những mộng nợ chàng duyên thiếp,
 Nào những mơ ý hiệp tâm đầu.
 Duyên là đâu, nợ là đâu?
 Chẳng qua biển khổ bắc cầu sông mê.

1297

Khối thâm chất tràn trề bể hèn,
 Giọt đau thương quá chén hiệp phu.
 Hễ là trí, ấy là ngu,
 Càng say âu yếm càng sâu nhớ thương.

1301

Khách má phấn môi son đậm sắc,
 Đặng đem môi trêu mặt ác phong.
 Đâu chữ tiết gọi là đồng,
 Lời than tiếng thiết để lòng trăm năm.

1305

Chẳng qua khách ăn nằm quán tục,
 Vẫn một ngày, lâu chút trọn đời.
 Hỏi ai thỏa chí ai ơi?
 Tra phòng hiệp cần, bao hồi khóc riêng.

1309

Một câu mển gieo phiền muôn tiếng,
 Đói lời phân ngàn miệng xa xôi.
 Hỏi ai trộm đứng lên ngồi,
 Những cay những đắng cái mùi ra sao?

1313

Tính để viết khuyên rào tiết ngọc,
 Thì sợ e ghẹo chọc si tình.
 Còn không để trọn lời lành,
 Lại e cho gái nhẹ mình nữ trung.

1317

Toan để bút ngăn vòng chồng vợ,
 Thì lại e nghịch nợ tiền khiên.
 Còn không lưu lại lời hiền,
 Mưu chi gỡ nổi thâm phiền đạo thê.

1321

Thấy trẻ gái dâm dề lụy đổ,
 E cho sau chịu số như già.
 Muốn khuyên đầu Phật xuất gia,
 Lại e để hại nước nhà khuyết dân.

1325

Thấy nhi nữ kiếp căn mỏng mảnh,
 Muốn binh lời làm mạnh đỡ nâng.
 Lại e lỗi đạo nhưn luân,
 Đồ dang gia pháp, vương thân loạn ngôi.

1329

Gẫm thân gái trọn đời cực nhọc,
 Tính buông câu gọi chút nghỉ ngơi.
 Lại e sai thế lỗ thời,
 Giúp nam nhân chẳng có người trọn tâm.

1333

Nghĩ phận vợ ngàn trăm đau đờn,
 Sanh để còn nuôi dưỡng nhọc nhằn.
 Muốn khuyên giảm bớt ái ân,
 Lại e giục kẻ Tấn Tấn chia phối.

1337

Nên ngậm thắm đặnng ngời nuốt thắm,
Toan buông lời, chẳng dám hở môi.
Lén xem sự thể ngậm ngùi,
Nguyên trông chỉ đợi phép Trời dạy khuyển.

1341

Tay lịch sự tự nhiên chê sự,
Lòng đa tình vẫn cứ vị tình.
Biết từng quyền hiếu chấp kinh,
Tìm phương hay gọi lấy mình cửa tu.

1345

Những tháng mông tháng thâu năm lụn,
Sớm công phu, tối tụng vãng sanh.
Đã quen cảnh Phạm lánh mình,
Nên phương nhờ bởi đoạn tình ái yêu.

1349

Nghe một sự, hiểu điều khác nghĩ,
Trong thất tình tiêu hủy không không.
Hết ham danh, chẳng mến công,
Xem hình lẫn lộ, bụi nong thế gian.

1353

Cây trăm thước bắc thang bến khổ,
Hoa bốn mùa thơm chỗ nhớp nhơ.
Vui đọc truyện, buồn ngâm thơ,
Non Vu lấp nẻo, đàn tơ dờ mù.

1357

Đếm thử tuổi tám mươi đã quá,
Giác Nam Kha giục già tình mê.
Tâm thần mỗi một ử ê,
Khởi sanh khi đã gần kẻ dứt hơi.

1361

Khổ bệnh thấy trên người đã quá,
Buổi vãng sanh giục già kêu hôn.
Tình say trong kiếp dương môn,
Nửa thì thấy cảnh hoàng hôn mộng hình.

1365

Muốn gặp mặt thâm tình gọi trời,
Nhưng lỡ bề vì buổi đoạn từ.
Khôn nhận tín, khó hồng thư,
Viết quơ chẳng nổi, giấy như tránh để.

1369

Muốn nhắm mắt một bề cho khỏe,
Những tình hình mọi vẻ trên người.
Khi thì khóc, lúc thì cười,
Bao nhiêu tình nghĩa một đời thoáng qua.

1373

Tám chục năm lâu xa cách mấy,
Trong giấc mê xem thấy gần thay!
Ba vạn sáu ngàn ngày,
Cõi dương gian với tuyến đài gần nhau.

1377

Nhớ con cháu còn lâu kiếp sống,
 Dầu gặp hình như bóng sá chi.
 Dở hôn phách, yếu thây thi,
 Dậy ngồi chẳng nổi, bước đi không rời.

1381

Gắng cầm viết nín hơi sống rớt,
 Đề năm vẫn khắc cốt nữ lưu.
 Dứt tình ái, giải sầu ưu,
 Hễ thương thì cũng lo mưu giữ mình.

Thi

1385

Giữ mình dầu vẹn tấm tình chung,
 Danh tiết nữ lưu ở phụ tùng.
 Mặt biển khổ đời dào ái thủy,
 Đầu non thể hủy hoại hương hồng.

1389

Mây xanh khá nhớ cơn đầu bạc,
 Ngọc trắng đừng cho nhiễm bọt bùn.
 Khí tượng anh thư gìn lẫn giá,
 Giúp đoàn nhi nữ mở non sông.

1393

Rán quá sức cần phong thí nhận,
 Đường say mê lơ lửng tinh thần.
 Sấn tay thêm một chữ: Thân,
 Để dành gỡ khổ đoạn tràng hồng nhan.

1397

Buông ngọn viết vào làn mây trắng,
 Hễ có thương nhớ dạng là hơn.
 Cảnh Thiên gọi tấc hương hồn,
 Để câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.

1401

Đời đời danh chói Cao Đài ■



NỮ TRUNG TÙNG PHẬN
Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ đề bút
Năm Quý Dậu – 1933
Hội Thánh Giữ Bản Quyền

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN
ĐOÀN THỊ ĐIỂM
Giới Thiệu & Chú Thích
Đức Nguyên

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

Nữ Trung Tùng Phận là một tác phẩm độc nhất vô nhị trong kho tàng văn chương Việt Nam, vì nó không do một con người bằng xương bằng thịt nơi cõi phàm trần sáng tác, mà do một Đấng Nữ Tiên nơi Thượng giới dùng huyền diệu Tiên gia trong Đạo Cao Đài giảng cơ viết ra.

Đấng Nữ Tiên đó là Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm mà Chơn linh là một Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung của Đức Phật Mẫu.

Đây là một tác phẩm giáo dục, dạy Nữ phái về Nhơn đạo và Thiên đạo. Nhơn đạo gồm Tứ Đức và Tam Tùng. Khi Nhơn đạo xong thì người phụ nữ cần tiến lên tu Thiên đạo, cầu sự giải thoát khỏi luân hồi.

Trong thời Hạ nguơn Mặt kiếp, khoa học tiến bộ vượt bực, làm cho nên văn minh vật chất lẫn át cả tinh thần, đưa nhơn loại xu hướng vào đường vật dục hơn là đạo đức tinh thần, làm cho nên tảng đạo lý suy đồi, luân thường diên đảo.

Máy mắn cho nhơn loại, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần mở Đạo Cao Đài để cứu vớt nhơn sanh, lập nên 5 nấc thang tiến hóa cho nhơn loại, mà khởi đầu là Nhơn đạo, tiến lên kế trên là Thần đạo, rồi Thánh đạo, Tiên đạo và nấc thang thứ năm là Phật đạo.

Trong phần Nhơn đạo, Đức Chí Tôn chủ trương “Nho Tông Chuyển Thế”, nghĩa là lấy tinh hoa của giáo lý Nho giáo làm căn bản để giáo hóa nhơn sanh, chỉnh đốn kỷ cương xã hội, khiến cho đời dần dần trở nên thuần lương đạo đức, đưa xã hội loài người tiến đến hòa bình Đại đồng Huynh đệ.

Trong chiều hướng đó, nhiều Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, giảng cơ giảng dạy về Nhơn đạo, trong đó có Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết nên tác phẩm **Nữ Trung Tùng Phận** có mục đích giáo hóa Nữ phái, lấy Nhơn đạo làm nền tảng. Người phụ nữ cần phải trau dồi Tứ Đức, thực hành Tam Tùng, giúp chồng làm nên sự nghiệp, dạy dỗ con cái thành nhơn chi mỹ, hữu ích cho xã hội. Khi đã xong phần Nhơn đạo thì nương theo bóng Đức Chí Tôn tìm lên những nấc thang tiến hóa cao hơn là Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo, mà vượt qua bể khổ, thoát đọa luân hồi.

Nữ Trung Tùng Phận là một áng văn chương tuyệt tác siêu phàm, được Đoàn Tiên Nương giảng cơ viết ra gồm 1401 câu thơ song thất lục bát, cùng một thể thơ với tác phẩm Chinh Phụ Ngâm. Đó là một lối thơ Việt Nam rất sở trường của Bà.

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm viết **Nữ Trung Tùng Phận** với tất cả kinh nghiệm sống của Bà trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần: Làm con trong gia đình phụng dưỡng cha mẹ già, làm em giúp đỡ lo lắng cho anh chị và các cháu, rồi làm vợ, làm mẹ (mẹ nuôi), cộng với sự thông huệ của một bậc Thiên Tiên nơi cõi thiêng liêng, nên tác phẩm **Nữ Trung Tùng Phận** xuất sắc hơn nhiều so với Chinh Phụ Ngâm về phương diện nhẹ nhàng thanh thoát, đầy lòng bác ái vị tha.

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết **Nữ Trung Tùng Phận**, khởi đầu vào đêm 26-2-Quý Dậu (dl 21-3-1933) tại Giáo Tông Đường Tòa Thánh Tây Ninh, sau đó Bà yêu cầu hai vị Phò loan là Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Tiếp Thế Lê thế Vĩnh tiếp tục phò loan mỗi đêm để Bà tiếp tục viết cho xong tác phẩm.

Xin chép ra sau đây bài giảng cơ đầu tiên:

Giáo Tông Đường, đêm 26-2-Quý Dậu (dl 21-3-1933).

Phò loan: Hộ Pháp – Tiếp Thế

Hầu đàn: Đức Q. Giáo Tông, Giáo Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh.

Hầu bút: Sĩ Tài Võ thành Quốc.

ĐOÀN THỊ ĐIỂM TIÊN TRÀO NỮ SĨ

Đức Quyền Giáo Tông hỏi: *Có phải Bà viết ra quyển Chinh Phụ Ngâm chăng?*

– *Phải. Tùng Thất Nương.*

Đức Quyền Giáo Tông hỏi tiếp: *Sao trong quyển Quốc Văn Trích Diễm ghi Bà họ Nguyễn?*

– *Chánh tông Đoàn, cải tông Nguyễn.*

Đức Quyền Giáo Tông nói: *Anh em tôi rất mừng Bà và sẵn đây xin Bà cho thi dạng dạy Nữ phái.*

– Xin nghe: **Nữ Trung Tùng Phận.**

Dụng văn hóa trau tria nữ phách,

Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.

Gươm thư giúp sức gươm hùng,

Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.

Bởi rẻ rúng thuyên quyền thiếu học,

Dâu chí thân tơ tóc cũng khi.

Tinh thần cao thấp nhờ thì,

Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.

Chinh phụ trước treo nên giá quý,

Áng văn làm nhuệ khí cầu vinh.

Thêm duyên chước quý giao tình,

*Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.
Nấu kinh sử ra mùi sơn phấn,
Cầm bút nghiên dạng thắm má đào.
Quần xoa đỏ ngọn bình đao,
Xây hình thực nữ giặm màu nước non.*

Xin phò loan kỳ sau tiếp, Thăng.

Qua nhiều lần phò loan cho Bà viết tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, khi thì phò loan ở Giáo Tông Đường, khi thì ở Hộ Pháp Đường, Bà viết được khoảng 1000 câu thơ thì cơ không viết được nữa. Đức Phạm Hộ Pháp biết rằng Bà đã viết xong phần Đồi (Thế), bắt đầu viết sang phần Đạo, cần phải có một vị Thời Quân chi Đạo phò loan thì Bà mới viết được. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp hỏi Bà để đánh điện tín qua Nam Vang gọi Ngài Cao Tiếp Đạo về Tòa Thánh phò loan cho Bà viết tiếp, thì Bà trả lời là khỏi cần đánh điện tín, ngày mai Tiếp Đạo sẽ về tới Tòa Thánh.

Quả thật, chiều hôm sau, Ngài Cao Tiếp Đạo về tới Tòa Thánh, và ngay tối hôm đó, Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan với Đức Phạm Hộ Pháp, thì Bà viết tiếp Nữ Trung Tùng Phận cho đến hết, gồm tất cả 1401 câu thơ, hoàn thành tác phẩm vô cùng giá trị này.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo ngày 26-10-Tân Mão (dl 24-11-1951) có nói về Bà Đoàn Thị Điểm như sau:

“Khi Bà Đoàn Thị Điểm qui vị, bị ngôi nơi Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, nhờ Cô Thất Nương xuống độ Bà về Lôi Âm Tự, rồi nhờ Bà viết ra một cuốn Nữ Trung Tùng Phận, Bà mới siêu thoát được.”

Như vậy, dù nguyên căn là một vị Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung, Bà Đoàn Thị Điểm vì thiếu công quả cứu độ

chúng sanh, nên khi qui liễu, Bà không được trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.

Bà phải chờ đợi 178 năm sau, đến khi Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm Bính Dần (1926), mở ra thời kỳ Đại Ân Xá, rồi Bà phải chờ đợi thêm 7 năm nữa, tức đến năm 1933, Bà mới có dịp lập công quả bằng cách giảng cơ viết ra tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận để giáo hóa và cứu độ các tín đồ Nữ phái, nhờ đó, Bà mới được trở về ngôi vị cũ là một Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung. (Bà Đoàn Thị Điểm mất năm Đinh Mão (1748), tính đến năm Khai Đạo Bính Dần (1926) là 178 năm. Xem phần Tiểu sử).

Sau đó, vào năm Ất Hợi (1935), Tiên Nương Đoàn Thị Điểm được lệnh Ôn Trên giảng cơ ban cho Đạo Cao Đài 8 Bài Kinh Thế đạo dùng để tụng trong tang lễ, kể ra sau đây:

1. *Kinh tụng khi Vua thăng hà.*
2. *Kinh Tụng khi thấy qui vị.*
3. *Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liễu.*
4. *Kinh tụng Cha Mẹ đã qui liễu.*
5. *Kinh cầu Bà con Thân bằng Cố hữu đã qui liễu.*
6. *Kinh tụng Huynh đệ mãn phần.*
7. *Kinh tụng khi chồng qui vị.*
8. *Kinh tụng khi vợ qui liễu.*

♦ Trong tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn Thị Điểm xác nhận trong kiếp sanh của Bà, Bà đã viết ra tác phẩm Chinh Phụ Ngâm qua 4 câu thơ trong phần mở đầu từ Câu 9 đến Câu 12:

Chinh phụ trước treo nên giá quý,
Áng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
Thêm duyên chước quý giao tình,
Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.

♦ Chúng ta còn nhận thấy rằng, trong Nữ Trung Tùng Phận có một vài câu thơ với những từ ngữ có ý nghĩa rất giống với các câu thơ trong Chinh Phụ Ngâm:

Nữ Trung Tùng Phận:

Câu 224: *Phụ thân thế phận cho chàng dạy khuyên.*

Câu 228: *Thế chàng thiệp lãnh vai người hiếu nam.*

Chinh Phụ Ngâm:

Câu 159: *Ngọt bùi thiệp đã hiếu nam.*

Câu 160: *Dạy con đèn sách thiệp làm phụ thân.*

♦ Tác phẩm Chinh Phụ Ngâm chỉ có 412 câu thơ song thất lục bát, so với tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận 1401 câu thơ, cũng song thất lục bát, thì Nữ Trung Tùng Phận vĩ đại hơn nhiều.

Chinh Phụ Ngâm đã đưa Bà Đoàn Thị Điểm lên địa vị thứ nhất trong các Nữ sĩ của văn đàn Việt Nam, đứng trên Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Sương Nguyệt Anh, vv...

Do đó, trước khi đi vào nội dung tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, chúng ta tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp, tài năng văn chương và tâm trạng của Bà khi diễn Nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm.

Thi:

*Nữ Trung Tùng Phận của Đoàn Nương,
Giáng bút đề thi mấy tháng trường.
Giáo hóa hồng nhan giới bá hạnh,
Luyện rèn tâm tánh trở thiên lương.
Nho Tông Chuyển Thế từng Nghiêu Thuấn,
Đại Đạo Tam Kỳ kiến Phật Vương.*

*Công quả đủ đầy qui cựu vị,
Hồng Hà * Tiên Nữ trước làm gương.*

Đức Nguyên

(* Hồng Hà : Bút hiệu của Bà Đoàn Thị Điểm)

TIỂU SỬ
BÀ ĐOÀN THỊ ĐIỂM
(1705–1748)

- Thân thế.
- Sự nghiệp văn chương.
- Tâm trạng của Bà Đoàn khi diễn Nôm Chinh Phụ Ngâm.
- Những giai thoại văn chương.

THÂN THẾ

Bà Đoàn Thị Điểm, hiệu là Hồng Hà Nữ sĩ, biệt hiệu là Ban Tang, quê quán ở làng Hiến Phạm (còn gọi là Giai Phạm, tên nôm là làng Giũa), huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, nay là huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng. Bà chính họ là Đoàn, nhưng vì Bà lấy chồng họ Nguyễn (Ông Nguyễn Kiều), nên có sách chép Bà là Nguyễn Thị Điểm. Đây là một sai lầm đáng tiếc. Bà sanh năm Ất Dậu (1705), thời nhà Lê Trung Hưng, đời vua Lê Hy Tông, Chúa Trịnh là Định Vương Trịnh Căn và Chúa Nguyễn ở phương Nam là Nguyễn Phúc Chu.

Theo gia phả họ Đoàn, Tằng tổ của Bà Điểm là Ông Lê Công Năm, làm quan võ tới chức Thái Thường Thị Thiếu Khanh, được tước phong Thiêm Hào Tử; Nội tổ là Ông Lê Doãn Vi (có bản viết là Lê Công Vị), người có tài văn học, làm quan đến chức Xá quan; Thân phụ là Ông Lê Doãn Nghi, từng theo học với các vị Tiến Sĩ như Nguyễn Hanh (ở Hoa Cầu, huyện Văn Giang), Đoàn Tuấn Hòa (ở Cự Đồng huyện Siêu Loại), đậu Hương Cống (Cử Nhân) năm 21 tuổi, nhưng rớt kỳ thi Hội ở Thăng Long, bèn kiếm chỗ dạy học ở kinh kỳ để đổi mài kinh sử thêm nữa chờ khóa thi sau.

Ông Lê Doãn Nghi nằm mộng thấy một vị Thần linh

bảo Ông đổi sang họ Đoàn thì mới hiển đạt. Do đó, từ đây, Ông đổi qua họ Đoàn, gọi là Đoàn Doãn Nghi.

Hiện nay ở huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng còn có ngôi thờ nhà họ Đoàn. Năm 1944, Trúc Khê Ngô Văn Triện (người ở ngoại thành Hà Nội) có tới thăm ngôi thờ này và có ghi được đôi câu đối:

*Vũ liệt văn khôi quang thế phả,
Lê tiên Đoàn hậu ký Thân ngôn.*

Tam dịch:

*Võ giỏi văn tài ngợi phả họ,
Lê xưa Đoàn mới nhớ lời Thân.*

Năm Ông Đoàn Doãn Nghi được 20 tuổi, ở tại quê nhà, Ông có lấy một người vợ họ Nguyễn, sanh được một người con trai tên Đoàn Doãn Sỹ, sau Đoàn Doãn Sỹ cũng thi đậu Hương Cống và làm Tri Huyện tại Châu Hoan (Nghệ An).

Khi Đoàn Doãn Nghi dạy học ở Thăng Long, Ông có lấy thêm một bà vợ nữa là con gái của quan Thái Lĩnh Bá họ Vũ, nhà ở phường Hà Khẩu, gần Hồ Hoàn Kiếm. Nguyên vào một buổi tối rằm Trung Thu, Ông Hương Cống họ Đoàn cùng mấy người bạn đi xem bầy cỗ triển lãm Trung Thu ở kinh thành, thấy nơi đây có một cô gái xinh đẹp rất có duyên thì đâm ra mê mẩn, liền cậy người mối lái đến hỏi cưới.

Năm 1703, người vợ họ Vũ này sanh được một con trai đầu lòng, đặt tên là Đoàn Doãn Luân; qua 2 năm sau, năm 1705, sanh thêm một đứa con gái đặt tên là Đoàn Thị Điểm.

Hai anh em Luân và Điểm, từ bé được nuôi dưỡng ở gia đình Ông Bà ngoại là quan Thái Lĩnh Bá. Quê của họ Vũ

ở làng Vũ Điện, huyện Nam Sang (còn gọi là Nam Xương), nên ngay từ tấm bé, hai anh em thường được nghe mẹ và bà ngoại kể chuyện Thiếu phụ Nam Xương là nàng Vũ Thị Thiết nổi danh tiết liệt.

Cô Điểm, mặc dầu là gái nhưng rất được gia đình nâng niu, ngay từ thuở nhỏ được học chữ nghĩa giống hệt như anh Luân, học đủ Ngũ Kinh và Tứ Thư. Ngoài ra Cô Điểm còn được mẹ dạy nghề Nữ công làm những món khéo léo đặc biệt để tham dự hội Triển Lãm như: Những khúc múa được làm thành lầu cao gọi là Đài Chín Tầng, những trái hồng ngâm dùng làm hình các Cô Tiên múa nón trong đêm Hội Long Trì, những vở trái bưởi được cắt xếp thành hình hoa quỳnh, v.v...

Hai anh em Luân và Điểm lớn lên đều có dáng người đẹp đẽ, tư chất thông minh vượt bậc và có văn tài đặc biệt.

Đoàn Doãn Luân được thân phụ dạy cho chữ Hán ngay từ lúc 3 tuổi, đến khi 5 tuổi thì biết ráp thành câu, đến năm 10 tuổi thì học thông Kinh Sử, đến tuổi trưởng thành thì thi đậu Hương cống, nhưng sau đó lại rớt kỳ thi Hội.

Đoàn Doãn Nghi hỏi cưới con gái của bạn học cho con trai của mình. Bạn học ấy tên là Lê Hữu Hỷ, có bản chép là Lê Hữu Mưu. Hỷ và Mưu là 2 anh em ruột. Con gái của Hỷ tên là Lê Thị Vy. Sau lễ Hôn ít lâu, chẳng may Cô dâu bị bệnh đậu mùa, cứu sống được nhưng mặt bị rỗ hoa và chân tay lóng cọng. Bên nhà gái thấy vậy cho người sang xin hủy bỏ cuộc hôn nhân này vì e rằng không đảm bảo hạnh phúc vợ chồng. Nhưng Đoàn Doãn Luân nhất quyết giữ hạnh người quân tử, một dạ thủy chung, không đổi ý vì sắc đẹp, làm mọi người đều kính phục.

Lê Thị Vy về nhà họ Đoàn, gặp hoàn cảnh nhà chồng mẹ hiền em thảo, hết lòng giúp đỡ mọi việc trong nhà.

Năm 1726, vợ Đoàn Luân sanh đặng con gái đầu lòng, đặt tên là Đoàn Lệnh Khương, 3 năm sau sanh thêm một trai đặt tên là Đoàn Doãn Y. Ngay từ khi lọt lòng, 2 cháu Khương và Y đều được Cô ruột là Điểm chăm sóc tận tình.

Đoàn Thị Điểm là một giai nhân đức độ, có tư cách cao thượng, văn tài càng lúc càng thêm lỗi lạc.

Năm 16 tuổi, Cô Điểm nổi tiếng là một tài nữ trẻ tuổi. Quan Thượng Lê Anh Tuấn, vốn đã quen biết nhiều với Đoàn Doãn Nghi, mến tài văn chương và đức hạnh của Cô Điểm nên nhận Cô làm con nuôi. Kể từ đó, Cô Điểm về ở nhà của dưỡng phụ tại phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long. Quan này đây toàn là dinh thự của các quan lớn trong triều như dinh quan Tham Tụng Nguyễn công Hãn,... Quan lại khắp nơi đều luôn luôn lui tới các nhà quan Đại Thần ở phường Bích Câu để cầu cạnh chức tước bổng lộc; còn các văn nhân lui tới nơi đây để tìm thầy và tìm bạn luyện tập văn bài, chờ khi ứng thí. Đó là dịp để Cô Điểm quen biết nhiều người có danh vọng, có khoa bảng, và cũng chính vì vậy mà tiếng tăm về tài ứng đối văn chương và về hoa tay khéo léo của tài nữ họ Đoàn được đồn vang.

Có một lần quan Tham Tụng Nguyễn Công Hãn sang chơi bên dinh của Thượng Thơ Lê Anh Tuấn, thấy Cô Điểm đang đi một mình bên bờ đậu, ông dừng lại, bảo Cô Điểm làm câu đối lấy đề tài là đi một mình. Chỉ giây lát, Cô Điểm đọc:

*Đàm luận cổ kim tâm phúc hữu,
Truy tùy tả hữu cổ quảng thân.*

Dịch nghĩa:

*Bàn chuyện xưa nay, tim bụng là bạn,
Đi theo trái phải, tay chân là bờ tôi.*

Ông Hãn đã đỗ Tiến Sĩ năm 21 tuổi, thường tự phụ về tài mẫn tiệp của mình, nay thấy Cô Điểm chưa đầy 20 tuổi mà làm được như vậy thì Ông vô cùng kinh ngạc, khen ngợi luôn miệng, thưởng cho Cô 10 quan tiền và chúc mừng Lê Anh Tuấn có phước.

Trong thời gian ở nhà dưỡng phụ, Cô Điểm có dịp đọc được rất nhiều sách quý báu trong kho sách của quan Thượng Thơ, nhờ vậy mà kiến thức của Cô Điểm trở nên rộng rãi hơn trước nhiều. Dưỡng phụ của Cô muốn cho Cô có dịp đem tài năng thi thố nên tiến cử Cô vô cung Chúa Trịnh để dạy các cung nữ, nhưng Cô nhút định từ chối, vì không muốn bị gò bó trong chốn triều đình.

Cô Điểm có thêu 3 cái túi đựng trâu cau rất đẹp để đeo bên cạnh dây lưng: Chiếc túi thứ nhất thêu hình 3 cây Tùng Trúc Mai, phía dưới có thêu 2 chữ Tam Hữ; chiếc túi thứ nhì thêu hình Bát Quái, đặc biệt chiếc túi thứ ba thêu 2 câu thơ của Lý Bạch đời Đường:

*Đãn sử chủ nhân năng túy khách,
Bất tri hà xứ Thị tha hương.*

Dịch nghĩa:

*Chỉ cốt chủ nhân say nổi khách,
Chẳng hay đâu nữa chốn quê xa.*

Chiếc túi thêu 2 câu thơ này, Cô Điểm rất quý, luôn luôn đeo bên mình. Có người xin đổi chiếc túi ấy với ngòi nhà bằng gỗ soạn nhưng không được.

Tài nữ công của Cô Điểm được các Tiểu thư phường Bích Câu rất khâm phục, nên nhiều cô đến xin học tập.

Thân phụ của Cô Điểm, Ông Đoàn Doãn Nghi được bạn bè khuyên nên nhận một chức quan nhỏ, nhưng Doãn Nghi với tính phóng khoáng, không quen gò bó luồn lụy, nên không chịu nhận, và Ông chọn con đường dạy học. Hơn nữa, Ông thấy con là Doãn Luân đã đỗ Hương Cống rồi, tuy rớt thi Hội, nhưng còn trẻ, chắc sau này có thể đậu được, còn con gái là Cô Điểm thì đã có nơi quyền quý để nương tựa, bề gia thất sau này cũng dễ, nên Đoàn Doãn Nghi chuyển đi dạy học ở thôn Lạc Viên, huyện An Dương, nay thuộc Hải Phòng.

Dạy học ở Lạc Viên được vài năm, Đoàn Doãn Nghi đau bệnh và mất tại đây, vào năm 1729. Anh em Luân và Điểm đưa xác cha về an táng tại quê nhà. Nhiều học trò của Ông Nghi góp tiền làm một nhà thờ, và dựng mộ bia cho thầy học. Bia dựng năm Kỷ Dậu (1729), thời vua Lê Vĩnh Khánh.

Nhân tiện chuyến này, Đoàn Doãn Luân đưa vợ con về ở luôn quê nhà là làng Hiến Phạm, sau đó lại chuyển qua ở làng Vô Ngại gần bên.

Lúc này, Đoàn Thị Điểm cũng xin với dưỡng phụ cho phép về quê nhà đặng săn sóc mẹ già, giúp anh và chị dâu quán xuyến công việc gia đình.

Đoàn Doãn Luân mở trường dạy học. Chị dâu trước đây là một tiểu thư khuê các, nhưng vì bệnh đậu mùa làm cho gương mặt trở nên xấu xí, tay như có tật, nên Cô Điểm đứng ra thay thế chị dâu lo việc tề gia nội trợ, lại giúp anh trong việc giao thiệp với bên ngoài. Cô Điểm tỏ ra rất đảm đang và lịch thiệp trong mọi công việc. Mỗi khi anh Luân

đau ốm, Cô thường thay thế anh Luân giảng sách cho đám học trò.

Nhiều giai thoại văn chương rất lý thú xảy ra trong giai đoạn này còn ghi chép trong sách vở. (Xem ở phần sau).

Gia đình họ Đoàn đang sống an vui như thế thì Đoàn Doãn Luân bị bạo bệnh đột ngột từ trần, để lại 2 đứa con thơ chưa đầy 10 tuổi với một người vợ gần như tật nguyền, và một mẹ già tóc bạc. Năm đó là năm 1735.

Đoàn Thị Điểm đọc một bài văn tế trước quan tài của anh rất lâm ly thống thiết, nhắc lại cảnh gia đình đơn chiếc, ai nấy đều cảm động không cảm được giọt lệ. Cô Điểm và chị dâu đưa xác anh về an táng nơi quê nhà, kế mộ phần của cha.

Gia cảnh bây giờ rất hiu quạnh, chị dâu thì thiếu đảm đang, lại mất sinh kế nuôi sống gia đình. Cô Điểm phải mở tiệm xem mạch và hốt thuốc Bắc cho dân chúng quanh vùng. Cô có tay phục dợc, nên người đến xem mạch hốt thuốc khá đông, nhờ vậy có đủ tiền nuôi mẹ và lo cho 2 cháu và chị dâu được tươm tất.

Đối với mẹ thì Cô Điểm được trọn hiếu, đối với chị dâu thì trọn nghĩa, nuôi dạy 2 cháu Lệnh Khương và Doãn Y khôn lớn nên người.

Trong thời gian này, nhiều người đem lễ vật trọng hậu tới cầu hôn, nhưng Cô Điểm nhứt định từ chối. Cô rất kén chồng vì Cô gồm đủ tài sắc và đức hạnh. Cô kén một người chồng có tài đức tương xứng với Cô, chứ không nghĩ đến giàu sang hay chức tước. Cô rất ghét bọn giàu có mà dốt nát. Nhiều người có quyền thế tìm cách bắt ép Cô phải ưng họ, nhưng Cô cương quyết không chấp nhận và tìm cách tránh né. Việc này đã làm Cô bực mình không ít. Một việc đáng

ghi nhớ là quan Bính Trung Công Vũ Tất Thận, cậu ruột của Chúa Trịnh Doanh định làm lễ rước dâu bắt cóc Cô Điểm. Ông tổ chức một lễ rước dâu với đầy đủ nghi tiết mà không cho gia đình Cô Điểm biết trước, thỉnh linh đi đến nhà Cô Điểm. Ông sắp đặt sẵn với đám gia nhân, xông đại vào nhà, bắt ép Cô Điểm mặc áo Cô dâu vào, rồi đỡ Cô ra kiệu rước về phủ. Cô Điểm như đã có chuẩn bị trước, liền bình tĩnh đi ra nhà sau, mặc giả dạng là đầy tớ đi mò cua, bùn đất dính đầy quần áo, mặt mày tèm lem, đội nón rách đi thẳng ra cổng rồi lánh mặt sang làng bên. Thế là quan Bính Trung Công bị một phen mắc lõm.

Nhân dịp có người tiến cử Cô Điểm vào cung Chúa Trịnh để dạy học, Cô Điểm không từ chối như lần ở với dưỡng phụ, liền nhận lời để khỏi phải lo đố kỵ với những kẻ không xứng đáng đến cầu hôn hoài.

Trong thời gian làm việc trong cung, Cô luôn luôn liên lạc với gia đình để cung cấp tiền bạc nuôi mẹ già, chị dâu và 2 cháu. Nhưng khi ở trong cung, Cô lại thấy rõ những điều xấu xa bỉ ổi trong đám quan lại, sự thối nát của triều đình, nên Cô chán nản xin trở về quê nhà.

Lúc bấy giờ, giặc giã nổi lên đánh phá khắp nơi, Cô Điểm cùng mẹ, chị dâu và 2 cháu phải bỏ làng Vô Ngại, tản cư đến làng Chương Dương bên bờ sông Nhị Hà, gần Hà Nội. Năm ấy là năm 1739, Cô Điểm được 35 tuổi.

Cô không muốn làm nghề xem mạch hốt thuốc nữa, vì nó không phải là chí hướng của Cô, mà chí hướng của Cô là mở trường dạy học, mong đem hết sở học bình sanh truyền lại cho thế hệ sau, đào tạo lớp người mới, vừa có kiến thức cao, vừa có đạo đức để giúp dân giúp nước. Cô rui sanh làm phận Nữ lưu, nên dù học hành tài giỏi đến

bực nào đi nữa cũng không được phép ra ứng thí để thi thố tài năng, nên việc mở trường dạy học là một lối thoát cho tinh thần của Cô, và Cô cũng nhận thấy, từ trước tới nay chưa có một phụ nữ nào dạy học mà có học trò thành đạt cả. Cô quyết tâm làm nên sự lạ, nên xin mở trường dạy học đào tạo nhân tài. Đúng với lòng mong ước của Cô, trong số học trò, có Ông Đào Duy Doãn ở làng Chương Dương, sau này thi đậu Tiến Sĩ năm 1763 (nhưng rất tiếc Cô Điểm không hưởng được niềm vui này vì Cô đã mất năm 1748).

Trong thời gian Cô Điểm dạy học, Ông Nguyễn Kiều nhiều lần đến xin cầu hôn. Năm đó Cô Điểm 37 tuổi.

Ông Nguyễn Kiều, hiệu là Hạo Hiên, sanh năm 1695 (lớn hơn Cô Điểm 10 tuổi), tại làng Phú Xã huyện Hoài Đức, 18 tuổi đậu Giải Nguyên, 21 tuổi đậu Tiến Sĩ, là người có tài văn học lỗi lạc.

Năm 1717, Nguyễn Kiều được bổ làm quan Đốc Đồng ở Nghệ An, và năm 1736 được thăng chức Thị Lang. Ông là bậc danh nho nổi tiếng từ thời còn trẻ, văn hay chữ tốt, sớm đỗ đại khoa nên tính khí có phần kiêu ngạo. Nhiều nhà quyền quý gọi Nguyễn Kiều đến gả con gái cho. Vợ đầu tiên của Nguyễn Kiều là Cô Lê Thị Hằng, con gái của quan Thượng Thư Lê Anh Tuấn, dưỡng phụ của Cô Điểm. Cô Hằng mất sớm và không có con. Người vợ kế là Cô Đoan, con gái của quan Tham Tụng Nguyễn Quý Đức. Cô Đoan sanh được 2 con trai và 1 con gái, rồi cũng qua đời lúc chưa tới 30 tuổi.

Sách Đoàn Thị Thực Lục chép việc Ông Nguyễn Kiều cầu hôn Cô Điểm như sau: “Một hôm Cô đang giảng bài cho học trò thì từ ngoài có một người vén rèm bước vào, theo sau có vài đầy tớ mang cái quả sơn son thếp vàng, trong

quả có một phong thơ dán kín. Bức thơ này là của quan Thị Lang, người làng Phú Xá, tên là Nguyễn Kiều gửi thơ đến cầu hôn. Cô Điểm chép miệng than rằng: Lúc trẻ ta mong được người này đến cầu hôn. Đã trải qua hơn 20 năm, ta không bao giờ nghĩ tới nữa. Ta từng nhủ lòng, hặng người tài tử giai nhân rất hiếm trên đời này. Tốt hơn ta nên rửa lấy lòng trần, an nhàn nuôi lấy khí tượng thanh bình.”

Cô Điểm còn đang suy nghĩ chưa vội trả lời thì chừng 10 ngày sau, Nguyễn Kiều lại sai một người mang thơ đến nữa. Trong bức thơ kỳ này, lời lẽ rất khẩn thiết chân thành, có đoạn như sau: “Tôi rất bận việc quan, lại phải lo chuẩn bị lên đường, việc nhà không ai coi sóc và cai quản. Tôi nghĩ rằng Cô cùng nội trợ tôi vốn trước có tình nghĩa chị em, nếu Cô vui lòng đùm bọc cho nội trợ tôi thì thật là may mắn cho cả nhà tôi đó.”

Cô Điểm đọc thơ lần này có vẻ cảm động, nhưng vẫn chưa muốn đem mình vào cuộc hôn nhân muộn màng, gây thêm phiền nhiễu, nhưng mẹ già và cả gia đình đều muốn Cô chấp nhận, cả đám học trò cũng hoan nghênh, nên Cô Điểm chấp nhận kết hôn với Nguyễn Kiều, lúc đó là năm 1743, Cô Điểm được 39 tuổi.

Bà Đoàn Thị Điểm về nhà chồng, sống với chồng rất tâm đầu ý hợp, khi rảnh thường hay xướng họa thơ văn. Nhưng chưa đầy một tháng sau thì quan Thị Lang Nguyễn Kiều được lệnh vua làm Chánh Sứ sang triều cống nhà Thanh. Ông phải từ giã Bà để phụng chiếu ra đi. Lệ thường, đi sứ như vậy trong vòng 2 năm thì trở về tới nhà, nhưng lần này, khi sứ bộ trở về tới Quảng Tây, gặp lúc dân chúng vùng này nổi lên chống nhà Thanh nên bị nghẽn đường. Sứ bộ Việt Nam phải lưu lại cả năm trời, chờ cho đến khi yên giặc. Trong thời gian này, Nguyễn Kiều làm nhiều bài thơ,

gửi hồn mộng nhớ nhưng đến người vợ mới cưới nơi quê nhà, như là trong những ngày Tết tha hương:

*Tử thơ niềm khách bên đèn mộng,
Tiếng pháo hò xe rộn ngõ ngoài.*

Trong lúc Nguyễn Kiều đi sứ Trung Hoa, ở nhà, Bà Đoàn Thị Điểm, khi thì ở bên nhà chồng săn sóc 3 đứa con của chồng trong đời vợ trước, khi trở về nhà mẹ ruột thăm hỏi mẹ già, cùng chăm nom 2 đứa cháu kêu bằng Cô ruột.

Trong khoảng thời gian này, Ông Đặng Trần Côn có gửi đến cho Bà xem thi phẩm của Ông: Chinh Phụ Ngâm viết bằng Hán văn. Bà đọc say mê, vì tác phẩm này hay quá! Bà cảm thấy nổi lòng của nàng chinh phụ trong tác phẩm giống hết tâm trạng của Bà trong lúc này. Cho nên Bà đem hết sự rung động trong lòng về nỗi cô đơn, nhớ nhung, lo lắng cho chồng mà dịch ra thơ Nôm bản Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn. (Xem phần sau: Tâm trạng Bà Đoàn Thị Điểm khi diễn nôm Chinh Phụ Ngâm).

Chính tác phẩm Chinh Phụ Ngâm diễn Nôm này đưa tên tuổi của Bà Đoàn Thị Điểm lên đỉnh cao trong nền văn học nước nhà.

Ngày Nguyễn Kiều đi sứ trở về, vợ chồng sum họp sau hơn 3 năm xa cách nhớ nhung, Bà Đoàn trao cho chồng xem bản diễn Nôm Chinh Phụ Ngâm như là bức tâm thư bày tỏ với chồng tất cả nỗi niềm thương nhớ sau hơn 3 năm dài xa cách. Nguyễn Kiều xem xong vô cùng cảm động và kính phục tài năng của vợ.

Chuyến đi sứ thành công, Nguyễn Kiều được vua khen thưởng và cho thăng quan tiến chức. Ít lâu sau, Ông được bổ làm Tham Thị ở Nghệ An.

Thế là Nguyễn Kiều chuẩn bị đi vào Nghệ An nhậm

chức. Ý của Bà Đoàn không muốn theo chồng vào Nghệ An, vì ở nhà còn mẹ già và các cháu thiếu người chăm sóc, cũng như linh tính báo cho Bà biết có điều gì không lành trong chuyến đi này xảy đến cho Bà, nhưng Nguyễn Kiều hết lời nài nỉ đem Bà đi theo. Cuối cùng Bà phải chiều chồng, làm bốn phận người vợ tùng phu, xuống thuyền cùng chồng đi vào Nghệ An, với nỗi lòng lo âu buồn bã.

Thuyền xuôi dòng sông Nhị Hà, theo cửa bể Thần Phù để vào sông Chính Đại. Lúc thuyền đến bến Đền Sòng, nơi thờ Công Chúa Liễu Hạnh, Bà bị cảm rất nặng. Biết mình không thể sống được, Bà trăn trối cùng chồng: “Chàng nên cố gắng lo tròn việc nước để trở về kinh sớm ngày nào tốt ngày đó, chớ nên ở lâu nơi chốn biên thùy này mà dẫn thân vào nơi gió bụi hiểm nguy.”

Trời xong, Bà từ trần, lúc đó là ngày 11 tháng 9 năm Đinh Mão (1748), hưởng được 44 tuổi. Bà chưa có con với Nguyễn Kiều.

Nguyễn Kiều vô cùng thương tiếc người vợ tài ba lỗi lạc mà lại vẫn số. Ông quan quan tài vợ tại Nghệ An đến một tháng sau mới đưa linh cữu trở về quê nhà của Bà an táng.

Trong thời gian này, Ông lập đàn cúng tế rất nghiêm bên bờ sông để tế lễ Bà. Ông đọc một bài văn tế rất bi ai thống thiết bằng Hán văn, được Ông Hoàng Xuân Hãn diễn Nôm trong cuốn Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo, chép ra sau đây:

*Ô hô! Hỡi nàng! Huệ tốt Lan thơm!
Phong tư lộng lẫy, cử chi đoan trang,
Nữ đức trọn vẹn, tài học ngô ngàng.
Giáo mác, ấy bàn luận,
Gấm vóc, ấy văn chương.
Nữ trung, rất hiếm có như nàng.*

*Sao mà lại,
Gia thất chậm hơn Mạnh Quang,
Con cái hiểm hơn Trang Khuông,
Dứt tuổi Từ Phi, vui tài Ban Nương.
Sao hóa cơ khó đoán,
Mà Thiên mệnh phi thường lắm thay!
Xưa nghe được tiếng nàng,
Bèn kết thân hai họ.
Nàng về nhà tôi, vẹn tròn đạo vợ,
Việc bút nghiên tài lạ hằng chuyên,
Nghề kim chỉ tay sành chẳng bỏ.
Thường thường đàm luận cổ thi,
Ngày ngày xướng thơ họa phú.
Ba năm đi sứ Bắc, mảy liễu buồn chau,
Năm Sưu trở về nhà, mặt hoa cười nở.
Lúc rảnh việc, cùng vui thú văn hàn,
Môi có chỉ sai trở vào xứ Nghệ.
Non sông chẳng ngại đường dài,
Tân tảo quyết theo nội trợ.
Đường sông nghìn dặm gian nan,
Doanh liệt ba tuần tới đó.
Một bệnh càng thêm, trăm phương khó chữa,
Đào chưa quả đã vội khô,
Quế đang thơm mà đã rủ!
Rừng sâu bể rộng, nàng hỏi đi đâu?
Ngọc nát châu chìm, lòng tôi quặn nhỏ.
Những muốn chèo thuyền lan mà sớm phát,
Đưa giá liễu chóng về,
Hẹn lại quê nhà an táng.
Đốc đem ý hậu theo đi.
Nhưng, nghĩa cùng thời trái việc hẳn lòng tùy,*

*Nửa bước khó dời trần số.
 Một thân khó vẹn công tư.
 Lối về trên bến, tạm dựng bàn thờ,
 Lệ tiễn hai hàng chan chứa,
 Tình thương một lễ đơn sơ,
 Sóng gió xin đừng kinh sợ,
 Đường đi chớ ngại rû rờ.
 Hương hồn nàng yên nghỉ,
 Cổ ấp tôi hằng mơ.
 Thương hường!*

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

1. Những bài thơ xướng họa:

Bà Đoàn Thị Điểm, những khi nhàn hạ lúc thiếu thời, Bà thường ngâm vịnh với phụ thân và với anh trai Đoàn Doãn Luân. Khi có chồng thì ngâm vịnh với chồng.

Các bài thi ngâm vịnh này có đến mấy trăm bài, thường viết bằng chữ Hán, hiện nay hầu như thất lạc hết cả.

Có vài đoạn còn sót lại, do Ông Bùi Hạnh Căn sưu tầm và dịch ra thơ Nôm:

Hứng Thu

*Thu về gió mát nhẹ mưa bay,
 Muôn mảng thơm trong ắp chén đầy.
 Trời biển chừng nhiều đàn sáo nổi,
 Cuộc đời may có chuyển chơi nay.*

Niềm vui dạo đêm

*Sao nhi! Đêm Xuân đốt đuốc chơi,
 Sáng như ngày hứng, quế thơm trời.
 Cầu Ngân bến Hán treo cao nhịp,
 Phách ngọc đầu thu tỏa ánh ngời.*

*Đông nội trước nay nhìn chả khác,
 Phồn hoa vua chúa đất xưa thôi.
 Hứng về chẳng quản sông hồ lạ,
 Một mái chèo thênh chuốc rượu mời.*

2. Văn phẩm:

Sau khi thân phụ mất, Bà Đoàn Thị Điểm về quê nhà săn sóc mẹ già, sống chung với anh và chị dâu. Trong thời gian này, Bà có viết tập sách Truyền Kỳ Tân Phả hay Tục Truyền Kỳ bằng Hán văn, viết nối tiếp sách Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ. Tác phẩm này được biên soạn rất công phu, nội dung viết về những người phụ nữ tài giỏi và tiết liệt, được anh của Bà là Đoàn Doãn Luân, hiệu là Tuyết Am, tự là Đạm Như Phủ, viết lời phê bình.

Tác phẩm Tục Truyền Kỳ, gồm có 6 truyện, kể ra:

Bích Câu Kỳ Ngộ, chuyện nàng Tiên trong tranh là Giáng Kiều và chàng hàn sĩ Tú Uyên ở phường Bích Câu. (Chuyện này về sau được viết lại bằng văn Nôm theo thể văn vần, không biết tác giả).

Hải khẩu Linh Từ (Nữ Thần Chế Thắng).

Hoành Sơn Tiên Cục (cuộc cờ Tiên trên núi Hoành Sơn).

Vân Cát Thân Nữ (Công Chúa Liễu Hạnh).

An Ấp Liệt Nữ (chuyện người vợ của Tiến Sĩ Đinh nho Hoàn).

Nghĩa khuyến khuất miều (chó khôn bắt mèo).

Trong quyển “Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí”, Ông Phan Huy Chú ca ngợi tác phẩm Tục Truyền Kỳ như sau: **Lời văn trau chuốt, Ý chuyện đối đảo.**

Về sau, Bà có chồng là Ông Nguyễn Kiều, trong thời

gian Ông Nguyễn Kiều đi sứ sang Tàu và bị kẹt ở bên đó 3 năm, Bà ở nhà diển Nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn. Văn chương trong tác phẩm này rất hay, lời thơ đẹp để đây âm điệu, diễn tả sống động hình ảnh của nàng chinh phụ.

Khúc ngâm Chinh Phụ này chỉ có 412 câu thơ song thất lục bát, nhưng thể hiện được tài năng xuất chúng của Bà Đoàn Thị Điểm, đưa Bà lên địa vị cao trong nền văn học Việt Nam.

TÂM TRẠNG CỦA BÀ ĐOÀN THỊ ĐIỂM KHI DIỄN NÔM CHINH PHỤ NGÂM

Đoàn Thị Điểm khi còn là thiếu nữ, lúc ở nhà của dưỡng phụ Lê Anh Tuấn tại phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long, có dịp gặp Đặng Trần Côn. Côn nhỏ hơn Cô Điểm chừng hai tuổi, con nhà quý tộc, quê ở Kẻ Mực Hạ Đình. Đó là một trang thiếu niên anh tuấn tài hoa, năm 15 tuổi đã đậu Hương Cống. Côn rất quý mến Cô Điểm về nhan sắc cũng như về tài văn chương, nên có gởi đến Cô Điểm một bài thơ tỏ ý cầu hôn.

Cô Điểm không trả lời nhưng có nói đùa với các chị em bạn:

– Cái Ông Cống Đặng, miệng còn hôi sữa, làm thơ chưa xong mà lại đi nói chuyện vợ chồng.

Đặng Trần Côn nghe thuật lại thì tức lắm, nên cố gắng miệt mài đèn sách, cố đậu cho được Tiến Sĩ trong kỳ thi Hội.

Đầu niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê Trung Hưng, gặp buổi chiến tranh ly loạn, trai tráng bị bắt đi lính đáng giặc phương xa, gây cảnh biệt ly đau đớn cho nhiều gia đình, Ông Đặng Trần Côn cảm xúc, đem hết sức học bình sanh

viết nên tác phẩm Chinh Phụ Ngâm bằng Hán văn theo thể thơ xưa Cổ Nhạc phủ.

Khi viết xong, Đặng Trần Côn đưa tác phẩm này cho Ông Ngô Thời Sĩ xem. Ông Sĩ xem xong lấy làm thán phục nói rằng: “Văn chương tới mức này thì Lão Ngô tôi chỉ còn biết bái phục mà thôi.”

Ông Đặng Trần Côn sau đó gởi tác phẩm này đến cho Bà Đoàn Thị Điểm xem, ngụ ý cho Bà Điểm biết rằng, trước đây Bà xem thường ông là lắm to. Lúc này Bà Điểm đã lấy chồng là Ông Nguyễn Kiều, và Ông Kiều đang đi sứ sang Tàu, bị kẹt ở lại bên đó vì giặc giã cắt đứt đường giao thông, nên chưa trở về Việt Nam được. Bà Điểm xem xong tác phẩm Hán văn của Ông Đặng Trần Côn thì rất phục tài văn chương của họ Đặng, lại thấy tâm sự của nàng Chinh phụ trong tác phẩm giống y hệt tâm sự của Bà lúc đó: Chồng đi sứ sang Tàu giống như đi lính thú chinh chiến ngoài biên thùy, Bà ở nhà lòng nhớ nhung lo lắng cho chồng không nguôi, lại còn lo phụng dưỡng mẹ già, nuôi nấng và dạy dỗ đàn con thơ của chồng xem như con ruột.

Tâm hồn của người Nữ sĩ rung động, và cũng muốn đáp lại tấm tình cảm của Đặng Trần Côn khi trước, Bà đem hết sự xúc cảm của tâm hồn, diển Nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn, theo lối thơ trữ tình hoàn toàn Việt Nam là song thất lục bát.

– Lòng nhớ nhung của Bà đối với chồng khi chồng phụng mạng đi sứ sang Bắc Kinh, giống hệt tâm trạng của nàng Chinh phụ nhớ mong chồng đang đánh giặc ngoài quan ải, nên Bà diển Nôm đoạn này rất tuyệt diệu:

169.

*Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá,
Gương lầu Tần dấu đã soi chung.
Cậy ai mà gởi tới cùng,
Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.*

173.

*Nhãn đeo tay mọi khi ngắm nghĩa,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
Cậy ai mà gởi tới nơi,
Để chàng trân trọng dấu người tương thân.*

.....

233.

*Mặt biếng tỏ, miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều đòi dỗi nương song.
Nương song luống ngẩn ngơ lòng,
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?*

.....

253.

*Nếm chua cay, tấm lòng mới tỏ,
Chua cay nầy há có vì ai?
Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bờ.*

257.

*Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
Lệ thiếp nào chút vướt bên khăn.
Duy còn hôn mộng được gần,
Đêm đêm thường đến Giang Tân tìm người.*

– Trong lúc vắng chồng, Bà ở nhà lo phụng dưỡng mẹ già, nuôi dạy đàn con thơ của chồng, giống y như người Chinh phụ ở nhà nuôi dạy con thơ và săn sóc mẹ già đầu bạc:

153.

*Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kìa lão thân khuê phụ nhớ thương.
Mẹ già phơ phất mái sương,
Con thơ măng sữa vả đương phù trì.*

157.

*Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
Ngọt bùi thiệp đã hiểu nam,
Dạy con đèn sách, thiệp làm phụ thân.*

161.

*Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao.
Nhớ chàng trải mấy sương sao,
Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư.*

– Sau 3 năm, Ông Nguyễn Kiều thành công trong nhiệm vụ sứ thân, trở về triều được vua khen thưởng và được thăng quan tiến chức, thì cũng giống hệt như người Chinh phụ đã bình xong giặc nơi biên ải, ca khúc khải hoàn, trở về được vua phong thưởng tước lộc, vinh hiển gia đình:

381.

*Bóng kỳ xí già ngoài quan ải,
Tiếng khải ca trở lại thần kinh.
Đỉnh non khắc đá để danh,
Triều thiên vào trước cung đình dâng công.*

.....

389.

*Nền huân tướng đại cân rạng vẻ,
Chữ đồng hươu bia để nghìn dòng.
On Trên tử ẩm thê phong,
Phần vinh thiệp cũng đượm chung hương Trời.*

– Rồi chàng trở về sum họp gia đình, viếng thăm mẹ già, nâng niu con cái. Chàng sẽ kể cho nàng nghe chiến công và nỗi nhớ gia đình, còn nàng thì kể về nỗi hiu quạnh nhớ nhung mong đợi:

401.

*Giờ khăn lệ, chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu, chàng thắm từng câu.
Câu vui đối với câu sầu,
Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.*

405.

*Sẽ rót với lần lần từng chén,
Sẽ ca dần ren ren từng thiên.
Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
Cùng chàng lại kết mỗi duyên đến già.*

409.

*Cho bỏ lúc sầu xa cách nhỏ,
Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.
Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Dường này âu hẳn tài lành trượng phu.*

NHỮNG GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG

1. Đối chữ sách:

Cô Điểm, khi lên 6 tuổi, đang học Sử Ký Trung Hoa, anh là Đoàn Doãn Luân lấy một câu trong Sử Ký ra câu đối:

Bạch xà đương đạo, Quý bặt kiểm nhi trăm chi.

Cô Điểm liền lấy một câu cũng trong Sử Ký đối lại:

Hoàng long phụ chu, Vũ ngưỡng Thiên nhi thán viết.

Nghĩa là:

▪ *Rắn trắng giữa đường, Ông Quý (Lưu Bang) tuốt gươm mà chém.*

▪ *Rồng vàng đội thuyền, Ông Vũ (Hạ Vũ) ngựa mặt lên Trời mà than.*

2. Đối chữ bóng:

Anh Luân thấy Cô Điểm đang soi gương trang điểm nơi cửa sổ, liền ra câu đối:

Đối kính họa mi, nhứt điểm phiên thành lưỡng điểm.

Cô Điểm liền đối lại:

Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.

Nghĩa là:

▪ *Trước gương vẽ mày, một điểm hóa thành hai điểm, cũng có nghĩa là một Cô Điểm hóa thành hai Cô Điểm.*

▪ *Tôi ao xem trăng, một vầng tròn chuyển thành hai*

ving, cũng có nghĩa là một anh Luân chuyển thành hai anh Luân.

Sự tài tình ở đây là cảnh rất thực, dùng được tên 2 người đứng với cảnh vẽ mây và ngấm trăng.

3. Có lần Đoàn Doãn Luân từ ngoài đi vào nhà, thấy em gái đang ngồi bên rổ kim chi, liền đọc:

Huynh lai đường thượng tầm song nguyệt.

(Anh trai đến nhà trên tìm 2 mặt trăng)

Song nguyệt là 2 mặt trăng, mà theo chữ Hán, 2 chữ Nguyệt (*1) ghép lại là chữ Bằng (*1): Bè bạn, bằng hữu, nên câu trên còn có nghĩa là: Anh trai đến nhà trên tìm bạn.

Cô Điểm liền đối lại:

Muội đảo song tiền tróc bán phong.

(Em gái đến trước cửa sổ bắt nửa làn gió)

Bán phong là nửa làn gió, mà cũng có nghĩa là phần nửa chữ Phong (*2) tức là chữ Sắt (*2) nghĩa là con rắn. Nên câu đối trên có nghĩa là: Em gái đến trước cửa sổ bắt con rắn.

4. Khi hay tin chị dâu sanh được con gái đầu lòng trong đêm rộn rịp vui mừng, Cô Điểm đùa với anh, đọc rằng:

Bán dạ sinh hài, Hợi Tý nhị thời vị định.

(Nửa đêm sanh con, Hợi Tý 2 giờ chưa định)

Đoàn Doãn Luân liền đối lại:

Lưỡng tình tương phối, Kỷ Dậu song hợp nãi thành.

(Hai tình phối hợp, Kỷ Dậu 2 hợp mà thành)

Với lối chơi chữ, 2 chữ Hợi (*3) và Tý (*3) ghép lại thành chữ Hải (*3); chữ Kỷ (*4) và chữ Dậu (*4) ghép lại thành chữ Phối (*4).

5. Vịnh nước Đàng bốn ông hai vợ:

Có lần ở Chương Dương, Bà Đoàn đang giảng sách cho học trò, tới đoạn: Đàng là nước nhỏ, lại lọt vào giữa 2 nước lớn là Tề và Sở, nên việc ngoại giao với 2 nước lớn rất khó khăn. Vào lúc ấy, ông hàng xóm có 2 vợ gây lộn om sòm. Bà tức cười, bảo học trò lấy đầu để nước Đàng làm thơ bốn ông hai vợ. Học trò có nhiều đứa làm bài, nhưng bài của Đoàn Lệnh Khương (con của anh Luân) là có ý hay hơn cả, được Bà chỉnh văn lại, ghi ra như sau đây:

*Đàng quốc xưa nay vốn nhỏ nhen,
Lại thêm Tề, Sở ép hai bên.
Quay đầu với Sở, e Tề giận,
Ngảnh lại sang Tề, sợ Sở ghen.*

Đó đúng là hoàn cảnh của ông hàng xóm có 2 bà vợ hay ghen.

6. Thách đối kén chồng:

Nhiều người khoa bảng thời bấy giờ nghe tiếng Cô Điểm hương sắc vẹn toàn, văn chương lối lạc, nên đều có ý muốn đến thử tài và cầu hôn, nhưng tất cả đều chịu thua tài Cô Điểm và rút lui.

Chuyện thứ nhất là Ông Vũ Diệm, bạn của Nhữ Đình Toàn, đỗ Hoàng Giáp năm 1739, đến viếng Cô Điểm. Biết được dụng ý của người khách tài hoa này, Cô Điểm liền ra tay trước, bằng cách sai con hầu bưng ra một khai trầu mời khách, rồi Cô sẽ ra sau, nhưng trên khai trầu Cô để sẵn một tờ giấy, trên đó Cô viết một câu đối nhờ khách đối giúp:

Đình tiền thiếu nữ khuyến tân lang.

Câu này có nghĩa đen là: Trước sân gió thoảng phất cây cau. Thiếu nữ là cơn gió nhẹ, tân lang là cây cau; nhưng

nghĩa bóng của câu này theo cách đồng âm: Trước sân, người con gái mời chàng rể mới. (Thiếu nữ: Con gái. Tân lang: Chàng rể).

Vũ Diễm thấy câu thách đối khó quá, không thể đối nổi nên đành rút lui, không dám trêu vào giai nhân nữa.

Chuyện thứ nhì được truyền khẩu nhiều trong dân gian là Cô Điểm nhiều lần thách đối với Trạng Quỳnh, vì Trạng Quỳnh dò dè trêu Cô và lần nào Trạng Quỳnh cũng đành chịu thua.

– Một hôm, Cô Điểm đang ngồi bên cửa sổ thì Trạng Quỳnh tới, Cô liền đọc một câu thách đối:

Song song là hai cửa sổ, hai người ngồi trong cửa sổ song song.

Trạng Quỳnh đối không được, chịu thua rút lui.

– Lần khác, Cô Điểm gặp Trạng Quỳnh đi theo Cô lên phố Mía Sơn tây, Cô đứng lại chờ Quỳnh tới đọc một câu thách đối:

Lên phố Mía gặp cô hàng mật, cầm tay kẹo lại hỏi thăm đường.

Trạng Quỳnh lại chịu thua nữa, vì câu thách đối ra toàn là mía, đường, mật, kẹo, nên không thể kiếm ra chữ để đối lại.

– Lần khác nữa, Trạng Quỳnh lại gần chỗ Cô Điểm tắm, Cô biết vậy liền ra một vế thách đối:

Da trắng vỗ bì bạch.

Bì là da, bạch là trắng, bì bạch là da trắng, nhưng hai tiếng này theo nghĩa nôm là để tượng thanh, tiếng vỗ vào da thịt. Trạng Quỳnh cũng đành chịu thua keo nữa.

– Lần cuối, nhân buổi Hội Xuân, Cô Điểm thuận tay bẻ một nhánh xương rồng, chợt thấy Quỳnh đi tới, liền đọc:

Cây xương rồng trồng đất rắn, long vắn hoàn long.

Long, chữ Hán là rồng, mà tiếng nôm nghĩa là không chặt. Lần này, Quỳnh đối lại được, chữ nghĩa rất chỉnh mà lại biểu lộ tánh ngang ngạnh của mình:

Quả dưa chuột tuột thẳng gang, thử chơi thì thử.

Thử là con chuột, nhưng tiếng nôm nghĩa là làm thử, chưa phải làm thiệt.

Tương truyền, sau lần đối này, Trạng Quỳnh và Cô Điểm chia tay, không còn gặp nhau nữa.

7. Sứ Tàu bị lỡm:

Thời xưa, mỗi lần có đoàn sứ bộ của nước Tàu sang nước ta, triều đình thường kén chọn những người tài giỏi, lanh lợi, văn hay chữ tốt, thạo việc ứng đối, để giả làm các công việc: Bán hàng, đưa đồ, hoặc làm việc nơi các Công quán, mục đích là để đối đáp với Sứ Tàu làm cho họ kính phục nước Nam ta.

Sứ có chếp, đoàn Sứ Mãn Thanh sang nước ta, 2 vị đứng đầu là: Hàng Địch Lộc và Nhiệm Lan Chi. Trong số những người bán hàng trên đường Sứ Tàu đi qua, có Cô Điểm và chú bé Trần Quang Trạch, con trai của Ông Hoàng Giáp Trần Danh Ninh, mới hơn 10 tuổi mà đã giỏi văn thơ ứng đối. Bộ điệu Sứ Tàu hống hách, thấy có cô bán hàng xinh đẹp thì nói đùa một câu:

Nam phương nhất thốn thổ, bất tri kỹ nhân canh.

(Phương Nam có một tấc đất, không biết bao nhiêu người cày)

Cô Điểm đứng đó liền đáp lại rằng:

Bắc quốc đại trượng phu, giai do thử đồ xuất.

(Nước Tàu phương Bắc các bậc đại phu đều bởi đường ấy mà ra)

Hai câu đối trên, nếu giải nghĩa thanh thì đối nhau rất thanh, giải nghĩa tục thì đối nhau rất tục, ý nghĩa hơn hẳn Sứ Tàu, thật xuất sắc tài tình. Bọn Sứ Tàu tưởng nói bốn như vậy là bóng gió cao kỳ để hạ nhục Cô bán hàng, nào dè Cô hiểu ý, lạnh trí trả lời đích đáng, đem cái nhục trả lại chúng, làm chúng hổ thẹn rút lui, phục tài gái nước Nam, không còn dám bốn cợt gái nước Nam nữa.

Kết luận:

Bà Đoàn Thị Điểm đứng hàng đệ nhất trong các Nữ sĩ tên tuổi trên văn đàn Việt Nam như: Bà Huyện Thanh Quan, Hồ xuân Hương, Sương Nguyệt Anh,... Bà là một Nữ sĩ có thi tài lỗi lạc, lời thơ tao nhã, đài các, bóng bẩy đầy âm điệu. Bà còn là một phụ nữ mẫu mực Nho phong, đầy đủ hiểu thảo, nghĩa khí, Tứ Đức, Tam Tùng.

Tác phẩm Chinh Phụ Ngâm của Bà được các nhà văn trong nhóm Mercure de France của nước Pháp dịch ra tiếng Pháp, xuất bản năm 1939 tại Ba-lê (Paris) nhan đề là: “Les Plaintes d'une Chinh phụ.”

Bà Đoàn Thị Điểm là một vị Nữ Tiên trên Thượng giới giáng trần. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Bà không đầu kiếp xuống trần, mà chỉ dùng huyền diệu cơ bút, nhờ 2 vị đồng tử trong Đạo Cao Đài phò loan để Bà giáng cơ viết tác phẩm **Nữ Trung Tùng Phận** có mục đích giáo dục Nữ phái Việt Nam trong chủ trương Nho Tông Chuyển Thế của Đạo Cao Đài.

Đức Chí Tôn có nói trước rằng: “Nam phong thử

nhật biến Nhơn phong.” nghĩa là: Nền Phong hóa của người Việt Nam ngày ấy sẽ trở thành nền Phong hóa của nhơn loại, tức là nhơn loại ngày sau sẽ học tập và làm theo Phong hóa Việt Nam.

Do đó, cần phải củng cố và chấn chỉnh nền Phong hóa nước nhà cho tốt đẹp vẹn toàn thì mới làm gương mẫu được.

Nền Phong hóa đó phải bắt đầu từ gia đình, mà người phụ nữ là người đảm nhiệm vai tuồng quan trọng nhất. Cần phải hướng dẫn người phụ nữ trở lại nền nếp tốt đẹp thời xưa với Tứ Đức, Tam Tùng, nhưng chỉ nên giữ lại phần tinh hoa tốt đẹp, bỏ bớt những điều làm giảm nhân cách phụ nữ và bất bình đẳng với Nam phái, cho hợp với trình độ tiến hóa của nhơn sanh ngày nay.

Nữ Trung Tùng Phận của Tiên Nương Đoàn Thị Điểm nhứt định sẽ đóng góp một phần tích cực và quan trọng trong chiều hướng giáo dục này.

(*1) Chữ Nguyệt () , chữ Bằng ()

(*2) Chữ Phong () , chữ Sát ()

(*3) Hối () và Tý () ghép lại thành chữ Hài ()

(*4) Kỳ () và chữ Dậu () ghép lại thành chữ Phối ()

MỤC ĐÍCH GIÁO DỤC CỦA NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

Nội dung của tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận là lời tự thuật của một phụ nữ có sắc đẹp, có tài năng và đức hạnh, kể từ lúc tuổi thanh xuân, rồi có chồng theo về nhà chồng, phục vụ cho chồng và gia đình chồng, sanh con đẻ cái, nuôi dạy con cho khôn lớn, đến lúc tuổi già răng long đầu bạc, qui y lo việc tu hành và thoát xác về Tiên.

165.

*Cầm bút ngọc để thi tự thuật,
Một kiếp sanh của bậc văn tài.
Nêu gương tuyết giá hậu lai,
Gỡ trong muôn một những bài sanh ly.*

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm mượn lời tự thuật này để giáo dục Nữ phái lúc tuổi trẻ phải lo cho tròn Nhơn đạo, giữ vững Tứ Đức, Tam Tùng, giúp chồng và gia đình nhà chồng, nuôi dạy con cái lớn khôn nên người. Đến lúc trung niên thì xong phần Nhơn đạo, người phụ nữ cần tiến lên tu phần Thiên đạo thì mới mong giải thoát khỏi kiếp luân hồi. (Thiên đạo là đạo tu giải thoát để lên cõi Trời. Đó là Tiên đạo và Phật đạo).

Tác phẩm này được Bà giảng cơ bắt đầu viết vào ngày 26-2-Quý Dậu (1933), nên nội dung tác phẩm cũng căn cứ vào hiện tình xã hội của nước Việt Nam ta thời đó. Đó là thời mà miền Nam Việt Nam (Nam Kỳ) là thuộc địa của nước Pháp, Trung Kỳ thì vẫn do vua quan nhà Nguyễn cai trị, nhưng đặt dưới sự bảo hộ của Pháp, xã hội vẫn còn phong

kiến như thuở Bà Đoàn Thị Điểm sanh tiền, Nữ chưa được bình quyền cùng Nam.

Mở đầu tác phẩm, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm thúc giục Nữ phải phải lo học tập văn hóa trong lúc tuổi còn niên thiếu, vì Bà cho rằng phụ nữ chưa được bình quyền cùng nam là vì dốt nát, nên bị khinh rẻ.

01.

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.*

13.

*Nấu kinh sử ra mùi sơn phấn,
Cầm bút nghiên đặng thắm má đào.*

Tiên Nương còn thúc đẩy Nữ phải học cả võ nghệ nữa để giúp Nam phải bảo vệ non sông tổ quốc:

03.

*Gươm thư giúp sức gươm hùng,
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.*

15.

*Quần xoa dõ ngọn binh đao,
Xây hình thục nữ giặm màu nước non.*

Người phụ nữ thời đó vẫn còn bị phái nam khinh rẻ vì dốt nát thiếu học, nên hoàn toàn lệ thuộc vào người chồng:

05.

*Bởi rẻ rúng thuyên quyền thiếu học,
Dầu chỉ thân tơ tóc cũng khi.*

19.

*Vật chơi ở chốn khuê phòng,
Đã cam phận vợ để chồng cầm duyên.*

Nếu thời niên thiếu không lo học tập thì đến tuổi trưởng thành, có chồng con rồi thì đâu còn thì giờ và tâm trí thảnh thơi để học tập.

33.

*Mảng lo lắng chữ nhàn nào rõ,
Hưởng để công đến ngõ Không Trình.
Rừng Nho biển Thánh thịnh thịnh,
Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.*

Trong gia đình, người mẹ gần gũi thân cận với con nhiều hơn cha, nên việc giáo dục của mẹ đối với con lúc con còn thơ bé rất là quan trọng.

Trong phần tiếp theo là lời Mẹ dạy con trai và con gái.

MẸ DẠY CON TRAI: (TỪ CÂU 357 ĐẾN 592: 236 CÂU)

- Dạy con trai phải lo thờ cúng Tổ tông:

375.

*Định hương hỏa hàng bầy quý tể,
Lập pháp gia tự kể phụng thờ.
Con chàng thiếp trả khi thơ,
Dòng chàng thiếp dạy phụng thờ tổ tông.*

- Lựa chọn nghề nghiệp cho con học tập để lớn lên có nghề nghiệp thích hợp bảo đảm cuộc sống gia đình:

361.

Lựa chọn học các công các nghệ,

Tính cho hay mọi vẻ văn tài.

*Sĩ, Nông, Công, Cổ sanh nhai,
Ngũ, Tiều, Canh, Mục làm bài bảo thân.*

- Dạy con đạo Nhơn luân, gồm Ngũ luân: Cách cư xử đối với quốc gia, đối với cha mẹ, đối với vợ, đối với anh em và đối với bạn bè.

- Đối với quốc gia dân tộc, phải có lòng yêu nước và lòng trung thành (**Trung**):

381.

*Nếu để đặng tình trung hai chữ,
Vạch lưng con viết thử để dành.
Rủi cơn loạn quốc khuynh thành,
Tấm gan liệt sĩ cũng đành độ dân.*

397.

*Nào quốc thể người khi kẻ thị,
Nào dân đen phép quỷ hớp hồn.
Nấu sôi cái máu anh phong,
An bang tế thế một lòng lo âu.*

- Dạy con phải có hiếu với cha mẹ (**Hiếu**):

485.

*Con ví biết trọng nghi phụ tử,
Hiển tông môn khá giữ nơi lòng.
Đừng làm nhục tổ hổ tông,
Lập thân trả hiếu nối dòng truyền hương.*

- Dạy con phải biết tôn kính thầy (**Kính**):

449.

Tôn kính thầy cũng bị cha trẻ,

Môi đắc truyền mọi lễ cao sâu.

*Học hay kể nhiệm mưu mầu,
Học nên tài đặng giải sầu quốc gia.*

473.

*Con nhờ thầy công danh mới toại,
Như nhờ cha mới giỏi hình dung.
Hai ơn ấy găm so đồng,
Nghĩa kia như hiếu, mặn nồng cả hai.*

- Dạy con phải thương yêu dạy dỗ em út trong nhà:

493.

*Còn em út trong nhà thơ bé,
Trai dạy khuyên, gái để khếp khuôn.
Con đừng quen tánh lường tuông,
Các em hư nết gieo buồn song thân.*

- Dạy con phải biết chọn bạn mà chơi:

501.

*Ngoài gia tộc nước non vậy bạn,
Lựa tài danh giao cận tâm tình.
Đời như trận giặc đua tranh,
Dâu tài một ngựa một mình khó nên.*

517.

*Trong võ trụ hiệp hào là mạnh,
Phận đồ thơ phải gánh non sông.
Anh em bạn tác vậy đồng,
Xô thành cũng ngã, lấp sông cũng bằng.*

- Dạy con trai khi lớn lên có vợ thì phải biết thương yêu giúp đỡ vợ nhà, ăn ở cho có tình nghĩa thủy chung:

525.

*Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
Đạo hôn luân gây sống của đời.
Dầu cho non nước đổi dời,
Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.*

529.

*Bạn trăm tuổi thân hòa làm một,
Dầu sang hèn xấu tốt cũng duyên.
Cùng nhau giữ vẹn hương nguyên,
Cái duyên kinh bố là duyên Châu Trần.*

- Dạy con phải lo xây dựng nền văn hóa cho dân tộc mình và phát triển nền kinh tế cho văn minh tiến bộ:

393.

*Giang sơn bốn nghìn năm tổ nghiệp,
Văn hóa so cũng kịp tha bang.
Xa thơ nay gãy giữa đàng,
Con tua giữ dạ cứu nàn giúp nguy.*

461.

*Học cho thấu máy linh cơ tạo,
Học cho toàn trí xảo văn minh.
Thâu tài hay nhập nước mình,
Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.*

- Dạy con trai không được đam mê sắc dục, ăn chơi trác táng:

581.

*Có chi trọng đàn ong xóm bướm,
Nơi phồn ba đậm nhuộm màu gian.*

*Đừng quen kết lữ vậy đoàn,
Cửa thanh lâu những nhộn nhàng gió trăng.*

MẸ DẠY CON GÁI: (TỪ CÂU 593 ĐẾN 712: 120 CÂU).

Con gái phải lo trau dồi Tứ Đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh, và giữ lấy Tam Tùng: Tùng phụ, Tùng phu, Tùng tử.

- Mẹ dạy con gái về **Dung**:

621.

*Phàm phận gái đừng hàng khuê các,
Phải trau tria tướng hạc bình mai.*

*Chín tầng cửa đóng then gài,
Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.*

- Mẹ dạy con gái về **Ngôn**:

625.

*Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.*

*Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
Tiếng tiêu khai phụng, phục người mới ngoan.*

- Mẹ dạy con gái về **Công**:

629.

*Gặp cơn rãnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.*

*Trăm nghề dầu chẳng đủ tài,
Dệt văn Tô Huệ gỡ đày chính phu.*

- Dạy con gái về **Hạnh**:

633.

Sửa từ nét ngày thâu tập tánh,

Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.

Xấu xa rách rưới lổa lỗ,

Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.

- Dạy con gái lúc chưa chồng thì ở nhà phải tùng Cha (**Tùng phụ**) và phải hiếu thảo với cha mẹ:

637.

Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,

Rán theo cha học lễ học văn.

Phép xưa tùng phụ đã rằng,

Dựa thân cội tử đợi hàng trượng phu.

641.

Thánh xưa dạy từ câu nói hiếu,

Đạo thờ thần chằm khịu nên kinh.

Tích xưa nhắc đến Đệ Oanh,

Thương cha nên phải bán mình kêu oan.

- Dạy con gái phải lựa chọn tấm chồng cho xứng đáng với tài sắc của mình:

653.

Đợi nơi cửa khách tìm thức ngọc,

Đừng đổ đường rời bốc đóa hoa.

Trông người so sánh với ta,

Lường tài cân sắc hiệp hòa mới nên.

- Dạy con gái khi có chồng thì phải tùng chồng (**Tùng phu**) và giữ lòng chung thủy với chồng:

673.

Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,

Phải tùng phu là phép xưa nay.

Mạnh Quang tích trước ghi tài,

Tề mi vẹn đạo chẳng nài khổ thân.

701.

Hễ thất nghĩa rẽ khinh kim cải,

Khó tưới hoa trở lại thanh tươi.

Hư nên cũng có một đời,

Hay chi thay đổi nhành mai sái mùa.

Hai đoạn: Mẹ dạy con trai và Mẹ dạy con gái rất quan trọng, tính theo số câu thì chiếm 1/4 tác phẩm.

Người Mẹ cần lợi dụng sự thương yêu gần gũi các con để nhỏ to dạy dỗ và khuyên nhủ con. Bởi vì nuôi một đứa con thì dễ, chớ việc dạy một đứa con nên người đạo đức hữu ích cho hơn quần xã hội là một việc muôn vàn khó khăn, đòi hỏi người cha, nhất là người mẹ phải tế nhị, sâu sắc và nhẫn nại.

Người phụ nữ, nếu gặp phải số phận bạc bẽo, gầy gánh giữa đường thì điều cao quý nhất vẫn là giữ lòng chung thủy với chồng, ở vậy nuôi con và dạy dỗ con, hy sinh bản thân mình để tạo sự nghiệp cho con, hơn là tái giá, bước thêm bước nữa (**Tùng tử**):

777.

Thôi đành gởi tâm hồn gió tuyết,

Theo nương con cho hết Tam Tùng.

Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,

Hoặc là chia dạ nào nùng với con.

Khi con đã khôn lớn nên người, người phụ nữ cần nên hướng về đường đạo đức tu hành:

969.

Tiếng U Minh tia lia gởi thăm,

*Giọng kinh khua cửa Phạm dập dồn,
 Câu kinh tiếng kệ gọi hồn,
 Kêu thương khách tục, giải lòng người nhân.*

997.

*Rón rén trước Phật ngồi cúi gập,
 Mấy lạy trình mấy nấc tương tư.
 Mạnh tâm xin gọi bấy chừ,
 Nương theo thuyền huệ vào bờ Tương giang.*

Nhìn lại cuộc đời đã qua, thấy rõ như là một giấc mộng, có chồng có con, mưu cầu danh lợi chỉ là chuỗi thăm đeo sấu.

1109.

*Ngắm thế cuộc chẳng bằng một giấc,
 Kiếp phù sinh đặng thất là bao.
 Nhãng là đeo thăm chác sấu,
 Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.*

Người phụ nữ lúc bấy giờ nên xuất gia tu hành, tâm đường Thiên đạo thì mới mong giải khổ và thoát khổ.

1153.

*Thay đạo phục bước xãng lánh thế,
 Mời thi kinh, tối kệ giải lòng.
 Từ bi hứng giọt lành dương,
 Lau thanh trái chủ, lấp đường nghiệt căn.*

1233.

*Vẹn Nhơn đạo đi lần nẻo chánh,
 Đến vô ưu đặng lánh nhơn luân.*

*Thuyền con mịch mịch như rừng,
 Đon đường Thánh đức hỏi chùng Như Lai.
 Tu thì nên luyện đạo và sẽ được đắc đạo tại thế:*

1249.

*Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,
 Diệt lục trần xa lánh phạm tâm.
 Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
 Đoạt phương tự diệt, giải phẫn hữu sinh.*

1257.

*Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
 Linh quang đầy đặng tiếp hồng ân.
 Xác tại thế đã nên Thần,
 Ba mươi sáu cõi đặng gần linh Thiên.*

Rán cầm viết ghi lại những kinh nghiệm sống của đời mình để lưu lại khuyên dạy Nữ phái:

1381.

*Gắng cầm viết nín hơi sống rớt,
 Để năm vân khắc cốt nữ lưu.
 Dứt tình ái, giải sầu ưu,
 Hễ thương thì cũng lo mưu giữ mình.*

Nhiệm vụ đã xong, linh hồn thoát xác về Tiên, hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn:

1397.

*Buông ngọn viết vào làn mây trắng,
 Hễ có thương nhớ dạng là hơn.
 Cảnh Thiên gọi tắt hương hồn,
 Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.*

1401.

Đời đời danh chí CAO ĐÀI.

Tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận của Tiên Nương Đoàn Thị Điểm viết ra vào năm 1933, lúc đất nước ta còn phong kiến và Pháp thuộc, nên thích hợp với hoàn cảnh xã hội thời đó, nhưng so với hoàn cảnh của người phụ nữ thời nay có nhiều đổi mới thì tác phẩm có một số chi tiết không còn thích hợp nữa.

Tuy nhiên, đứng trên mặt tổng quát, đặt nặng phần căn bản mà xem nhẹ chi tiết, thì tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận này rất có giá trị về 2 phương diện: văn chương và giáo dục.

– Lời thơ bóng bẩy, đầy âm điệu, ý tứ thanh cao, góp phần làm phong phú nền văn hóa Việt Nam.

– Nội dung giáo dục chủ yếu dành cho Nữ phái, nhưng không phải không có dạy Nam phái, góp phần củng cố nền tảng đạo đức gia đình, đúng theo chủ trương Nho tông Chuyển thể của Đạo Cao Đài, để từ đó xây dựng nền phong hóa Việt Nam càng lúc càng tốt đẹp, làm gương mẫu cho toàn nhơn loại, đúng theo Thánh ngôn của Đức Chí Tôn:

“Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong.”

**NHỮNG GIỚI HẠN THỜI GIAN
TRONG NỮ TRUNG TÙNG PHẬN**

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận vào 1933, trong một hoàn cảnh lịch sử của đất nước Việt Nam vô cùng rối ren và đen tối.

Người Pháp đã đặt ách đô hộ hoàn toàn lên Nam Kỳ và Bắc Kỳ (Miền Nam và miền Bắc Việt Nam), còn Trung Kỳ thì người Pháp bảo hộ, họ duy trì chế độ vua quan nhà Nguyễn làm bù nhìn cho chúng, để chúng thẳng tay đàn áp các phong trào Cách mạng hay Cần Vương của các sĩ phu yêu nước.

Người Pháp đã đem nền văn minh cơ khí tiên bộ của họ và nền văn hóa Thiên Chúa giáo sang khai hóa dân tộc ta, khiến người dân Nam cảm thấy rất xa lạ, thấy nó như các phép thuật của ma quỷ, nên người Việt Nam yêu nước gọi người Pháp là đám Bạch quỷ (quỷ da trắng).

398.

Nào dân đen phép quỷ hớp hồn.

Người Việt Nam phải chịu trong cảnh nô lệ, tù đầy:

412.

Tài chi trong kiếp tội tù dã man.

Một số người Việt Nam bị Pháp dụ dỗ bằng miếng mồi danh lợi nên chạy theo ủng hộ Pháp, được Pháp cho làm quan, trở lại đàn áp các phong trào yêu nước chống Pháp, được Pháp dung túng cho bọn họ tham nhũng, bóc lột dân chúng:

421.

*Thất xã tắc dân mình nghịch chủng,
Quen nghề tham, lại những, quan gian.
Sâu dân một nước bạo tàn,
Mua quan bán chức nhõn nhàng cân đai.*

Do đó, Bà Đoàn Thị Điểm đã viết trong phần Mẹ dạy con trai phải tận trung với vua và tham gia phong trào Cần Vương:

369.

Quan thì phải tận trung vì chúa.

371.

Sang thì giữ vững ngai vàng.

378.

*Thương quê hương trọng ngai quân thần.
Ngọn rau tấc đất là ân.*

380.

Ưu quân ái quốc, vua cần dân nghinh.

386.

Đạo Cần Vương nêu tiếng thanh cao.

Đây là điều giới hạn về thời gian của tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, vì thời xưa, dưới chế độ quân chủ, vua cai trị dân một cách độc đoán, còn nay thì đã tiến đến thời tự do dân chủ, dù có vua đi nữa thì vua chỉ để tượng trưng cho nước, giữ phần nghi lễ, chớ không tham dự vào việc cai trị dân, mà quyền cai trị dân nằm trong tay của Chánh Phủ do dân trực tiếp hay gián tiếp bầu ra, dưới sự giám sát của Quốc Hội, một cơ quan hoàn toàn dân cử.

Vào năm 1933, xã hội Việt Nam vẫn còn ảnh hưởng nặng nề tính chất của thời quân chủ, nên quan niệm các vấn đề như:

- Trung với vua một cách cứng ngắt, hẹp hòi.
- Trọng Nam khinh Nữ, không cho phụ nữ đi học và làm quan.
- Duy trì chế độ đa thê, chồng chúa vợ tôi.

Đó là 3 vấn đề mà tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận còn bị giới hạn đối với xã hội Việt Nam tiến bộ ngày nay. Chúng ta đi chi tiết từng điểm một:

a) Vấn đề trung với vua:

Bà Đoàn đã viết như đã trình bày ở phần trên.

b) Vấn đề trọng Nam khinh Nữ:

Thuở đó, phụ nữ không được đi học và ra làm quan.

05.

*Bởi rẻ rúng thuyên quyền thiếu học.
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.*

17.

*Cửa Thánh miếu hã còn thiếu gái.
Chốn quyền môn Nữ lại vẫn không.*

35.

*Rừng Nho biển Thánh tinh tinh,
Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.*

Ngày nay, Nam Nữ đã hoàn toàn bình đẳng với nhau, con gái được học hành y như con trai, lại còn có phần giỏi hơn con trai, số học trò Nữ thường đông hơn Nam. Có

nhiều phụ nữ đậu các bằng cấp rất cao như: Thạc Sĩ, Bác Sĩ, Tiến Sĩ.

Phụ nữ được làm tất cả các công việc, các ngành nghề y như Nam phái, kể cả các ngành Chánh Trị, Kinh Tế, Văn Hóa. Nhiều phụ nữ đã làm Dân Biểu, Nghị Sĩ, Bộ Trưởng, Thủ Tướng, Quản trị kinh doanh, Luật Sư, Bác Sĩ, Dược Sĩ, v.v...

c) Vấn đề đa thê, chồng chúa vợ tôi:

Trong Nữ Trung Tùng Phận Bà Đoàn Thị Điểm đã viết:

– Người đàn bà bị xem như món đồ chơi:

19.

Vật chơi ở chốn khuê phòng.

– Chồng chúa vợ tôi, người vợ không có quyền quyết định các việc trong gia đình:

113.

Thân lòn cúi vợ tôi chồng chúa.

119.

*Dâu cho lúc đứng khi ngồi,
Chàng là chúa cả, thiếp thời gia nô.*

– Người đàn ông được xã hội cho phép lấy nhiều vợ:

139.

*Thung dung quân tử hảo cừ,
Năm thê, bảy thiếp mặc dầu trắng hoa.*

709.

Trai bảy thiếp cũng cho chẳng hại.

Ngày nay, luật pháp nước Việt Nam cấm hẳn đa thê, chỉ cho phép một vợ một chồng, Tân Luật của Đạo Cao Đài cũng không cho phép đa thê.

Phụ nữ ngày nay được hoàn toàn bình đẳng với Nam phái trong mọi lãnh vực, về quyền lợi cũng như về trách nhiệm, đối với Đời cũng như về mặt Đạo, không còn cảnh chồng chúa vợ tôi, cử án tề mi.

Trong quan niệm chồng chúa vợ tôi của thời đó, Bà Đoàn Thị Điểm đã xây dựng một mẫu người vợ với đạo Tùng Phu (trong Tam tùng) một cách quá mức đến độ người vợ mất hẳn cá tính, giống như một nữ kịch sĩ chỉ lo diễn xuất cho trọn vẹn vai tuồng làm vợ, chớ không hề có chút gì sống thực với chính bản thân mình:

61.

*Dâu khôn mấy giả ngu cho thuận,
Phải bao nhiêu cũng nhận lỗi lầm.*

67.

*Chiều vui dưới trướng ngoài màn.
Ép nhớ thương làm điếc làm đui.*

81.

*Hiếu thương ghét giả cam phận đại,
Biết nên hư chẳng cãi cho cùng.*

91.

*Dâu chàng đối dạ én anh,
Tề mi vẹn đạo, giữ gìn phép khuôn.
Nâng khăn trấp giải buồn quân tử,
Hầu tầu trà giác ngủ không an.
Chàng vui thiếp cũng vui càn,*

Chàng buồn thiếp tựa bên màn khóc theo.

III.

*Trăm năm kim cải cũng chồng,
Trái duyên vẫn vẹn đạo tông mà thôi.*

Người phụ nữ thời nay, khi đọc những đoạn thơ có nội dung chồng chừa vợ tôi, chắc chắn rất lấy làm bất mãn trước bao nỗi bất công mà người phụ nữ thời xưa phải gánh chịu, và cảm thấy lòng vừa đau đớn vừa thương xót.

Tuy nhiên chúng ta cũng nhận thấy Bà Đoàn đã thấy rõ những nỗi bất công đó, nên có lúc Bà muốn đứng lên tranh đấu mạnh mẽ cho quyền lợi của phụ nữ:

1325.

*Thấy nhi nữ kiếp căn mỏng mảnh,
Muốn bình lời làm mạnh đỡ nâng.*

Nhưng bà lại sợ, vì luân lý xã hội với truyền thống lâu đời lúc bấy giờ chưa cho phép:

1327.

*Lại e lời đạo nhơn luân,
Đỡ dang gia pháp, vương thần loạn ngôi.*

Bà nhận thấy rằng, nguyên nhân chủ yếu của các bất công đó là do phụ nữ ít học, dốt nát, thiếu tài năng, nên Bà khuyến khích phụ nữ, việc đầu tiên là phải lo học tập, trau dồi kiến thức:

01.

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.*

Bà cũng muốn đòi hỏi bình quyền giữa vợ và chồng:

85.

*Ngoài mặt phép, chàng sao thiếp vậy,
Giữa cửa công, phải quấy đồng thân.*

113.

Đạo phu thê như đũa nên đôi.

Nhưng đứng trước một xã hội còn nặng nề đầu óc quan liêu phong kiến, tiếng nói đòi hỏi của Bà trở thành tiếng than uất ức:

160.

Phải chi vợ dám phụ phàng môi sao?

Và khi Bà viết đoạn Mẹ dạy con trai cách đối xử với vợ, phải thương yêu vợ, đối xử bình đẳng với vợ và giữ lòng chung thủy với vợ, thì chúng ta thấy rõ Bà vốn chủ trương vợ chồng bình đẳng với nhau:

533.

*Con đừng thấy phụ nhân nan hóa,
Cầm hôn hoa vầy vãi thân hoa.
Vợ con thay phận mẹ già,
Nuôi con mẹ cậy bóng ngà nữ dung.*

537.

*Khi sớm tối lạnh nồng có kẻ,
Thân mật con đừng để giữ con.
Mẹ lo trong lúc còn non,
Vợ con lo lúc thân mòn gối rung.*

541.

Nếu khổ cực cùng chung chia sớt,

*Dâu sang hèn đừng bớt tình nồng.
Hễ là vào đạo vợ chồng,
Hư nên đều có của ông công bà.*

545.

*Con chớ ý mình là nam tử,
Chiếm chủ gia, hẹp xử thế nhi.
Đừng xem ra phận tiện tỳ,
Quyền trong nội trợ cũng bì đồng nhau.*

Tóm lại, đứng trên mặt tổng thể của tác phẩm, 3 điểm giới hạn vừa nêu trên chỉ là một phần nhỏ mà thôi. Ngoài những điểm hạn chế nhỏ này ra, toàn bộ phần lớn còn lại của tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận đều có tánh cách phi thời gian và không gian, tức là có giá trị bất hủ trong mọi trường hợp.

Do đó, tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận vẫn có giá trị giáo dục rất cao. Đương nhiên khi áp dụng vào việc giáo dục phụ nữ thời nay, hay thời sau này nữa, dù là sự giáo dục trong cửa Đạo Cao Đài hay là sự giáo dục ngoài xã hội, cần phải bớt đi những phần hạn chế không thích hợp, giữ lại và phát huy tất cả những phần thích hợp. Điều đó là cần thiết vì sự tiến hóa tất nhiên của Nhơn sanh.

TỨ ĐỨC & TAM TÙNG ĐỐI VỚI PHỤ NỮ THỜI NAY

- Tứ Đức.
- Tam Tùng.
- Tứ Đức & Tam Tùng của phụ nữ Cao Đài.

Khi mở đề nói về Tứ Đức và Tam Tùng đối với người phụ nữ thời nay, có một số không ít chị em khoát tay lia lia cho rằng cái đó là cổ hủ, lỗi thời rồi. Đời tự do dân chủ, Nam Nữ bình quyền, thời khoa học văn minh tiến bộ, Nữ còn giỏi hơn Nam mà đem chuyện Tứ Đức và Tam Tùng cách đây hơn 25 thế kỷ ra bàn luận áp dụng cho phụ nữ có phải là trật đường rầy chăng?

Nhưng xin thưa rằng, trước khi chúng ta nặng lời phê phán, chúng ta cũng nên bình tâm dành chút ít thời gian tìm hiểu trở lại một cách rõ ràng Tứ Đức, Tam Tùng là gì, hay dở ra làm sao, để tránh những điều ngộ nhận sai trái đáng tiếc.

I. TỨ ĐỨC:

Tứ Đức là 4 đức tốt của người phụ nữ. Tứ Đức gồm: Công, Dung, Ngôn, Hạnh.

I. Công:

Công là chăm sóc việc nhà cho sạch sẽ, trật tự, vén khéo; thuê thừa may vá, nấu nướng món ăn, nuôi dạy con cái.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn Thị Điểm dạy về Công:

629.

Gặp cơn rãnh nhà lan vắng khách,

*Công chi kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề dầu chẳng đủ tài,
Dệt văn Tô Huệ, gỡ đày chinh phu.*

Trong phần Công, Bà Đoàn còn dạy phụ nữ nên dành thì giờ lo học tập, trau dồi kiến thức.

Nếu người phụ nữ trong nhà để cho nhà cửa dơ dáy đầy rác bẩn, đồ đạc vứt bỏ lung tung, không biết nấu ăn, áo đứt nút không biết cầm kim kết lại, con cái mặt mày lem luốc, quần áo dơ dáy, thử hỏi người ta sẽ đánh giá trị người phụ nữ ấy ra sao?

2. Dung:

Dung là vẻ mặt và dáng dấp bề ngoài. Phụ nữ cần chăm sóc dung nhan cho tươi tắn, tướng đi dịu dàng, cử chỉ từ tốn đoan trang, thân thể sạch sẽ, quần áo thơm mát gọn gàng.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Dung:

621.

*Phàm phận gái đứng hàng khuê các.
Phải trau tria tướng hạc hình mai.
Chín tầng cửa đóng then gài,
Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.*

3. Ngôn:

Ngôn là lời nói phải thành thật, ngay thẳng, dịu dàng, xác đáng, gây được tình cảm tốt đẹp trong mọi người; tránh lời thị phi, đâm thọc, xảo trá lợi mình hại người.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Ngôn:

625.

Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,

*Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
Tiếng tiêu khai phụng, phục người mới ngoan.*

Nếu người phụ nữ không giữ gìn lời nói, phát ngôn bừa bãi, chua ngoa, gian xảo, nói lời thô tục, người ta sẽ đánh giá trị người phụ nữ ấy như thế nào?

4. Hạnh:

Hạnh là tánh nết hiền lành, hòa nhã, hiếu thảo, kính trên nhường dưới, khoan dung, đoan chính.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Hạnh:

633.

*Sửa từ nết, ngày thâu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.
Xấu xa rách rưới lỏa lổ,
Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.*

Nếu người phụ nữ không giữ tánh nết cho hoà nhã đoan chánh, để cho buông lung lăng loàn, hay cãi lẫy bướng bỉnh, ác độc, ích kỷ, thì người ta sẽ đánh giá trị người phụ nữ ấy thế nào?

Đó là ý nghĩa của Tứ Đức, nó là tiêu chuẩn để định giá trị của phụ nữ. Như thế, chúng ta nhận thấy ai ai trong giới phụ nữ cũng đều đang có Tứ Đức, nhưng có điều là ở mức độ nhiều ít, đầy đủ hay thiếu sót thế thôi.

Tứ Đức là 4 điều hết sức cần thiết, đến độ xem là tự nhiên sẵn có của phụ nữ. Nhờ Tứ Đức mà giá trị của phụ nữ được nâng cao. Không cần phải giàu sang quyền quý hay là trí thức mới có đủ Tứ Đức, người nghèo khó, dốt nát, quê mùa cũng vẫn có Tứ Đức. Chính Tứ Đức mới định giá trị

thực sự của phụ nữ. Giá trị này không do phần son, nước hoa hay quần áo đắt tiền đúng kiểu thời trang.

Chỉ có hạng phụ nữ bị xã hội chê bỏ mới không có Tứ Đức mà thôi.

II. TAM TÙNG:

Tam Tùng hay Tam Tông là 3 điều nên theo của phụ nữ. Tam Tùng gồm: Tùng phụ, Tùng phu, Tùng tử, tức là:

- Tại gia tùng phụ,
- Xuất giá tùng phu,
- Phu tử tùng tử.

I. Tại gia tùng phụ: *Ở nhà thì tùng theo cha.*

Điều này rất đúng đắn và tự nhiên, bởi vì cha mẹ sanh ra mình, nuôi mình lớn lên, dạy cho biết điều hay lẽ thiệt, thì mình phải vâng lời cha mẹ là lẽ đương nhiên. Tuy nhiên, tùng cha mẹ nhưng phải ý thức là tùng theo lẽ phải và đạo đức, chớ không phải tùng theo một cách mù quáng máy móc.

Phần cha mẹ thì phải là người hiền lương chơn chất, hết lòng thương con, lo lắng cho con, dạy dỗ con thành người tốt hữu ích cho gia đình và xã hội.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Tùng Phụ:

637.

Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,

Rán theo cha học lẽ học văn.

Phép xưa tùng phụ đã rằng,

Dựa thân cội tử đời hàng trượng phu.

Chỉ không tùng cha khi nào lời dạy bảo của cha không hợp với luân lý đạo đức và trái với lẽ phải. Trong trường hợp

này, người con cần phải hết sức khiêm tốn, nhỏ nhẹ nhưng cương quyết, năn nỉ cha xét lại, tranh đấu cho lẽ phải bằng tình thương yêu một cách tế nhị để khuyên lơn cha.

2. Xuất giá tùng phu: *Có chồng thì tùng theo chồng.*

Trời phú cho người đàn ông một sức khỏe mạnh mẽ, một ý chí cương quyết, nên người chồng đảm nhận trách nhiệm kinh tế, lo làm việc sanh lợi nuôi sống gia đình gồm vợ và các con. Do đó, một cách rất tự nhiên, người vợ nhường cho chồng quyền làm chủ gia đình, làm chỉ huy trưởng, còn vợ thì phụ tá, làm chỉ huy phó. Mọi việc trong gia đình, người vợ cần đóng góp ý kiến cho chồng giải quyết, nhưng dành cho chồng quyền quyết định sau cùng.

Đó là tùng theo chồng, với điều kiện chồng sáng suốt và tài năng, chớ không phải như thời xưa qui định chồng chúa vợ tôi, chồng xem vợ như kẻ nô tỳ.

Nữ Trung Tùng Phận:

673.

Đến lúc đã chung phòng hòa hợp.

Phải tùng phu là phép xưa nay.

Sự tùng theo chồng là hình thức phân chia trách nhiệm giữa vợ và chồng trong gia đình.

Trong công bằng xã hội, Nam Nữ bình quyền, phong tục và tập quán thời nay cũng như Luật pháp chỉ cho phép một vợ một chồng. Người đàn ông chỉ được có một vợ, và người phụ nữ chỉ được có một chồng, và vợ chồng phải sống chung thủy với nhau.

3. Phu tử tùng tử: *Chồng chết thì theo con.*

Tùng theo con, không có nghĩa là nghe lời con hay bị

con chỉ huy, mà ý nói rằng, khi chồng chết thì người vợ nên ở vậy, thủ tiết với chồng, quên mình mà lo tạo dựng cho con.

Thật ra, đây không phải là điều bắt buộc, thời xưa cũng như thời nay, mà chỉ là lời khuyên. Nếu người vợ còn trẻ tuổi, luân lý và luật pháp không cấm người vợ tái giá khi mãn tang chồng.

Việc người quả phụ bước thêm bước nữa là việc bình thường, và chúng ta cũng thường thấy như thế. Nhưng nếu người phụ nữ ấy thủ tiết với chồng đã chết, ở vậy thờ chồng nuôi dạy con khôn lớn thì đó mới là điều phi thường, đáng tôn trọng. Cái khó khăn mà người ta không làm được, mình làm được thì mới đáng quý, đáng bậc tiết liệt, vì nó thể hiện lòng cứng cỏi bất khuất, chiến thắng dục vọng tầm thường.

Không có chiến công vẻ vang nào bằng tự thắng được dục vọng của mình.

Tôn giáo thì luôn luôn mong muốn người phụ nữ sống cao thượng, cho nên khuyến khích người phụ nữ khi chồng chết thì không nên tái giá, ở vậy thờ chồng nuôi con và xây dựng cho con. Tuy nhiên, đây chỉ là sự chỉ vẽ đường lối có tánh cách khuyến khích, chớ không bắt buộc. Người phụ nữ tùy ý lựa chọn con đường mình đi, muốn mình sống bình thường như bao nhiêu phụ nữ khác hay muốn trở nên bậc phi thường. Người phụ nữ có quyền tự do lựa chọn và định đoạt cuộc đời mình.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn viết về Tùng tử:

777.

*Thôi đành gởi tâm hồn gió tuyết,
Theo nương con cho hết Tam Tùng.*

*Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,
Hoặc là chia dạ nào nùng với con.*

III. TỨ ĐỨC & TAM TÙNG CỦA PHỤ NỮ CAO ĐÀI:

1. Thể Pháp và Bí Pháp của Nhơn đạo:

Phần I (Tứ Đức) và phần II (Tam Tùng) vừa trình bày bên trên là Thể Pháp của Nhơn đạo của người phụ nữ.

Nếu người phụ nữ nào làm tròn được Thể Pháp này thì được bước vào Thần vị. Riêng người tín nữ Cao Đài cần tiến lên một nấc thang kế tiếp là *Bí Pháp của Nhơn đạo*.

Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy như sau:

“Tam Tùng, Tứ Đức là về phần Nữ phái:

– *Tùng phụ*: Như người con gái phải giữ trọn tiết trinh, cũng như kẻ tín đồ phải giữ tròn danh Đạo.

– *Tùng phu*: Như bóng với hình, tức nhiên phải ví mình như một trong Thánh thể, tùng Hội Thánh vậy.

– *Tùng tử*: là phải vì đám hậu sanh mà quên mình đặng tạo nên sự nghiệp tương lai cho chúng, tức nhiên là bốn phận của Chức sắc vậy.

– *Công, Dung, Ngôn, Hạnh*: tức là việc làm cho con nơn sanh thoát khổ, lời nói để đưa đường giáo hóa, hành vi cử chỉ để treo gương mặt thế, tức là phải biết nâng cao giá trị của Thánh thể Đức Chí Tôn, nét na đậm thắm, giữ trọn thương yêu, tức nhiên là làm nền móng cho Đại đồng Thế giới.”

Người nữ tín đồ Cao Đài thực hành trọn vẹn Thể Pháp và Bí Pháp của Nhơn đạo thì đắc Thánh, bước vào Thánh vị.

2. Tam Tùng và Tứ Đức theo Thiên đạo:

Khi đã làm trọn được Tam Tùng và Tứ Đức ở Thể

Pháp và Bí Pháp của Nhơn đạo, người nữ tín đồ Cao Đài cần tiến lên một nấc thang cuối nữa, cho Tam Tùng và Tứ Đức thăng hoa lên đến tột bậc để bước vào Thiên đạo, thì mới được giải thoát khỏi vòng luân hồi.

– **Tùng phụ:** Tùng Cha, Cha đây là Đấng Cha Trời, là Đại Từ Phụ. Phải tuân theo lời dạy của Đấng Cha Trời, siêng năng tu tiến thì linh hồn mới trở bước lên phẩm vị cao sang.

Nữ Trung Tùng Phận:

1251.

*Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
Đoạt phương tự diệt, giải phần hữu sanh.*

– **Tùng phụ:** Theo chồng, chồng thuộc Dương, vợ thuộc Âm, vợ chồng hòa hợp thì cũng như sự tu luyện làm cho 2 khí Âm Dương trong cơ thể tương hiệp nhau, tức là đạt được Ngũ Khí triều ngưng, Tinh Khí Thân hiệp nhất, đắc đạo tại thế.

Nữ Trung Tùng Phận:

1257.

*Ngũ Khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đây đặng tiếp hồng ân.
Xác tại thế đã nên Thần,
Ba mươi sáu cõi, đặng gần Linh Thiên.*

– **Tùng tử:** Sau khi đắc đạo rồi, còn phải trở lại diu dắt những đứa con đang đại khờ chìm đắm trong vòng vật dục, để chúng sớm giác ngộ mà quay trở lại con đường Đạo.

Nữ Trung Tùng Phận:

1261.

Hiệp Tạo Hóa cầm quyền chuyển thế,

Dạy vạn linh dụng thế từ bi.

Sanh ấy ký, tử là qui,

Diệu huyền cơ tạo chẳng gì gọi hơn.

– **Công:** Từ chỗ chăm làm việc nhà, phát triển lên làm việc cho xã hội, truyền bá kinh sách giáo hóa người đời, phụng sự nhơn sanh, để tạo công đức tu hành mau tinh tấn.

Nữ Trung Tùng Phận:

1267.

*Ham phương cứu thế độ nhơn,
Giải mê khách tục, cõi trần lánh xa.*

– **Dung:** Tiến lên bồi đắp sắc đẹp tinh thần, thể hiện bằng tình thương bao la cứu giúp chúng sanh thoát khổ.

Nữ Trung Tùng Phận:

1269.

*Lấy bác ái làm hòa vạn vật,
Đem thiện duyên xây nấc thang hồng.
Đoạn căn, đóng chặt Âm cung,
Tòa sen chín phẩm để cùng Phật tâm.*

– **Ngôn:** Từ chỗ nói năng đoan chính đem lại hòa ái cho mọi người, tiến lên nói điều đạo đức, thuyết minh giáo lý khai mở tâm tánh cho nhơn sanh thức tỉnh, học đạo tu hành.

Nữ Trung Tùng Phận:

1185.

*Gót nhân ái đến nhà kẻ bệnh,
Giọng từ bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trời cầm,
Lấy hơi hòa nhã dẹp lần bỉ thô.*

– **Hạnh:** Từ đức tánh hiền hòa khiêm tốn, tiến lên đến mức khiêm tốn tối đa để chinh phục người đời, phổ độ người đời vào đường đạo đức, lập hạnh từ bi cứu vớt chúng sanh đồng thoát khổ.

Nữ Trung Tùng Phận:

1229.

*Lấy tâm chánh làm cân đong thế,
Cậy lòng lành làm kẻ dều đời.
Chông gai, vạch bước thành thời,
Cầm phương cứu khổ độ người trăm luân.*

Tóm lại, Tứ Đức và Tam Tùng trong Thiên đạo chỉ là sự thăng hoa đến mức cao tột của Tứ Đức và Tam Tùng trong Nhơn đạo của người phụ nữ Đạo Cao Đài.

GIẢI THÍCH HÌNH BÌA, TÊN SÁCH, KHẢO ĐÍNH

- Giải thích hình bìa.
- Giải nghĩa tên sách.
- Khảo đính một số từ ngữ.

I. GIẢI THÍCH HÌNH BÌA:



Bên trên là những con chim, đó là những con **Hạc Đạo**. Bên dưới là chiếc **Thuyền Tình** lướt trên **Khổ hải**.

Hình vẽ trên ứng với 2 câu thơ:

1227.

*Tâm ẩn ái giúp Chí Linh,
Biển mê chèo chiếc thuyền tình độ nhân.*

Tâm ẩn ái: Lòng trắc ẩn thương yêu.

Chí Linh: Rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn.

Biển mê: Mê là mờ hồ lắm lạc. Trái với Mê là Giác. Mê là còn khổ, còn phiền não, nên là chúng sanh; Giác là hết khổ, an lạc, nên là Phật. Biển mê chính là Biển khổ (Khổ hải). Chúng sanh đang trầm luân trong Biển mê, gây ra lắm oan nghiệt mà không biết nên cứ mãi mãi luân hồi chuyển kiếp nơi cõi trần ai phiền não.

Độ nhân: Cứu giúp người.

Thuyền tình: Trong văn chương, Thuyền tình được dùng với ý nghĩa là chiếc thuyền chở tình yêu của đôi Nam Nữ theo câu thơ cổ: “**Nhất phiến tình chu dĩ đáo ngạn.**” nghĩa là: Một chiếc thuyền tình đã đến bờ, ý nói tình yêu của đôi Nam Nữ đến bờ hạnh phúc, kết hôn với nhau thành vợ chồng và sống hạnh phúc bên nhau.

Theo nghĩa này, trong Truyện Kiều có câu:

*Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
Thì đà trăm gẩy, bình rơi bao giờ.*

Ở đây, Đoàn Tiên Nương dùng chữ Thuyền Tình với ý nghĩa được thặng hoa lên thành chiếc thuyền của tình thương yêu, thuyền bác ái, chiếc thuyền từ bi, mà Đức Quan Âm Bồ Tát chèo trên Biển khổ để cứu độ nhơn sanh đưa qua Bờ giác.

Tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận này được ví như chiếc Thuyền Tình thương yêu cứu giúp chị em Nữ phái vượt qua Khổ hải đến nơi Bờ giác, đắc đạo, thung dung tự tại như những con Hạc đạo tự do bay liệng trong không trung.

II. GIẢI NGHĨA TÊN SÁCH:

Nữ Trung Tùng Phận. **Nữ:** Đàn bà con gái, phụ nữ. **Trung:** Ở giữa, ở trong. **Nữ trung:** Trong giới phụ nữ, tức là chỉ giới phụ nữ. **Tùng:** Theo. **Phận:** Bốn phận.

Nữ Trung Tùng Phận là những bốn phận mà phụ nữ phải tùng theo. Người phụ nữ muốn được mau tiến hóa về tâm linh, thì phải lo làm tròn các bốn phận của mình trong phần Nhơn đạo. Sách Nữ Trung Tùng Phận vẽ đường cho người phụ nữ làm tròn Nhơn đạo. Nhơn đạo xong thì tiến lên Thiên đạo. Thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá, nên không cần phải tu luyện, chỉ cần lo lập công quả phụng sự nhơn sanh. Người phụ nữ lập công quả một thì Đức Phật Mẫu cho hưởng hai, nên phụ nữ nếu chịu lo tu thì mau đắc đạo hơn Nam phái rất nhiều.

III. KHẢO ĐỊNH MỘT SỐ TỪ NGỮ:

Chúng tôi có 3 bốn Nữ Trung Tùng Phận do Hội Thánh xuất bản:

- 1) Bốn năm Nhâm Thìn (1952).
- 2) Bốn năm Bính Ngọ (1966).
- 3) Bốn năm Quý Sửu (1973).

Chúng tôi so sánh 3 bốn này thì nhận thấy có một số từ ngữ không đồng nhất với nhau (không kể việc in sai chính tả). Do đó, chúng tôi nghiên cứu ý nghĩa của câu thơ trong đoạn thơ bốn câu để chọn chữ thích hợp nhất.

Thí dụ: **Câu 11:**

- Bốn Nhâm Thìn (1952): *Thêm duyên chước quý gieo tình.*
- Bốn Bính Ngọ (1966): *Thêm duyên chước quý giao tình.*
- Bốn Quý Sửu (1973): *Thêm duyên chước quý giao tình.*

Chúng tôi nhận thấy chữ giao tình hợp nghĩa hơn,

nên chúng tôi chọn chữ *giao tình* thay vì gieo tình. Những chữ chọn được in nét đậm và xiên. Xin ghi ra sau đây những từ ngữ sai biệt đó:

ẤN BẢN NĂM

	Nhâm Thìn (1952)	Bính Ngọ (1966)	Quý Sửu (1973)
C.260	<i>truông trần.</i>	trần truông.	trần truông.
C.292	thương thấy.	<i>thương ấy.</i>	<i>thương ấy</i>
C.364	Canh Độc.	<i>Canh Mục.</i>	<i>Canh Mục.</i>
C.381	<i>tinb trung.</i>	<i>tinb trung.</i>	trinh trung.
C.396	chữ dạ.	<i>giữ dạ.</i>	<i>giữ dạ.</i>
C.446	<i>khai phát.</i>	khai thác.	khai thác.
C.525	<i>phu phụ.</i>	phụ tử.	phụ tử.
C.566	<i>sau phước.</i>	sau trước.	sau trước.
C.581	<i>xóm bướm.</i>	cánh bướm.	cánh bướm.
C.588	<i>Nơi cân.</i>	Noi cân.	Noi cân.
C.600	treo duyên.	<i>trao duyên.</i>	<i>trao duyên.</i>
C.613	<i>cũng nếm.</i>	cũng nếm.	cũng nếm.
C.652	Trá hôn.	<i>Trá ngôn.</i>	<i>Trá ngôn.</i>
C.699	<i>đức tánh.</i>	đức hạnh.	đức hạnh.
C.700	<i>Dở dang.</i>	<i>Dở dang.</i>	Dang dở.
C.702	<i>trở lại</i>	trở lạ.	trở lạ.
C.728	<i>đổi đầu.</i>	đổi đầu.	đổi đầu.
C.740	<i>biết sống.</i>	thiết sống.	thiết sống.
C.748	<i>Gãm thân.</i>	<i>Gãm thân.</i>	Gắn thân.
C.825	<i>bóng hồng.</i>	bóng hồng.	bóng hồng.
C.841	<i>soi bóng.</i>	soi dòng.	soi dòng.

C.989	<i>năng nong.</i>	<i>năng nong.</i>	năng hồng.
C.1016	<i>cổi phiên.</i>	đổi phiên.	đổi phiên.
C.1029	<i>hệp mặt.</i>	gặp mặt.	gặp mặt.
C.1055	minh mệnh.	<i>mông mênh.</i>	<i>mông mênh.</i>
C.1134	<i>căn sanh.</i>	căn xưa.	căn xưa.
C.1152	<i>kiếm lời.</i>	để lời.	để lời.
C.1156	<i>nghiệt căn.</i>	nghiệp căn.	nghiệp căn.
C.1159	sông mê.	<i>bến mé.</i>	<i>bến mé.</i>
C.1192	thiên hương.	<i>thiên lương.</i>	<i>thiên lương.</i>
C.1248	<i>gọi quen.</i>	gọi quen.	gọi quen.
C.1313	<i>tiết ngọc.</i>	thiết ngọc.	thiết ngọc.
C.1362	giục đá.	<i>giục già.</i>	<i>giục già.</i>
C.1388	<i>hương hồng.</i>	hương nong.	hương nong.

Đó là một số các từ ngữ có sai biệt mà chúng tôi cố gắng liệt kê ra để tượng trưng. Ngoài ra, chúng tôi có sửa những lỗi chánh tả theo các quyển Từ Điển Chánh Tả hiện hành.

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

ĐỨC NGUYÊN: Chú thích

01

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.
Gươm thư giúp sức gươm hùng,
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.*

Chú thích:

Văn hóa: Văn là vẻ đẹp, hóa là biến đổi. Nghĩa đen, văn hóa là biến đổi trở nên tốt đẹp. Nghĩa tổng quát, văn hóa là tất cả những công trình vật chất và tinh thần của con người đã sáng tạo ra để làm cho cuộc sống được tốt đẹp hơn. Nghĩa hẹp, văn hóa là văn chương để giáo hóa con người. **Trau tria:** Giới mài cho trở nên tốt đẹp và tài giỏi hơn. **Nữ phách:** Phách là tinh thần, khí phách. Nữ phách là khí phách của người phụ nữ, tinh thần của người phụ nữ. **Kinh luân:** Trong công việc của người thợ dệt, chia các sợi tơ ra gọi là Kinh, so các sợi tơ lại cho bằng đầu thì gọi là Luân. Kinh luân, dùng theo nghĩa bóng là sắp đặt, sửa sang các việc chánh trị trong nước một cách khéo léo tài giỏi như việc kéo tơ dệt lụa. **Thúc thách:** Thúc giục và thách đố. **Quần hồng:** Cái quần màu đỏ, chỉ đàn bà con gái. Thời xưa ở bên Tàu, các nhà giàu thường cho con gái mặc quần màu đỏ. **Gươm thư gươm hùng:** Thường nói là Gươm thư hùng hay Thư hùng kiếm. Gươm thư là cây gươm má, chỉ người vợ; gươm hùng là cây gươm trống, chỉ người chồng. Cặp gươm thư hùng có đủ âm dương, nếu dùng một cây thì tác dụng của nó bình thường, nhưng nếu dùng 2 cây thư và hùng phối hợp thì tác dụng của nó tăng lên gấp bội, vì có đủ

âm dương. Gươm thư hùng là chỉ một cặp vợ chồng đồng tâm nhứt trí, vợ tài giỏi giúp chồng làm nên sự nghiệp vẻ vang. **Điểm tô:** Tô điểm, bồi đắp cho tốt đẹp thêm. **Nghiep cả:** Sự nghiệp lớn. Cả là lớn. **Con Rồng cháu Tiên:** Đồng nghĩa với con Hồng cháu Lạc, chỉ dân tộc Việt Nam. (*Hồng: Hồng Bàng; Lạc: Lạc Long Quân*).

Theo truyền thuyết trong cổ sử nước ta, vua Đế Minh, cháu 3 đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh tỉnh Hồ Nam, gặp một nàng Tiên, rồi lấy làm vợ, sanh ra Lộc Tục. Vua Đế Minh có 2 người con: Con lớn là Đế Nghi được cho làm vua ở phương Bắc, còn Lộc Tục được cho làm vua ở phương Nam, lấy hiệu là Kinh Dương Vương. Vua Kinh Dương Vương lấy nàng Long Nữ, con gái của Động Đình Quân, sanh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm lên nối ngôi Kinh Dương Vương, lấy hiệu là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ, con của vua Đế Lai, sanh ra một cái bọc 100 trứng, nở ra 100 người con trai. Lạc Long Quân bảo Bà Âu Cơ rằng: *“Ta là dòng dõi Long Quân (vua Rồng), nàng là dòng dõi Thần Tiên, ăn ở với nhau lâu không đặng, nay được 100 đứa con, nàng đem lên núi 50 đứa, còn 50 đứa ta đem xuống miền Nam Hải.”* Lạc Long Quân phong con trưởng làm vua nước Văn Lang, xưng hiệu là Hùng Vương, lập ra họ Hồng bàng, truyền được 18 đời, đều xưng là Hùng Vương, tính cả thấy được 2622 năm. (*Theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim*)

Dân tộc Việt Nam là con cháu của Lạc Long Quân (*Vua Rồng*) và Bà Âu Cơ (*Tiên Nữ*), nên thường tự hào là *“con Rồng cháu Tiên.”*

05

*Bởi rẻ rúng thuyên quyen thiếu học,
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.*

Tinh thần cao thấp nhờ thi,

Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.

Chú thích:

Rẻ rúng: Coi thường, coi không có giá trị gì hết. **Thuyên quyen:** Xinh đẹp dịu dàng, chỉ con gái hay đàn bà đẹp. **Thiếu học:** Không được học hành. **Chí thân:** Rất gần gũi thân thiết. Chí là rất, thân là gần gũi thương yêu. **Tơ tóc:** Xe tơ kết tóc, ý nói kết thành vợ chồng. **Cũng khi:** Cũng khinh rẻ, cũng coi thường. **Tinh thần:** Phần vô hình sáng suốt tốt đẹp nhất trong con người. Chính cái tinh thần này làm chủ thể xác và điều khiển các hoạt động của thể xác. **Thi:** Thơ, ý nói văn chương thơ phú. **Dục tài:** Chữ Hán, Dục là nuôi nấng; tài là khả năng làm được việc. Dục tài là nuôi nấng tài năng cho phát triển. **Nữ sĩ:** Người phụ nữ có học thức, có tài viết văn và làm thơ. **Sánh bì:** So sánh để có thể cân bằng được. **Nam:** Đàn ông con trai.

Hai câu 5-6: Theo tục lệ thời xưa, con gái không được phép đi học nên phải chịu phận dốt nát, khiến cho con trai khinh rẻ. Do đó, dầu là vợ chồng với nhau rất gần gũi thương yêu mà người chồng cũng không tránh khỏi khinh khi vợ.

Hai câu 7-8: Nhờ học văn chương thơ phú mà tinh thần của con người được trời cao. Cần phải nuôi dưỡng tài năng của các Nữ sĩ để Nữ phái vương lên đứng ngang hàng cùng Nam phái.

09

*Chinh phụ trước treo nên giá quý,
 Ấng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
 Thêm duyên chước quý giao tình,
 Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.*

Chú thích:

Chinh phụ: Vợ của người lính đi đánh giặc phương xa. Chinh là đánh giặc, phụ là vợ. Trong Câu 9, Chinh phụ là chỉ tác phẩm “Chinh Phụ Ngâm” do Bà Đoàn Thị Điểm diễn nôm viết ra hồi Bà sanh tiền. **Giá quý:** Giá trị cao quý. **Ấng văn:** Một bài văn, một khúc thi văn. **Nhuệ khí:** Cái vẻ mạnh mẽ toát ra ngoài. **Cầu vinh:** Cầu mong sự vẻ vang. Vinh là vẻ vang. **Duyên:** Cái vẻ hài hòa tế nhị đáng yêu tạo cho người con gái một sức hấp dẫn tự nhiên. **Chước quý:** Cách sắp đặt khôn khéo rất hay. **Giao tình:** Tình cảm bạn bè giao tiếp với nhau. **Mỹ ngôn:** Lời nói đẹp. Mỹ ngôn không phải là lời nói văn chương bóng bẩy, mà là lời nói thanh nhã dịu dàng, gây được sự hòa hảo giữa mọi người trong gia đình. **Nương ý:** Dựa theo các ý kiến để dung hòa cho được tốt đẹp giữa mọi người.

Hai câu 9-10: Bà Đoàn Thị Điểm, trong kiếp sanh, đã diễn nôm, viết nên tác phẩm “Chinh Phụ Ngâm”. Đó là một áng văn chương có giá trị cao quý để lấy đó làm thế mạnh cầu mong đạt đến sự vinh hiển.

Hai câu thơ này, một lần nữa xác nhận chính Bà là người diễn nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn, bởi vì học giả Hoàng Xuân Hãn đưa ra thuyết nói rằng: “*Bản diễn nôm này là của Ông Phan Huy Ích, nhưng còn có chỗ hồ nghi.*”

13

*Nấu kinh sử ra mùi sơn phấn,
 Cầm bút nghiên đặng thắm má đào.
 Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
 Xây hình thực nữ giặm màu nước non.*

Chú thích:

Kinh sử: Kinh là sách do các bậc Thánh Hiền viết ra, thí dụ như Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân Thu,...; sử là sách chép lại các việc xảy ra trong nước theo thời gian. **Nấu Kinh sử:** Do thành ngữ “*Nấu sử xôi kinh*”, ý nghĩa là học tập kinh sử một cách nhuần nhuyễn để đi thi. **Bút nghiên:** Cây viết và bình mực. Bút nghiên là chỉ việc văn chương. **Thắm:** Có màu sắc đậm và tươi. **Má đào:** Gò má ửng hồng như màu hoa đào, chỉ con gái đẹp. **Thắm má đào:** là làm cho con gái thêm xinh đẹp. **Quần xoa:** Cái quần và cái chải cài tóc, chỉ giới phụ nữ. **Xoa tức là Thoa:** Cái chải cài tóc. **Đỡ:** Chống đỡ. **Ngọn binh đao:** Cái mũi nhọn của khí giới và của cây đao. Đỡ ngọn binh đao là ý nói chống ngăn quân giặc. **Thực nữ:** Người con gái hiền lành, nết na. Thực là đức tánh hiền lành. Kinh Thi: *Yếu diệu thực nữ, Quân tử hảo cừ.* (Người con gái nết na xinh đẹp, xứng đôi cùng người quân tử.) **Giặm:** Kết thêm vào chỗ thiếu sót. **Giặm màu nước non:** Ý nói thêm cái công chống giặc bảo vệ tổ quốc.

Hai câu 13-14: Người con gái sẵn có sắc đẹp, lại được trang bị thêm kiến thức văn chương thì vẻ đẹp càng cao quý hơn nữa.

Hai câu 15-16: Phụ nữ cũng phải biết chống giặc để bảo vệ tổ quốc. Phải xây dựng người phụ nữ hiền lành xinh đẹp có thêm cái công bảo vệ tổ quốc. “*Xây hình thực nữ giặm màu nước non*” gợi lên một bức tranh sơn thủy, nếu chỉ có non

và nước thì bức tranh có vẻ thiếu sót, nếu giặm thêm vào đó bóng dáng người thực nữ thì bức tranh mới toàn bích.

17

*Cửa Thánh miếu hơi còn thiếu gái,
Chốn quyền môn nữ lại vẫn không.
Vật chơi ở chốn khuê phòng,
Đã cam phận vợ để chồng cầm duyên.*

Chú thích:

Thánh miếu: Miếu thờ Đức Thánh Khổng Tử và các vị Thánh Hiền của Nho giáo. **Cửa Thánh miếu:** Chỉ giới Nho sĩ thời xưa, tức là giới trí thức khoa bảng. **Hơi:** Từ ngữ biểu thị ý muốn kêu lên để than thở. **Quyền môn:** Cửa quyền, nơi làm việc của quan lại. **Chốn quyền môn:** Ý nói giới quan lại cầm quyền cai trị dân chúng. **Vật chơi:** Món đồ chơi. **Khuê phòng:** Nơi đàn bà con gái ở. Khuê là cái cửa buồng nhà trong. **Cam:** Đành chịu vậy. **Duyên:** Mối dây ràng buộc thành vợ chồng.

Hai câu 17-18: Trong giới trí thức khoa bảng, cũng như trong giới quan lại (*thời xưa*) vẫn không có phụ nữ góp mặt vào. (*Đây là một thiệt thòi rất lớn cho phụ nữ*).

Hai câu 19-20: Thời xưa quan niệm trọng Nam khinh Nữ, cho rằng “*Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*” (*một đứa con trai gọi là có, 10 đứa con gái gọi là không*), vì con trai mới được nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên; lại cho phép đàn ông cưới nhiều vợ, chồng chúa vợ tôi. Do đó: Người phụ nữ chỉ được xem là món đồ chơi nơi khuê phòng, cam đành chấp nhận số phận làm vợ tùy thuộc hoàn toàn vào chồng, và người chồng cầm quyền định đoạt tất cả các công việc trong gia đình.

21

*Phần nội trợ trăm phiền đeo đẳng,
Đạo phụ cơ đã nặng cho mình.
Duyên may chồng đã nghĩ tình,
Còn cha còn mẹ có đành phận đâu?*

Chú thích:

Nội trợ: Lo liệu sắp đặt các việc sinh hoạt hằng ngày trong gia đình để giúp đỡ người chồng. Nội là bên trong. Trợ là giúp đỡ. **Trăm phiền:** Trăm thứ phiền phức, bức bối. **Đeo đẳng:** Theo đuổi mãi, không dứt bỏ được. **Đạo:** Nguyên tắc, đường lối phải theo trong cuộc sống chung đụng trong xã hội. **Phụ:** Vợ. **Cơ:** Người đàn bà đẹp, vợ nhỏ. **Đạo phụ cơ:** Đường lối mà người vợ trong gia đình phải theo để cư xử cho đúng phép. **Duyên may:** Số phận may mắn dành cho mình. **Nghĩ tình:** Nghĩ đến tình thương yêu mà dành cho sự tốt đẹp. **Đành:** Cam chịu. **Phận:** Bối phận.

Câu 22: Cái bốn phận làm một người vợ trong gia đình đã là nặng nhọc lắm rồi.

Câu 23-24: Có được cái số phận may mắn là chồng nặng tình thương yêu, nhưng còn có cha mẹ chồng thì làm con dâu đâu có đành lòng mà không lo tròn bốn phận.

25

*Nỗi em chị bởi đâu chẳng thuận,
Nỗi nhi tôn lẫn bản bên lưng.
Nỗi nhà, nỗi bếp, nỗi lân,
Nỗi trong thân tộc, nỗi gần, nỗi xa.*

Chú thích:

Nỗi: Sự tình, tình cảnh không hay xảy ra ảnh hưởng đến tình cảm con người. **Nỗi em chị:** Tình cảnh giữa chị em.

Nhi tôn: Con cháu. Nhi là con, tôn là cháu. **Lấn bán bên lưng:** Quanh quần bên mình, không rời ra được. **Nôi lán:** Tình cảnh cư xử với xóm giềng. **Thân tộc:** Những người bà con trong dòng họ. **Nôi gần nôi xa:** Những tình cảnh xảy ra ở gần bên mình và những tình cảnh xảy ra ở cách xa mình.

29

*Trên lo thảo, giữa hòa, dưới thuận,
Ngoài nên danh, trong vững mỗi giếng.
Nôi trông hương hỏa giữ bền,
Giúp nên chồng có phẩm quyền cao sang.*

Chú thích:

Thảo: Hiếu thảo, quan tâm săn sóc cha mẹ, ông bà. **Ngoài nên danh:** Bên ngoài tạo được tiếng tăm tốt. **Trong vững mỗi giếng:** Trong nhà thì giữ vững khuôn phép gia đình. Mỗi giếng là chỉ khuôn phép gia đình. **Hương hỏa:** Nhang đèn, chỉ sự thờ cúng tổ tiên. Hương là cây nhang đốt cháy tỏa mùi thơm. Hỏa là lửa, chỉ cây đèn. **Phẩm quyền:** Chức tước và quyền hành. **Cao sang:** Ở bậc cao quý và sang trọng.

Câu 31: Tâm trạng của người vợ là trông mong sanh đặng con trai để nối dõi dòng họ nhà chồng, giữ bền việc thờ cúng tổ tiên.

33

*Mảng lo lắng chữ nhàn nào rõ,
Hướng để công đến ngõ Khổng Trình.
Rừng Nho biển Thánh thình thình,
Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.*

Chú thích:

Mảng: Mãi miết. **Mảng lo lắng:** Mãi lo lắng. **Hướng:** Phương chi, không có cách gì. **Ngõ:** Cái cổng. **Khổng Trình:**

Đức Khổng Tử và Ông Trình Di. Đức Khổng Tử là Giáo chủ Nho giáo. Trình Di, hiệu là Y Xuyên, một bậc đại nho vào thời nhà Tống bên Tàu. **Ngõ Khổng Trình:** Ý nghĩa giống như “cửa Khổng sân Trình”, chỉ trường dạy chữ Nho, nơi đào tạo nhân tài trí thức thời xưa. **Rừng Nho biển Thánh:** Chữ của Thánh Hiền nhiều như cây trên rừng, sâu rộng như biển. Ý nói việc học không biết đến bao giờ mới biết hết được. **Thình thình:** Thênh thang. **Nữ lưu:** Nữ phái. Lưu là một ngành, một phái. **Thấu:** Biết rõ. **Thi thơ:** Ý nói kinh sách. Thơ là sách.

Câu 34: Không có cách gì để làm cái công việc là đến trường học văn chương chữ nghĩa.

37

*Kính tổ hiền nôi thờ nôi phụng,
Tể tông đường lo cúng lo đơm.
Kiến thân viếng sớm thăm hôm,
Chua cay rõ miếng cơm ngon cá bùi.*

Chú thích:

Tổ hiền: Tiếng con cháu kính xưng Tổ tiên đã chết. **Thờ:** Tôn kính bằng sự lễ bái. **Phụng:** Phục vụ. **Tể tông đường:** Cúng tế tổ tiên nơi nhà thờ của dòng họ với nghi thức long trọng. **Đơm:** Sắp đặt thức ăn vào đĩa. **Kiến thân:** Thăm viếng cha mẹ. Kiến là gặp gỡ thăm viếng, thân là chỉ cha mẹ. **Chua cay:** Ý nói khổ cực vất vả.

41

*Lưới lừa miếng nhai cơm lũ trẻ,
Kiêng vật ăn đặng để nuôi con.
Còn con nòi giống chồng còn,
Mảnh thân đành chịu hao mòn với ai?*

Chú thích:

Lửa miếng: Chọn lựa miếng ăn. **Kiêng vật ăn:** Tránh không ăn vì sợ có hại sức khỏe. **Xanh mày:** Mày xanh, chỉ thời thanh xuân tuổi trẻ.

45

*Còn gặp thuở xanh mày lịch sắc,
Dâng hình hoa treo mắt bướm ong.
Nào là hương đượm lửa nồng,
Nết khuôn giữ vẹn chữ đồng lương nhân.*

Chú thích:

Lịch sắc: Nhan sắc xinh đẹp. Lịch là xinh đẹp. **Hình hoa:** Hình dáng đẹp đẽ của người con gái. Hoa là chỉ người con gái. **Dâng:** Đưa lên. **Treo mắt:** Treo trước mắt để ngắm, ý nói khêu gợi sự ham muốn. **Bướm ong:** Hai loại sinh vật thích hút mật nhụy hoa. Bướm ong gặp hoa thì liền đáp vào để hút mật. Hoa tượng trưng con gái, bướm ong tượng trưng các chàng trai. Trai gặp gái thường hay đến gần chọc ghẹo tỏ tình. **Hương đượm lửa nồng:** Tình yêu thắm thiết sâu đậm giữa vợ chồng. Đượm là thắm sâu. Nồng là đậm đà. Hương lửa là tình yêu thắm thiết giữa vợ chồng. **Nết khuôn:** Nết na và khuôn phép cư xử trong nhà. **Chữ đồng:** Đồng là cùng chung. Hễ là vợ chồng thì nghèo chung chịu, giàu chung hưởng, khổ chung lo. Chữ đồng là ý nói sự liên kết mật thiết giữa vợ chồng. **Lương nhân:** Người tốt, người lành. Khi xưa, vợ gọi chồng là Lương nhân. Lương là tốt, nhân là người.

49

*Muốn trau chuốt mặt ngấn thân dịu,
Vẽ cho hay mày liễu má đào.
Thương gìn lúc ốm khi đau,
Sợ chê xấu phận, cậy màu phấn son.*

Chú thích:

Trau chuốt: Sửa sang tô điểm cho đẹp hơn. **Mặt ngấn thân dịu:** Gương mặt sáng đẹp, mình mẩy mềm mại dịu dàng. Ngấn là sáng bóng, dịu là mềm mại dịu dàng. **Mày liễu:** Cặp chân mày cong và nhỏ như lá liễu. Do câu thơ của Bạch Cư Dị đời Đường: Phù dung như điện, liễu như mi (*Mặt như hoa phù dung, mày như lá liễu*).

Hai câu 51-52: Thương chồng nên lo gìn giữ nhan sắc, lúc ốm đau, nước da xanh tái, sợ chồng chê xấu xí, nên phải nhờ phấn son trang điểm.

53

*Minh mỏng mảnh sức non nớt yếu,
Đỡ nâng chồng vốn thiếu tay co.
Không toan sớm dúi chiều no,
Lựa là tứ hải ngũ hồ giúp nhau.*

Chú thích:

Tay co: Cánh tay đặc lực. Khi nói người nầy là cánh tay mặt hay cánh tay đặc lực của Giám Đốc, có nghĩa người nầy là một cộng sự viên thân tín và đặc lực, giúp Giám Đốc giải quyết thành công nhiều việc khó khăn rất hợp ý. **Toan:** Tính toán, lo liệu. **Lựa là:** Lọ là, hướng chi. **Tứ hải Ngũ hồ:** Bốn biển năm hồ, ý nói khắp thế giới. Như thường nói: *Năm châu bốn biển*.

Câu 54: Giúp đỡ chồng vì chàng vốn thiếu người cộng sự thân tín và đắc lực.

Hai câu 55-56: Lo liệu không hết việc cơm nước sáng chiều, huống chi là việc anh em giúp nhau trong khắp năm châu bốn biển.

57

*Cút tựa cửa phòng đào giấu dạng,
Ngoài nước non nào hẳn với chênb.
Mảng trong thắm nghĩa nặng tình,
Để công bẻ liễu, bản bình trượng phu.*

Chú thích:

Phòng đào: Phòng của người vợ ở. **Giấu dạng:** Giấu kín hình bóng của mình. **Với chênb:** Không đây, nghiêng lệch, chỉ sự đổi thay, lúc thế này lúc thế khác. **Mảng:** Mãi miết. **Thắm nghĩa nặng tình:** Tình nghĩa thương yêu sâu nặng. **Bẻ liễu:** Ý nói lấy người con gái làm vợ. Liễu là loại cây mềm yếu tha thướt nên được ví với người con gái. **Bản bình:** **Điển tích:** Lý Uyên bắn trúng mắt con chim sẻ vẽ trên tấm bình phong, nên được Ông Đậu Nghi gả con gái là Đậu thị cho. Bản bình là ý nói cưới được vợ đẹp. **Trượng phu:** Vợ gọi chồng là Trượng phu.

61

*Dầu khôn mấy giả ngu cho thuận,
Phải bao nhiêu cũng nhận lỗi lầm.
Phòng đào giữ rủi rơi trâm,
Sợ lời hơi sắt, tiếng cầm lạc cung.*

Chú thích:

Dầu khôn mấy: Dù có khôn ngoan cách nào đi nữa. **Giả ngu:** Giả vờ mình ngu dại. **Phải bao nhiêu:** Dù mình có

được lẽ phải bao nhiêu đi nữa. **Trâm:** Cái trâm cài tóc của phụ nữ. Nó thường được dùng làm vật đính hôn giữa trai và gái. Nếu cái trâm rủi bị gãy thì nó báo hiệu cuộc tình duyên gặp trở ngại, có khi đổ vỡ. **Giữ rủi rơi trâm:** Giữ gìn không cho cái trâm rơi gãy, ý nói: Giữ cho tình thương yêu giữa vợ chồng được toàn vẹn mãi. **Hơi sắt tiếng cầm:** Tiếng đàn sắt đàn cầm. Sắt cầm là ví đôi vợ chồng, nên thường nói: *Sắc cầm hảo hiệp, loan phụng hòa minh.* **Lời:** Không giữ được chặt chẽ. **Lạc cung:** Cung đàn lạc điệu, ý nói vợ chồng không hòa hợp với nhau.

Hai câu 63-64: Trong nhà, người vợ cố gắng giữ gìn không để xảy ra sơ sót vì sợ ảnh hưởng xấu đến sự hòa hợp giữa vợ chồng.

65

*Thử từ nét khi chung lúc chạ,
Giống từ hơi hòa nhã tợ loan.
Chiều vui dưới trướng ngoài màn,
Nhãng lo ngại nỗi phụ phàng ái ân.*

Chú thích:

Thử từ nét: Người vợ làm một việc nào đó để xem phản ứng của chồng như thế nào, qua đó biết được tính nết của chồng. **Chung chạ:** Sống chung đụng với nhau đến mức không còn phân biệt cái nào là của riêng mình. **Giống từ hơi:** Nghe ngóng từ cái hơi trong giọng nói của chồng để đoán biết ý chồng. **Hòa nhã:** Hòa hợp tốt đẹp. **Tợ loan:** Loan là chất keo làm bằng máu chim loan, để nối dây đàn bằng tơ khi dây đàn đứt. Tợ loan là chỉ dây đàn. **Chiều vui:** Chiều theo ý chồng để chồng vui vẻ. **Trướng:** Bức màn che có thêu hình trang trí cho đẹp. **Nhãng:** Những, chỉ. **Phụ phàng:** Đối xử bạc bẽo.

Câu 66: Nghe ngóng từ giọng nói của chồng để đoán biết ý chồng mà chiều theo cho tình vợ chồng hoà hợp tốt đẹp.

69

*Nghe từ lệnh, cúi vâng từ mạng,
Nhọc lòng chi nào dám dỉ hơi.
Sợ cơn giông gió tới bời,
Trà mi sơ sẩy hoa rời rã bông.*

Chú thích:

Từ lệnh, Từ mạng: Mạng lệnh của mẹ. Từ là tiếng để chỉ người mẹ. **Dỉ hơi:** Xi hơi, kêu than cho hả hơi. **Trà mi:** Loại hoa đẹp như hoa hồng, chỉ con gái đẹp. **Sơ sẩy:** Không cẩn thận để xảy ra điều đáng tiếc.

Hai câu 71-72: Lo sợ những tai biến xảy đến (*giông gió tới bời*) không khéo thì làm cho thân gái phải chịu cảnh tan nát đau khổ (*hoa rời rã bông*).

73

*Che đậy kín tường đông ong bướm,
Giấu nhặt nghiêm nhụy tương hương hình.
E khi vách có âm thanh,
Để gương lỗi đạo, lỗi tình phu thê.*

Chú thích:

Tường đông: Bức tường phía đông, chỉ nhà lán giếng phía đông. Thơ của Lý Bạch: *Tự cổ hữu tư sắc, Tây Thi tự đông lân.* (Từ xưa có sắc đẹp, Tây Thi ở nhà lán giếng phía đông). Tường đông chỉ nhà có con gái đẹp. **Ong bướm:** Đám con trai hay chọc ghẹo con gái. **Giấu nhặt nghiêm:** Giấu kín một cách nghiêm ngặt. **Nhụy tương hương hình:** Hình dạng và mùi thơm của nhụy hoa, ý nói sắc đẹp và đức hạnh của người con gái. **Gương:** Tắm gương soi, thấy ảnh của mình

trong gương, chỉ người phụ nữ vì thường phụ nữ soi gương để trang điểm. **Lỗi đạo:** Sai với đạo lý. **Phu thê:** Chồng vợ.

Câu 73: Che đậy kín đáo chỗ con gái đẹp ở, sợ đám con trai biết mà tới lui chọc ghẹo.

Câu 75: E sợ như vách có lỗ tai nghe được tiếng nói thì lộ chuyện ra hết, không giấu kín được nữa.

77

*Giao thân củ gân kẻ kẻ thiết,
Ép nhớ thương làm điếc làm đui.
Mặc người cha mẹ dễ duôi,
Ngoại tông nương phận ném mùi trần cam.*

Chú thích:

Giao thân: Giao tiếp thân mật. **Kẻ kẻ thiết:** Người thân. **Làm điếc làm đui:** Làm bộ như đui điếc để không thấy không nghe. **Cha dễ mẹ duôi:** Cha mẹ dễ tánh, rộng lượng. **Ngoại tông:** Dòng họ nhà chồng, do câu: Nữ sanh ngoại tộc, vì con gái khi lớn lên có chồng thì về ở nhà chồng. **Trần cam:** Ngon và ngọt, chỉ đồ ăn ngon. Làm con hiếu thảo thì phải dành những thức ăn ngon ngọt cho cha mẹ. Trần cam là chỉ sự phụng dưỡng cha mẹ.

81

*Hiếu thương ghét giả cam phận đại,
Biết nên hư chẳng cãi cho cùng.
Nên thì an phận kiếm cung,
Hư thì khổ vợ tội chồng chung nhau.*

Chú thích:

Kiểm cung: Chỉ người đàn ông, người chồng, vì kiếm cung

là 2 thứ binh khí mà đàn ông con trai thường luyện tập. **An phận kiếm cung:** An phận sống bên chồng.

Câu 81: Hiểu rõ lẽ thương lẽ ghét và những hậu quả của nó, nên đành giả vờ ngu dại để được người ta thương.

Câu 82: Biết rõ lẽ nên lẽ hư, nên chẳng dám tranh cãi cho tận cùng lý lẽ, vì sợ chạm tự ái, mích lòng.

85

*Ngoài mặt phép, chàng sao thiệp vậy,
Giữa cửa công, phải quấy đồng thân.
Vinh thì chàng mào thiệp cần,
Hèn thì chàng váy thiệp quần đối thay.*

Chú thích:

Ngoài mặt phép: Bên ngoài, về mặt pháp luật quốc gia. **Giữa cửa công:** Giữa nơi cơ quan nhà nước. **Phải quấy:** Việc đúng lẽ phải, việc sai trái sai quấy. **Đồng thân:** Cùng đem thân gánh chịu. **Váy:** Cái quần mà không có chia ra 2 ống.

Hai câu 85-86: Đối với luật pháp quốc gia hay trước cơ quan nhà nước, người vợ và người chồng đều bình đẳng, chịu trách nhiệm như nhau.

Câu 87: Khi vinh hiển, chàng làm quan thì mặc áo mào của triều đình, thiệp cũng được đội khăn. Ý nói khi về vang thì vợ chồng cùng hưởng. Cần là cái khăn bịt đầu.

Câu 88: Lúc nghèo nàn không đủ tiền mua quần áo mặc thì vợ chồng mặc quần áo chung, đối thay với nhau.

89

*Lấy khổ cực làm bài thuốc mển,
Dùng đau thương rừ quên thâm tình.
Dâu chàng đối dạ én anh,
Tê mi vện đạo, giữ gìn phép khuôn.*

Chú thích:

Mển: Thương yêu. **Bài thuốc mển:** Bài thuốc thương yêu.

Rừ quên: Rừ rê dụ dỗ. **Thâm tình:** Tình cảm sâu đậm. **Én anh:** Chim én và chim anh, chỉ việc chơi bởi trăng hoa. **Đối**

dạ én anh: Thay lòng đổi dạ, sanh ra chơi bởi phóng túng.

Tê mi: Ngang mày. Tê là ngang bằng, mi là lông mày. Do thành ngữ: *Cử án tê mi (nâng mâm cơm lên ngang mày)*,

chỉ sự cung kính của vợ đối với chồng, theo điển tích nàng Mạnh Quang. (Xem câu 675). **Vện đạo:** Trọn vẹn bốn phận của vợ đối với chồng. **Phép khuôn:** Phép tắc trong gia đình.

Câu 89-90: Dùng những nỗi khổ cực đã qua làm bài thuốc thương yêu trị bệnh chia rẽ ghen ghét. Dùng những nỗi đau thương vừa qua để dẫn dụ tình thương yêu thêm sâu đậm.

93

*Nâng khăn trấp giải buồn quân tử,
Hầu tầu trà giấc ngủ không an.
Chàng vui thiệp cũng vui cần,
Chàng buồn thiệp tựa bên màn khóc theo.*

Chú thích:

Nâng khăn trấp: Thành ngữ: Nâng khăn sửa trấp, ý nói vợ chăm sóc chồng. **Quân tử:** Tiếng vợ gọi chồng. **Vui cần:** Vui theo mà không cần biết trong lòng ra sao.

Câu 94: Vợ phải thức khuya dậy sớm để lo phục vụ chồng, rót rượu châm trà cho chồng.

Hai câu 95-96: Người vợ sống hoàn toàn tùy thuộc vào nhịp sống của chồng, khi chồng vui thì vui theo, khi chồng buồn thì buồn theo.

97

*Dòng Tương chảy thân bèo trôi nổi,
 Chẳng ai thương chữa lỗi bình lời.
 Chàng thì biến cả với với,
 Thiếp như bóng bọt giữa với linh đình.*

Chú thích:

Dòng Tương: Dòng nước mắt. **Điển tích:** Vua Thuấn đi tuần thú phương Nam và chết. Hai bà vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh đi tìm, đến bờ sông Tương ngồi khóc thảm thiết.

Chữa lỗi: Bào chữa những lỗi lầm. **Bình lời:** Dùng lời nói bình vực. **Với với:** Mênh mông, không thấy bến bờ. **Bóng bọt:** Cái bọt bong bóng nước rất mau tan vỡ. **Giữa với:** Giữa mặt nước mênh mông. **Linh đình:** Lênh đênh.

Câu 97: Người vợ than khóc cho tấm thân của mình như cánh bèo trôi nổi trên mặt nước, không biết đi về đâu.

Câu 99: Chàng thì biến biệt như đi vào biển cả mênh mông, không biết chừng nào trở về.

101

*Nếu gặp phước bố kinh đáng khách,
 Biết yêu hoa dưới gạch phòng thu.
 Rủi duyên gặp phải thường phu,
 Nhàn xuân thì trọn, gương thu dở cầm.*

Chú thích:

Bố kinh: do câu chữ Hán: Kinh thoa bố quần, nghĩa là trâm cài tóc bằng cây kinh, quần mặc bằng vải bò, chỉ người vợ

hiền đức, theo điển tích nàng Mạnh Quang (*Xem câu 675*).

Hoa: Cái hoa, chỉ người con gái. **Phòng thu:** Chỉ người con gái luống tuổi. **Phòng xuân:** là chỉ người con gái trẻ tuổi.

Nhàn xuân: Người con gái trẻ tuổi. **Gương thu:** Người con gái đã luống tuổi. Gương là chỉ người con gái vì con gái hay soi gương.

Thường phu: Người đàn ông tầm thường.

Dở cầm: Nửa muốn cầm, nửa muốn bỏ.

Câu 101: Nếu có phước thì người con gái hiền đức gặp được người chồng xứng đáng.

Câu 102: Vẫn biết yêu vợ lúc vợ đã luống tuổi.

105

*Khi lịch sắc trao trâm đáng giá,
 Con tàn hoa, keo rã sơn rời.
 Về hồng mắc mỏ bao mươi,
 Đưa cho quân tử trọn đời chủ trương.*

Chú thích:

Lịch sắc: Nhan sắc xinh đẹp. **Trao trâm:** Người con gái lấy cây trâm cài tóc trao cho bạn trai làm vật đính hôn.

Con tàn hoa: Lúc người vợ về già, sắc đẹp phai tàn. **Keo rã sơn rời:** Vợ chồng không còn gắn bó thương yêu nhau nữa. Keo sơn là chỉ sự gắn bó giữa vợ chồng.

Về hồng: Sắc đẹp tươi thắm của người con gái. **Mắc mỏ bao mươi:** Dù có đắt giá bao nhiêu đi nữa.

Chủ trương: Quyết định phương hướng hành động.

Hai câu 107-108: Cái sắc đẹp của người con gái dù có đắt giá bao nhiêu đi nữa, mà đã có chồng thì trao tất cả cho chồng quyết định đến trọn đời.

109

*Nhụy đương nở mùi thơm ngào ngạt,
 Dâng hình hoa lo lót con ong.
 Trăm năm kim cái cũng chồng,
 Trái duyên cũng vẹn đạo tông mà thôi.*

Chú thích:

Kim cái: Cây kim và hột cái, ý nói tình vợ chồng khấn khít nhau như nam châm hút cây kim, hổ phách hút hột cái. **Trái duyên:** Tình duyên ngang trái, bị chồng phụ bạc. **Đạo tông:** Bốn phận Tam tông của người phụ nữ.

Câu 109: Ý nói: Thời thanh xuân của người con gái.

Câu 109-110: Dâng cho chồng tất cả sắc đẹp và cái quý giá nhất của đời con gái để mong được chồng thương yêu.

Hai câu 111-112: Dầu thương yêu khấn khít cũng là chồng, dù phụ bạc cũng là chồng, người vợ suốt đời cũng vẫn gìn giữ trọn vẹn cái đạo Tam Tông mà thôi.

113

*Thân lòn cúi, vợ tôi chồng chúa,
 Đạo phu thê như đũa nên đôi.
 Dầu cho lúc đứng khi ngồi,
 Chàng là chúa cả, thiếp thời gia nô.*

Chú thích:

Thân lòn cúi: Hạ mình chiêu lụy. **Vợ tôi:** Vợ là bề tôi. **Chúa cả:** Ông chủ lớn. **Gia nô:** Đày tớ trong nhà.

Câu 113: Dưới thời quân chủ phong kiến xưa, người chồng có toàn quyền đối với vợ, chồng là chúa, vợ là bề tôi.

Câu 114: Đạo vợ chồng như đũa nên đôi. Hai chiếc đũa thì phải giống nhau và bằng nhau. Nếu thiếu 1 chiếc đũa thì

không thể gấp đồ ăn được. Như vậy vợ chồng phải bình đẳng nhau. Câu này có ý đối chọi với 2 câu: 113 và 116.

117

*May quan cả, rùi cho lê thú,
 Trong tộc gia cũng cứ phép nhà.
 Hèn người sang ấy của ta,
 Chê người ta lại cho là đáng khen.*

Chú thích:

Quan cả: Quan lớn. **Lê thú:** Dân đen, dân nghèo. Lê là màu đen, thú là đồng đảo. Lê thú đồng nghĩa với Lê dân. **Tộc gia:** Gia tộc, họ hàng trong dòng họ. **Phép nhà:** Gia pháp, phép tắc cư xử trong nhà.

Câu 117: May mắn thì lấy được chồng làm quan lớn, rùi phận thì lấy chồng là dân nghèo.

Câu 119-120: Cái mà người ta cho là hèn (*xấu*), nhưng trong hoàn cảnh của mình, cái ấy là sang (*tốt*) đối với mình. Cái mà người ta chê, thì cái ấy lại là đáng khen đối với mình.

Tại sao vậy? Bởi vì người phụ nữ ấy muốn an phận, cho những cái của mình hiện đang có được là tốt rồi, không cần phải đòi hỏi tiêu chuẩn cao hơn nữa.

121

*Chồng sang dặng, ta hèn chẳng quản,
 Chồng đẹp hình, ta mắng lo âu.
 E ra nhiều thiếp nhiều hầu,
 Rồi tham bề lụy, bỏ đào bơ vơ.*

Chú thích:

Chẳng quản: Chẳng ngại. **Mắng:** Mãi miết. **Đẹp hình:** Hình dáng đẹp đẽ, đẹp trai. **E ra:** Sợ rằng. **Thiếp:** Vợ nhỏ.

Hầu: Người con gái có bốn phận hầu hạ, mà cũng là vợ nhỏ. Thuở xưa, nhà giàu có thì người đàn ông, ngoài vợ chánh ra, còn được lấy thêm vợ nhỏ gọi là Thiếp, và bỏ tiền ra mua nàng Hầu để hầu hạ và sai vặt. **Lựu và đào:** Hai thứ trái cây mà trong văn chương dùng để tượng trưng người con gái. Thành ngữ: *Tham lựu bỏ đào*, ý nói có mới nới cũ, ham chuộng cái mới, bỏ bê cái cũ, chỉ người có lòng dạ đổi thay, không chung thủy.

Câu 124: Chồng ham mê vợ bé, bỏ bê vợ lớn bơ vơ.

125

*Hề xấu dạng thì như mặt thiếp,
Còn đẹp hình, nhất kiếp phù dung.
Mình thương người cũng thương cùng,
Còn như chẻ bỏ, lại dùng vào đâu?*

Chú thích:

Xấu dạng: Hình dạng xấu xí, xấu trai. **Như:** Nhục nhã. **Phù dung:** Tên một thứ hoa đẹp, dùng để ví sắc đẹp của người con gái. Hoa phù dung nở to vào sáng sớm có màu vàng rất đẹp, buổi trưa biến thành màu hồng, buổi chiều thì đổi sang màu đỏ thắm rồi tàn. **Kiếp phù dung:** Kiếp sống của người con gái đẹp. **Nhất:** Hay sợ sệt.

Câu 125: Hề chồng xấu trai thì nhục cho phận thiếp.

Câu 126: Còn chồng có hình dáng đẹp đẽ thì người vợ lo sợ có người con gái khác quyến rũ chồng mình.

129

*Kiểm xứng mặt mày râu dưới thế,
E không mưu đủ kể gìn duyên.
Còn theo thăm ván bán thuyền,
Trông chi giữ mảnh hương nguyên cùng nhau.*

Chú thích:

Xứng mặt: Người xứng đáng, có đủ tài đức và hình dung tốt đẹp. **Mày râu:** Do chữ Hán là Tu mi: Tu là râu, mi là mày, Tu mi là Râu mày, hay Mày râu, chỉ đàn ông con trai. **Dưới thế:** Trong đời. Thế là đời. **Không mưu đủ kể:** Không đủ mưu kế. **Duyên:** Sự gắn bó vợ chồng. **Thăm ván bán thuyền:** Mới đi thăm ván định mua để đóng thuyền mới mà đã lo bán thuyền cũ đi. Thành ngữ này có ý chê kẻ chưa có cái mới mà đã coi rẻ cái cũ. **Mảnh:** Một miếng. **Mảnh hương:** Một bó hương nhỏ. **Hương nguyên:** Hương là cây nhang đốt lên tỏa mùi thơm, nguyên tức là nguyên, ước muốn, thường nói thể nguyên, nghĩa là ước muốn mà phát ra lời thể. Những đôi trai gái yêu nhau thường đốt nhang khấn vái Trời Đất thể nguyên chung thủy với nhau.

Hai câu 131-132: Còn người chồng nếu theo cái tánh có mới nới cũ, mê theo vợ bé bỏ bê vợ lớn, thì có mong chi giữ được lời thể nguyên chung thủy cùng nhau khi trước.

Chú ý: Bản in Nữ Trung Tùng Phận của Hội Thánh, in là: “Thăm ván bán thuyền”, ý nghĩa hợp với câu thơ trong đoạn này hơn. Mong được sự góp ý của chư Đồng đạo.

133

*Lỡ lối cũ động đào lạc bước,
Khó cầm duyên đợi ngọc cầu Lam,
Thân Tiên dâu lỡ gót phàm,
Gương xưa lối rập, ai cầm làm chi?*

Chú thích:

Động đào: Động là cái hang núi. Đào là cây đào có hoa đào. Động đào là cái hang núi có cây đào mọc hai bên, và có hoa

đào rớt xuống, cảnh rất đẹp mắt. Động đào là chỉ cảnh Tiên theo điển tích sau đây:

Trong bài Đào Hoa Nguyên Ký của Đào Tiềm có kể lại rằng: Một người đánh cá ở huyện Vũ Lăng, bơi thuyền ngược theo dòng suối, hai bên bờ suối có mọc cây đào. Đi mãi, người ấy đến một hang núi, rời thuyền lên bộ, lách mình vào hang thì thấy phía sau hang núi nở rộng và hiện ra một khung cảnh tuyệt đẹp như cảnh Tiên, dân cư sống rất hạnh phúc. Người đánh cá trở về thuật chuyện cho mọi người biết. Sau người đánh cá muốn trở lại nơi đó, lần theo lối cũ là suối hoa đào (*Đào nguyên*), nhưng không tìm được lối vào cửa động.

Văn học thường dùng các từ ngữ: Động đào, Đào nguyên để chỉ cảnh Tiên, căn cứ theo điển tích này.

Ngọc cầu Lam: Cái chày bằng ngọc để giã thuốc mà Bùi Hàng dùng làm sinh lễ cưới nàng Vân Anh ở tại cầu Lam (*Lam kiều*) theo điển tích sau đây:

Bùi Hàng, người đời Đường, đi thi hồng, trở về nhà. Trên đường đi, Bùi Hàng gặp nàng Vân Kiều tặng bài thơ:

*Một chén quỳnh tương dễ cảm tình,
Chày sương giã thuốc gặp Vân Anh.
Lam kiều là chốn Thần Tiên đấy,
Len lối làm chi đất ngọc kinh.*

Ý của Vân Kiều là khuyên Bùi Hàng không nên len lối vào chốn quan trường ở kinh đô, mà nên đến Lam kiều (*cầu Lam*) là chốn Thần Tiên, dùng chày ngọc giã thuốc thì gặp được nàng Tiên Vân Anh.

Bùi Hàng đọc thơ xong thì lòng nghi hoặc, nhưng cũng thuê ngựa đi đến Lam kiều thử coi thế nào. Khi đến đấy thì Bùi Hàng cảm thấy khát nước lắm, phải dừng ngựa

lại, rồi vào nhà của một Bà Lão ở bên đường để xin nước uống. Bà Lão biểu cháu gái là Vân Anh bưng nước ra. Bùi Hàng nhìn thấy Vân Anh tuyệt đẹp thì nhớ lại bài thơ của Vân Kiều, liền nghĩ ý cầu hôn. Bà Lão nói: Trước đây, Tiên có cho Lão một thứ thuốc, bảo rằng phải có cái chày bằng ngọc, giã thuốc đủ 100 ngày thì uống được trường thọ. Lão định hỏi ai hỏi cưới Vân Anh thì phải có cái chày ngọc làm sinh lễ thì Lão mới gả, còn vàng bạc thì Lão đây không cần.

Bùi Hàng xin Bà Lão chờ để chàng lên đường đi tìm chày ngọc. Chàng may mắn tìm mua được chày ngọc, liền đem về Lam kiều dâng lên Bà Lão.

Bà Lão nói: Có được chày ngọc rồi thì ở đây giã thuốc cho Lão đủ 100 ngày mới được thành thân cùng Vân Anh.

Bùi Hàng làm y lời. Thuốc giã xong, Bà Lão uống ngay, rồi tổ chức đám cưới cho Bùi Hàng và Vân Anh.

Gương vỡ lại lành: Điển tích: Lạc Xương Công Chúa là em của Trần Hậu Chủ, vợ của Từ Đức Ngôn. Gặp lúc Trần Hậu Chủ bị Tùy Dương Đế đánh sắp thua tới nơi, Từ Đức Ngôn lúc đó nghĩ rằng chắc vợ chồng chàng khó được trọn vẹn cùng nhau, nên bảo vợ là Lạc Xương Công Chúa rằng: Công Chúa sắc tài gồm đủ, hễ nước mất đất bị nhà Tùy chiếm lấy, còn mong gì sum họp nhau lâu dài. Nếu nàng chưa dứt hẳn mối tình với tôi thì đây là tấm gương đã bể làm 2 mảnh, nàng giữ một mảnh, tôi giữ một mảnh, hẹn rằng về sau, cứ đến rằm tháng giêng mỗi năm thì nàng đem mảnh gương ra bán ở chợ Kinh đô, tôi sẽ tìm đến mà gặp nhau.

Đến khi nhà Trần mất, Lạc Xương Công Chúa lọt vào tay danh tướng nhà Tùy là Dương Tố; còn Từ Đức Ngôn lưu lạc gian nan. Khi yên giấc, chàng lần về kinh đô. Chàng y hẹn, ra chợ kinh đô vào ngày rằm tháng giêng, tìm thấy một người ăn mặc theo dáng đầy tớ, đem ra chợ bán một mảnh

gương, nói giá thật cao, ai cũng cho là điên khùng. Từ Đức Ngôn đến mời người ấy ra chỗ vắng, đem mảnh gương của mình ra ghép với mảnh gương kia thì khớp nhau. Chàng hỏi thì biết được Lạc Xương Công Chúa đang ở trong dinh của Dương Tố. Chàng viết bức thơ bảo người bán gương đem về cho Công Chúa. Công Chúa nhận thơ biết chồng mình còn sống, nên khóc lóc thảm thiết, tỏ hết sự tình cho Dương Tố rõ. Dương Tố là người anh hùng quảng đại, mời Từ Đức Ngôn đến, đem Công Chúa trả lại, còn tặng cho nhiều tiền bạc.

Thành ngữ: Gương vỡ lại lành, ý nói vợ chồng sau thời gian lạc xa nhau vì hoàn cảnh, nay được đoàn viên hạnh phúc.

Gương xưa lối ráp: Hai mảnh gương ráp lại không đúng khớp, ý nói tình duyên đổ vỡ không nối lại được.

Bốn câu thơ: 133, 134, 135, 136 đều nói về sự lỡ làng, tan vỡ của cuộc tình duyên vợ chồng.

Câu 133: Lỡ hết rồi, theo lối cũ đến động đào nhưng bị lạc bước. Ý nói không thể tìm lại được cảnh cũ người xưa.

Câu 134: Khó cầm giữ được cái duyên để chờ người đem chày ngọc tới cầu Lam. Ý nói duyên phận lỡ làng.

Câu 135: Tấm thân là một Tiên Nữ cõi Thượng giới là đã lỡ bước xuống cõi phàm trần đầy gió bụi.

Câu 136: Hai mảnh gương ráp không khớp nhau, đành chịu tình duyên tan vỡ.

137

*Nhẹ là bực, nặng chĩ tình nghĩa,
Để dùng riêng cho phía nữ lưu.
Thung dung quân tử hảo cừ,
Năm thẽ bảy thiệp mặc dẫu trắng hoa.*

Chú thích:

Búc: tức là bấc, ruột của cây diên điển, màu trắng, rất nhẹ, thường nói nhẹ như bấc. **Nặng chĩ:** Nặng như chì. **Nữ lưu:** Phái Nữ. Lưu là phái, ngành. **Thung dung:** Thong dong nhàn hạ. **Quân tử:** Tiếng vợ gọi chồng. **Hảo cừ:** tức Hảo cầu, nghĩa là đẹp đôi. **Trắng hoa:** Ngắm trăng xem hoa, chỉ sự lả lơi chơi giỡn không đứng đắn giữa nam và nữ. **Mặc dẫu:** Mặc sức làm, không ai ngăn cản.

Câu 139: Người chồng thong dong đi kiếm người con gái khác kết đôi. Ý nói người chồng có vợ bé.

141

*Nào có tưởng vợ nhà đau đớn,
Ôm tình si muôn lượng sầu than.
Máu ghen chẵn gối dẫy tràn,
Hình mai ủ dột sắc càng héo don.*

Chú thích:

Tình si: Tình yêu đắm đuối đến độ như ngây dại. **Muôn lượng:** Ý nói nhiều lắm. **Máu ghen:** Tánh hay ghen. Ghen là tức giận khi biết người hôn phối của mình ngoại tình. **Chẵn gối:** Cái mền và cái gối, chỉ sự ân ái của vợ chồng. **Dẫy tràn:** Tràn ra đầy dẫy. **Hình mai:** Hình dáng mỏng mảnh của người vợ. **Ủ dột:** Buồn rầu ảm đạm. **Héo don:** Héo úa như sắp mất hết sự sống.

Hai câu 143-144: Người vợ ghen tuông vì chồng ngoại tình nên hình dáng gầy mòn, mặt mày ủ dột buồn rầu, nhan sắc càng héo úa.

145

Hễ càng ngắm hao mòn đóa ngọc,
Càng riêng lo tơ tóc không bền.
Chàng vui cung nguyệt trao duyên,
Thiếp sầu sợ nén hương nguyệt bất thơm.

Chú thích:

Đóa ngọc: Chỉ người đàn bà đẹp quý phái. Đóa là cái hoa, chỉ đàn bà hay con gái; ngọc là đá quý, chỉ sự quý phái. **Tơ tóc:** Xe tơ kết tóc, chỉ sự kết duyên vợ chồng. **Cung nguyệt:** Cung trăng, nơi ở của Hằng Nga. Ở đây, cung nguyệt là chỉ nơi ở của người con gái đẹp. **Trao duyên:** Đưa cái duyên của mình cho người mình yêu, ý nói kết duyên thành vợ chồng. **Nén hương nguyệt:** Đồng nghĩa Mảnh hương nguyệt, nơi câu 132. Nén hương là một bó nhang nhỏ gồm vài ba cây.

Hai câu 147-148: Chàng vui vẻ cùng người con gái khác trao đổi duyên tình với nhau. Còn thiếp thì ở nhà rầu buồn lo sợ cho lời thề nguyện phai lạt dần, tình nghĩa vợ chồng không còn khẩn khít nữa.

149

Lo ngại rồi ra cơn mắt nết,
Vì ghen tương hết biết thân mình.
Dám toan tử tiết với tình,
Còn chi kể đến gia đình hư nết.

Chú thích:

Mắt nết: Mất đi cái tánh hạnh tốt đẹp lúc trước. **Ghen tương:** Biểu lộ sự tức giận khi biết chồng mình ngoại tình, tức là chồng mình đem tình yêu chia sẻ với một cô gái khác. Ghen tương là đặc tính của tình yêu ích kỷ của vợ đối với chồng, mà tình yêu nào lại không ích kỷ? **Tử tiết:** Tự tiết

chết mình để giữ tròn tiết nghĩa. Tiết nghĩa là lòng cứng cỏi quyết giữ đúng lẽ phải.

153

Nếu ôm ấp một bên thương nhớ,
Bệnh tương tư khó gỡ cho kham.
Nên toan đập nát cung cầm,
Vô duyên đành phận, sống làm chi đây?

Chú thích:

Tương tư: Trai gái thương nhớ nhau một cách tha thiết, quên ăn bỏ ngủ đến độ sanh bệnh, gọi là bệnh tương tư. **Gỡ:** Tháo ra cho hết rồi. **Kham:** Nổi, chịu đựng nổi. **Cung cầm:** Cầm là cây đàn, cung là thứ bực âm thanh phân ra trên cần đàn. Cung cầm là chỉ về âm nhạc, mà âm nhạc thì phải hòa. Đây là cái kỷ niệm lúc vợ chồng sống hòa hợp hạnh phúc bên nhau, lúc rảnh đem đàn ra ca hát với nhau. **Đập nát cung cầm:** Ý nói phá vỡ tình yêu.

157

Thương ra giận khó khuấy nổi nhớ,
Mối tơ duyên ai gỡ cho đang?
Hỡi người cỡi phụng giữa loan,
Phải chi vợ dám phụ phàng mới sao?

Chú thích:

Ai gỡ cho đang: Ai tháo ra cho được. **Cỡi phụng giữa loan:** Phụng loan là chỉ vợ chồng, phụng là con chim trống chỉ người chồng, loan là con chim mái chỉ người vợ, giữa là bỏ (từ ngữ xưa). Cỡi phụng giữa loan là cỡi con phụng bay đi, bỏ con chim loan ở lại, ý nói, chồng phụ bạc vợ, bỏ nhà ra đi. **Phụ phàng:** Đối xử tệ bạc không kể gì đến tình nghĩa thương yêu thuở trước.

Câu 160: Đây là tiếng nói uất hận của người vợ bị chồng phụ bạc. Luân lý của xã hội dành cho người chồng nhiều đặc quyền, gây bất bình đẳng giữa vợ chồng, làm người vợ uất ức, muốn nổi dậy tranh đấu cho quyền lợi của phụ nữ, nhưng không thể được, đành ôm hận thở than cho số kiếp.

161

*Tả nỗi thảm thêm đau mấy đoạn,
Mượn bút hoa đắp cạn thành sầu.
Tiếng tiêu dẫu lọt phụng lầu,
Hoặc may gỡ đặng dây sầu nữ nhi.*

Chú thích:

Đau mấy đoạn: Đau đớn như ruột bị cắt ra nhiều đoạn.

Bút hoa: Cây viết nở hoa. Nhà thơ Lý Bạch đời Đường nằm mộng thấy cán bút của mình nở hoa. Từ đó, thơ văn của Lý Bạch viết ra mỗi ngày một xuất sắc, tiếng tăm lừng lẫy. Bút hoa là cây bút viết ra văn chương đẹp như hoa. **Thành sầu:** Mối sầu muộn lớn lao, chứa cả một thành. **Đắp cạn thành sầu:** Làm cho sự sầu thảm bớt dần. **Tiếng tiêu:** Tiếng sáo thổi, chỉ tiếng nói nhỏ nhẹ của vợ khuyên can chồng. **Phụng lầu:** Cái lầu có con chim phụng đến đậu, ý nói nơi người chồng đến chơi bời. **Dây sầu:** Mối dây sầu muộn.

Hai câu 161-162: Mượn cây viết để ra mấy vần thi để tả nỗi sầu thảm của mình, lòng đau đớn như cắt ruột ra mấy đoạn, nhưng nhờ vậy mà nỗi sầu thảm vơi đi dần dần.

Hai câu 163-164: Tiếng nói nhỏ nhẹ của người vợ khuyên can chồng, nếu lọt tai chồng làm cho chàng thức tỉnh thì may ra mới tháo gỡ được mối dây sầu muộn của người vợ.

165

*Cầm bút ngọc để thi tự thuật,
Một kiếp sanh của bạc văn tài.
Nếu gương tuyết giá hậu lai,
Gỡ trong muôn một những bài sanh ly.*

Chú thích:

Bút ngọc: Cây viết quý như ngọc. **Để thi:** Viết ra các câu thơ. **Bạc văn tài:** Người tài giỏi về văn chương. **Tuyết giá:** Chỉ lòng trong sạch sáng đẹp của vợ đối với chồng, sạch như tuyết, trong như giá (nước đá). **Hậu lai:** Thời gian sắp tới. **Sanh ly:** Sống mà xa cách nhau, chỉ cảnh người vợ bị chồng phụ bạc, chồng bỏ nhà đi đến ở với vợ bé.

169

*Khi đầu ấp cùng khi tay gối,
Thân thiết nhau sớm tối quen hơi.
Chừ sao chong ngọn đèn ngồi,
Cô đặng giỡn bóng, gheo người thương tâm.*

Chú thích:

Đầu ấp tay gối: Cảnh vợ chồng thương yêu quấn quít nhau không rời. **Quen hơi:** Vợ chồng chung sống lâu ngày quen mùi nhau, khi vắng thì cảm thấy nhớ nhung da diết. **Chừ sao:** Sao bây giờ lại... Chừ là bây giờ. **Chong ngọn đèn:** Đốt ngọn đèn lên, vắn cho cháy vừa đủ sáng và để vầy suốt đêm. **Cô đặng:** Ngọn đèn cô đơn, chỉ có một ngọn đèn trong phòng. Người cô đơn thấy ngọn đèn cũng cô đơn như mình. **Giỡn bóng:** Ngọn đèn leo lét làm cho bóng người ngồi lung linh chập chờn trên vách. **Thương tâm:** Đau lòng.

173

Nào là thuở âm thầm dan díu,
 Vịn bóng trăng đặng níu hoa đào.
 Chừ sao bỏ cảnh úa xào,
 Nhụy phai hương lợt, khuôn rào tả tới.

Chú thích:

Âm thầm dan díu: Yêu nhau một cách thâm kín. **Vịn:** Đặt bàn tay tựa vào. **Níu:** Nắm kéo xuống. **Úa xào:** Cây lá héo úa rủ xuống, sắp chết. **Nhụy phai hương lợt:** Tình trạng hoa tàn, nhụy hoa phai màu, mùi hương bay hết. **Khuôn rào tả tới:** Hàng rào chung quanh nhà tả tới hư nát, vì không người chăm sóc.

Câu 174: Tả cảnh thơ mộng lúc 2 người mới yêu nhau, hẹn hò nhau đi ngắm trăng xem hoa.

Hai câu 175-176: Người vợ trách chồng bạc tình, bỏ vợ ở nhà một mình trong cảnh héo úa, nhan sắc phai tàn, cảnh nhà tới tả.

177

Nào khi đứng lúc ngồi đủ mặt,
 Qua tường đông lóng bạc tơ đồng.
 Chừ sao chặn chiếu lạnh lũng.
 Phím loan nín bật, tranh tòng đứt dây.

Chú thích:

Tường đông: (Đã giải nơi câu 73), chỉ nơi ở của người con gái đẹp. **Lóng:** Lắng nghe. **Tơ đồng:** Dây đàn làm bằng đồng, nhỏ như sợi tơ. **Bạc tơ đồng:** Cung bạc âm thanh do dây đàn phát ra. **Phím loan:** Phím đàn, vì phím đàn được dán dính vào cần đàn bằng keo loan (làm bằng máu chim loan).

Nín bật: Lặng im một cách đột ngột. **Tranh tòng đứt dây:** Tranh đua nối theo nhau mà đứt dây. Tòng là theo, nối theo.

Câu 178: Người vợ nhớ lại lúc 2 người mới yêu nhau, chàng qua nhà nàng lắng nghe thưởng thức tiếng đàn của nàng.

Câu 180: Tiếng đàn nín bật vì các dây đàn tranh nhau mà đứt dây. Ý nói: Khi ngồi đàn mà bỗng nhiên đứt dây đàn thì nó báo hiệu cho biết có cảnh biệt ly.

181

Nào khi lên vẽ mây thực nữ,
 Nào khi lo gìn giữ hương thê.
 Chừ sao bướm cũ lia huê,
 Vườn thu vắng khách, ủ ê canh tàn.

Chú thích:

Thực nữ: Người con gái nét na hiền lành. **Hương thê:** Cây nhang đốt lên van vái Trời Đất thể nguyện với nhau. **Huê:** Hoa. **Bướm cũ lia huê:** Ý nói người chồng lia xa người vợ. **Vườn thu vắng khách:** Ý nói: Nhà ở của người vợ vắng mặt chồng. Vườn thu, Phòng thu, chỉ nơi ở của người vợ hay của người đàn bà luống tuổi. **Ủ ê:** Buồn rầu âm thầm kéo dài. **Canh tàn:** Đêm tàn. (1 đêm có 5 canh).

185

Nào khi tựa bên màn canh lụn,
 Nào khi ngồi ngó bóng Hằng Nga.
 Chừ sao để lụn canh gà,
 Vắng hoe gối phụng, nguyệt tà hoa thưa.

Chú thích:

Canh lụn: Canh tàn, tức là đêm tàn, gần sáng. **Lụn:** là tàn dần. Một đêm chia làm 5 canh. Canh năm là lúc gà gáy, sắp

sáng, nên được gọi là canh gà. **Lụn canh gà:** Canh năm tàn dần sắp hết, trời rặng sáng. **Bóng Hằng Nga:** Ánh sáng mặt trăng. **Vắng hoe:** Vắng vẻ im lặng. **Gối phụng:** Gối có thêu chim phụng dành cho chồng nằm, chỉ người chồng. **Nguyệt tà:** Trăng đã chệch qua đầu, trời gần sáng. **Hoạ thư:** Vườn hoa thưa thớt, chỉ cảnh buồn bã vắng vẻ.

189

*Nào khi đổ mưa mưa đánh giáp,
Nào khi lo ấm áp cung thiêm.
Chừ sao vắng dạng tàn đêm,
Gia cư rách cửa, ven thêm cỏ chen.*

Chú thích:

Đổ mưa mưa đánh giáp: Chỉ việc ái ân giữa vợ chồng. **Cung thiêm:** Tương truyền nơi cung trăng có con thiêm thừ (*con cóc*) to lớn, dưới họng có chữ son. Cung thiêm là cung trăng, nơi ở của Hằng Nga. Ở đây, cung thiêm là chỉ nơi ở của người vợ, cũng chỉ người vợ. **Gia cư:** Nhà ở.

Câu 192: Nhà cửa rách nát, thêm nhà cỏ mọc chen vào. Ý nói: Nhà cửa thiếu tay người chồng chăm sóc.

Các đoạn 4 câu thơ trong phần này, thường thì 2 câu đầu nhắc lại những kỷ niệm êm đẹp lúc 2 người mới yêu nhau, rồi cưới nhau và sống hạnh phúc bên nhau. Hai câu lục bát tiếp theo là nói người vợ trách chồng phụ bạc, bỏ nhà đi theo vợ nhỏ.

193

*Nào khi ước giữ niêm son sắt,
Nào thể non nắm chặt dải đồng.
Chừ sao đổi dạ thay lòng,
Hẹn xưa bỏ chảy theo dòng Tương giang.*

Chú thích:

Ước: Cầu mong điều mà mình biết là khó thực hiện được. **Niêm:** Lòng tưởng nghĩ tới. **Son sắt:** Đỏ như son, cứng như sắt. Ý nói bền vững như sắt, không phai lợt như màu đỏ của son. **Niêm son sắt:** Lòng trung thành không dời đổi, trước sau như một. **Thể non:** Do thành ngữ “*Minh sơn thể hải*”: *Thể non hện biển*. Thể non là chỉ núi mà thể, dấu cho biển cạn non mòn, lòng dạ quyết không thay đổi. **Dải đồng:** Dải đồng tâm. Theo Tùy thư, vua Tùy Dượng Đế sai lấy lụa ngũ sắc kết thành nút gọi là đồng tâm kết (*dải đồng tâm*) để ban cho quý phi, tỏ lòng yêu đương khấn khít. Do đó, dải đồng là chỉ sự thương yêu khấn khít giữa vợ chồng. **Nắm chặt dải đồng:** Ý nói giữ chặt lòng thương yêu khấn khít giữa vợ chồng. **Chừ sao:** Bây giờ sao lại... Chừ là bây giờ. **Tương giang:** Dòng sông Tương. Đây là dòng sông tượng trưng sự đau khổ, vì khi vua Thuấn đi tuần thú phương Nam và chết ở đó, 2 bà vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh đi tìm vua Thuấn, bị dòng sông Tương ngăn lại, 2 bà buồn rầu, ngồi bên bờ sông Tương khóc than thảm thiết, nước mắt của 2 bà vấy vào các khóm trúc nơi bờ sông, làm cho cây trúc có dấu lốm đốm như đôi môi.

Câu 196: Lời thể hện ngày xưa, chàng đã bỏ trôi hết theo dòng nước.

197

*Nào khi đứng giữa đường trông ngọc,
Nào khi ngồi dưới bậc trong dàu.
Chừ sao phụ nghĩa sơ giao,
Phòng toan ném gánh tâm đầu sông Ngân.*

Chú thích:

Giữa đường: Giữa đường. **Trông ngọc:** Ý nói trông ngóng

người yêu. Thơ cổ có câu: *Nguyệt di hoa ảnh ngọc nhân lai*, có nghĩa là: Bóng trăng đã xế, người ngọc đến. Người ngọc là người con gái đẹp như ngọc, chỉ người yêu. **Dưới bệch trong dâu:** Chỉ sự hẹn hò tình tự lén lút bất chính giữa trai và gái. **Điển tích:** Theo Hán thư, con trai và con gái của nước Trịnh và nước Vệ thường hẹn hò nhau ra bãi sông Bộc, núp trong các ruộng dâu để tình tự và làm chuyện dâm ô. (*Sông Bộc là con sông chảy qua 2 nước Trịnh và Vệ*). **Sơ giao:** Bạn bè lúc mới quen biết nhau. **Phụ nghĩa sơ giao:** Phụ bạc cái tình nghĩa lúc mới quen biết nhau. **Phòng toan:** Dự bị toan tính. Phòng là dự bị, phòng hồ. **Gánh:** Mang vật gì ở 2 đầu một cái đòn đặt lên vai. Nghĩa bóng là cái trách nhiệm mang vào thân. **Ném gánh:** Vứt bỏ cái trách nhiệm mà mình đã mang lấy trước đây. **Tâm đầu:** Tâm là lòng dạ, đầu là hợp nhau. Thường nói: *Tâm đầu ý hợp*. Tâm đầu là lòng dạ hòa hợp nhau. **Sông Ngân:** Ngân Hà. Theo truyền thuyết, vợ chồng Ngưu Lang và Chức Nữ mắc tội với Trời, nên bị Trời phạt, mỗi người phải ở một bên sông Ngân Hà, mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần vào đêm Thất tịch (*mùng 7 tháng 7 âm lịch*). Sông Ngân là chỉ sự chia cách giữa vợ chồng.

Câu 200: Dự phòng toan tính ném bỏ cái tâm đầu ý hợp của vợ chồng để gây ra cảnh chia ly đôi ngã.

201

*Nào khi đến cầu Lam chường ngọc,
Nào khi lo giã thuốc trường sanh.
Chừ sao bỏ nghĩa én anh,
Tham lé bỏ lựu, phụ tình trước mai.*

Chú thích:

Câu Lam: Chữ Hán là Lam kiều. **Chường ngọc:** Cầm cái chày bằng ngọc để giã thuốc. **Giã thuốc trường sanh:** Dùng

chày đâm nhuyễn các thứ thuốc để bào chế thuốc trường sanh, uống vào được sống hoài không chết. **Én anh:** Từ ngữ này đều có trong 2 câu thơ: 203 và 206, nhưng nghĩa lý khác hẳn nhau. – Trong câu 203: Én anh là chỉ vợ chồng. Nghĩa én anh là tình nghĩa vợ chồng. – Trong câu 206: Én anh là chỉ người đi chơi lữ lượm, tấp nập, như chim én và chim anh bay từng đàn. **Tham lé bỏ lựu:** Ý nói có mới nới cũ. **Trước mai:** Cây trúc và cây mai, ở đây chỉ tình nghĩa vợ chồng khấn khít.

Hai câu 201-202: Lấy theo điển tích Chày ngọc – Cầu Lam (*đã có giải nơi Chú Thích câu 134*). Hai câu này nhắc lại lúc 2 người mới đính hôn nhau, thật là thơ mộng.

205

*Nào khi cửa then gài mấy lớp,
Cấm vườn xuân nướm nượp én anh.
Chừ hoang cây cỏ xứ mảnh,
Gắn cây chim lánh, đến cảnh gió day.*

Chú thích:

Vườn xuân: Giống chữ Phòng xuân, chỉ người con gái lúc trẻ. **Cấm vườn xuân:** Chưa cho ai vào vườn xuân, ý nói con gái mới lớn chưa chồng. **Cây cỏ xứ mảnh:** Lá cây và cỏ rủ xuống như bức mảnh. **Én anh:** là chỉ người đi chơi lữ lượm, tấp nập, như chim én và chim anh bay từng đàn. **Nướm nướp én anh:** Người ta đi lại đông đảo lớp nầy tiếp đến lớp khác. **Câu 208:** Chim bay đến gần cây mà không đáp vào, lại bay lánh đi; gió thổi đến gần cành cây, gió cũng day qua hướng khác. (*Dùng cảnh để nói lên tâm trạng của vợ bị chồng phụ bạc*).

209

*Nào khi sắc so tài đẹp dạ,
Nào khi nhen hương hỏa ba sinh.
Chữ toan bút mảnh tơ tình,
Trà ngâu chê nhỏ, rượu quỳnh chổi thương.*

Chú thích:

Sắc so tài: Người con gái thì cần nhan sắc, người con trai thì cần tài hay, sắc so tài cân xứng, đẹp đôi vừa lứa. **Đẹp dạ:** Đẹp lòng, rất bằng lòng. **Nhen:** Nhúm, thường nói là nhen nhúm. Ở đây nhen là nhúm lửa để đốt đèn, đốt nhang. **Hương hỏa ba sinh:** Ba sinh là 3 kiếp sống. Hương hỏa là thắp đèn đốt nhang. Hương hỏa ba sinh là thắp đèn và đốt nhang để khẩn nguyện Trời Đất chứng minh lòng chung thủy của đôi trai gái yêu nhau, thể hẹn với nhau nội trong 3 kiếp phải kết làm vợ chồng với nhau. **Bút mảnh tơ tình:** Bút cho đứt sợi dây tơ tình yêu mà bấy lâu đã cột chặt 2 người. **Trà ngâu:** Trà ướp hoa ngâu. Hoa ngâu là loại hoa rất thơm, giống như hoa lái, dùng để ướp trà. **Rượu quỳnh:** Chữ Hán gọi là Quỳnh tương. Quỳnh là loại ngọc màu đỏ, được vua chúa hay các nhà quyền quý mượn thợ gọt đẽo, tạo thành cái chung uống rượu, cái chất ngọc quỳnh làm tăng thêm mùi vị thơm ngon của rượu.

Câu 212: Hối vợ chồng thương yêu sống chung với nhau, thường ngồi uống trà ngâu hay uống rượu quỳnh với nhau, nhưng giờ đây, chàng đã chê trà ngâu, không còn muốn nhớ tới nữa, chê rượu quỳnh, chối bỏ tình thương yêu vợ chồng thuở trước.

213

*Nào khi hỏi thăm hang Từ Thúc,
Nào khi dò mấy bụi cầu ô.
Chữ sao kẻ Hôn người Hổ,
Để cho phòng hạnh ra mồ quạt duyên.*

Chú thích:

Từ Thúc: Từ Thúc là người ở Hóa Châu nước ta, làm Tri huyện Tiên Du, đời nhà Trần. Gân huyện có một ngôi chùa nổi tiếng đẹp, trồng nhiều hoa mẫu đơn. Hằng năm du khách đến xem đông như ngày hội. Năm Quang Thái thứ 9 (1396), trong số du khách có một thiếu nữ vô ý làm gãy một cành mẫu đơn. Nhà chùa bắt đền. Nàng không có sẵn tiền, lại không có người quen nên không biết tính sao. May lúc ấy có quan huyện Từ Thúc đi đến, thấy vậy động lòng, liền cởi áo thế cho nhà chùa, cô gái mới được buông tha ra về.

Từ Thúc có tâm hồn phóng dật, không thích gò bó trong chốn quan trường, nên xin treo ấn từ quan, đi ngao du sơn thủy, với bầu rượu túi thơ. Một hôm Từ Thúc bơi thuyền dạo chơi cửa biển, chợt thấy một hòn núi nổi lên giữa biển có phong cảnh rất kỳ vĩ, liền bơi đến nơi, trèo lên xem, gặp một hang núi nhỏ liền đi vào, đường dốc lẩn lẩn lên tới đỉnh núi, gặp một khung cảnh hoàn toàn khác lạ, đẹp đẽ vô cùng.

Từ Thúc gặp một người con gái, nhìn kỹ thì đúng là nàng đã làm gãy cành mẫu đơn ngày nọ. Cô gái liền chào hỏi và xưng tên là Giáng Hương. Nàng cho biết nàng là Tiên Nữ và đây là cảnh Tiên. Nàng lại nói việc Từ Thúc giúp nàng hôm nọ, khiến cho Từ Thúc có duyên phận với nàng, nên xui khiến chàng lên đây gặp nàng. Từ Thúc ở lại đó và kết hôn với Giáng Hương.

Thời gian thấm thoát được một năm, Từ Thức quá nhớ nhà, nên đòi về thăm. Giáng Hương hết sức ngăn cản, nhưng không được, đành viết một phong thư niêm kín, dặn chàng chừng nào về tới quê nhà mới mở ra xem, rồi đưa chàng xuống núi từ biệt. Đây là bức thư vĩnh biệt, vì Giáng Hương biết rằng Từ Thức không có căn Tiên, nên mới xảy ra việc nhớ nhà đòi về, khiến chàng trở lại trần gian, không thể lên cõi Tiên được nữa.

Từ Thức về tới làng cũ thấy cảnh vật đổi khác rất nhiều, vì đã qua 60 năm nơi cõi trần. Các người cùng thời với chàng đã chết hết, nhà Trần đã mất, đổi sang nhà Lê. Từ Thức bùi ngùi thương cảm. Con cháu đều không nhìn ra nữa.

Từ Thức trở lại đường cũ, đi tìm Giáng Hương, nhưng không thấy hòn núi. Chàng quá thất vọng, đi vào núi Hoàn Sơn và mất tích luôn trong đó.

Câu ô: Ô là con quạ, cũng gọi là chim ô thước. **Diễn tích:** Theo sách Kinh Sở Tuế Thời Ký, Chúc Nữ là cô gái dệt vải, là cháu của Ông Trời, rất siêng năng dệt vải. Trời đem gả cho Ngưu Lang là chàng chăn trâu nơi Thượng giới. Hai vợ chồng quá âu yếm nhau mà bê trễ bổn phận. Trời phạt đày mỗi người ở một bên sông Ngân Hà, chỉ cho gặp nhau một lần vào đêm Thất tịch (*mùng 7 tháng 7 âm lịch*). Đêm đó, các con chim ô thước đội đá bắc cầu qua sông Ngân Hà, để cho Ngưu Lang đi qua sông gặp vợ. Khi gặp nhau, vợ chồng than khóc kể lể cảnh ly biệt, nước mắt rơi xuống trần gian tạo thành các đám mưa, gọi là mưa ngâu.

Kẻ Hôn người Hồ: Kẻ Hôn là người Trung Hoa ở Trung nguyên, người Hồ là rợ Hồ hay rợ Hung Nô ở phía Bắc Trung nguyên. Vào thời nhà Tống, vua Hung Nô đem quân đánh vào Trung nguyên, buộc vua Tống phải đem nàng Chiêu Quân là ái phi của vua Tống, nạp cho vua Hung Nô. Vua

Tống nhu nhược, đánh thua quân Hồ nên phải ép lòng đưa Chiêu Quân đi cống Hồ. Từ ấy, vua và nàng Chiêu Quân xa cách nhau, kẻ Bắc người Nam, đau khổ vô cùng.

Phòng hạnh: Hạnh là trái mơ, cùng loại với trái đào. Phòng hạnh đồng nghĩa với Phòng đào, chỉ nơi ở của người đàn bà. Ở đây, phòng hạnh là chỉ người vợ.

Ra mồ quạt duyên: Quạt cái mà còn ướt của chồng cho mau khô đừng đi tìm duyên mới. **Diễn tích:** Trang Tử là vị Tiên đắc đạo tại thế. Một hôm ông đi chơi ở mé chân núi, gặp một thiếu phụ còn trẻ đang mặc đồ tang, tay cầm cái quạt lớn, đứng quạt vào một nắm mồ mới đắp đất. Trang Tử thấy lạ đến gần hỏi thử cho biết nguyên do. Thiếu phụ đáp: Chồng tôi chết vừa mới chôn cất xong. Lúc hấp hối, chàng có trở lại dặn rằng, chừng nào nắm mồ của chàng khô cỏ ráo thì nàng mới được đi lấy chồng khác. Nay tôi thấy nắm mồ còn ướt mãi nên tôi lấy quạt ra đây quạt cho mau khô.

Trang Tử ngẫm nghĩ một lát rồi nói với chị ta là để ông giúp cho chị ta quạt mồ mau khô. Nói rồi, Trang Tử làm phép trên cái quạt, trao trả cho chị ta, và chị ta quạt mấy cái thì mồ khô cỏ ráo liền.

Chị ta vui mừng không xiết, cảm tạ Trang Tử, và tặng Trang Tử cái quạt làm kỷ niệm.

Câu 213: Người vợ nhắc lại lúc vợ chồng còn trẻ, dẫn nhau đi du sơn, hỏi thăm nơi nào là cái hang mà Từ Thức đi vào gặp Tiên.

Câu 214: Nào những khi 2 vợ chồng ngắm xem trăng sao giữa Trời, tìm đâu là sao Chúc Nữ, sao Ngưu Lang, đâu là mấy bụi cầu ô thước.

Câu 215: Ý nói: Sao bây giờ, vợ chồng chia ly kẻ Bắc người Nam?

Câu 216: Ý nói: Để cho người vợ chịu cảnh chồng chết mà đi tìm duyên mới.

217

*Nào là lúc giữa nghiêng đêm quạnh,
Nào là khi thức tỉnh đêm khuya.
Chừ sao loan phụng chia lia,
Con trông vợ nhớ, mắt kẻ ngõ song.*

Chú thích:

Ngửa nghiêng: Lúc nằm ngửa, lúc nằm nghiêng, ý nói trăn trở thao thức không ngủ được. **Đêm quạnh:** Đêm vắng vẻ im lặng, gây cảm giác trống trải buồn bã. **Loan phụng:** Loài chim phượng luôn luôn sống từng cặp, con mái gọi là loan, con trống gọi là phụng. Loan phụng là chỉ đôi vợ chồng khấn khít. Trong đám cưới thường chúc: *Loan phụng hòa minh, sắt cầm bảo hiệp* (2 con chim loan phụng hòa tiếng hát, 2 cây đàn cầm sắt hòa hợp tốt đẹp). **Mắt kẻ ngõ song:** Mắt kẻ sát vào cửa sổ ngõ mong ra ngoài, trông đợi người chồng đi chưa về. Song là cái cửa sổ.

221

*Càng thấy con khờ không đủ trí,
Càng thêm lo huyết khí bên chồng.
Nắng niu lúc ấm khi bông,
Phụ thân thế phận cho chồng dạy khuyên.*

Chú thích:

Khờ không đủ trí: Khờ khạo không đủ trí khôn. **Huyết khí:** Huyết là máu, khí là chất tinh túy do máu tạo thành

để lưu truyền nòi giống. Huyết khí là chỉ dòng giống nhà chồng. **Phụ thân:** Cha ruột. **Thế phận:** Thay thế bốn phận.

Câu 224: Chồng ra đi không về, người vợ ở nhà thay thế chồng làm bốn phận người cha dạy khuyên con trẻ. Câu này có ý nghĩa rất giống câu thơ bên Chinh Phụ Ngâm Câu 160: *Dạy con đèn sách, thiệp làm phụ thân.*

225

*Càng sợ hờ thung huyền phiến muộn,
Thâm bao nhiêu gắng gương làm vui.
Tảo tần sớm dưỡng chiều nuôi,
Thế chàng thiệp lãnh vai người hiếu nam.*

Chú thích:

Càng sợ hờ: Càng sợ không kín chuyện, tin tức lọt ra ngoài. Hờ là không kín. **Phiến muộn:** Buồn rầu. **Thung huyền:** Cây thung, cũng gọi là cây xuân, chỉ cha; cỏ huyền chỉ mẹ. Thung hay xuân là loại cây, sống rất lâu năm, cứ 8000 năm mới tới mùa xuân của nó, 8000 năm nữa mới tới mùa thu của nó. Dùng cây xuân để chỉ người cha vì con muốn cha sống lâu như cây xuân. Huyền là loại cỏ sống lâu năm, ăn cỏ huyền thì hết buồn phiền, nên cỏ huyền còn được gọi là Vong ưu thảo. Dùng cỏ huyền chỉ người mẹ, vì con muốn mẹ không buồn phiền, vui vẻ mãi. **Tảo tần:** Trong Kinh Thi, bài Thái tần có câu: Vu dĩ thái tần, nam giản vu chi tần, vu dĩ thái tảo, vu bỉ hàng lạo. Nghĩa là: Đi hái rau tần, bên bờ khe phía nam, đi hái rau tảo bên lạch nước kia. Cho nên dùng chữ Tảo tần để chỉ người vợ hiền thảo cần kiệm, đi hái rau tần rau tảo về làm cỗ cúng tổ tiên. **Hiếu nam:** Con trai có hiếu với cha mẹ.

Câu 228: có ý nghĩa giống câu 159 của Chinh Phụ Ngâm: *Ngọt bùi thiệp đã hiếu nam.*

229

Thấy em dại không ham đèn sách,
 Càng để lòng hời hạc kinh luân.
 Thay chàng thiếp trả nghĩa thâm,
 Dạy em văn hóa, thiếp làm trường huấn.

Chú thích:

Kinh luân: Tổ chức, xếp đặt việc chánh trị trong nước. (Xem lại *Chú thích 2 câu: 1 và 2*). **Nghĩa thâm:** Nghĩa sâu. **Trường huấn:** Anh cả.

233

Càng nghĩ đến linh đình phận thiếp,
 Càng ngại lo tội nghiệp thân con.
 Những ngờ nước thấm đầu non,
 Nào hay trăng khuyết hao mòn nhơn duyên.

Chú thích:

Linh đình: Lệnh đêngh, trời nổi nay đây mai đó, như cánh bèo, không nơi nhứt định. **Tội nghiệp:** Đáng thương vì gặp cảnh ngộ không may. **Nước thấm đầu non:** Mưa rơi đỉnh núi, nước chảy tuột xuống hết, chỉ thấm được một ít trên đầu núi mà thôi. Nhưng nếu mưa nhiều lần nhiều ngày, mỗi ngày thấm một ít thì lần lần cũng thấm ướt đầu núi. Ý nói: Lời khuyên nhủ, mỗi ngày mỗi khuyên thì lâu ngày cũng lọt tai mà nghe theo. **Những ngờ:** Cứ tưởng rằng mà không chắc lắm. **Nhơn duyên:** Mối ràng buộc giữa người nầy với người khác, ở đây chỉ sự ràng buộc vợ chồng.

237

Càng đeo đẳng nỗi phiền nỗi thảm,
 Càng thương thân chích bạn lia đôi.
 Phận sao phận bạc như vôi,
 Nước lưng đầy gáo, hương trôi dòng là.

Chú thích:

Thương thân: Thương hại cho tấm thân của mình. **Chích bạn lia đôi:** Ý nói: Lê loi một mình. Chích là lê loi, chích bạn là lê bạn. Lia đôi là 2 người chia lia nhau. **Nước lưng đầy gáo:** Nước trong gáo 10 phần, lưng tới đầy hết 7 phần, còn 3 phần, ý nói: người phụ nữ đã luống tuổi. **Dòng là:** Dòng sông ban đêm trắng sáng, trông giống như dải lụa trắng uốn khúc. **Là:** Lụa là. **Dòng là:** Dòng sông. **Hương trôi dòng là:** Hương sắc bỏ trôi theo dòng nước, ý nói nhan sắc của người vợ phai tàn dần.

241

Càng ngắm đến cỏ hoa vật loại,
 Càng thẹn vì vẫn vôi tơ tình.
 Chim kết cánh, cây liền cành,
 Còn thân thiếp chịu một mình đơn cô.

Chú thích:

Vẫn vôi: Ngẩn ngủi, thời gian quá ít. **Tơ tình:** Tình yêu vương vấn như tơ. **Vẫn vôi tơ tình:** Tình yêu vợ chồng chỉ được một thời gian ngắn. **Đơn cô:** Cô đơn.

Chim kết cánh, cây liền cành: Ý nói vợ chồng gắn bó không rời nhau. **Điển tích:** Theo sách Sơn Hải Kinh của Đông Phương Sóc, có loài chim, chỉ có 1 bên cánh và 1 con mắt, nên lúc nào con trống và con mái phải kết cánh lại thì mới bay được, gọi là Tỵ dục là kết cánh lại).

Hàn Bằng làm quan Đại phu nước Tống đời Chiến quốc, có vợ là Hà thị rất đẹp. Vua Khang Vương thấy vậy liền cướp Hà thị về làm vợ và cầm tù Hàn Bằng, Bằng tự sát chết. Hà thị cự tuyệt Khang Vương và tự tử theo, để lại bức thư xin được chôn cùng mộ với chồng là Hàn Bằng. Khang Vương cảm giận, đem chôn riêng. Qua một đêm, bỗng nhiên người ta thấy có 2 cây tử mộc lên ở nách 2 ngôi mộ, thân cây và cành cây quấn vào nhau.

Trong bài Trường Hận Ca của Bạch Cư Dị, đoạn nói vua Đường Minh Hoàng thể thốt với Dương Quý Phi, có 2 câu: Tại thiên nguyện tác tỵ dục điều, Tại địa nguyện vi liên lý chi. (*Trên trời xin làm chim kết cánh, dưới đất xin làm cây liền cành.*)

245

*Kìa cá giỡn vẫn vợ đáy nước,
Nợ kết đôi cưu thuộc ven trời.
Còn thân thiếp chịu cút côi,
Đèn khuya nhắc thăm, gió mơi ghẹo sầu.*

Chú thích:

Vấn vợ: Nhờn nhờ qua lại một cách thông thả tự nhiên.

Cưu thuộc: Cũng gọi là chim thư cưu, luôn luôn sống từng đôi. **Cút côi:** Lẻ loi không nơi nương tựa.

Câu 248: Lòng buồn nên thấy ngọn đèn khuya hay gió ban mai, như kêu gọi hay trêu ghẹo nỗi buồn.

249

*Kìa oan ương ấp nhau chẳng hở,
Nợ én anh rí rả kêu thương.
Còn ta lưỡng những đoạn trường,
Gối chẵn tê tái, chiếu giường lạnh tanh.*

Chú thích:

Oan ương: Chim uyên ương, con trống là uyên, con mái là ương, sống từng đôi, nếu một con chết thì con kia nhìn đôi chết theo. Uyên ương được ví đôi vợ chồng chung thủy.

Én anh: Chỉ vợ chồng. (*Xem lại Chú thích câu 203*).

Rí rả kêu thương: Nói chuyện yêu thương rí rả với nhau.

Đoạn trường: Đứt ruột, chỉ sự đau khổ dữ dội. Đoạn trường có nghĩa bóng là sự đau đớn phủ phàng của người phụ nữ bạc mệnh trong tình trường. **Tê tái:** Đau khổ đến mức không còn cảm giác. **Lạnh tanh:** Rất lạnh lẽo, không một chút hơi ấm.

253

*Kìa cầm diều bẻ cành kết ổ,
Nợ thú trùng moi lỗ làm hang.
Này thân thiếp chịu gian nan,
Linh đình đất chiếu, trời màn không nơi.*

Chú thích:

Cầm diều: Chỉ chung loài chim. Cầm là loài chim. **Thú trùng:** Thú vật và côn trùng. **Gian nan:** Khó khăn vất vả.

Linh đình: Lênh đênh, trôi nổi trên mặt nước không biết đi về đâu, hay nương tựa vào đâu. **Đất chiếu trời màn:** Chỉ kẻ sống nghèo khổ, lang thang không nhà cửa, không tiền mua mùng, chiếu, dùng mặt đất làm chiếu (*tức là nằm dưới đất*), dùng bầu trời làm mùng (*tức là không giăng mùng*).

257

*Kìa ong kiến tha mồi dành để,
Cơn khốn cùng có thể nuôi thân.
Còn thân thiếp chịu khốn nạn,
Tả tơi nổi mệ, trường trần nổi con.*

Chú thích:

Khốn cùng: Nghèo túng khổ cực tột độ. **Khốn nạn:** Khổ khổ nghèo nàn. **Tả tơi nổi mẹ:** Tình cảnh của mẹ thì rách rưới tả tơi. **Trưởng trần nổi con:** Tình cảnh của con thì ở trần ở truồng, không quần áo mặc.

261

*Thôi đành kiếp nốt non gương sống,
Sống vì con, chẳng sống vì thân.
Đòi phen đổi thâm ra mảng,
Nâng niu trẻ dại cho gần đặng cha.*

Chú thích:

Kiếp nốt non: Kiếp sống non nốt yếu đuối của người phụ nữ. **Gương sống:** Sống một cách miễn cưỡng. **Đòi phen:** Nhiều lần. **Mảng:** Mừng.

265

*Đưa giọt sữa ra hòa giọt lụy,
Trong tình chung huyết khí đúc hình.
Còn con may đặng giữ tình,
Khối chung tình ở nơi mình ấu nhi.*

Chú thích:

Giọt lụy: Giọt nước mắt. **Huyết khí đúc hình:** Huyết là máu của mẹ, Khí là tinh khí của cha. Tinh cha huyết mẹ hiệp lại tạo nên hình hài đứa con trong bụng mẹ. Đúc hình là nắn đúc nên hình thể đứa bé. **Khối chung tình:** Khối tình thương yêu giữa vợ chồng. **Ấu nhi:** Đứa con bé bỏng non nớt. Ấu là bé nhỏ non nớt, nhi là đứa con.

269

*Nghe trẻ khóc như chì dằn dụa,
Thấy con đau như đá đập đầu.
Còn con ô thước bắc cầu,
Mắt con là cửa vô lầu lãnh cung.*

Chú thích:

Chì dằn dụa: Đau đớn như có cục chì đập tan nát cõi lòng. Dằn là đập liên tiếp nhiều lần cho mềm ra. **Đá đập đầu:** Đau đớn như có cục đá đập lên đầu. **Ô thước bắc cầu:** Chim ô thước đội đá bắc cầu nối liền 2 bờ sông Ngân Hà cho Ngưu Lang qua gặp Chức Nữ. (Xem Điển tích nơi câu 214). **Lãnh cung:** Cung lạnh, nơi giam giữ các bà vợ có tội của vua.

Hai câu 271-272: Còn đứa con thì như còn cây cầu ô thước để vợ chồng tái hợp với nhau; mắt đứa con thì duyên vợ chồng chấm dứt, như vợ vua bị đày vào lãnh cung.

273

*Thấy xuân đến về hồng khắp chốn,
Nường con thơ sống rồn cùng xuân.
Ru con giọng hát ngập ngừng,
Xuân ôi! Xuân biết mấy lần đau thương?*

Chú thích:

Sống rồn cùng xuân: Rán sống cho hết những ngày xuân.

Rồn: Cố kéo dài thêm một ít thời gian nữa.

Câu 275: Vừa ru con vừa khóc nên giọng ru đứt đoạn.

277

Ve kêu hạ như đường trêu thảm,
Mưa sầu tuôn mấy dặm biệt ly.
Đỗ con lệ ngọc li bì,
Hạ ôi! Hạ có biết nghì phu thê?

Chú thích:

Lệ ngọc: Giọt nước mắt long lanh như hạt ngọc. **Li bì:** Liên tục không dứt. **Nghì phu thê:** Tình nghĩa vợ chồng.

281

Chiều thu nhắc ử ê cảnh hạn,
Nhấp nhò xem cánh nhạn về non.
Trông thu rầu nhớ thân con,
Thu ôi! Thu biết hao mòn tấm duyên?

Chú thích:

Ử ê: Buồn rầu âm thâm và kéo dài. **Cảnh hạn:** Cảnh là hoàn cảnh, hạn là điều không may lớn hay tai nạn gặp phải do số phận đã định sẵn. Cảnh hạn là hoàn cảnh không may. **Nhấp nhò:** Khi lên cao khi xuống thấp. **Tấm duyên:** Cái tình thương yêu ràng buộc vợ chồng.

Câu 282: Xem cảnh trời chiều gần tối, đàn chim nhạn bay nhấp nhò trở về núi (*tức bay về tổ*), gợi nhớ cảnh sum họp buổi tối trong gia đình gồm đủ mặt vợ chồng con cái.

285

Đông lạnh ngắt mảnh mền úm trẻ,
Ngôi đêm trường quanh quẽ phòng không.
Nhớ chồng thấy trẻ nảo nong,
Đông ôi! Đông biết tấm lòng kiên trinh?

Chú thích:

Lạnh ngắt: Lạnh lẽo như không còn chút hơi ấm. **Mảnh mền:** Cái mền rách chỉ còn có một mảnh. **Đêm trường:** Đêm dài. **Quanh quẽ:** Vắng vẻ im lặng đến mức gây cảm giác cô đơn buồn bã. **Phòng không:** Cái phòng không có người nào ở khác hơn là mình, thường nói Phòng không chiếc bóng. **Nảo nong:** Nảo nùng, buồn rầu sâu đậm. **Kiên trinh:** Kiên là lòng cứng rắn vững chắc, trinh là lòng trong sạch của vợ đối với chồng. Kiên trinh là lòng trong sạch bền vững của vợ đối với chồng.

289

Vắng mặt chồng, cân hình của trẻ,
Ngó thấy con đặng vẽ tượng chồng.
Cân thương trẻ ấy mà đông,
Thì trong thương ấy, của chồng tám phân.

Chú thích:

Cân hình của trẻ: Đem đứa trẻ đặt lên bàn cân mà cân. **Tượng chồng:** Hình ảnh của chồng. **Tám phân:** Ý nói phân nửa. 1 cân có 16 lượng, 8 phân tức là 8 lượng, bằng nửa cân. **Câu 290:** Đứa con sanh ra giống chồng như đúc, nên ngó thấy con thì vẽ được hình ảnh của chồng.

Hai câu 291-292: Vợ chồng thương yêu nhau, kết quả là sanh được đứa con. Người vợ thương chồng mà cũng thương con. Tình thương ấy thể hiện bằng sức nặng của đứa con. Nếu đem cân so sánh, thương chồng 8 phân thì thương con cũng 8 phân, 2 tình thương ấy đồng đều như nhau.

293

*Kìa máu huyết, cànх xuân nhụy nở,
Khối ái ân đành ở nơi con.*

*Dâu cho biển cạn non mòn,
Tơ duyên khẩn khít chỉ còn bấy nhiêu.*

Chú thích:

Máu huyết: Chỉ đứa con, vì máu thịt của con là do máu huyết của mẹ tạo nên. **Cànх xuân nhụy nở:** Cànх xuân là chỉ người con gái trẻ tuổi, nhụy nở là ý nói sanh ra được đứa con. Cànх xuân nhụy nở là người con gái trẻ tuổi sanh ra được đứa con. **Biển cạn non mòn:** Ý nói thời gian lâu dài, sự đời nhiều thay đổi.

Câu 296: Tình thương yêu khẩn khít của vợ chồng ngày nay chỉ còn có đứa con mà thôi.

297

*Trẻ nhỏ dại lắm điều học hỏi,
Thường kiếm cha mong mỗi thấy nhau.*

*Đỗ con chỉ bóng giải sầu,
Rằng khuya đèn thấp cha hầu về thăm.*

Chú thích:

Chỉ bóng: Người mẹ chỉ cái bóng của mình hiện lên vách khi thấp đèn lên. **Giải sầu:** Cởi bỏ sự buồn rầu. **Cha hầu về thăm:** Cha sắp về thăm. Hầu là sắp sửa.

Hai câu 299-300: Nói theo sự tích Thiều phụ Nam Xương.

Thiều phụ Nam Xương là nàng Vũ Thị Thiết, ở quận Nam Xương, tỉnh Hà Nam nước ta. Nàng Vũ Thị Thiết có tánh tình thùy mị đoan trang, dung nhan xinh đẹp. Chàng Trương Sinh mến mộ, xin mẹ đem trâu cau và lễ vật cưới nàng Thiết về. Trương Sinh có tánh hay ghen, đối với vợ

phòng ngừa nhiều điều thái quá. Cuộc sống chung chẳng đặng bao lâu thì nước ta có chiến tranh với nước Chiêm Thành, chàng Trương Sinh phải sung vào quân ngũ. Chàng lạy mẹ từ giã và dặn dò nàng Thiết rồi lên đường, lúc đó nàng Thiết đã có thai gần ngày sanh nở.

Sau khi chồng ra đi chừng mười ngày thì nàng Thiết sanh đặng một đứa con trai, đặt tên là Đản. Bà mẹ vì thương nhớ con trai mà đau ốm luôn. Nàng dâu hết sức thuốc thang nuôi mẹ, hằng đêm cầu khẩn Trời Phật cho mẹ qua cơn bệnh. Nhưng số Trời đã định, bà mẹ mất. Nàng Thiết thương xót vô cùng, lo liệu đầy đủ tang lễ cho mẹ.

Hơn một năm sau, quân Chiêm Thành bị đánh bại, quân ta kéo quân trở về ca khúc khải hoàn. Trương Sinh sau đó được rời quân ngũ, trở về quê nhà, mới hay mẹ đã mất, và con mới vừa biết nói.

Chàng hỏi vợ mỗ của mẹ ở đâu rồi ẵm đứa con đi ra thăm mộ của mẹ. Ra đến đồng, thẳng bé quấy khóc.

Trương Sinh dỗ dành con: *Con nín đi đừng khóc. Cha về thì bà nội mất, lòng cha buồn khổ lắm!*

Thằng Đản ngây thơ nói: *Ô! Ông là cha sao lại biết nói? Chớ không như cha Đản trước kia cứ nín thin thít.*

Chàng Trương Sinh ngạc nhiên, gạn hỏi đứa con thì đứa con nói: *Khi đêm thì cha Đản hiện đến, đi theo mẹ Đản, mẹ đi thì cha đi, mẹ ngồi thì cha ngồi, nhưng chẳng bao giờ nói hay bông Đản cả.*

Vốn tính hay ghen, Trương Sinh nghe con nói vậy thì vội tin chắc là vợ hư, ngoại tình với kẻ khác, máu ghen nổi lên, lật đặt về nhà la mắng vợ dữ dội, không ai can ngăn được.

Nàng Thiết khóc lóc nói rằng: *Thiếp vốn nhà nghèo, được vào làm vợ chàng, sum họp chưa thỏa tình chồng vợ, lại*

bị chia phối vì việc đao binh. Cách biệt đã gần 3 năm, thiếp giữ gìn một tiết, ở nhà thờ mẹ nuôi con, chờ chàng trở về, nào biết việc gì khác bên ngoài, đâu có sự mất nét hư thân như lời chàng nói. Xin chàng đừng nghi oan cho thiếp.

Trương Sinh vẫn không tin lời vợ. Nàng hỏi chuyện đó do ai nói với chàng thì Trương Sinh giấu biệt, không kể lại lời nói của thằng Đản, mà chỉ nhieếc mắng nàng nặng lời và đánh đuổi nàng đi. Họ hàng lối xóm đều bênh vực và biện bạch cho nàng Thiết nhưng chẳng làm Trương Sinh thôi mắng vợ.

Nàng Thiết quá tuyệt vọng, chỉ còn biết lấy cái chết mà bày tỏ lòng trinh liệt của mình. Nàng liền tắm gội sạch sẽ, chạy ra bên bờ sông Hoàng giang của huyện Nam Xương, ngửa mặt lên Trời vái rằng: *Kẻ bạc mệnh này, duyên phận hẩm hiu, bị chồng ruồng bỏ, tai bay họa gởi, chịu tiếng nhục nhơ, Thần sông có linh, xin Ngài chứng giám. Nếu thiếp đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỹ Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ, nhục bằng lòng chim dạ cá, lừa dối phản bội chồng, dưới nước xin làm môi cho tôm cá, trên bờ xin làm môi cho diều quạ, và chịu cho mọi người phi nhổ.*

(- Mỹ Nương là vợ của Trọng Thủy, con gái của Thục An Dương Vương, vì chồng mà thác oan, hóa thành ngọc trai dưới biển.

- Ngu Mỹ là Ngu Mỹ nhưn, tức là nàng Ngu Cơ, vợ của Sở Vương Hạng Võ. Khi Hàn Tín đánh đuổi Hạng Võ chạy vào thành Cai Hạ, Ngu Cơ rút gươm tự tử để Hạng Võ rảnh tay đối phó với Hàn Tín, nhưng sau đó Hạng Võ thất thủ thành Cai Hạ, chạy đến bên sông Ô Giang, tự cắt đầu tự tử chết. Tục truyền hồn Ngu Cơ không tan, hóa thành 2 khóm cỏ quăn quít nhau trên mộ nàng, gọi là cỏ Ngu Mỹ).

Vái xong, nàng Thiết nhảy xuống sông Hoàng giang

mà chết. Trương Sinh thấy vợ tự tử cũng động lòng thương, tìm kiếm vớt xác nàng, nhưng chẳng thấy đâu cả.

Đêm đến, phòng không vắng vẻ, Trương Sinh ngồi buồn, đốt ngọn đèn lên. Chợt đứa con là thằng Đản nói: *Ô! Cha Đản đã về.*

Trương Sinh liền hỏi: *Đâu?*

Thằng Đản chỉ cái bóng của chàng trên vách và nói: *Đấy đấy.*

Thì ra, khi chàng đi tòng quân, nàng ở nhà thường đùa với con, chỉ cái bóng của nàng trên vách mà bảo rằng đó là cha của Đản. Bây giờ, Trương Sinh tỉnh ngộ, biết mình ghen bậy, gây ra cái chết oan uổng của vợ, hối hận vô cùng.

Ở dưới sông Hoàng giang huyện Nam Xương, có một tòa cung điện gọi là Qui động của Bà Linh Phi, vợ của Nam Hải Long Vương. Bà Linh Phi biết nàng Vũ thị Thiết có lòng trinh liệt nên rất thương tình, nên khi nàng gieo mình xuống sông thì Bà Linh Phi rẽ nước rước nàng về Qui động.

Tại bến sông Hoàng giang có một Đâu mục tên là Phan Lang, khi trước có ơn cứu sống Linh Phi, nay bị chìm tàu chết đuối, Bà Linh Phi biết được nên cứu sống đem về Qui động. Phan Lang gặp nàng Thiết thì biết là người cùng làng, liền hỏi: *Nương tử, từ khi lạc đến thủy cung thấm thoát đã một năm, há không nhớ tưởng quê hương ư?*

Nàng Thiết liền đáp: *Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà chết ở thủy cung chứ không còn mặt mũi nào về gặp chồng.*

Hôm sau, Bà Linh Phi lấy một túi lụa, bỏ vào 10 hạt minh châu, trao tặng Phan Lang, rồi sai sứ giả đưa Phan Lang lên khỏi mặt nước. Nàng Thiết bèn gởi một chiếc hoa vàng trao lại cho chàng Trương và nhờ nói hộ với chàng Trương: *"Nếu còn nhớ chút tình xưa thì lập đàn nơi bờ sông giải oan*

cho nàng, đốt một cây đèn lớn cho ánh sáng chiếu xuống mặt nước thì sẽ thấy nàng hiện về.”

Phan Lang được đưa lên khỏi mặt nước liền trở về nhà.

Phan Lang kể chuyện gặp nàng Thiết nơi thủy cung cho Trương Sinh nghe. Ban đầu Trương Sinh không tin, nhưng khi nhận được chiếc hoa vàng của nàng Thiết thì kinh sợ nói: *Đây quả thật là vật dùng của vợ tôi.*

Trương Sinh liền lập đàn tràng nơi bến sông Hoàng giang, cúng tế nàng Thiết trong 3 ngày đêm, đốt một cây đèn sáng đúng theo lời nàng Thiết dặn, quả nhiên trong đêm tối, thấy nàng Thiết ngồi trên chiếc kiệu hoa hiện ra giữa dòng sông, theo sau có hơn 50 chiếc nữa, cờ tán rực rỡ, lúc ẩn lúc hiện. Trương Sinh cất tiếng gọi thì nàng Thiết đáp vọng vào: *Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi nên không trở lại nhơn gian nữa. Đa tạ chàng đã giải oan cho thiếp.*

Rồi trong chốc lát, nàng Thiết và cả xe cộ biến mất.

301

*Hơi mảnh áo còn cảm đặng ngửi,
Gối loan gìn từ buổi kết duyên.*

*Ba sanh dẫu toại thủa nguyên,
Họa trong giấc mộng giải phiền giao hoan.*

Chú thích:

Hơi mảnh áo: Cái mùi trong cái áo. Hơi là mùi. **Gối loan:** Cái gối có thêu hình chim loan, dành cho người vợ nằm; cái gối dành cho chồng thì thêu hình chim phụng. Đây là cặp gối cưới. **Ba sanh:** Ba kiếp sống, ý nói cái duyên vợ chồng đã tiền định do sự thể nguyên với nhau từ kiếp trước. **Thủa nguyên:** Cái ước muốn ấy. **Họa:** May ra. **Giải phiền:** Cởi bỏ sự buồn rầu. **Giao hoan:** Vợ chồng ân ái với nhau.

305

*Càng bạc phước càng than con dại,
Lo tảo tần mảy mảy dưỡng nuôi.
Còn cha con tỷ như côi,
Chít chiu trẻ khó, bồi hồi mẹ đơn.*

Chú thích:

Bạc phước: Phước mỏng, ít phước. **Tảo tần:** (Đã giải ở câu 227), chỉ sự cần kiệm và chịu cực khổ của người vợ. **Mảy mảy:** Một chút nhỏ. **Tỷ:** Ví như. **Chít chiu:** Chiu chít, tiếng chim con kêu đòi chim mẹ dứt mỗi cho ăn. **Chít chiu trẻ khó:** Ý nói con đòi ăn. **Bồi hồi:** Bồn chồn xao xuyến. **Mẹ đơn:** Người mẹ cô đơn.

309

*Nhịn ăn mặc ngựa con thiếu thốn,
Làm lưng nhiều nuôi dưỡng sắp con.
Nại chi xác yếu thịt mòn,
Gia tư miễn đặng vương tròn giữ duyên.*

Chú thích:

Sắp con: Đàn con. **Nại chi:** Có nề hà chi. **Gia tư:** Cửa cái trong nhà. Tư là cửa cái. **Miễn đặng:** Chỉ cần được. **Giữ duyên:** Gìn giữ cái duyên vợ chồng.

313

*Lớn một tuổi, mẹ thêm một khổ,
Hiểu một điều, mẹ hổ cho thân.
Trí con lẩn mờ nẻo gần,
Hỏi cha sao phụ, tố trần làm răng?*

Chú thích:

Hổ: Hổ thẹn, xấu hổ. **Trí non:** Sự hiểu biết non kém. **Cha**

phụ: Cha phụ bạc mẹ, đổi xử bạc bẽo với mẹ. **Tổ trần:** Tổ là nói cho biết rõ, trần là bày tỏ. Tổ trần là bày tỏ cho mọi người biết rõ. **Làm răng:** Làm thế nào?

Câu 314: Tại sao đứa con hiểu một điều mà làm cho mẹ xấu hổ? Bởi vì nó muốn hiểu cha nó làm gì? Ở đâu? Tại sao cha phụ bạc mẹ? Những điều đó làm mẹ nó khó trả lời và cảm thấy xấu hổ vì những việc làm không tốt của cha nó.

Câu 315: Sự hiểu biết non nớt của đứa con từ từ mở ra, từ việc gần rồi đến việc xa, từ việc dễ đến việc khó.

Câu 316: Đứa con hỏi tại sao cha phụ bạc mẹ, thì phải tỏ bày với nó thế nào đây?

317

*Chẳng lẽ nói cho chàng đen bạc,
Chẳng lẽ cho côi hạc quên nhà.
Không đành nói thác ra ma.
Không đành nói ngụ nơi nhà lầu xanh.*

Chú thích:

Đen bạc: Phụ bạc, không thủy chung. **Côi hạc quên nhà:** Ý nói đi chơi xa, quên nhà quên cửa. Hạc là loại chim chân cao cổ dài, lông trắng, bay cao và xa, sống đến ngàn năm. Côi hạc còn có ý nói là côi hạc du Tiên, nghĩa là chết, linh hồn côi chim hạc lên chơi cõi Tiên. **Thácrama:** Chết thành ma. Thác là chết. **Lầu xanh:** Chữ Hán là Thanh lâu, chỉ nhà chứa gái điếm, gái làng chơi.

321

*Không lẽ nói mển anh quên én,
Không lẽ rằng trộm nển hương thừa.
Nói chi tìm vợ dâng đưa,
Lẽ nào nói rượt theo vừa Hằng Nga.*

Chú thích:

Mển anh quên én: Đồng nghĩa với các thành ngữ: *Tham lự bỏ đào*, Tham lê bỏ lự, Có mới nới cũ,... **Trộm nển**

hương thừa: Ý nói yêu đương vụng trộm với một người con gái thuộc loại không ra gì. (*Thừa là vô ích*). **Trộm nển**

hương: Ý nói việc trai gái yêu nhau vụng trộm. **Điển tích:** Theo Thế Thuyết Tân Ngũ, Hàn Thọ đang làm thư lại cho quan đại thần Giả Sung, dưới triều nhà Tấn. Hàn Thọ đẹp trai, nên con gái của Giả Sung phải lòng và tư thông nhau. Giả Sung có thứ hương liệu quý do vua Tấn ban thưởng, bị con gái đánh cắp đem cho Hàn Thọ. Khi lộ chuyện ra, Giả Sung buộc lòng phải gả con gái cho Hàn Thọ.

Tìm vợ dâng đưa: Đội đưa xuống dâng cho Diêm Vương để tìm vợ. **Điển tích:** Vua Đường Thái Tôn du Địa phủ, khi từ giả Thập Điện Diêm Vương, vua Thái Tôn nói: Tôi trở về dương thế, chẳng có gì biếu Thập Điện, chỉ xin dâng mấy quả dưa kính tạ.

Hồn vua Thái Tôn được sứ giả đưa về thế gian nhập xác sống lại, uống thuốc bổ an dưỡng vài ngày thì khỏe mạnh như trước, liền ra Bạng chiêu hiền, để chọn người đi dâng dưa cho Thập Điện.

Lúc đó có một hiền giả đến gỡ bạng tình nguyện đi dâng dưa. Người này tên là Lưu Toàn, quê ở Quận Châu, nhà giàu có. Vợ là Lý Thúy Liên rút kim thoa đem cúng nhà sư ngoài cổng. Lưu Toàn trông thấy liền mắng vợ là không biết giữ tiết. Lý thị tức giận chống bèn treo cổ tự tử, bỏ lại 2 đứa con thơ kêu khóc. Lưu Toàn buồn rầu, gởi gắm con cái ở lại, quyết xuống Âm phủ tìm vợ nên liều chết lãnh nhiệm vụ đi dâng dưa cho Thập Điện.

Vua Đường hạ chỉ cho Lưu Toàn đến Kim Đinh quán, đầu đội một quả dưa to, túi đựng tiền vàng, miệng ngâm

thuốc độc. Giây lát, Lưu Toàn chết, linh hồn đội dưa xuống Âm phủ, được Quỷ sứ dẫn vào điện Sum La, tàu lên Thập Điện: Tội vâng chỉ vua Đường, từ cõi dương gian, đội dưa dâng hiến Thập Điện Diêm Vương để báo đáp ân nghĩa của Thập Điện đã tha thứ vua Đường.

Diêm Vương cả mừng nói: Tốt lắm, Đường Thái Tôn thật có tín nghĩa.

Diêm Vương thâu dưa, rồi hỏi tên họ và quê quán của Lưu Toàn, Lưu Toàn đáp: Tiểu nhân họ Lưu tên Toàn, quê ở Quận Châu, vì vợ là Lý thúy Liên tự tử, bỏ lại 2 đứa con không người trông nom, tiểu nhân tình nguyện bỏ nhà lia con, trước là liều chết để báo ơn vua, đi dâng dưa lên 10 Vua, sau là tìm vợ.

Thập Điện nghe nói vậy thì sai Quỷ sứ dắt hồn Thúy Liên đến cho gặp mặt chồng. Hai vợ chồng gặp nhau, giải bày chuyện cũ và tạ ơn 10 Vua. Diêm Vương cho tra xét Sổ Sinh Tử, thấy 2 vợ chồng Lưu Toàn có số thọ và được lên Tiên, vội sai Quỷ sứ dẫn 2 hồn trở về dương thế nhập xác. Quỷ sứ tâu: Lý Thúy Liên về cõi Âm khá lâu nên thi thể đã thúi nát thì hồn nhập xác sao được?

Diêm Vương nói: Em gái vua Đường là Công Chúa Lý Ngọc Anh nay bị chết tươi, nhà người mượn xác ấy cho Thúy Liên nhập đỡ.

Quỷ sứ vâng lệnh dẫn 2 hồn Lưu Toàn và Thúy Liên ra khỏi Âm phủ, trở về dương thế. Hồn Lưu Toàn được dẫn đến Kim Đình quán và cho nhập vào xác sống lại, còn hồn Lý Thúy Liên được dẫn vào Hoàng cung, thấy Công Chúa Lý Ngọc Anh đi dạo, Quỷ sứ đẩy mạnh làm Ngọc Anh té xuống, Quỷ sứ bắt hồn Ngọc Anh dẫn đi và xô hồn Thúy Liên vào nhập xác Công Chúa.

Xác Công Chúa sống lại nhưng là hồn của Lý Thúy Liên, nên không nhận mình là Công Chúa làm cho Hoàng gia bối rối. Vua Đường Thái Tôn đã được Thập Điện báo trước em gái vua sẽ bị bắt đặc kỳ tử, nên vua không ngạc nhiên, xác nhận việc đó và cho vợ chồng Lưu Toàn tái hợp mà vợ là Thúy Liên trong xác Công Chúa, và ban thưởng rất hậu.

Hằng Nga: Theo Thần Tiên Truyện, Hằng Nga là vợ của Hậu Nghệ. Hậu Nghệ có tài bắn cung. Tương truyền, thời xưa bỗng nhiên có 10 Mặt Trời mọc lên một lượt làm cho nắng nóng cháy cây chết vật. Hậu Nghệ giương cung, lần lượt bắn rớt 9 Mặt Trời, làm khí hậu trở lại mát mẻ. Dân chúng vui lòng tôn lên làm vua. Hậu Nghệ được Đức Bà Tây Vương Mẫu ban cho thuốc trường sanh. Về sau, Hậu Nghệ làm nhiều điều tàn ác, Hằng Nga khuyên can không được nên lên lấy thuốc trường sanh của Hậu Nghệ uống vào, thì nhẹ mình bay lên ở trên Cung Trăng. Hậu Nghệ mất thuốc Tiên, nên không thể bay lên Mặt Trăng để bắt Hằng Nga trị tội.

Câu 321: Chẳng lẽ nói cha con là người đen bạc, mẹ theo vợ bé, bỏ bê vợ lớn ở nhà.

Câu 322: Chẳng lẽ nói cha con lên lút vụng trộm với những người đàn bà mất nết, không ra gì.

Câu 323: Nói chi đến chuyện chung tình như chàng Lưu Toàn liều chết đi dâng dưa cho Thập Điện Diêm Vương để tìm vợ nơi cõi Âm phủ.

Câu 324: Chẳng lẽ nói cha con như chàng Hậu Nghệ rượt theo đuổi bắt Hằng Nga.

325

*Không lẽ nói đi qua Đông Độ,
Không lẽ rằng vô số chinh phu.
Lẽ nào nói bị tội tù,
Lẽ nào nói trấn Tây Âu làm hoang.*

Chú thích:

Đông Độ: Danh từ của Phật giáo, chỉ nước Tàu. Đông độ tức là Đông thổ, là đất ở phía Đông của nước Ấn Độ. Xưa, Đạt Ma Tổ Sư, từ Ấn Độ đi thuyền qua nước Tàu để truyền bá Phật giáo tại đó, nên gọi nước Tàu là Đông độ.

Câu 325: Không lẽ nói chàng đi qua nước Tàu.

Câu 326: Không lẽ nói chàng đi chinh chiến phương xa.

Câu 327: Không lẽ nói chàng bị tội ở tù.

Câu 328: Không lẽ nói chàng được bỏ trấn nhậm Tây Âu và làm vua nơi đó.

329

*Còn nói thiệt rằng chàng phụ thiếp,
Cũng vì mê theo kiếp làng chơi.
E con đến lớn nên người,
Giương cha để thẹn những lời bợm hoang.*

Chú thích:

Kiếp làng chơi: Đời sống của những người chỉ biết chơi bời, tìm hưởng thú vui xác thịt. **Bợm hoang:** Bợm là tay ăn chơi sành sỏi, có nhiều mách khéo xảo quyết lừa gạt người. Hoang là rong chơi đàng điểm, không có độ lượng.

333

*Riêng chịu thảm không than với trẻ,
Đổ lụy rơi theo khóe miệng cười.
Vui là gắng gượng làm vui,
Cái vui cùng trẻ là hồi ai bi.*

Chú thích:

Đổ lụy: Rớt nước mắt. **Gắng gượng:** Cố gắng làm một cách gượng gạo. **Trẻ:** Chỉ đứa con còn nhỏ dại. **Ai bi:** Bi ai, buồn rầu thương xót.

337

*Ngàn dâu ngó ngày chầy thăm thăm,
Bận lòng con lại vấn nô y.
Xem chừng coi mảnh anh nhi,
Co tay đếm tuổi bấy chầy không cha.*

Chú thích:

Ngàn dâu: Rừng cây dâu. Ngàn là rừng. Chữ Hán có thành ngữ: *Tang điền biến vi thương hải*, nghĩa là: Ruộng dâu biến thành biển xanh. Ngàn dâu là ý nói cuộc đời nhiều biến đổi. **Ngày chầy:** Ngày dài. **Thăm thăm:** Xa lắm. **Vấn:** Quán chung quanh. **Nô y:** Nghĩa đen là cái áo của đầy tớ. Nô là đầy tớ, y là cái áo. Ở đây, Nô y có nghĩa là cái áo choàng vào bên ngoài để làm các công việc trong bếp. **Anh nhi:** Đứa con bé nhỏ. Anh là bé con, nhi là con. **Co tay đếm tuổi:** Xòe bàn tay trái ra, co ngón tay cái để làm dấu đếm trên các lông tay, tính tuổi con theo năm âm lịch: Tý, Sửu, Dần, Mão,... **Bấy chầy:** Bấy lâu.

341

*Hột cơm tẻ nhai ra như cát,
Gan còn nguyên như nát bao chừ.
Nuôi con từ lúc đào thư,
Bao nhiêu máu thịt công chờ bấy nhiêu.*

Chú thích:

Cơm tẻ: Cơm nấu từ gạo thường. Tẻ có nghĩa là ít nhựa. Nói cơm tẻ để phân biệt với cơm nếp, mềm có nhựa. **Đào thư:** Đào là cây đào chỉ người con gái, thư tức là thơ, trẻ tuổi. Đào thư hay Đào thơ là người con gái trẻ tuổi. Đào thơ cũng là Đào non, chữ Hán là Đào yêu. Trong Kinh Thi có nói: Con gái về nhà chồng gặp lúc đào non lá xanh mướt. Do đó, chữ Đào yêu là chỉ con gái mới về nhà chồng.

Câu 344: Bao nhiêu máu thịt của đứa con thì cái công chờ đợi chồng trở về cũng bằng bấy nhiêu (vì người chồng đã bỏ nhà ra đi theo vợ nhỏ từ lúc vợ lớn mới sanh đứa con).

345

*Chàng đâu rõ khúc khiu cực nhọc,
Lớn khôn ngoan biết học biết hành.
Biết ơn nuôi dưỡng sanh thành,
Tìm cha lại bỏ một mình thiếp coi.*

Chú thích:

Khúc khiu: Những nỗi khó khăn vất vả. **Sanh thành:** Sanh ra, nuôi nấng và dạy dỗ thành người.

Câu 348: Người vợ sợ đứa con khi lớn đi tìm cha, bỏ mẹ ở lại một mình cô đơn.

349

*Càng thấy lớn, càng rời lại sợ,
Mãng nên hình, còn sợ theo cha.
Dường như con vịt mẹ gà,
Trẻ thơ vội phản, mẹ già kinh tâm.*

Chú thích:

Mãng: Mừng. **Con vịt mẹ gà:** Ý nói con nuôi, không phải con ruột. **Kinh tâm:** Lòng rất sợ sệt.

Câu 351: Dường như là con nuôi, chớ không phải con ruột (nên người mẹ lo sợ khi con lớn nó đi theo cha, bỏ mẹ).

353

*Làm lụng tẻ bao lăm của cải,
Để cho con làm ngãi cùng con.
Nỗi lo đời lúa vương tròn,
Còn lo gia thất vĩnh tồn hậu lai.*

Chú thích:

Tẻ: Sanh lợi ra, dư ra. **Bao lăm:** Có đáng bao nhiêu. **Làm ngãi:** Làm nghĩa. Ngãi là ơn nghĩa. **Gia thất:** Gia là chỉ người chồng, thất là chỉ người vợ. Gia thất là vợ chồng. Có câu: Nữ tử sinh nhi nguyệt vi chi hữu gia và Tam thập viết tráng hữu thất. Nghĩa là: Con gái sanh ra mong cho nó có chồng. Ba mươi tuổi gọi là tráng niên có vợ. **Vĩnh tồn:** Tồn tại lâu dài. **Hậu lai:** Thời gian về sau.

357

*Định hương hỏa, hằng bày qui tế,
Lập pháp gia, tự kể phụng thờ.
Con chàng thiếp trả khi thờ,
Dòng chàng thiếp dạy phụng thờ tổ tông.*

Chú thích:

Bắt đầu từ câu 357 đến câu 592 là phần: Mẹ dạy con trai.

Định: Sắp đặt. **Hằng:** Thường thường. **Hương hỏa:** Nhang đèn, chỉ sự thờ cúng tổ tiên. **Qui tế:** Qui là thời gian 3 tháng, tương ứng với một mùa. Tế là cúng và dâng lễ phẩm theo nghi thức long trọng. Qui tế là cúng tế vào mỗi qui hay mỗi mùa (3 tháng) **Pháp gia:** Gia pháp, phép tắc cư xử trong nhà. **Tự kể:** Tự là nối dõi, con cháu nối dõi; kể là nối theo. Tự kể là nối dòng. **Phụng thờ:** Phụng sự việc thờ cúng. **Tổ tông:** Tổ tiên của dòng họ.

361

*Lựa cho học các công các nghệ,
Tính cho hay mọi vẻ văn tài.
Sĩ, Nông, Công, Cổ sanh nhai,
Ngư, Tiều, Canh, Mục làm bài bảo thân.*

Chú thích:

Công nghệ: Các nghề làm thợ chế tạo vật dụng. **Văn tài:** Có tài về văn chương. **Sĩ:** Nghề học văn chương, thi đậu ra làm quan. **Nông:** Nghề làm ruộng. **Công:** Nghề làm thợ. **Cổ:** Buôn bán. **Ngư:** Nghề đánh cá. **Tiều:** Nghề đốn củi. **Canh:** Nghề cày ruộng. **Mục:** Nghề chăn nuôi súc vật. **Sanh nhai:** Làm ăn sinh sống. **Bảo thân:** Bảo vệ thân thể. Ý nói: Nuôi dưỡng và gìn giữ thân thể cho khỏe mạnh.

365

*Hễ phải mặt văn nhân tài tử,
Dạy con nên vẹn giữ nhưn luân.
Văn là thượng sĩ danh thân,
Võ thì bạt tụy siêu quần quân trung.*

Chú thích:

Văn nhân: Người học thức có tài làm văn làm thơ. **Tài tử:** Người tài giỏi. Tử là người. **Nhơn luân:** Nhơn là người, luân là phép tắc ở đời đúng theo đạo lý. Nhơn luân là phép tắc đối xử mà con người phải tuân theo để giữ phẩm giá của mình cho được cao trọng. **Thượng sĩ:** Người trí thức bậc trên, tức là đại trí thức. **Danh thân:** Vị quan lớn có tiếng tăm tốt. **Bạt tụy:** Tài giỏi hơn người. Bạt là vượt lên trên, tụy là gom nhóm lại. **Siêu quần:** Đồng nghĩa với Bạt tụy. Siêu là vượt lên trên, quần là nhiều người. **Quần trung:** Trong quần đội. Trung là ở trong.

369

*Quan thì phải tận trung vì chúa,
Dân thì hay tập búa Lỗ Ban.
Sang thì giữ vững ngai vàng,
Hèn thì trừ đảng bạo tàn hại dân.*

Chú thích:

Tận trung: Hết lòng trung thành. Tận là hết. **Lỗ Ban:** Người thợ mộc nổi tiếng tài giỏi của nước Lỗ thời Xuân Thu. Lỗ Ban sử dụng cái búa đeo gỗ thật tài tình, không ai sánh kịp. **Tập búa Lỗ Ban:** Tập tành nghề thợ mộc. **Ngai vàng:** Cái ngai bằng vàng để vua ngồi khi họp triều đình. Đây là cái ngai vua tượng trưng cho nước.

Câu 371: Nếu tài giỏi thì đem tài ra giữ vững đất nước.

Câu 372: Nếu không tài giỏi thì cũng phải ra sức trừ diệt các đảng cướp giết tàn bạo hại dân.

373

*Trọng thì lấy đai cân làm lệnh,
Khinh thì lo trừ nghịch làm duyên.
Nước non để tuổi cùng tên,
Quốc gia khinh trọng bờ bên nơi dân.*

Chú thích:

Trọng: Coi nặng, quan trọng. **Khinh:** Xem nhẹ. **Đai cân:** Áo mào, phẩm phục của các quan nơi triều đình. **Trừ nghịch:** Diệt trừ kẻ phản nghịch, hại dân hại nước. **Làm duyên:** Làm điều tốt đẹp gây sự chú ý của cấp trên. **Bờ bên:** Bờ là dễ hư hỏng tan vỡ; bên là vững bền.

Câu 373: Việc quan trọng thì do nơi lệnh của các quan.

Câu 374: Việc không quan trọng thì lo diệt trừ kẻ phản nghịch để gây sự chú ý của cấp trên.

Câu 376: Việc nước, quan trọng hay không quan trọng, bền vững hay không bền vững, đều do nơi dân. Thuận lòng dân thì bền vững, nghịch lòng dân thì không bền vững.

377

*Con thương mẹ dầu vàng lệnh dạy,
Thương quê hương trọng ngãi quân thân.
Ngọn rau tấc đất là ân,
Một dòng một giống lo cần ích chung.*

Chú thích:

Trọng ngãi: Trọng nghĩa, xem nặng việc đối xử đúng theo lẽ phải và đạo lý. **Nghĩa quân thân:** Cách đối xử đúng theo đạo lý giữa vua và bề tôi.

Câu 379: Chế độ quân chủ thời xưa quan niệm rằng, đất nước này là của vua, ngọn rau cũng là của vua, nên người dân ở trên đất của vua, ăn ngọn rau của vua thì phải biết ơn vua.

Câu 380: Dân tộc Việt Nam là dòng giống Rồng Tiên, nên phải xem nhau như anh em một nhà, giúp đỡ và lo lắng các công việc cần ích chung.

381

*Nếu để đảng tình trung hai chữ,
Vạch lưng con viết thử để dành.
Rủi cơn loạn quốc khuynh thành,
Tắm gan liệt sĩ cũng dành độ dân.*

Chú thích:

Tình trung: Tình là tốt đẹp nhất, trung là hết lòng với vua. Tình trung là lòng ngay thẳng tốt đẹp trung thành với vua. **Loạn quốc:** Nước loạn, có giặc giã nổi lên. **Khuynh thành:** Thành trì nghiêng đổ vì giặc giã. **Tắm gan:** Chỉ cái ý chí mạnh mẽ của con người. **Liệt sĩ:** Người hy sinh tánh mạng của mình để phụng sự quốc gia. **Độ dân:** Cứu giúp dân chúng.

Bốn câu thơ trên lấy theo sự tích Nhạc Phi một danh tướng trung liệt thời nhà Tống bên Tàu.

Nhạc Phi: Hiệu là Bàng Cừ, sanh ở huyện Thang Âm. Nhạc Phi sớm mồ côi cha lúc 3 tuổi, mẹ ở vậy thủ tiết nuôi con. Năm Nhạc Phi lên 8 tuổi, gặp nạn giặc Kim từ phương Bắc đánh xuống Trung nguyên, mẹ con Nhạc Phi phải chạy lánh nạn xuống phương Nam. Mẹ Nhạc Phi biết con trai mình sẽ là người phi thường, nên Bà lấy kim xăm vào lưng con 4 chữ: “*Tận trung báo quốc*”, mà mãi đến khi Nhạc Phi lớn lên cho đến khi chết, bốn chữ này vẫn in sâu vào da thịt không phai.

Khi Nhạc Phi lớn lên, ông rất ham học, thích nhất là bộ sách Xuân Thu của Đức Khổng Tử. Ông đau lòng trước nạn giặc Kim xâm lăng, nên không học khoa cử, mà chuyên luyện tập võ nghệ và học binh thư.

Đời Tống Cao Tông, Nhạc Phi đi thi đậu Võ Trạng, được bổ cầm binh đi đánh giặc Kim. Nhạc Phi có tài chinh chiến, đánh thắng quân Kim nhiều trận, lập được công to, một lòng trung trực vì vua vì nước, được vua ban thưởng một lá cờ thêu 4 chữ “*Tinh trung Nhạc Phi*”.

Vua nước Kim đánh không lại Nhạc Phi nên dùng kế ly gián vua tôi trong triều đình nhà Tống, cho người liên kết và mua chuộc Tế Tướng Tần Cối, cho rằng sau này Nhạc Phi lập được nhiều công lớn, sẽ chiếm địa vị của Tần Cối. Tần Cối tâu vua Tống giảng hòa với nước Kim, triều Nguyên soái Nhạc Phi trở về triều để tìm cách hãm hại.

Lúc đó Nhạc Phi đang chỉ huy mặt trận, liền tiếp thẳng lớn quân Kim, nên Nhạc Phi không chịu lui quân giảng hòa với quân Kim. Vua Tống Cao Tông hôn ám, để cho gian thần Tần Cối lộng quyền, giả lệnh của vua, phát ra liên tiếp 12 đạo kim bài buộc Nhạc Phi rút binh trở về triều. Nhạc Phi buộc phải án binh và đơn thân độc mã trở về triều để tâu bày cùng vua Tống. Khi Nhạc Phi vừa về tới cửa ngõ kinh thành, liền bị Tần Cối cho phục binh đón bắt giam vào ngục mà vua Cao Tông không hay biết.

Vua nước Kim lại thúc giục Tần Cối giết chết Nhạc Phi, cho rằng Nhạc Phi còn sống thì không thể giảng hòa với nhà Tống. Tần Cối vu cáo Nhạc Phi mưu phản, sai bọn ngục lại giết chết Nhạc Phi vào đêm 30 Tết tại Phong Ba Đình, cùng với người con cả là Nhạc Vân và đứa con nuôi là Trương Hiến. Năm đó Nhạc Phi được 39 tuổi.

Mọi người đều thương tiếc Nhạc Phi, và vô cùng oán giận gian thần Tần Cối.

Vua Tống Cao Tông truyền ngôi cho vua Hiếu Tông. Gian thần Tần Cối bị lột mặt nạ và bị giết chết ba họ.

Câu chuyện đối đáp giữa vua Cao Tông và Nhạc Phi:

Vua Cao Tông hỏi: Lúc nào thiên hạ thái bình?

Nhạc Phi đáp: Văn thần bất ái tiền, võ thần bất tích tử, thiên hạ thái bình hĩ. (*Quan văn không ham tiền, quan võ chẳng tiếc chết, lúc đó thiên hạ thái bình*).

385

Dầu rui phận nợ thân chẳng vẹn,

Đạo Cẩn Vương nêu tiếng thanh cao.

Trung thành giữ cõi Nam trào,

Hùng anh trước dựng Ngụy Tào khiếp oai.

Chú thích:

Nợ thân: Món nợ đối với song thân, tức là món nợ về công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. **Đạo:** Đường lối phép tắc phải giữ gìn và tuân theo.

Cẩn Vương: Cẩn là lo lắng giúp đỡ. Cẩn Vương là hết lòng lo lắng cứu giúp vua khi vua gặp nguy hiểm.

Trong lịch sử cận đại của nước ta, vào tháng 4 năm Ất Dậu (1885), vua Hàm Nghi đang ở tại triều đình Huế, không chịu nổi sự áp bức của Khâm Sứ Pháp là Thống Tướng De Courcy, vua Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết nổ súng chống quân Pháp, nhưng đánh không lại, phải rút lui đi lánh nạn ở Quảng Trị, sau đó lên Tân Sở thuộc Quảng Bình để lo việc khôi phục. Tôn Thất Thuyết ra lệnh Cẩn Vương gọi đi các nơi, các sĩ phu và dân chúng hưởng ứng nổi lên chống quân Pháp.

Nam Trào: Triều đình của vua nước Việt Nam. **Côi Nam trào:** là nước Việt Nam. **Hùng anh:** Anh hùng. **Ngụy Tào:** Ngụy là nhà Ngụy, Tào là họ Tào gồm Tào Tháo, Tào Phi, Tào Sấn,... Đầu tiên là Tào Tháo, dưới thời vua Hán Hiến Đế, làm Thừa Tướng chuyên quyền, xưng là Ngụy Vương. Sau đó, con của Tào Tháo là Tào Phi, phế vua Hán, tự mình lên ngôi vua, xưng là Ngụy Văn Đế, lập ra nhà Ngụy, truyền ngôi được 2 đời thì bị Tư Mã Viêm, con của Tư Mã Chiêu, cháu nội của Tư Mã Ý diệt, lập ra nhà Tấn. Ngụy Tào là chỉ nước Tàu. Từ ngữ Ngụy Tào dùng có ngầm ý khinh miệt, theo cách hiểu đồng âm: Ngụy Tàu, tức là giặc Tàu.

389

*Trước quốc chánh chia hai tộc chúng,
Núi Hoành sơn định phỏng biên cương.
Bắc Nam hiệp Tổ Hùng Vương,
Xúm nhau nâng nổi miếu đường Việt Nam.*

Chú thích:

Quốc chánh: Chánh trị của quốc gia. **Tộc chúng:** Chúng tộc, nòi giống. **Định phỏng:** Định chừng gần đúng. **Hoành Sơn:** Núi Hoành Sơn là núi ở đèo Ngang thuộc Trung phần VN. **Biên cương:** Bờ cõi, ranh giới giữa 2 nước. **Miếu đường:** Nhà thờ tổ tiên của nhà vua. Miếu đường được cất trong Hoàng thành, kế bên triều đình, nên Miếu đường chỉ triều đình. Nghĩa bóng: Miếu đường là Hồn nước.

Hai câu 389-390: Thời trước, nền chánh trị của nước ta chia chúng tộc làm hai, lấy núi Hoành sơn làm biên giới. Hai câu này nhắc lại thời Trịnh Nguyễn phân tranh: Chúa Trịnh ở miền Bắc, Chúa Nguyễn ở phương Nam, đôi bên lấy Hoành Sơn làm ranh giới.

393

*Giang san bốn ngàn năm tổ nghiệp,
Văn hóa so cũng kịp tha bang.
Xa thơ nay gầy giữa đàng,
Con tua giữ dạ cứu nàn giúp nguy.*

Chú thích:

Tha bang: Nước khác. Tha là khác, bang là nước. **Xa thơ:** Nên văn hóa của một nước. Xa là xe, thơ là sách. **Tua:** Phải, nên. **Giữ dạ:** Giữ lòng. **Cứu nàn giúp nguy:** Cứu giúp tai nạn nguy hiểm.

Câu 395: Ý nói nền văn hóa của dân tộc Việt Nam bị sụp đổ giữa đường. Tác giả viết câu này vì lúc bấy giờ, nước Việt Nam đang bị nước Pháp đô hộ. Người Pháp đem nền văn minh cơ khí và Thiên Chúa giáo truyền sang nước ta, làm cho nền văn hóa vốn theo Tam giáo của nước ta bị sụp đổ.

397

*Nào quốc thể, người khi kẻ thị,
Nào dân đen, phép quỉ hợp hôn.
Nấu sôi cái máu anh phong,
An bang tế thể một lòng lo âu.*

Chú thích:

Quốc thể: Thể diện của một nước. **Khi:** Coi rẻ. **Khi thị:** Xem rẻ, coi thường. **Dân đen:** Dân nghèo. **Phép quỉ hợp hôn:** Phép thuật của bọn quỉ bắt hồn người để sai khiến. Người Pháp đem vào Việt Nam những kỹ thuật khoa học tân tiến, khiến người Việt Nam rất kinh ngạc, xem đó như những phép thuật lạ lùng của ma quỉ. Vì vậy, người Việt Nam lúc đó gọi người Pháp là bọn bạch quỉ (*quỉ trắng*). **Anh phong:** Tánh cách cao quí tốt đẹp đã có từ lâu đời. Anh là

phần đẹp và quý nhưt, phong là thói quen lâu đời. **An bang:** Làm cho nước yên ổn. **Tế thế:** Giúp đời.

Câu 399: Thúc đẩy cái truyền thống anh hùng tốt đẹp đã có từ lâu đời.

401

*Đấng nam tử đâu đâu cũng nợ,
Khắp năm châu khai mở qui mô.
Châu lưu tứ hải ngũ hồ,
Thơ hương đặc vận cây nhờ dân sanh.*

Chú thích:

Nam tử: Con trai. **Khắp năm châu:** Khắp thế giới. **Qui mô:** Độ rộng lớn về mặt tổ chức thực hiện. **Qui** là cây thước tròn của thợ mộc, **mô** là cái khuôn. **Châu lưu:** Đi vòng quanh khắp nơi. **Tứ hải ngũ hồ:** Bốn biển năm hồ, khắp thế giới. **Thơ hương:** Mùi thơm của sách, chỉ người học thức cao, rất tài giỏi. **Đặc vận:** Được thời vận tốt.

Câu 404: Người có học thức tài giỏi khi đặc thời thì dân chúng nhờ cậy được.

405

*Vùng Nam Hải uy linh nhứt quốc,
Cỏ rã hai chia đất rắp ranh.
Trời còn roi nước hùng anh,
Giang sơn là đấy, còn mình ở đâu?*

Chú thích:

Nam Hải: Biển chạy dọc theo nước Việt Nam, chỉ nước Việt Nam. **Vùng Nam Hải:** Vùng đất mà khi xưa, Lạc Long Quân đem 50 đứa con xuống lập nghiệp, ngày nay là nước

Việt Nam. **Uy linh:** Cái oai quyền thiêng liêng đáng nể sợ. **Roi:** Lưu lại. **Hùng anh:** Anh hùng.

Hai câu 405-406: Vùng Nam Hải có một nước uy linh, tại đường ranh giới phân chia hai nước, cỏ mọc rẽ ra hai bên. Ý nói vùng Nam Hải do Trời định dành cho nước Việt Nam.

*“Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”*

(Lý Thường Kiệt)

Nghĩa là:

Núi sông nước Nam vua Nam ở,
Rõ ràng như thế, sách Trời đã định như vậy.
Làm sao quân giặc lại kéo tới xâm phạm,
Bọn bầy rồi coi sẽ nắm lấy phần thất bại.

Câu 408: Non sông Việt Nam uy linh anh hùng là thế đấy, còn mình bây giờ đang ở đâu, làm gì?

409

*Con cũng đứng mày râu dưới thế,
Nếu kém phương thiếu thế vận trù.
Đầu khôn, mẹ cũng cho ngu,
Tài chi trong kiếp tội tù dã man.*

Chú thích:

Mày râu: do chữ Tu mi, chỉ đàn ông con trai. **Kém phương thiếu thế:** Thiếu kém phương thế. **Vận trù:** Tính toán trừ liệu để hành động đạt kết quả.

413

*Con phải nhớ da vàng máu đỏ,
Cõi Nam Châu rõ rõ quốc triều.
Con Hồng cháu Lạc bao nhiêu,
Thiếu tài khiếm đức, định triều an bang.*

Chú thích:

Nam Châu: Chỉ nước Việt Nam. Khi nước Tàu đô hộ nước ta, họ sáp nhập Việt Nam thành một Quận hay một Châu của nước Tàu, gọi là Giao Chỉ Quận, Giao Chỉ Bộ hay Giao Châu, sau đổi lại là An Nam Đô Hộ Phủ. Đến đời nhà Nguyễn, vua Gia Long mới đặt tên nước là Việt Nam. **Rõ rõ:** Rực rỡ. **Quốc triều:** Triều đình của một nước. **Con Hồng cháu Lạc:** Con cháu của họ Hồng Bàng và Lạc Long Quân. (Xem Chú thích câu 4). **Khiếm đức:** Thiếu đức. **Định triều an bang:** Sắp đặt triều đình làm cho nước nhà được yên ổn.

417

*Mẹ dẫu phải tuổi vàng nhảm mắt,
Vui thấy con đáng mặt làm trai.
Nhục con, con chịu chớ nài,
Nhục cho quốc thể ra tài hy sinh.*

Chú thích:

Suối vàng: do chữ Huỳnh tuyên, chỉ cõi Âm phủ. Thời Xuân Thu, Trịnh Trang Công có chuyện ác cảm với mẹ nên thể rằng: “*Bất cập hoàng tuyên vô tương kiến giả*” (Chưa đến suối vàng thì không cùng gặp mặt). Sau nhờ Đinh Khảo Thúc là người bề tôi hiền, bày mưu để giải lời thề bằng cách khuyên Trịnh Trang Công đào một đường hầm vô sâu trong lòng

đất, bày cảnh như cõi Âm phủ, đưa bà mẹ vào đó rồi Trang Công xuống gặp mẹ. Tình mẹ con khấn khít trở lại.

Câu 417: Mẹ dẫu cho chết, linh hồn đi xuống Âm phủ.

Câu 420: Khi quốc thể bị ô nhục, con phải đem tài sức ra tranh đấu, dù phải hy sinh tánh mạng.

421

*Thất xã tắc, dân mình nghịch chủng,
Quen nghề tham, lại những quan gian.
Sâu dân một nước bạo tàn,
Mua quan bán chức nhộn nhàng cân đai.*

Chú thích:

Xã tắc: Một nước. Xã là nơi tế Thần Đất, Tắc là nơi tế Thần Nông. **Thất xã tắc:** Mất nước. **Nghịch chủng:** Phản nghịch lại chủng tộc. **Lại những quan gian:** Quan lại tham nhũng, gian dối. **Sâu dân một nước:** Chỉ những quan lại tham ô, chuyên đục khoét của dân để làm lợi riêng. Con sâu và con mọt là 2 loại côn trùng chuyên đục khoét phá hại cây cối. **Nhộn nhàng:** Rộn rịp đông đảo. **Cân đai:** Cái mào và cái đai áo rộng, chỉ phẩm phục của các quan nơi triều đình.

425

*Đem chơn chánh phô bày trừ mị,
Nâng niu cho dân khí lấy lừng.
Dân thì biết phận làm dân,
Chúa cho đáng chúa, đình thần đáng quan.*

Chú thích:

Phô bày: Phô trương và bày ra. **Trừ mị:** Diệt trừ tà mị. Mị là phỉnh nịnh để lừa gạt. **Nâng niu:** Chăm chút với tình yêu mến trân trọng. **Dân khí:** Cái tinh thần của một dân

tộc. **Lấy lòng:** Bốc lên cao một cách mạnh mẽ. **Đình thần:** Các quan trong triều đình.

Hai câu 427-428: Đây là áp dụng theo thuyết Chính danh Định phận của Đức Khổng Tử. Luận Ngữ viết: *Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử.* Nghĩa là: Vua ra vua, bề tôi ra bề tôi, cha ra cha, con ra con. Giữ cái trật tự cho rõ ràng, danh phận cho chính đáng, tức là giữ căn bản cho việc chánh trị trong nước.

429

*Trừ đảng dữ tham gian bạo ngược,
Diệt những phường mưu chước cầu vinh.
Xem đường cuông khấu biên đình,
Cung dẫu tên cỏ, nước mình chấn hưng.*

Chú thích:

Đảng dữ: Bè đảng hung dữ. **Tham gian:** Tham lam gian trá. **Bạo ngược:** Hung bạo ngang ngược. **Phường:** Đám, bọn. **Cầu vinh:** Mưu cầu vinh hiển. **Cuông khấu:** Giặc cướp tàn ác dữ dội. **Biên đình:** Miền biên thùy xa xôi. **Cung dẫu tên cỏ:** Do thành ngữ chữ Hán: “*Tang bồng hồ thi.*” nghĩa là: Cung bằng gỗ dẫu, tên bằng cỏ bồng. Theo Kinh Lễ, khi Hoàng Hậu sanh đặng Hoàng nam, quan coi việc lấy cây cung bằng gỗ dẫu và cây tên bằng cỏ bồng bắn ra bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc, rồi bắn một phát lên trời, một phát xuống đất. Ngụ ý nói rằng: Người làm trai chí ở bốn phương, tung hoành giữa Trời Đất, ôm hoài bão giúp dân giúp nước. **Chấn hưng:** Làm cho trở nên hưng thịnh.

433

*Xem lịch sử vĩ nhân mấy mặt,
Đại trượng phu trước giặc vong thân.
Nên danh khai quốc công thần,
Nêu tên hậu thế xa gần tặng phong.*

Chú thích:

Vĩ nhân: Người có tài đức và sự nghiệp to lớn. **Đại trượng phu:** Người đàn ông tài giỏi xuất chúng, đáng được mọi người kính trọng. **Vong thân:** Quên mình. **Nên danh:** Tạo nên được cái tiếng tăm tốt. **Khai quốc công thần:** Người bề tôi có công lớn trong việc mở ra một triều đại mới cho đất nước. **Hậu thế:** Đời sau. **Tặng phong:** Khen tặng phong tước.

437

*Muốn hiển tở vinh tông báo hiếu,
Học cho hay trọng yếu miếu đường.
Tặng quen cỡi ngựa cầm cương,
Trận trung quyết thắng chiến trường đoạt binh.*

Chú thích:

Hiển tở vinh tông: Vinh hiển tổ tiên của dòng họ. **Trọng yếu:** Rất quan trọng. **Miếu đường:** Hồn nước. **Trận trung:** Giữa trận chiến. Trung là giữa. **Đoạt binh:** Thắng trận bắt được quân địch.

Câu 439: Đã từng xông pha nơi chiến trận.

441

*Lựa những mặt tài tình thọ giáo,
Học cho thông mối đạo quân thần.
Trương Lương dâng dép ba lần,
Chút công ấy định Hôn Tần nên hư.*

Chú thích:

Tài tình: Tài giỏi khéo léo đáng kính phục. **Thọ giáo:** Nhận chịu sự dạy dỗ, theo học. **Đạo quân thần:** Bốn phận phép tắc cư xử đúng theo đạo lý giữa vua và bề tôi. Vua thì phải sáng suốt và chăm lo cho dân, bề tôi thì phải hết lòng giúp vua lo việc nước.

Hai câu 443-444: Nói về sự tích Trương Lương.

Trương Lương: Người nước Hàn. Nước Hàn bị vua Tần Thủy Hoàng tiêu diệt. Trương Lương muốn báo thù cho nước Hàn nên tìm cách giết Tần Thủy Hoàng. Trương Lương tìm được một dưng sĩ, bày kế cho dưng sĩ cầm cái chùy nặng núp ở bãi cát Bác Lăng, đợi xe của vua Tần đi ngang thì nhào ra đánh, nhưng lại đánh lầm xe tùy tùng nên dưng sĩ bị giết chết ngay. Trương Lương bị vua Tần truy nã nên phải thay tên đổi họ trốn lánh ở Hạ Bì.

Có lần Trương Lương dạo chơi trên cầu Hạ Bì, thấy một cụ già đi đến cầu gần chỗ mình, chăm chăm nhìn Trương Lương rất lâu, rồi cụ làm rơi một chiếc dép xuống dưới cầu, bảo Trương Lương xuống lượm lên cho cụ.

Lương để ý thấy việc này hơi lạ, nhưng vẫn nghe lời cụ già, trèo xuống lượm dép cho cụ. Cụ mang dép vào, rồi bật bật thế nào để dép rơi lần nữa. Cụ lại bảo Trương Lương xuống nhặt dép cho cụ. Lương lại chiều ý cụ già, lội xuống cầu lượm dép đem lên cho cụ, cẩn thận xỏ vào chân cụ.

Ông cụ đi tới đi lui loay quay thế nào làm rơi chiếc

dép lần nữa, rồi cụ cũng không ngại ngần gì cả, thản nhiên bảo Trương Lương xuống cầu lượm dép cho cụ. Đây là lần thứ 3, Trương Lương rất bực mình, nhưng đã trót giúp cụ thì rán giúp luôn để xem cụ già này thế nào. Cụ già xỏ dép vào chân, cười rồi bỏ đi, chẳng một tiếng cảm ơn. Đi được một hồi, cụ quay lại bảo Lương: Thằng bé này dạy được, 5 ngày sau, vào lúc tinh mơ, mày đến đây gặp ta.

Y hẹn, Trương Lương đến thì đã thấy ông cụ ở đây rồi. Cụ trách Lương sao đến muộn để cụ phải chờ. Cụ lại hẹn 5 ngày sau nữa, Lương hãy đến nơi đây gặp cụ lúc sáng tinh mơ. Kỳ này, đúng ngày, Lương thức dậy thật sớm, đi đến chỗ hẹn với cụ già, nhưng khi đến thì đã thấy cụ ở đó ngồi chờ. Cụ giận trách Lương sao đến trễ. Cụ lại hẹn 5 ngày sau nữa, hãy ra đây cho sớm.

Năm ngày sau, Lương đến chỗ hẹn vào lúc nửa đêm để chờ cụ. Lát sau, cụ già đến, thấy Lương đã có mặt thì rất hài lòng, liền trao cho Lương quyển sách “*Thái Công Binh Pháp*” rồi nói: Con học hết quyển sách này thì làm thầy bậc vương giả. Mười năm nữa sẽ ứng nghiệm. Mười ba năm sau, con đến gặp ta, hòn đá màu vàng dưới chân núi Cốc Thành phía Bắc sông Tế là ta đó.

Sau đó, Trương Lương theo phò Hôn Lưu Bang, được cử làm Quân Sư, bày mưu cho Hôn đánh lấy nhà Tần, tiêu diệt Sở Bá Vương Hạng Võ, thống nhất nước Tàu, lập ra nhà Hán, Lưu Bang lên làm vua, xưng hiệu là Hôn Cao Tổ. Trương Lương không ham phú quý vinh hoa, xin vua cho lui về núi tìm Tiên Ông Huỳnh Thạch Công (*Huỳnh Thạch là hòn đá vàng*) học đạo tu Tiên.

Do 3 lần dâng dép mà Trương Lương được Tiên Ông trao bộ sách quý, nhờ đó giúp Lưu Bang diệt nhà Tần, trừ Hạng Võ, mở ra nhà Hán.

445

*Trọng Ni nhận vì sư Hạng Thác,
Học tinh thần khai phát Nho tông.
Gẫm coi tổn bấy nhiêu công,
Làm cho thiên hạ đại đồng trí tri.*

Chú thích:

Trọng Ni: Tên tự của Đức Khổng Tử. **Vi sư:** Là thầy. **Khai phát:** Mở ra và phát triển. **Gẫm coi:** Suy nghĩ xem. **Thiên hạ:** Dưới Trời, chỉ nơn loại. **Đại đồng:** Cùng chung một qui mô lớn lao, cùng làm việc và cùng vui hưởng. **Trí tri:** Đạt được cái hiểu biết đến tận cùng. Trí là tới cùng, tri là sự hiểu biết.

Câu 445: Đức Khổng Tử nhận Hạng Thác là bực thầy.

Đức Khổng Tử cùng một số môn đệ đi qua nước Trần, trên đường gặp cậu bé Hạng Thác đang cặm cụi đắp chơi một cái thành bằng cát giữa đường. Xe của Đức Khổng Tử đến gần, bảo: Sao cậu không tránh cho xe của tôi đi?

Cậu bé thản nhiên đáp: Xưa nay, xe tránh thành chứ thành nào có tránh xe.

Ngài thấy cậu bé rất lạ, liền xuống xe nói chuyện, thấy cậu rất thông minh, hỏi cậu nhiều điều rất khó khăn mà cậu giải đáp rất lưu loát làm Ngài kính phục. Sau, cậu bé hỏi lại Ngài vài điều làm Ngài rất khó trả lời, đành chịu thua, nhận Hạng Thác là thầy.

“Đức Khổng Tử khi còn nhập thế, chưa xuất thế, ở Nhon đạo, chưa học Thiên Đạo. Ngài học văn chương, dạy cang thường luân lý, sau Ngài học Lễ với Lão Tử, cũng giáo huấn môn đồ về Nhon đạo. Ngài có vợ có con, thịt ăn rượu uống. Vậy nên có câu rằng: Khổng Tử Thiên sanh chơn kỳ trí, Tánh mạng công phu thi bất minh. Nghĩa là: Khổng Tử, Trời sanh người

trí lạ, Tánh mạng phép công phu chưa rõ đặng. Sau Ngài qua nước Trần, gặp Hạng Thác, chứng đó mới học qua Thiên đạo, mới cấm răn rượu thịt, dâm dục, y theo qui giới mà tu Thiên đạo, nên có câu: Trai minh thanh phục, yết dục dưỡng tinh.”
(Trích Hội Lý Xiển Chơn Luận Nguyễn Văn Kinh).

449

*Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ,
Mới đắc truyền mọi lẽ cao sâu.
Học hay kể nhiệm mưu mầu,
Học nên tài đặng giải sầu quốc gia.*

Chú thích:

Tôn kính: Kính trọng. **Cũng bì:** Cũng so sánh bằng. **Đắc truyền:** Được truyền lại cho. **Kể nhiệm mưu mầu:** Mưu kế mầu nhiệm.

Câu 449: Con phải kính trọng thầy cũng bằng kính trọng cha của con vậy, bởi vì cái công giáo hóa sánh bằng công sanh thành dưỡng dục.

Câu 452: Học cho thật giỏi đặng cõi ách nô lệ cho nước ta, dân chúng hết sầu khổ.

453

*Học đặng định chánh tà giả thiệt,
Học cho thông đặc biệt hư nên.
Học gan sắt đá cứng bền,
Học cho đủ chức xây nền Nam phong.*

Chú thích:

Chánh tà: Chánh là ngay thẳng, tà là cong queo xảo trá. Nhờ có tà mà cái chánh mới trở lên cao. Chánh tà là 2 điều cần thiết để con người trau dồi đức tánh mà tiến hóa. **Giả**

thiệt: Cái giả thuộc về tà, thiệt thuộc về chánh. **Đũ chước:** Đây đủ mưu chước kế hoạch. **Nam phong:** Nên phong hóa của dân tộc Việt Nam. Phong hóa là phong tục, tập quán và nếp sống của một dân tộc. Đức Chí Tôn nói rằng: “*Nam phong thử nhứt biến nhơn phong.*” nghĩa là: Nên phong hóa của dân tộc Việt Nam ngày sau sẽ trở thành nên phong hoá của nhơn loại.

Câu 455: Học để cho cái chí khí cứng như đá, bền như sắt. (*Gan là biểu tượng của tinh thần và ý chí*).

457

*Học cho rộng giao thông tú xứ,
Học cho cùng xử sự ngoại lân.
Học cho đúng bậc tài thần,
Ưu quân ái quốc vua cần dân nghinh.*

Chú thích:

Tú xứ: Bốn nước ở chung quanh, ý nói toàn cả các nước trên thế giới. **Xử sự:** Giải quyết thỏa đáng công việc. **Ngoại lân:** Các ngoại quốc láng giềng với nước mình. **Tài thần:** Tài là tài năng làm nên việc, thần là kẻ bề tôi của vua. Tài thần là người bề tôi tài giỏi. **Ưu quân:** Lo lắng cho vua, ý nói lo lắng cho nước. **Ái quốc:** Lòng yêu nước thương nòi. **Dân nghinh:** Dân chúng hoan nghinh.

461

*Học cho thấu máy linh cơ tạo,
Học cho toàn trí xảo văn minh.
Thâu tài hay nhập nước mình,
Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.*

Chú thích:

Học cho thấu: Học cho biết rõ. Thấu là biết rõ. **Máy linh**

cơ tạo: Linh là thiêng liêng, cơ là bộ máy, tạo là làm ra, cơ tạo là bộ máy của Đấng Tạo hóa. Máy linh cơ tạo là bộ máy thiêng liêng của Đấng Tạo hóa, tức là bộ máy thiêng liêng của Ông Trời. **Trí xảo:** Sự hiểu biết khéo léo. Trí là sự hiểu biết, xảo là khéo léo. **Văn minh:** Văn là vẻ đẹp, minh là vẻ sáng. Văn minh là cái mức sinh hoạt sáng đẹp của một xã hội tiến bộ.

Câu 463: Thâu tài hay nhập nước mình, ý nói phải đi du học ở các nước tiến bộ, có nền văn minh cao hơn mình, để đem những cái hay của họ về áp dụng cho đất nước mình.

465

*Công dạy dỗ muôn ngàn khó nhọc,
Ơn của thầy con học nên người.
Tài hay tom góp một đời,
Cho con chẳng kể vốn lời hơn thua.*

Chú thích:

Hai câu 467-468: Thầy dạy chữ có một tinh thần khác hơn ông thầy dạy võ hay dạy nghề, vì ông thầy dạy chữ thâu thập được bao nhiêu hiểu biết đều đem dạy hết cho trò, chớ không giấu nghề giữ miếng như thầy dạy võ hay dạy nghề.

469

*Thầy lao lực tùy vừa trí trẻ,
Dạy cho thông mọi lẽ gần xa.
Tuổi xanh con đặng trí già,
Còn thơ con học hóa ra lão thành.*

Chú thích:

Lao lực: Mệt nhọc vì đem sức lực ra làm việc. **Thông:** Hiểu rõ. **Tuổi xanh:** Tuổi trẻ.

Câu 471: Con còn trẻ mà có được sự hiểu biết của người già, bởi vì ông thầy già đã đem hết các kiến thức thâm thập được của cả đời ông truyền lại cho con.

473

*Con nhờ thầy công danh mới toại,
Như nhờ cha mới giỏi hình dung.
Hai ơn ấy găm so đồng,
Nghĩa kia như hiếu, mận nong cả hai.*

Chú thích:

Công danh: Ý nói việc ra làm quan để có danh tiếng và sự nghiệp vẻ vang với đời. **Toại:** Thỏa lòng. **Giỏi hình dung:** Hình dáng tốt đẹp. **Găm:** Ngắm nghĩ. **Mận nong:** Đậm đà thấm thiết.

Hai câu 475-476: Ôn thầy và ơn cha suy nghĩ kỹ thì đồng đều như nhau. Đối với thầy là nghĩa, đối với cha là hiếu, phải giữ cho đậm đà thấm thiết cả hai.

477

*Xưa ruộng Thuấn voi cày chim cấy,
Vì hiếu thân nổi dậy tuổi tên.
Đế Nghiêu tìm hiếu truyền hiền,
Nương nơi gương ấy vẫn bên đạo con.*

Chú thích:

Hiếu thân: Có hiếu với cha mẹ. Thân là chỉ cha mẹ. **Truyền hiền:** Tìm người có đức hạnh và tài giỏi để truyền ngôi vua. Trước thời vua Hạ Võ nước Tàu, ngôi vua được truyền hiền, sau thời đó thì bắt đầu truyền tử. (*Tử là con*).

Bốn câu thơ trên nhắc lại sự tích vua Thuấn, gương hiếu thảo thứ nhứt trong Nhị Thập Tứ Hiếu.

Ông Thuấn họ Ngu, cha là Cổ Tấu, mẹ mất sớm, ở với mẹ ghẻ và em khác mẹ là Tượng. Cổ Tấu thường nghe lời vợ kế, bỏ bê và đày đọa Thuấn. Còn mẹ ghẻ thì muốn trừ khử Thuấn, xúi Cổ Tấu sai Thuấn đi cày ở đất Lịch Sơn, là nơi có nhiều cọp dữ để cọp ra bắt Thuấn ăn thịt. Thuấn vẫn nghe lời cha mẹ, không chút than van, đến cày ruộng ở Lịch Sơn. Lòng hiếu thảo cảm động Trời cao, khiến cọp dữ không dám đến gần, voi ra cày đất, chim bay đến nhặt cỏ.

Thấy không hại được Thuấn cách này, bà mẹ ghẻ lại xúi Cổ Tấu sai Thuấn đi đánh cá ở đầm Lôi Trạch, là nơi thường có giông to gió lớn nhận chìm ghe thuyền. Thuấn vẫn nghe lời cha mẹ, đến đó đánh cá. Khi Thuấn đến thì gió lặng sóng êm, như ngầm giúp người con hiếu thảo.

Dù bị hãm hại nhiều lần, nhưng Thuấn vẫn một lòng hiếu thảo cha mẹ, vui thuận cùng em Tượng, sau cùng làm mẹ ghẻ cảm động, đổi tánh trở lại hiền lương thương yêu Thuấn. Vua Nghiêu nghe tiếng, biết Thuấn là kẻ hiền tài, đủ tánh đức trị dân. Ngài gả 2 con gái Nga Hoàng và Nữ Anh cho Thuấn, và truyền ngôi cho Thuấn nối tiếp trị vì thiên hạ.

481

*Mãn Tử Khiên tích còn roi dấu,
Dẩy xe cha áo xấu mặt dơ.
Sợ đàn em đại u ơ,
Khổ thà cam khổ cũng thờ dưỡng nghi.*

Chú thích:

Roi dấu: Lưu lại dấu tích. Roi là lưu lại. **Dẩy xe cha:** Đẩy cho xe của cha cất lên đi tới. **Em đại u ơ:** Em còn nhỏ dại, mới biết nói u ơ. **Dưỡng nghi:** Mẹ nuôi. Dưỡng là nuôi, nghi là khuôn mẫu, chỉ người mẹ. Dưỡng nghi đồng nghĩa Dưỡng mẫu.

Bốn câu thơ trên nhắc lại sự tích Mãn Tử Khiên, gương hiếu thảo thứ tư trong Nhị Thập Tứ Hiếu.

Mãn Tử Khiên: Tên thật là Tồn, người nước Lỗ, sinh vào thời Xuân Thu, học trò của Đức Khổng Tử. Mẹ mất sớm, cha cưới vợ kế sanh được 2 con. Cảnh mẹ ghẻ con chồng thật là khắc nghiệt, nhưng Mãn Tử Khiên giữ một lòng hiếu thảo với cha và mẹ ghẻ, hòa nhã thương yêu 2 em.

Mùa đông giá rét, hai con của mẹ ghẻ được mặc áo bông ấm áp, còn Tử Khiên thì phải mặc áo lót bông lau không đủ ấm, lại còn phải đẩy xe cho cha đi dạo chơi. Vì quá rét, tay của Tử Khiên bị cồng, phải rời xe ra. Người cha thấy vậy mới nghĩ lại biết là kế mẫu quá hà khắc với Mãn Tử Khiên, liền trở về nhà định đuổi bà đi. Mãn Tử Khiên khóc lóc xin cha nghĩ lại, vì nếu kế mẫu còn thì chỉ có một mình con chịu rét, còn nếu kế mẫu bị đuổi đi thì thêm 2 em con cũng bị rét mướt khổ sở nữa.

Người cha nghe theo, về nhà thuật lại cho bà vợ kế nghe lời nói của Mãn Tử Khiên. Bà cảm động hồi tâm, thay đổi cách sống và từ đó trở đi, bà trở thành một hiền mẫu.

485

*Con ví biết trọng nghi phụ tử,
Hiển tông môn khá giữ nơi lòng.
Đừng làm nhục tổ hổ tông,
Lập thân trả hiếu nối dòng truyền hương.*

Chú thích:

Trọng nghi: Tôn trọng cái nghĩa. **Phụ tử:** Cha con. **Hiển tông môn:** Làm cho vẻ vang dòng họ. **Nhục tổ hổ tông:** Làm nhục nhà tổ tiên của dòng họ. **Lập thân:** Tạo dựng sự nghiệp cho bản thân mình. **Nối dòng:** Nối tiếp dòng

họ truyền kế lâu dài. **Truyền hương:** Ý nói: Truyền kế lửa hương, nghĩa là nối tiếp sự thờ cùng tổ tiên.

489

*Nhìn thung đường đến ơn cúc dục,
Nhớ công sanh giữ chút hình hài.
Dưỡng nuôi lao khổ đắng cay,
Lửa hương chín ước có ngày nổi xa.*

Chú thích:

Thung đường: Nhà thung, chỉ người cha. Thung là cây thung, cũng gọi là cây xuân. Theo sách Trang Tử, thời xưa có cây xuân, sống rất lâu, mùa xuân của nó kéo dài đến 8000 năm. Do đó người ta dùng chữ Xuân hay Thung để chỉ người cha vì con muốn cha sống lâu. **Cúc dục:** Cúc là nuôi dưỡng, dục là nuôi nấng. Cúc dục là chỉ công ơn nuôi dưỡng con cái của cha mẹ. **Công sanh:** Công lao sanh thành. **Hình hài:** Thân thể của con người. **Lao khổ:** Mệt nhọc cực khổ. **Đắng cay:** Đau khổ xót xa. **Lửa hương:** Chỉ sự thờ cúng tổ tiên. **Chín ước:** Chỉ mong. Chín là chỉ, vốn, vẫn. **Nổi xa:** Nối tiếp mãi mãi về sau.

493

*Còn em út trong nhà thơ bé,
Trai dạy khuyên, gái để khép khuôn.
Con đừng quen tánh luông tuông,
Các em hư nết, gieo buồn song thân.*

Chú thích:

Khép khuôn: Đặt vào khuôn phép của gia đình. **Luông tuông:** Tự do bừa bãi, không giữ được mực thước trong cách sống. **Hư nết:** Hư hỏng tánh nết. **Gieo buồn:** Đem lại sự buồn rầu. **Song thân:** Cha mẹ.

Hai câu 495-496: Con là anh cả trong nhà, cần phải làm gương cho các em, đừng có quen tánh luông tuông, làm các em bắt chước mà hư hỏng tánh nết, gây ra buồn phiền cho cha mẹ.

497

*Một cục máu chia phân mấy mảnh,
Hình hài em tượng ảnh thân con.
Chữ rằng huyết mạch đồng môn,
Riêng chưng thân thể, tâm hồn cũng con.*

Chú thích:

Chữ rằng: Sách có câu rằng. **Huyết mạch:** Dòng máu. **Đồng môn:** Cùng một cửa. **Huyết mạch đồng môn:** Ý nói anh em ruột với nhau vì cùng một dòng máu, cùng một cửa sanh ra. **Chung:** Tại, ở tại. **Riêng chưng thân thể:** Riêng nhau là ở nơi thân thể. **Tâm hồn:** Ý nghĩ và tình cảm làm thành đời sống bên trong của con người.

Câu 497: Ý nói một mẹ mà sanh ra mấy đứa con.

Câu 498: Hình hài của em con chính là hình ảnh của con, vì các anh em con đều là ruột thịt với nhau.

501

*Ngoài gia tộc, nước non vậy bạn,
Lựa tài danh giao cận tâm tình.
Đời như trận giặc đua tranh,
Dầu tài một ngựa một mình khó nên.*

Chú thích:

Ngoài gia tộc: Những người ở ngoài dòng họ của mình, tức là những người không bà con với mình. **Vậy bạn:** Hiệp bạn, kết bạn với nhau. **Tài danh:** Người tài giỏi nổi tiếng.

Giao cận tâm tình: Ý nói bạn tâm giao, hiểu biết lòng dạ của nhau, đối đãi hết lòng hết dạ với nhau. **Một ngựa một mình:** do thành ngữ chữ Hán: Đơn thân độc mã, ý nói chiến đấu lẻ loi, không ai giúp sức.

Câu 501: Ngoài những người trong gia tộc, con nên kết bạn rộng rãi khắp nơi.

505

*Coi gương trước Thánh Hiền ghi lại,
Kết bạn nhau đạo ngài làm sao.
Tuy là khác thửa đồng bào,
Mà trong sanh tử một màu sắt son.*

Chú thích:

Đạo ngài: Đạo nghĩa. Đường lối mà con người phải tuân theo trong việc đối xử được công bằng và hợp lẽ phải. **Thửa:** Dịch chữ “*ky*” của Hán văn, là tiếng đại từ thể cho người hay vật, nghĩa là: Người ấy, cái ấy. **Đồng bào:** Cùng một bào thai, chỉ dân tộc Việt Nam. Người Việt Nam thường hay gọi nhau là đồng bào. (Xem lại Chú thích câu 4). **Sắt son:** Bền vững như sắt, không phai màu như son.

Hai câu 507-508: Bạn bè, tuy là người khác nhau nhưng là đồng bào với nhau, nên có thể sống chết cùng nhau, một lòng một dạ với nhau, bền vững không thay đổi.

509

*Lưu Quan Trương giữ còn nghiệp Hôn,
Gìn trọn thể chết sống có nhau.
Dầu cơn độc mã đơn đao,
Tâm trung nghĩa khí, Ngô, Tào cũng kiêng.*

Chú thích:

Lưu Quan Trương: Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi là 3 anh em kết nghĩa với nhau. **Giữ còn nghiệp Hôn:** Giữ cho sự nghiệp của nhà Hán được tồn tại. **Độc mã đơn đao:** Một ngựa một đao. Một ngựa là chỉ một con ngựa Xích thố, một đao là một cây Thanh long đao. **Tâm trung:** Tấm lòng trung thành. **Nghĩa khí:** Có tinh thần thần cao cả, quên mình vì việc nghĩa. **Kiên:** Nể sợ. **Ngô:** Ngô Tôn Quyền, làm vua nước Ngô ở phía Đông. **Tào:** Tào Tháo, được xem là Chúa nước Ngụy ở phía Bắc. Còn Lưu Bị là vua nước Thục ở phía Tây. Nước Tàu chia làm 3 nước, gọi là thời Tam Quốc.

Hai câu 509-510: Vào cuối đời nhà Hán, 3 người: Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi, có chí hướng hợp nhau, nên sắm lễ vật đặt tại Vườn Đào (*Đào viên*) đốt nhang khấn vái Trời Đất thể nguyện kết nghĩa anh em với nhau, thể sống thác cùng nhau. Ba vị Lưu, Quan, Trương giữ đúng lời nguyện, thương nhau như anh em ruột thịt, sang cùng hưởng, khổ đồng chịu, không một mảy may xích mích nhau, để lại cho đời sau một tấm gương sáng chói về anh em kết nghĩa.

Hai câu 511-512: Nói về Quan Võ, một mình một ngựa một đao, phò Nhị tẩu (*2 bà vợ của Lưu Bị*) từ dinh của Tào Tháo, vượt qua 5 ải, chém chết 6 tướng trấn ải ngăn đường, qua sông Hoàng Hà, đến Cổ Thành để tìm gặp Lưu Bị. Với tài võ dũng trác tuyệt, với tâm trung nghĩa khí sáng ngời làm cho Ngô Tôn Quyền và Tào Tháo phải nể sợ.

513

*Sài Triệu Trinh cũng nguyện như thế,
Mà nên mưu đủ kế đồ vương.
Tống thâu thiên hạ Đại Đường,
Cũng do bởi học nơi trường hữu giao.*

Chú thích:

Sài Triệu Trinh: Sài Vinh, Triệu Khuôn Dã, Trịnh Ân, 3 người đồng thể nguyện kết nghĩa anh em với nhau tại Huỳnh Thố Ba. Sài Vinh lớn tuổi nhất làm đại ca, kế là họ Triệu làm Nhị ca, tam đệ là Trịnh Ân. Vào cuối nhà Đường, 3 anh em đồng phò tá Quách Ngạn Oai lên làm vua, ấy là vua Thái Tổ nhà Hậu Chu. Quách Ngạn Oai không con, truyền ngôi lại cho cháu là Sài Vinh. Triệu Khuôn Dã và Trịnh Ân phò tá Sài Vinh. Sau, Sài Vinh chết, quân Khiết Đan rất mạnh, đem quân vào đánh Trung nguyên, Triệu Khuôn Dã đại phá quân địch, được các tướng đồng tôn Triệu Khuôn Dã lên làm vua, mở ra nhà Tống, lấy hiệu là Tống Thái Tổ. **Đồ vương:** Mưu tính sắp đặt kế hoạch để làm vua. **Tống:** Nhà Tống. **Thâu:** Gom góp lại. **Thiên hạ:** Ý nói dân chúng. **Đại Đường:** là nhà Đường, nói tôn lên, cũng như nhà Tống thì gọi là Đại Tống. **Hữu giao:** Hữu là bạn, giao là qua lại với nhau. Hữu giao là bè bạn giao tiếp với nhau.

Câu 515: Nhà Tống tóm thâu dân chúng của nhà Đường. Theo Trung Quốc sử, vào cuối nhà Đường, triều đình suy nhược, các chư hầu không phục, tách ra tự lập làm vua một cõi riêng, tạo thành 5 nước: Đường, Lương, Tấn, Hán, Chu, gọi là đời Ngũ Đại (907-960). Sau Triệu Khuôn Dã đem quân đánh các nước, thâu về một mối, thống nhất nước Tàu, lập ra nhà Tống.

517

*Trong vũ trụ hiệp hào là mạnh,
Phận đồ thơ phải gánh non sông.
Anh em bạn tác vẫy đông,
Xô thành cũng ngã, lấp sông cũng bằng.*

Chú thích:

Vũ trụ: Vũ là khoảng không gian gồm 4 phương và trên dưới, trụ là thời gian xưa nay qua lại. Vũ trụ là khắp không gian và thời gian suốt xưa nay. Nghĩa hẹp, vũ trụ là thế giới loài người. **Hiệp bào:** Hợp lại thì tạo được sức mạnh hơn người. Hiệp là hợp lại, hào là tài sức hơn người. **Đồ thơ:** Bản đồ và sách, chỉ người có học thức và có tài an bang tế thế. **Bạn tác:** Bạn cùng tuổi với nhau. **Vây đông:** Hợp lại nhiều người. Vây là hợp lại.

Hai câu 519-520: Anh em bè bạn kết hợp đông đảo tạo nên sức mạnh vĩ đại, có thể làm những việc phi thường như xô thành cũng ngã, lấp sông cũng đầy.

521

*Trai nam tử gió trăng là phận,
Đạp nước non dựng tấn khí hùng.
Đi con đường thế gai chông,
Lớn gan hieu quạnh thì lòng cũng nao.*

Chú thích:

Gió trăng: Những nỗi xông pha vất vả, lấy gió làm quạt, lấy trăng làm đèn. **Đạp nước non:** Ý nói lợi suối trèo non. **Tấn:** Tiến lên. **Khí hùng:** Cái chí khí anh hùng. **Gai chông:** Những khó khăn trở ngại nguy hiểm. **Lớn gan:** Ý nói lòng can đảm to lớn. **Hieu quạnh:** Cô đơn, chỉ có một mình. **Nao:** Nao núng.

Câu 524: Dù có can đảm hơn người nhưng trong việc đấu tranh mà chỉ có một mình cô đơn thì lòng cũng cảm thấy lung lay, lo ngại.

525

*Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
Đạo nhơn luân gây sống của đời.
Dầu cho non nước đổi dời,
Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.*

Chú thích:

Tình phu phụ: Tình nghĩa vợ chồng. **Đạo nhơn luân:** Đường lối cư xử theo đạo lý giữa con người với nhau trong xã hội. Ở đây, Đạo nhơn luân là chỉ đạo vợ chồng. (Xem **Chú thích câu 366**). **Gây sống của đời:** Tạo ra cuộc sống cho xã hội. **Niềm:** Tâm trạng hay tình cảm.

Câu 526: Đạo vợ chồng sản xuất ra những con người mới, tạo dựng cuộc sống cho xã hội được nối tiếp trường tồn.

529

*Bạn trăm tuổi thân hòa làm một,
Dầu sanh hèn xấu tốt cũng duyên.
Cùng nhau giữ vẹn hương nguyên,
Cái duyên kinh bố là duyên Châu Trần.*

Chú thích:

Bạn trăm tuổi: Chỉ người vợ hoặc người chồng. **Hương nguyên:** Cây nhang đốt lên để khấn vái Trời Đất thể nguyện chung sống với nhau nhau đến trọn đời. **Kinh bố:** Chỉ người vợ cần kiệm biết lo cho gia đình. (Xem **Chú thích câu 101**).

Châu Trần: Thơ của Bạch Cư Dị:

Từ Châu cổ Phong huyện, hữu thôn viết Châu Trần.
Nhất thôn duy lưỡng tính, thế thế vi hôn nhân.
Nghĩa là:

Đất Từ Châu xưa có huyện Phong, có một thôn gọi là Châu Trần.

Một thôn chỉ có 2 họ, đời đời gả cưới con cái cho nhau.

Duyên Châu Trần: Việc kết hôn với nhau xứng đôi đẹp lứa.

533

*Con đừng thấy phụ nhân nan hóa,
Cầm hôn hoa vấy vĩa thân hoa.
Vợ con thay phận mẹ già,
Nuôi con mẹ cậy bóng ngà nữ dung.*

Chú thích:

Phụ nhân: Người đàn bà. **Nan hóa:** Khó làm cho thay đổi, tức là khó dạy dỗ.

Cầm hôn hoa: Hoa chỉ người con gái. Người con gái có chồng thì giao trọn đời mình cho chồng định đoạt, cũng giống như người chồng cầm giữ hôn phách của vợ. Cho nên trong Bài Kinh Tụng khi chồng qui vị, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm viết:

*Gởi hôn phách cho chàng định số,
Gởi kiếp căn chàng mở dây oan.*

Vấy vĩa thân hoa: Đối xử thô bạo với vợ. **Vấy vĩa:** Ý nói chà đạp, đối xử thô bạo. **Bóng ngà:** Đồng nghĩa Bồng ngọc, chỉ người con gái. **Nữ dung:** Vẻ mặt của người con gái. **Bóng ngà nữ dung:** Chỉ người vợ vì nàng vốn là người con gái đẹp.

537

*Khi tối sớm lạnh nông có kẻ,
Thân mặt con đặn dễ giữ con.
Mẹ lo trong lúc còn non,
Vợ con lo lúc thân mòn gối run.*

Chú thích:

Lạnh nông: do chữ Hàn ôn, hàn là lạnh, ôn là ấm. Lạnh nông ý nói: Hôi thăm nhau, săn sóc nhau về sức khỏe. **Còn non:** Còn trẻ. **Thân mòn gối run:** Chỉ lúc tuổi già sức yếu, tay run gối mỏi.

Hai câu 539-540: Mẹ lo cho con trong lúc con còn trẻ tuổi, vợ của con sẽ lo cho con lúc con trở về già.

541

*Nếu khổ cực chung cùng chia sớt,
Dâu sang vinh đừng bớt tình nồng.
Hễ là vào đạo vợ chồng,
Hừ nên đều có cửa ông công bà.*

Chú thích:

Sang vinh: Sang giàu và vinh hiển. **Tình nồng:** Tình yêu nồng nàn giữa vợ chồng. **Cửa ông công bà:** Cửa chồng công vợ, chồng làm ra cửa cái, vợ có công gìn giữ, hai công ấy bằng nhau.

545

*Con chớ ý mình là nam tử,
Chiếm chủ gia hẹp xử thế nhi.
Đừng xem ra phận tiện tỳ,
Quyền trong nội trợ cũng bì đồng nhau.*

Chú thích:

Nam tử: Đàn ông con trai. **Chủ gia:** Chủ nhà. **Hẹp xử thế nhi:** Cư xử hẹp hòi với vợ con. **Tiện tỳ:** Đày tớ gái hèn mọn. Tiện là hèn, tỳ là tớ gái.

Câu 548: Quyền của người vợ là lo nội trợ gia đình, quyền của người chồng là lo công việc bên ngoài, hai quyền ấy có giá trị đồng đều như nhau. (Vợ chồng phải bình đẳng).

549

*Ai nâng đỡ khi đau lúc ốm,
Ai dù tròn nắng sớm mưa mơi.
Tình chung bền giữ một đời,
Chia cơm cắn muối không đời lòng thương.*

Chú thích:

Dù tròn: Cây dù giương lên có hình tròn, dùng che mưa nắng. **Ai dù tròn:** Ai che mưa nắng cho. **Tình chung:** Tình yêu chung thủy. **Chia cơm cắn muối:** Ý nói lúc vợ chồng còn trong cảnh nghèo nàn.

Câu 552: Lúc vợ chồng nghèo nàn thì không bao giờ thay đổi tình thương. (*Dời là thay đổi.*)

553

*Áo trâu đắp đông sương lạnh lẽo,
Cửa hấp gà mở nẻo tiền phu.
Lập thân đừng để danh lưu,
Cũng như Bá Lý Hề âu bạc tình.*

Chú thích:

Áo trâu: Cái áo làm bằng da trâu để mặc cho ấm. **Đông sương:** Sương tuyết mùa đông lạnh lẽo. **Cửa hấp gà:** Lấy cánh cửa bằng gỗ chẻ ra làm củi để hấp chín con gà làm bữa tiệc tiễn chồng đi lập công danh. **Tiền phu:** Đưa tiễn chồng lên đường. **Lập thân:** Tạo dựng sự nghiệp cho bản thân mình. **Danh lưu:** Tiếng tăm lưu lại về sau. **Âu:** Có lẽ nào. **Bạc tình:** Ăn ở bạc bẽo không tình nghĩa thủy chung.

Bốn câu thơ trên nói về sự tích Bá Lý Hề.

Bá Lý Hề: Người nước Ngưu, tự là Tinh Bá, ba mươi ngoài tuổi mới lấy Đỗ thị làm vợ, sanh đặng một trai đặt tên Mạnh Minh. Bá Lý Hề có tài an bang tế thế nhưng chưa

gặp thời, nhà lại nghèo, lại không người tiến cử, ý muốn đi châu lưu thiên hạ để lập công danh, ngắt nổi vợ con không nơi nương tựa, nên còn dưng dằng.

Đỗ thị là người hiền đức, khuyên chồng cứ đi lo lập thân danh, chớ nên bận bịu vợ con. Nói rồi, Đỗ thị liền bắt con gà duy nhất còn lại trong nhà, lại không củi nên lấy cánh cửa chẻ làm củi, nấu một bữa cơm gà, tiễn chồng lên đường.

Bá Lý Hề đi qua nước Tề, muốn vào ra mắt Tề Tương Công, mà không ai tiến dẫn, trong túi lại không tiền, nên phải tạm ăn xin tại đất Chất. Lúc đó, Bá Lý Hề được 40 tuổi.

Ở đất Chất có người hiền tên Kiến Thúc, thấy Bá Lý Hề có tướng mạo rất tốt, nhưng lỡ vận phải ra ăn mày, liền mời về nhà đãi cơm nước, kết làm anh em. Bá Lý Hề làm em.

Bá Lý Hề, đêm thì ngủ tại nhà Kiến Thúc, ban ngày thì đi chăn trâu mượn để lấy tiền độ nhật, chớ Kiến Thúc cũng nghèo, nuôi nhau hoài không đủ.

Khi nghe tin Công Tử Vô Tri giết Tề Tương Công, lên làm vua, dâng bảng cầu hiền, Bá Lý Hề muốn đến đầu Vô Tri. Kiến Thúc không cho, nói rằng Vô Tri tiếm ngôi thì có bền lâu gì. Sau nghe bên Châu có Vương Tử Đồi, tánh ưa trâu, kẻ ở nuôi trâu mau lớn cho Đồi đều được trọng thưởng. Bá Lý Hề từ già Kiến Thúc, qua xin chăn trâu cho Đồi. Khi tiễn nhau, Kiến Thúc dặn rằng: *“Hề là đại trượng phu thì không nên xem nhẹ mình mà đầu người. Đầu lỡ mà sau bỏ đi thì bất nghĩa, còn cứ theo hoài mà bị nạn thì bất trí. Em phải thận trọng. Anh liệu việc nhà xong thì sẽ qua Châu tìm em.”*

Kiến Thúc sau đó qua Châu, đàm đạo với Vương Tử Đồi. Kiến Thúc kêu Bá Lý Hề ra ngoài khẽ nói: *“Đồi có chí lớn mà tài sơ, kẻ tay chân đều là quân sàm nịnh, chi bằng anh em ta đi trước thì hơn.”*

Bá Lý Hề xa nhà đã lâu, ý muốn trở về nước Ngu để thăm vợ và con. Kiến Thúc nói: *“Ở nước Ngu, anh có bạn thân là Cung Chi Kỳ. Em về Ngu thì anh đi theo cho có bạn và sẵn dịp ghé thăm Cung Chi Kỳ.”*

Bá Lý Hề về đến Ngu, ghé nhà thăm vợ con thì mới hay Đổ Thị đã âm con ra đi tìm phương sanh sống, giờ không biết ở đâu. Kiến Thúc vào thăm Cung Chi Kỳ, và nhờ tiến cử Bá Lý Hề với Ngu Công. Ngu Công nạp dụng, phong Bá Lý Hề làm chức Trung Đại Phu.

Kiến Thúc nói: *“Ngu Công thấy biết rất hẹp, không phải là Chúa đáng phò, nhưng em đã quá cùng khổn, tạm nương thân nơi đây. Sau này, em muốn tìm anh thì qua nước Tống, làng Minh Lộc.”*

Ngu Công không nghe lời can gián của Cung Chi Kỳ, cho Tấn Hiến Công mượn đường đánh nước Quắc. Thắng Quắc rồi, Tấn chiếm luôn Ngu, thế là Ngu Công mất nước. Bá Lý Hề tự nói: *“Ta chẳng trí, lẽ nào chẳng trung.”*

Bởi vậy, khi Tấn Hiến Công bắt Ngu Công đem về Tấn thì Bá Lý Hề theo sát bên Ngu Công mà hầu hạ.

Chu Chi Kiều, trước làm quan Đại Phu ở nước Quắc, sau Quắc bị Tấn chiếm thì đầu Tấn, được Tấn cho làm Đại Phu. Chu Chi Kiều dụ Bá Lý Hề đầu Tấn nhưng Bá Lý Hề khảng khái đáp: *“Minh đã để nước nghịch thắng mình thì chân mình còn không muốn để bước đến xứ đó, huống chi nói chuyện đầu với theo.”* Kiều hổ thẹn, rồi có ý oán Bá Lý Hề.

Khi Tấn Hiến Công gả công chúa về Tấn, muốn có người theo đưa dâu, Chu Chi Kiều liền tâu: *“Bá Lý Hề không muốn đầu Tấn, chi bằng thừa dịp này sai va đi đưa dâu.”* Tấn Công bằng lòng. Bá Lý Hề than: *“Ta ôm tài an bang tế thế mà không gặp Minh Chúa, nay già rồi lại còn làm*

kẻ đưa dâu thì hổ thẹn quá.” Do đó, khi đưa dâu được nửa đường, Bá Lý Hề lén trốn sang nước Sở. Trốn đến Uyển Thành thì bị bọn thợ săn bắt đem về cho nuôi trâu. Bá Lý Hề có tài nuôi trâu, nuôi chẳng bao lâu trâu mập ra, lại sanh sản thêm nhiều. Sở Vương biết được nên đòi Bá Lý Hề về nuôi ngựa cho Sở Vương.

Tần Mục Công xem danh sách, không thấy Bá Lý Hề đưa dâu, thì hỏi Công tử Chấp. Chấp đáp: *“Bá Lý Hề là người hiền, biết Ngu Công chẳng chịu nghe lời can nên không can, ấy là trí; theo Ngu Công qua Tấn mà không đầu Tấn, ấy là trung. Bá Lý Hề hiện nay nghe như ở Sở, xin Chúa Công cho người qua Sở dò coi.”*

Tần Mục Công sai người qua Sở dò la thì biết Bá Lý Hề đang nuôi ngựa cho vua Sở. Tần Mục Công khiến Công Tôn Chi đem lễ vật qua Sở rước Bá Lý Hề. Tôn Chi can: *“Sở bắt Hề nuôi ngựa vì không biết Hề là người hiền. Nay ta đem lễ trọng mà rước thì không khác nào ta nói Hề là người hiền, thì đời nào vua Sở cho Hề đi. Chi bằng, Chúa Công lấy cớ bắt tội Hề trốn đưa dâu, dùng vật mọn là 5 tấm da dê mà chuộc thì mới đem Bá Lý Hề về Tấn được.”* Quả nhiên nhờ kế đó mà rước được Bá Lý Hề về Tấn.

Tần Mục Công thấy Bá Lý Hề đầu đã bạc trắng thì than rằng: *“Già rồi còn chi, Quả nhân rất tiếc!”*

Bá Lý Hề đáp: *“Như Chúa Công khiến hạ thân đi bắt chim hay giết thú thì hạ thân già thiệt, còn như khiến hạ thân ngồi lo việc nước thì hạ thân biết sức còn trẻ lắm vậy.”*

Khi Bá Lý Hề bàn việc nước thì rất hợp ý Tần Mục Công, nên Mục Công dùng Bá Lý Hề vào chức Thừa Tướng. Kể từ đó, Bá Lý Hề lo sửa sang việc nước làm cho nước Tấn càng ngày càng hưng thịnh.

Nói về vợ của Bá Lý Hề là Đỗ Thị, khi chồng đi rồi thì ở nhà may vá không đủ tiền nuôi con, nên phải bỏ xứ trôi nổi đến nước Tần, làm nghề may mướn. Khi Đỗ thị dò la biết rõ Bá Lý Hề lúc này được vua Tần trọng dụng, làm quan đến chức Thừa Tướng đầu triều. Thừa dịp trong phủ Thừa Tướng cần người may áo, Đỗ thị liền xin vào làm. Tới ngày kia, nhân trong phủ có việc đờn ca, Đỗ Thị liền xin ra ca một bài.

Đỗ Thị cất tiếng hát: “*Bá Lý Hề 5 bộ da dê, nhớ ngày nào, ly biệt cùng nhau, mổ con gà mái, chẻ cánh cửa củi, thổi cơm gạo vàng. Chớ thương thì thương! Ngày nay giàu sang, quên ta hay sao? Bá Lý Hề 5 bộ da dê, cha ăn thịt cá, con đói khóc dài, chồng mặc áo gấm, vợ giặt thuê hoai. Chớ thương thì thương! Ngày nay giàu sang, quên ta hay sao?*”

Bá Lý Hề nghe ca thì sửng sốt, lật đật kêu lại mà hỏi, quả là vợ của mình, liền ôm nhau khóc rống, rồi rước vợ và con về phủ. Vợ chồng con cái sum họp vô cùng vui vẻ.

Tần Mục Công hay tin vợ chồng Bá Lý Hề đoàn tụ gia đình, nên cho đem bạc vàng gấm lụa đến ban thưởng.

Hôm sau, Bá Lý Hề dẫn con vào triều bái tạ. Kể từ đó, 2 cha con Bá Lý Hề đồng phò Tần Mục Công lo việc nước.

557

*Chém vợ để cầu vinh thuở trước,
Ngô Khởi còn gian ngược chi danh.
Con đừng mượn nét khuynh thành,
Lợi thân mà hại đến mình hồng nhan.*

Chú thích:

Cầu vinh: Cầu mong có được sự vinh hiển. **Gian ngược chi danh:** Cái tiếng tăm gian xảo ngang ngược. **Lợi thân:** Có lợi

cho bản thân mình. **Hồng nhan:** Má hồng, chỉ người phụ nữ đẹp, ở đây chỉ người vợ. Nhan là dáng mặt, gương mặt.

Khuynh thành: Khuynh là nghiêng đổ, thành là thành trì. Khuynh thành là làm cho thành trì nghiêng đổ, mất thành. Thường nói: Khuynh quốc khuynh thành, dịch là: Thành nghiêng nước đổ, để chỉ sắc đẹp tuyệt vời của người đàn bà, có thể khiến cho tướng giữ thành đắm say, không lo giữ gìn thành trì; có thể khiến cho ông vua một nước mê mết bỏ cả việc nước làm cho mất nước. Đó là sắc đẹp của: Tây Thi, Bao Tự, Đắc Kỷ, Dương Quý Phi,... Kinh Thi có câu: Triết phu thành thành, triết phụ khuynh thành. Nghĩa là: Đàn ông giỏi dựng nên thành trì, đàn bà đẹp làm nghiêng đổ thành trì.

Lý Diên Niên đời nhà Hán có làm bài thơ:

*Bắc phương hữu giai nhân,
Tuyệt thế nhi độc lập.
Nhất cố khuynh nhân thành,
Tái cố khuynh nhân quốc.
Ninh bất tri,
Khuynh thành dữ khuynh quốc,
Giai nhân nan tái đắc.*

Phương Bắc có người đẹp,
Đẹp hơn hết mà đứng một mình.
Một lần nhìn làm thành người nghiêng,
Nhìn một lần nữa làm nước người đổ.
Há không biết,
Thành nghiêng với nước đổ,
Người đẹp khó trở lại được.

Hai câu 557-558: Nói về sự tích Ngô Khởi (*Ngô Khi*) giết vợ để lập công danh.

Ngô Khởi: Người nước Vệ, lúc nhỏ từ già mẹ đi tìm thầy

học, thế rằng chừng nào lập được công danh mới trở về thăm mẹ. Nhưng sau đó, khi mẹ mất, Khởi không chịu về để tang mẹ. Tăng Sâm là thầy học của Khởi, thấy Khởi bất hiếu như thế, liền đuổi học ngay.

Ngô Khởi dùng 3 tactic lược thuyết vua Tề, vua Tề nghe theo, dùng Khởi và gả công chúa cho.

Về sau, Khởi không ở nước Tề nữa, dời qua ở nước Lỗ. Khi Lỗ Hâu muốn đánh Tề, Tề Tướng Công Nghi Hựu tiến cử Ngô Khởi cầm quân đánh Tề. Lỗ Hâu không dám dùng Khởi vì vợ của Khởi là công chúa nước Tề. Ngô Khởi biết vậy, liền giết vợ, đem đầu vợ dâng lên Lỗ Hâu, để chứng tỏ mình đã dứt khoát với Tề.

Lỗ Hâu phong Khởi làm Đại Tướng, đem quân đánh tan quân Tề. Khởi biết Lỗ Hâu dùng mình nhưng không ưa mình, nên qua đầu Ngụy vì nghe Ngụy Hâu đang cầu người hiền. Ngụy Hâu cử Khởi cầm binh, đánh thắng được quân Tần nhiều trận lớn. Ngụy Hâu chết, Ngô Khởi bị Công Thúc gièm. Ngô Khởi thấy nguy, liền bỏ Ngụy qua đầu Sở.

Vua Sở trọng dụng, cho Khởi cầm binh, Ngô Khởi có tài chinh chiến, đánh Đông dẹp Bắc đều đại thắng.

Sau, nước Sở có loạn, Ngô Khởi cùng chịu chết một chỗ với vua Sở.

Ngô Khởi là vị tướng rất có tài cầm quân thời Đông Châu Liệt Quốc, nhưng Ngô Khởi là người vô đạo đức, trong nhà thì bất hiếu với mẹ, bất nghĩa với vợ, không trung thành với một vị vua nào hết, chỉ biết chạy theo công danh phú quý, để lại tiếng xấu muôn đời trong lịch sử.

Hai câu 559-560: Mẹ khuyên dạy con trai: Đừng lợi dụng sắc đẹp của vợ mình mà làm lợi cho mình, để hại cho tâm thần của vợ mình.

561

*Đừng sang trọng phu phàng nghèo khó,
Gặp hầu xinh vội bỏ thể hèn.*

Cá kia chung chậu hơi quen,

Ái ân đắm thắm bởi bên nghĩa nhân.

Chú thích:

Hầu xinh: Vợ nhỏ xinh đẹp. **Thể hèn:** Người vợ hèn mọn.

Hơi quen: Quen mùi. Hơi là mùi.

Câu 563: Lấy ý theo câu ca dao: *Chim quỳên ăn trái nhãn lồng, Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.*

565

Gương đẹp để Mãi Thần thờ trước,

Trọng hơn luân sau phước nên quan.

Hiển danh ghi tạc giang san,

Nghĩa trung đi cặp con đàn trượng phu.

Chú thích:

Sau phước nên quan: Về sau nhờ có phước đức nên được làm quan. **Hiển danh:** Tiếng tăm tài giỏi và có đạo đức.

Châu Mãi Thần: Người đời Hớn Võ Đế, nhà rất nghèo nhưng quyết chí học tập, thường đi đốn củi đem bán lấy tiền độ nhật. Khi gánh củi thì treo sách trên đầu gánh, vừa đi vừa học. Vợ của Mãi Thần không chịu nổi cảnh nghèo túng đòi bỏ ông. Mãi Thần khuyên vợ cố gắng chịu đựng nghèo khổ chừng một năm nữa, sang năm ông 50 tuổi, nhứt định sẽ hiển đạt. Người vợ không tin nói: Như cung cách của ông thì chỉ có chết đói thôi, sao dám mong giàu sang được.

Người vợ bỏ ông, đi lấy một người làm ruộng khá giả cùng làng. Qua năm sau, Châu Mãi Thần được Nghiêm Trợ tiến cử lên Hớn Võ Đế, được vua thân dụng, ban chức Trung

Đại Phu. Lần lần Mái Thần lập được công nên vua thăng lên làm Thái Thú Cối Kê. Cối Kê là quê hương của Mái Thần.

Khi Mái Thần đến Cối Kê nhậm chức, người vợ cũ ra đón trước đầu ngựa, xin chàng bỏ qua lỗi xưa, cho nàng được trở lại làm vợ chàng. Mái Thần đổ một bát nước đầy trước đầu ngựa, bảo nàng hốt nước cho đầy bát lại như trước thì chàng cho nàng trở lại làm vợ như xưa. Người vợ cũ xấu hổ bỏ đi, về nhà treo cổ tự tử.

569

*Tống Hoàng chí trượng phu không đổi,
Giữ như luân sớ lỗi đạo hằng.
Từ duyên công chúa giao thân,
Đút cơm vợ quáng ân cần dưỡng nuôi.*

Chú thích:

Chí trượng phu: Chí khí của bậc trượng phu. Trượng phu là người đàn ông tài giỏi, có nhân cách hơn người. **Đạo hằng:** Đạo thường, gồm Ngũ Thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. **Từ duyên:** Từ chối kết duyên. **Giao thân:** Giao tiếp thân mật với nhau. **Vợ quáng:** Người vợ mù lòa.

Bốn câu thơ trên là nói về sự tích Tống Hoàng.

Tống Hoàng: Làm quan Đại Phu dưới thời vua Quang Võ nhà Hậu Hán, tính rất chính trực, lại có tình nghĩa.

Vua Quang Võ có người chị là Hồ Dương Công chúa, sớm góa chồng. Công chúa rất ái mộ Tống Hoàng, muốn được Tống Hoàng cưới làm vợ. Hán Quang Võ biết vậy nên gọi riêng Tống Hoàng đến để thử ướm lời, hỏi rằng: “Ngạn văn: *Quý dịch giao, phú dịch thê, hữu chu?*” (Ngạn ngữ nói rằng: Sang đổi bạn, giàu đổi vợ, có chăng?)

Tống Hoàng trả rằng: “*Thần văn: Bản tiện chi giao*

mạc khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đường.” (Thần nghe: Bạn bè lúc nghèo hèn chớ nên quên, người vợ tấm cám chớ để ở nhà sau.)

Hán Quang Võ và Hồ Dương Công chúa nghe Tống Hoàng nói thế thì biết Tống Hoàng là người trung nghĩa, càng kính phục Tống Hoàng.

Tống Hoàng có vợ bị bệnh trở nên mù lòa. Hằng ngày, ngoài giờ lo việc quan, Tống Hoàng săn sóc vợ, đút cơm cho vợ ăn. Dù vợ bị mù lòa, Tống Hoàng vẫn một lòng thương yêu chung thủy. Trên đời ít có được người như thế.

573

*Biết tình nghĩa biết mùi ân ái,
Chia đau thương cột dải đồng tâm.
Kìa ai đã gọi ân thâm,
Hơn niềm chồng vợ âm thầm giúp nhau.*

Chú thích:

Chia đau thương: Chia sẻ sự đau đớn. **Dải đồng tâm:** Chỉ sự thương yêu khắn khít giữa vợ chồng. (Xem *Chú thích Câu 194*).

577

*Đừng đến lúc ốm đau chẳng ngó,
Hương sắc xinh lại bỏ hoa tàn.
Những là anh én nhọn nhàng,
Buôn duyên bán nợ như hàng chợ đồng.*

Chú thích:

Hương sắc: Người con gái đang lúc xuân thì được ví như đóa hoa mới nở đầy đủ hương sắc; khi trở về già thì ví như đóa hoa tàn. **Anh én:** Chỉ đám thanh niên nam nữ tới lui tấp nập.

Câu 580: Đem cái duyên của người con gái ra buồn bán giữa buổi chợ đông người.

581

*Có chi trọng đàn ông xóm bướm,
Nơi phồn ba đậm nhuộm màu gian.
Đừng quen kết lũ vầy đoàn,
Của thanh lâu những rộn ràng gió trắng.*

Chú thích:

Đàn ông xóm bướm: Chỉ đám đàn ông con trai ăn chơi trụy lạc. **Phồn ba:** Nơi dân cư đông đúc, tranh đua danh lợi. **Đậm nhuộm màu gian:** Đây tánh chất gian dối xảo trá. **Kết lũ vầy đoàn:** Tụ tập thành một đám nhiều đứa kéo đi ăn chơi hay phá phách xóm làng. **Thanh lâu:** Lầu xanh, nhà chứa gái điếm. **Gió trắng:** Chữ Hán là Phong nguyệt, có nhiều nghĩa, ở đây chỉ sự lả lơi chung chạ không đứng đắn giữa trai gái.

585

*Giác phong nguyệt xem bằng túy mộng,
Vợ cùng hầu so sóng đồng thương.
Nhỏ thì trọng, lớn thì nhường,
Nơi cân quân tử ra trường đánh ghen.*

Chú thích:

Phong nguyệt: Gió trăng, có nhiều nghĩa, ở đây chỉ sự lả lơi chung chạ không đứng đắn giữa trai gái. **Giác phong nguyệt:** Giác ngủ có sự chung chạ giữa trai gái. **Túy mộng:** Túy là uống rượu say, mộng là giấc chiêm bao. Túy mộng là uống rượu say nằm ngủ chiêm bao. **Hầu:** Vợ nhỏ. **So sóng:** Đặt sóng đôi để so sánh. **Quân tử:** Tiếng vợ gọi chồng.

Câu 586: Thuở xưa, còn ở thời quân chủ, đàn ông được

quyền có nhiều vợ: Vợ chánh và nhiều vợ thứ. Câu này khuyên người chồng phải thương yêu vợ chánh và vợ thứ đồng đều như nhau.

Câu 587: Vợ nhỏ thì tôn trọng vợ lớn, vợ lớn thì nhường nhịn vợ nhỏ (thì mới êm đẹp trong nhà).

Câu 588: Do nơi sự đo lường nặng nhẹ của chồng, ý nói do nơi sự thương nhiều hay thương ít của chồng, mà có thể gây ra sự đánh ghen giữa vợ lớn và vợ nhỏ.

589

*Coi thân vợ như em nhỏ dại,
Đem lòng yêu phận gái đơn cô.
Đặng chồng dường thể đặng mô,
Chôn thầy cửa lạ, cậy nhờ ở ai?*

Chú thích:

Đơn cô: Cô đơn, chỉ có một mình. **Cửa lạ:** Chỉ nhà chồng, vì chồng là người đứng khác họ. **Cậy nhờ ở ai?:** Ý nói chỉ cậy nhờ nơi chồng.

Hai câu 591-592: Có chồng thì chỉ biết cậy nhờ nơi chồng, khi chết được chôn cất bên đất của họ nhà chồng, được gia đình nhà chồng làm cho mồ mả.

593

*Phải tôn kính cảnh mai đương nở,
Đừng xa hoa làm mô hàng chơi.
Sánh mình mỏng mảnh thương người,
Rủi sanh phận gái khó cười với thân.*

Chú thích:

Bắt đầu từ câu 593 đến câu 712 là phần: Mẹ dạy con gái.

Cảnh mai đương nở: Ý nói người con gái mới lớn lên đang

độ xuân thì. **Xa hoa:** Phung phí chường diện lờ lợt. **Mở hàng chơi:** Món đồ chơi không có giá trị gì cả.

597

*Gái mẹ dạy ân cần cho lắm,
Đừng để mình lụy đến sông Tương.
Bóng dẫu đẹp, khá gìn hương,
Quý chi liễu ngô hoa tường trao duyên.*

Chú thích:

Sông Tương: Chỉ sự thương nhớ giữa trai và gái hay sự ly biệt của đôi lứa. **Điển tích:** Theo Tình sử, đời nhà Châu, nàng Lương Ý yêu chàng Lý Sinh, sau phải xa nhau, nên có làm bài thơ Tương giang (*Sông Tương*):

*Nhân đạo Tương giang thâm,
Vị để tương tư bạn.
Giang thâm chung hữu để,
Tương tư vô biên ngạn.
Quân tại Tương giang đầu,
Thiếp tại Tương giang vĩ.
Tương tư bất tương kiến,
Đồng ẩm Tương giang thủy.*

Người bảo sông Tương sâu,
Chưa bằng lòng tương tư.
Sông sâu còn có đáy,
Tương tư không bến bờ.
Chàng ở đầu sông Tương,
Thiếp ở cuối sông Tương.
Nhớ nhau mà chẳng thấy,
Cùng uống nước sông Tương.

Lụy: Là làm cho khốn đốn khổ sở. **Liễu ngô hoa tường:** Cây liễu ngoài ngõ, hay cái hoa bên tường, ai muốn bẻ muốn

hái cũng được, ý nói những người con gái không có giá trị, hoặc là gái lầu xanh.

Câu 598: Mẹ dạy con gái đừng yêu ai trước để khỏi phải khổ thân vì thương nhớ.

601

*Đóng chặt cửa giữ nguyên trinh tiết,
Trọng thân danh bên nét đào yêu.
Phụng lấu gác quyền chờ tiêu,
Gieo cầu cho đáng, nhiều điều góí gương.*

Chú thích:

Trinh tiết: Sự trong trắng của người con gái. **Thân danh:** Cái danh giá của con người mình. **Đào yêu:** Đào là cây đào, yêu là non. Kinh Thi: “Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn, chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân.” nghĩa là cây đào đương non, cành lá rườm rà, gái về nhà chồng, hòa thuận trong nhà. Cho nên, Đào yêu là chỉ người con gái mới lớn, đến tuổi lấy chồng. **Gieo cầu:** Ném xuống quả tú cầu để chọn chồng. Quả tú cầu được làm bằng vải kết lại nhiều màu rất đẹp. **Điển tích:** Vua Hán Võ Đế mỗi khi kén chọn Phò mã (*rể của vua*) thì cắt một cái đài cao, cho công chúa lên ngôi trên đó, cầm sẵn trái tú cầu trong tay, các vương tôn công tử hay khách anh hùng muốn làm chồng Công chúa thì tụ tập dưới đài. Công chúa thấy người trai nào vừa ý thì ném trái tú cầu cho người ấy để người ấy bắt được, đem vào trình vua thì được vua nhận làm chồng Công chúa. Cho nên, Gieo cầu là ý nói kén chồng, chọn lựa người chồng cho xứng đáng. **Nhiều điều góí gương:** Nhiều là loại tơ lụa quý giá thời xưa, điều là màu đỏ, gương là tấm kính soi mặt chỉ người con gái. **Nhiều điều góí gương là ý nói:** Người con gái đẹp sẽ kén được người chồng quyền quý.

Câu 603: Nói về sự tích chàng Tiêu Sứ và nàng Lộng Ngọc.

Nàng Lộng Ngọc là con gái của vua Tần Mục Công, được vua cha cho ở trên gác phụng (*Phụng lầu*), nàng có tài thổi ống áo (*ống quyển*). Nàng nằm mơ thấy ở phía Tây Nam núi Thiên sơn có một chàng trai, diện mạo đẹp đẽ, cỡi chim phụng ngũ sắc bay đến phụng lầu, nơi nàng đang ở, nói rằng: Tôi là người coi giữ Thái Hoa sơn, Ngọc Hoàng cho tôi được kết duyên với nàng, đến tiết Trung Thu này gặp gỡ.

Nói xong, chàng rút ra một ống tiêu bằng hồng ngọc, đưa lên miệng thổi, âm điệu phát ra réo rất thanh tao, càng nghe càng say mê.

Hôm sau, Lộng Ngọc đem chuyện chiêm bao kể lại cho vua cha nghe. Tần Mục Công bèn cho người đến Thái Hoa sơn dò xét thử. Quan quân tìm được một chàng trai tuấn tú, có tài thổi ống tiêu, tên là Tiêu Sứ, đang ở trên núi. Quan quân rước chàng về triều. Vua bảo Tiêu Sứ thổi một khúc tiêu nghe thử. Nàng Lộng Ngọc đứng núp trong màn nhìn ra, thấy Tiêu Sứ đúng là người mà nàng thấy trong mộng, và tiếng tiêu phát ra réo rất y như vậy, thì biết chàng trai này đúng là lương duyên của nàng. Hôm đó cũng đúng là ngày Trung Thu trăng tròn, vua Tần Mục Công làm lễ cho Tiêu Sứ thành hôn cùng Lộng Ngọc. Tiêu Sứ dạy Lộng Ngọc thổi tiêu. Khi ở trên Phụng lầu, hai người thổi lên thì chim phụng hoàng bay đến trước sân nhảy múa.

Ở Phụng lầu được ít lâu, bỗng một hôm có một con rồng đỏ và một con chim phụng từ trên Trời đáp xuống trước thềm. Tiêu Sứ nói với Lộng Ngọc: Ta là Thần Tiên ở Thượng giới, có duyên nợ với nàng nên phải xuống trần để kết duyên, nay đến kỳ chúng ta phải trở về Tiên. Chàng liền bước tới cõi rồng, nàng Lộng Ngọc thì cỡi phụng, cùng bay lên Trời đi mất.

Trong các đám hỏi hay đám cưới, người ta làm đôi đèn Long Phụng để chỉ duyên vợ chồng là do điển tích này.

Câu 603: Ý nói con gái nên ở trong nhà giữ gìn hạnh nết, chờ con trai tài giỏi đến hỏi cưới.

605

*Đừng đứng dựa sông Tương nhân khách,
Đừng trông trăng hỏi ngach Cung Thiêm.*

Đừng để thi lá thơ chim,

Câu hôn để phụng đến tìm cung loan.

Chú thích:

Sông Tương: (Xem Chú thích câu 598). **Nhân khách:** Nhân gọi người yêu. **Cung Thiêm:** Cung trăng, vì nơi cung trăng có con thiềm thừ, hợm có chữ son, sống rất lâu năm.

Đề thi lá: Viết thơ trên chiếc lá cây. **Điển tích:** Nàng Hàn Thúy Tần, một cung nữ đời Đường, ở trong thâm cung buồn bực, bèn để thơ trên chiếc lá đỏ, thả xuống dòng nước từ trong cung chảy ra ngoài. Thơ của Hàn Thị để rằng:

Nước chảy sao mà vội,

Cung sâu cả buổi nhân.

Ấn cần nhờ lá thắm,

Mau đến chốn nhơn gian.

Vu Hựu là môn khách của Hàn Vinh, nhân đi chơi, bắt được chiếc lá có bài thơ đó, rồi cũng bắt chước cách ấy, lấy một chiếc lá khác để thơ, rồi chờ cho dòng nước chảy trở vào cung thì thả lá xuống. Bài thơ của Vu Hựu:

*Nghe oanh thấy liễu chạnh lòng thương,
Thương kẻ trong cung lúc đoạn trường.
Chiếc lá để thơ trôi mặt nước,
Gởi cho ai đó nói không tường.*

Cách ít lâu sau, vua Đường hạ chiếu thả cung nữ hơn 3000 người cho trở về nhà lấy chồng làm ăn, trong đó có Hàn Thị. Nàng đến ngụ nơi nhà của người bà con là Hàn Vinh. Hàn Vinh làm mai gả Hàn Thị cho Vu Hựu. Vu Hựu thấy trong rương của vợ có chiếc lá đề thi của chàng, rồi Vu Hựu cũng lấy chiếc lá đề thơ của Hàn Thị ra khoe. Cả hai vợ chồng đều rất mừng rỡ cho là có duyên tiền định. Hàn Vinh mở tiệc chúc mừng. Hàn Thị làm một bài thơ tạ ơn Lá Thắm làm mai:

*Câu thơ tuyết diệu theo dòng nước,
Ôm hận mười năm ngộ với ai?
Nay được vui vầy loan phượng sánh,
Khen thay Lá Thắm khéo làm mai!*

Thơ chim: Viết thơ rồi buộc vào chân chim cho nó mang đi. **Điển tích:** Nàng Túy Tiêu là vợ của Dương Nhuận Chi, bị quan Trụ Quốc thấy đẹp, sai quân bắt về làm thiếp. Nhuận Chi sợ thế lực của quan Trụ Quốc nên không dám thưa kiện, chỉ biết ôm hận trong lòng. Nàng Túy Tiêu và Nhuận Chi chỉ còn biết viết thơ qua lại và nhờ chim yến mang đi. **Phụng đến tìm cung loan:** Đôi chim loan phụng được ví với một cặp vợ chồng. Phụng là con chim trống ví người chồng, loan là con chim mái ví người vợ. Phụng đến tìm loan là ý nói để cho con trai tìm đến cầu hôn con gái.

Câu 605: Đừng yêu ai trước, rồi thương nhớ, nhẩn gởi.

Câu 606: Đừng mơ mộng lãng mạn như xem trăng rồi hỏi con thiềm thử ở chỗ nào.

Câu 607: Đừng để thi lá thơ chim, ý nói con gái đừng có

tánh lãng mạn, để thơ trên lá gởi theo dòng nước, hay viết thơ buộc vào chân chim gởi đi mộng lung.

609

*Con khá nhớ hồng nhan phận mỏng,
Đừng làm cho then bóng trăng xuân.
Hồng quân tài sắc đa truân,
Vào vòng bạc phận, chi mong trọn duyên.*

Chú thích:

Hồng nhan: Má hồng, chỉ con gái. **Phận mỏng:** Bạc phận.

Bóng trăng xuân: Ánh trăng mùa xuân rất đẹp, chỉ sự trong sáng tốt đẹp. **Đa truân:** Nhiều nỗi truân chuyên.

Câu 610: Đừng làm điều gì nỡ nhớp mà phải hổ then với sự trong sáng của ánh trăng xuân.

613

*Hoa phong nhụy cung Tiên cũng mẩn,
Gấm lót đường trọng tiếng cũng nhờ.
Nhà vàng phận quý khi thơ,
Gót sen dầu lịch cũng nhờ về xuân.*

Chú thích:

Hoa phong nhụy: Cái hoa còn đóng kín nhụy hoa, chưa có con ong con bướm nào đến hút mật (*Phong là gói kín*), ý nói: Con gái mới lớn, còn trinh nguyên. **Gấm lót đường:** Ý nói nhà giàu nhiều của cải. **Trọng tiếng:** Tiếng tăm nặng nề (*Trọng là nặng*), ý nói: tiếng tăm không tốt. **Nhờ:** Dơ, nhờ nhờ. **Nhà vàng:** Chử Hán là Kim ốc: Nhà làm bằng vàng, ý nói quý báu lắm. **Điển tích:** Hán Võ Đế, lúc còn là Thái Tử, Trưởng Công chúa muốn đem con gái là A Kiều gả cho Thái Tử, nên kêu Thái Tử đến hỏi. Thái Tử rất bằng lòng nên đáp: “Nếu cưới được A Kiều thì con sẽ cắt một cái

nhà bằng vàng cho A Kiều ở.” Do đó, dùng chữ Nhà vàng để chỉ người con gái quý phái, có phẩm giá cao. **Gót sen:** Chỉ người con gái đẹp quý phái. **Điển tích:** Vào thời Nam Bắc Triều, vua Nam Tề là Đồng Hôn Hầu có người vợ yêu là nàng Phan Phi. Vua cho lót hoa sen bằng vàng trên nền gạch trong cung của Phan Phi, để khi Phan phi đi, mỗi bước chân như có nở bông sen dưới đất. **Dấu lịch:** Dấu có lịch sự, đẹp đẽ. **Vẻ xuân:** Vẻ đẹp trẻ trung.

Câu 613: Con gái còn trinh nguyên, các vị Tiên đều thương mến. (*Tức nhiên con gái phải giữ gìn tiết trinh của mình*).

Câu 614: Nhà giàu có mà con gái trong nhà có tiếng tăm không tốt thì cũng như danh.

Câu 616: Người con gái quý phái, dấu có sắc đẹp, nhưng cũng phải nhờ đến vẻ tươi đẹp trẻ trung.

617

*Đừng cho nhiễm lấm thân thục nữ,
Chốn phòng the cứ xử rèm là.
Vườn thu giấu dạng Hằng Nga,
Hải đường nở muện mận mà ái phong.*

Chú thích:

Nhiễm lấm: Nhiễm là nhuộm vào, lấm là dính chất dơ.

Thục nữ: Người con gái hiền hậu nết na. **Phòng the:** Phòng dành riêng cho phụ nữ. **Xử:** Buông xuống. **Rèm là:** Tắm rèm bằng lụa. **Là:** Lụa, thường nói lụa là. **Vườn thu:** Chỉ người phụ nữ đã luống tuổi. **Giấu dạng:** Giấu kín hình bóng của mình. **Hằng Nga:** Nàng Tiên ở Cung trăng, ở đây ý nói người con gái có sắc đẹp. **Hải đường:** Tên một loài hoa đẹp, chỉ con gái đẹp. **Ái phong:** Cái dáng điệu dễ thương. Ái là thương yêu, phong là dáng dấp, phong cách.

Câu 619: Dù người con gái đẹp đã lớn tuổi rồi, nhưng cũng phải giấu kín hình bóng của mình.

621

*Phàm phận gái đứng hàng khuê các,
Phải trau tria tướng hạc hình mai.
Chín tầng cửa đóng then gài,
Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.*

Chú thích:

Bốn câu 621-624: Mẹ dạy con gái về Dung.

Phàm: Hễ là (*ý nhấn mạnh*). **Khuê các:** Buồng và gác, chỉ nơi ở của con gái quý phái. **Trau tria:** Sửa sang tô điểm cho tốt đẹp hơn. **Tướng hạc hình mai:** Đồng nghĩa: Mình hạc xương mai, ý nói hình dáng mảnh khảnh thanh nhã của con gái đẹp.

Câu 623: Phải giữ gìn con gái thật cẩn thận chắc chắn.

Câu 624: Đi ra bên ngoài thì phải nghiêm nghị, không được cười giỡn, bên trong nhà thì giữ tánh nết đoan trang.

625

*Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
Tiếng tiêu khai phụng phục người mới ngoan.*

Chú thích:

Bốn câu 625-628: Mẹ dạy con gái về Ngôn.

Ngôn từ: Lời nói. **Thanh tươi:** Thanh nhã vui tươi. **Tiếng tiêu khai phụng:** Tiếng tiêu thổi lên rất hay, có mãnh lực khiến cho chim phụng bay đến nhảy múa và hát theo (*giống như tiếng tiêu của Tiêu Sư và Lộc Ngạc*). Ý nói: Lời nói phải

có sức thuyết phục để người nghe vâng theo lời mình. **Phục người:** Làm cho người ta phục và nghe theo mình.

629

*Gặp cơn rãnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề dầu chẳng đủ tài,
Dệt văn Tô Huệ gỡ đày chinh phu.*

Chú thích:

Bốn câu 629-632: Mẹ dạy con gái về Công.

Nhà lan: chữ Hán là Lan thất, nghĩa là nhà có mùi thơm của hoa lan. Ý nói nhà có đạo đức. **Dệt văn Tô Huệ:** Tức là Tô Huệ chức cấm hời văn: Tô Huệ dệt bài thơ lộn quanh trên gấm. **Tô Huệ:** có tài về nghề dệt, có chồng là Đậu Thao. Đậu Thao phải đi lính chinh chiến phương xa. Nàng Tô Huệ quá nhớ chồng, đặt ra bài thơ tả nỗi lòng mình, rồi xin vua tha cho chồng trở về sum họp với nàng. Nàng dệt bài thơ lộn quanh trên bức gấm (gọi là *Chức cấm hời văn*), dâng lên vua. Vua đọc bài thơ, lòng cảm động, lại thương tài dệt của nàng, nên tha cho Đậu Thao trở về sum họp cùng nàng. **Gỡ đày:** Gỡ ra khỏi nạn lưu đày. **Chinh phu:** Người lính đánh giặc ở phương xa.

633

*Sửa từ nét ngày thâu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.
Xấu xa rách rưới lóa lổ,
Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.*

Chú thích:

Bốn câu 633-636: Mẹ dạy con gái về Hạnh.

Ngày thâu: Suốt ngày. **Điều thô:** Điều vụng về, không lịch sự. **Rách rưới lóa lổ:** Nghèo nàn mặc quần áo rách rưới để hở cả da thịt. **Đoan nghiêm:** Đoan trang nghiêm nghị. **Gái lành:** Con gái nhà lương thiện đạo đức.

Hai câu 635-636: Dầu cho không đẹp, lại nghèo nàn, nhưng giữ đức hạnh cho đoan trang nghiêm nghị thì cũng được khen là con gái nhà lương thiện đạo đức.

637

*Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,
Rán theo cha học lễ học văn.
Phép xưa từng phụ đã rằng,
Dựa thân cội tử đợi hàng trượng phu.*

Chú thích:

Bốn câu 637-640: Mẹ dạy con gái Tùng phu.

Học lễ học văn: Do câu: *Tiên học lễ, hậu học văn*. Trước hết là học về lễ nghĩa phép tắc xử thế, sau đó mới học văn chương thơ phú. **Từng phụ:** Theo cha. Con gái lúc còn nhỏ, chưa chồng, ở nhà thì tùng cha, nghĩa là phải nghe lời cha mẹ. **Cội tử:** Cội cây thị. Kinh Thi: *Duy tang dữ tử, tất cung kính chi*. Nghĩa là: Nơi có cây dâu và cây tử, tất phải cung kính. Bởi vì cây dâu và cây thị này do cha mẹ trồng, nay cha mẹ mất rồi, thấy nó thì tưởng nhớ đến cha mẹ. **Dựa thân cội tử:** Sống dựa vào cha mẹ. **Trượng phu:** Người đàn ông tài giỏi đáng kính trọng. Trượng phu cũng là tiếng vợ gọi chồng.

641

*Thánh xưa dạy từ câu nói biểu,
Đạo thờ thân chăm khịu nên kinh.
Tích xưa nhắc đến Đê Oanh,
Thương cha nên phải bán mình kêu oan.*

Chú thích:

Bốn câu 641-644: Mẹ dạy con gái về chữ Hiếu.

Đạo thờ thần: Bốn phận của con đối với cha mẹ: Phải nghe lời dạy của cha mẹ, phải phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già, phải thờ kính cha mẹ lúc cha mẹ mất. **Châm khiiu:** Vá vùi lại cho lành.

Hai câu 641-642: Thánh Hiền xưa dạy về chữ Hiếu, tức là dạy về bốn phận làm con đối với cha mẹ, tạo thành sách gọi là Hiếu Kinh.

Hai câu 643-644: Nhắc sự tích nàng Đê Oanh rất có hiếu với cha.

Đê Oanh: Theo Liệt Nữ truyện, Đê Oanh là con gái út của Thuần Vu Ý đời nhà Hán. Thuần Vu Ý không con trai, chỉ có 5 con gái. Vu Ý phạm tội, bị vua xử chết chém. Vu Ý than rằng: Vì không có con trai, nên trong lúc nguy cấp không biết trông cậy vào đâu được.

Nàng Đê Oanh nghe cha than thở thì theo cha vào kinh đô, rồi dâng sớ lên vua, trong đó có câu: *“Kẻ thác rời không sống lại được, vậy xin Bệ hạ cho tiện nữ vào hậu cung, nguyện làm tôi mọi trọn đời để chuộc tội cho cha.”*

Vua Hán Văn Đế cảm động trước sự hiếu thảo của nàng Đê Oanh, nên xuống chiếu tha tội chết cho Thuần Vu Ý.

Sự tích nàng Đê Oanh là để tượng trưng con gái có hiếu thảo với cha mẹ. Con gái hay con trai, con nào hiếu thảo với cha mẹ thì giúp được cha mẹ nhiều việc quan trọng.

645

*Bến nước gái mơ màng trong đục,
Đếm mười hai họa phúc khó lừa.*

Xem cha cứ xử mà ngừa,

Phòng sau cho khỏi đổ thừa lỗ duyên.

Chú thích:

Mười hai bến nước: Tục ngữ có câu: 12 bến nước, trong nhờ đục chịu. Trong Truyện Lục Vân Tiên có câu:

Lênh đênh một chiếc thuyền tình,

Mười hai bến nước biết mình về đâu?

Thời xưa, các cụ ví thân con gái như chiếc thuyền, xã hội như biển mênh mông, các hạng người trong xã hội như 12 bến nước. Thuyền sẽ chọn một bến nước để ghé vào đậu thuyền. Nếu gặp bến nước trong thì hưởng sự tốt đẹp, nếu gặp bến nước đục thì phải chịu lắm khổ cực nhọc nhằn.

Thường người ta cho rằng, 12 bến nước là chỉ 12 hạng người trong xã hội, có thể kể ra: Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngự, Tiều, Canh, Mục, Nho, Y, Lý, Bốc (*hoặc là Công, Hầu, Khanh, Tướng*). Nho là người có học thức Nho văn. Y là thầy thuốc, Lý là thầy địa lý, Bốc là coi bói. Thật ra thì Nho, Y, Lý, Bốc cũng nằm trong chữ Sĩ. Cũng có người cho rằng 12 bến nước là 12 tuổi: Tý, Sửu, Dần, ..., Tuất, Hợi.

Kể 12 hạng người như trên thì không ổn lắm vì còn nhiều hạng người nữa. Chúng ta nên nghĩ rằng, người xưa dùng số 12 là để chỉ một số nhiều và cho đẹp lời. Hơn nữa, trong dân gian thường có sự giải thích theo kiểu liên tưởng từ ngữ “*Thập nhị nhân duyên*” của nhà Phật là 12 cái nhân duyên của người con gái, từ đó nảy sinh từ ngữ 12 bến nước.

Khó lừa: Khó lừa lọc, khó lựa chọn. Lừa là lựa chọn. **Đó**

thừa: Đổ lỗi cho người khác để tránh trách nhiệm. **Lỡ duyên:** Lỡ làng duyên phận.

649

*Cao niên biết tuyển hiền đáng mặt,
Khỏi lằm mutu kẻ giặc phong tình.
Sự đời thấu rõ dạng hình,
Trá ngôn lánh chúc gia đình pháp nghiêm.*

Chú thích:

Cao niên: Người lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm sống. **Tuyển hiền:** Tuyển lựa người tài giỏi có đạo đức. **Đáng mặt:** Người xứng đáng. **Phong tình:** Lãng lơ tình tứ, không đứng đắn trong giao tiếp giữa nam và nữ. **Kẻ giặc phong tình:** Kẻ phong tình được xem như là giặc phá hoại luân lý đạo đức. **Trá ngôn:** Lời nói giả dối. **Lánh chúc:** Xa lánh phương cách đó. **Trá ngôn lánh chúc:** Xa lánh phương cách dùng lời nói giả dối. **Gia đình pháp nghiêm:** Phép tắc nghiêm khắc trong gia đình.

653

*Đợi nơi cửa khách tìm thức ngọc,
Đừng đỗ đường rời bốc đóa hoa.
Trông người so sánh với ta,
Lường tài cân sắc hiệp hòa mới nên.*

Chú thích:

Thức ngọc: Thức là thứ, món. Ngọc là loại đá quý. Thức ngọc là chỉ người con gái đẹp. **Đỗ đường:** Dừng lại giữa đường. **Lường tài cân sắc:** Đo lường cái tài năng của người trai có cân xứng với cái sắc đẹp của mình không. **Câu 654:** Đừng đi ra ngoài đường mà đem cái duyên của mình trao cho người trai.

Hai câu 655-656: Xem xét chàng trai để so sánh với mình, cái tài của chàng trai và cái sắc đẹp của mình phải cân xứng nhau thì mới hoà hiệp nên việc vợ chồng.

657

*Ai nam tử giữ bền tơ tóc,
Nhiều người hay lừa lọc câu thề.
Trước khen sau ắt có chê,
Ghi tâm tánh đức, kiểm bề phụ nhau.*

Chú thích:

Nam tử: Đàn ông con trai. **Giữ bền tơ tóc:** Giữ gìn cho lâu bền cái duyên vợ chồng. **Lừa lọc:** Không có nghĩa là chọn lọc cẩn thận, mà ở đây, trong trường hợp này, lừa lọc có nghĩa là lừa gạt người bằng mách khéo xảo trá. **Lừa lọc câu thề:** Con trai thề thốt dối trá để lường gạt con gái nhẹ dạ dễ tin. **Ghi tâm:** Ghi khắc vào lòng. **Tánh đức:** Đức tánh, tánh tốt. **Kiểm bề:** Tìm cách. **Phụ nhau:** Đối xử tệ bạc với nhau. **Hai câu 659-660:** Người con trai giả dối, trước mặt con gái thì khen nào là đẹp, nào là có duyên, nhưng khi người con gái đi khuất rồi thì lại chê; bên ngoài thì giả bộ ghi tâm tánh đức, nhưng trong lòng thì kiếm cách bỏ nhau.

661

*Rủi để khách tóm thâu tiết bạch,
Tránh không qua nhẹ tánh nghi ngờ.
So mình nắm dễ tóc tơ,
Ngoài ra còn lằm hăng hồ lừa dối.*

Chú thích:

Tiết bạch: Ý nói cái trinh tiết của người con gái. **Nhẹ tánh:** Có tánh dễ tin người nên thường bị lừa gạt. **Hăng hồ:** Hồ

hững, lạnh nhạt trong quan hệ tình cảm, không chút chăm nom hay lưu ý đến. **Lừa dối:** Vợ chồng.

Câu 662: Tránh không khỏi cái tánh nhẹ dạ dễ tin người mà đâm ra nghi ngờ chuyện nọ chuyện kia.

Hai câu 663-664: Con gái mà để con trai tóm thâu tiết hạnh dễ dàng rồi thì nó sẽ hững hờ trong việc tiến tới hôn nhân.

665

*Nét xuân sắc mấy hồi là trọng,
Xuân lỡ rồi khó mộng xuân nguyên.
Thà cho đáng mặt thuyền duyên,
Đừng làm cầm sắt ra duyên bĩ bàng.*

Chú thích:

Xuân sắc: Vẻ đẹp trẻ trung của con gái. Chữ Xuân thường được dùng để chỉ tuổi trẻ. **Thuyền duyên:** Người con gái xinh đẹp dịu dàng. **Cầm sắt:** Cây đàn cầm và cây đàn sắt, hai thứ đàn này hòa âm thì nghe rất hay, nên cầm sắt được ví đôi vợ chồng hòa hợp. **Bĩ bàng:** Bĩ là bế tắc, bàng là tiếng đệm. **Duyên bĩ bàng:** Cảnh 2 người yêu nhau đến hồi tan rã.

Câu 666: Tuổi xuân đã lỡ qua rồi thì khó mà mơ ước tuổi xuân nguyên vẹn trở lại. (*Tuổi trẻ qua rồi thì không trở lại*).

669

*Khi gặp đặng phải trang tài mạo,
Hoặc trao trâm đáp áo làm tin.
Thì toan giữ vẹn chung tình,
Đưa thoi đừng để lỗi mình nữ trung.*

Chú thích:

Trang: Tiếng gọi với ý kính trọng người có tài đức. **Trang tài mạo:** Người tài giỏi và có hình dáng đẹp đẽ. **Đưa thoi:**

Do câu: *Nhật nguyệt như thoa*, nghĩa là ngày tháng qua mau như cái thoi dệt vải, đưa qua đưa lại rất mau. **Nữ trung:** Trong giới phụ nữ.

Câu 670: Người con gái yêu người con trai, nàng có thể lấy cây trâm cài tóc hoặc chiếc áo trao cho chàng để làm vật đính ước hôn nhân.

Hai câu 671-672: Đã đính ước cùng nhau thì phải lo gìn giữ chữ thủy chung, dầu ngày tháng qua mau nhưng phận gái đừng để cho lỗi ước.

673

*Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,
Phải từng phu là phép xưa nay.
Mạnh Quang tích trước ghi tài,
Tê mi vẹn đạo chẳng nài khổ thân.*

Chú thích:

Bốn câu 673-676: Mẹ dạy con gái xuất giá Tòng phu.

Tùng phu: Khi có chồng phải tùng theo chồng. Đây là một trong Tam Tùng của người phụ nữ. Điều này rất tự nhiên, vì người chồng làm chủ gia đình, lo làm lụng nuôi sống vợ con, nên người vợ giữ vai trò phụ tá chồng, tùng theo chồng.

Tê mi: Do câu: *Cử án tê mi*, nghĩa là nâng mâm cơm lên ngang mày, dâng cho chồng ăn, tỏ ý kính phục chồng. **Vẹn đạo:** Trọn vẹn đạo làm vợ. **Chẳng nài:** Không nề hà.

Mạnh Quang: Thời Đông Hán, ở huyện Bình Lăng có một thư sinh tên là Lương Hồng, học trong nhà Thái Học, có học lực uyên bác, nhưng nhà nghèo, phải đi chăn heo mượn kiếm sống qua ngày, đặng lo học tập, bụng vẫn nuôi chí lớn.

Ở cùng huyện có người con gái họ Mạnh tên Quang, tuy không có sắc đẹp như nhưng có đủ tứ đức. Nhiều người

trọng đức khinh sắc hỏi cưới nàng, nhưng nàng không chịu. Đến năm 30 tuổi, cha mẹ nàng buồn rầu thấy con gái chưa chịu lấy chồng, thì nàng nói: *Con có lấy chồng thì chồng phải có đức hạnh và khí tiết như Lương Hồng mới chịu.*

Lương Hồng nghe được chuyện đó, biết nàng Mạnh Quang là tri kỷ của mình, nên đến hỏi cưới nàng làm vợ.

Khi làm lễ thành hôn, nàng Mạnh Quang mặc quần áo lộng lẫy, trang sức vàng ngọc quý giá, cốt làm tăng vẻ đẹp để vừa ý chồng. Lương Hồng thấy vợ như thế thì không bằng lòng, nhưng không nói gì.

Đám cưới đã qua 7 ngày đêm mà chàng chưa chịu giao bôi hợp cẩn. Mạnh Thị dò xét mới biết được ý chồng, liền bỏ hết lụa gấm, trang sức quý giá, mặc quần áo vải bò, dùng cây gai làm thoa giắt tóc (*Kính thoa bổ quần*). Lương Hồng thấy vậy vui mừng nói: *Như vậy mới đúng là vợ của Lương Hồng. Hồng này không màng danh lợi, không ham tiền của bạc vàng, chỉ muốn sống thanh bản giữ tròn khí tiết và đức hạnh, cùng với vợ tương kính thương yêu.*

Lúc bấy giờ triều chính thối nát, quan lại nhũng nhiễu, vợ chồng Lương Hồng vào ở ẩn tại Bá Lăng, tỉnh Thiểm Tây, là nơi thâm sơn cùng cốc, chống cày cấy, vợ dệt vải, lúc rảnh rang thì cùng đọc sách, đánh đàn, ngâm thơ, vợ chồng kính ái lẫn nhau, đời sống thật vui vẻ hạnh phúc.

Sau đó, vợ chồng Lương Hồng lại đến cư ngụ ở Lạc Dương. Lương Hồng thấy triều đình quá hủ bại, mới làm bài ca nhan đề “*Ngũ Y*.” Có người xấu bụng đem bài ca này tâu với vua, vua truyền lệnh bắt Lương Hồng. Chàng phải trốn đi, thay tên đổi họ, chạy sang đất Ngô, tạm làm nghề giã gạo thuê cho một nhà giàu để tạm sống qua ngày.

Mỗi lần chàng giã gạo thuê xong, trở về nhà, thì nàng

Mạnh Quang sửa soạn cơm nước xong xuôi, dọn lên một cái mâm, nâng mâm lên ngang mày, dâng lên cho chồng ăn cơm.

Người nhà giàu tình cờ trông thấy được, nghĩ rằng: *Người già gạo thuê này được vợ kính trọng như thế ắt không phải là kẻ tầm thường.* Do đó, người nhà giàu mời vợ chồng Lương Hồng đến ở luôn trong nhà và trọng đãi.

Nàng Mạnh Quang để lại cho đời một tấm gương sáng về đạo tòng phu. Nhưng nàng Mạnh Quang sống vào thời quân chủ, trọng nam khinh nữ, nên cách thức “*Cử án tề mi*” của nàng đối với thời dân chủ ngày nay, nam nữ bình quyền thì không còn phù hợp nữa.

677

Vợ Châu Công đình thần mạng phụ,

Ở thôn quê lam lũ làm ăn.

Chồng thì triều nội cao sang,

Vợ lo canh cử cơ hàn tấm thân.

Chú thích:

Tám câu thơ 677-684: Nói về sự tích của Vợ Ông Châu Công Đán, đời nhà Châu.

Đình thần: Bê tôi của vua nơi triều đình, tức là quan lớn trong triều. **Mạng phụ:** Vợ của quan được vua phong tước.

Lam lũ làm ăn: Làm ăn vất vả cực nhọc. **Triều nội cao sang:** Quan lớn cao sang trong triều đình. **Canh cử:** Nghề dệt vải thủ công. **Cơ hàn:** Đói lạnh.

681

Giúp chồng trọn ân cần nhiếp chánh,

Mới nên trang chúa thánh tôi hiền.

Vợ không tham những kim tiền,

Chồng lo trọn đạo nắm quyền chấn dân.

Chú thích:

Ấn cần: Quan tâm săn sóc chu đáo. **Nhiếp chánh:** Nhiếp là kiêm nhiệm, thay thế; chánh là việc chánh trị sắp đặt trị an trong nước. Nhiếp chánh là thay thế vua (*vì vua còn nhỏ tuổi chưa đủ sức nắm quyền trị nước*) giữ việc chánh trị trong nước. **Chúa thánh tối hiền:** Vua thì có đức độ và sáng suốt như bực Thánh, bề tôi thì tài giỏi và có đạo đức. **Tham nhúng:** Lợi dụng quyền hành của một vị quan để hoạnh hẹ dân đòi tiền hối lộ. **Kim tiền:** Vàng và tiền bạc. **Trọn đạo:** Làn tròn bốn phận của mình. **Chăn dân:** do chữ Hán là Mục dân, vì người xưa cho rằng, vua quan cai trị dân chúng giống như mục đồng chăn gia súc. Chăn dân là từ ngữ xưa, chỉ việc cai trị dân chúng.

685

*Phạm trọng Yêm mấy lần xa vợ,
Nợ quân vương nhiều thuở truân chuyên.
May duyên gặp đặng vợ hiền,
Thanh liêm chánh trực giữ bền lòng son.*

Chú thích:

Nợ quân vương: Món nợ đối với vua vì hưởng lộc vua. Quân là vua, vương cũng là vua, quân vương là chỉ ông vua. **Truân chuyên:** Nhiều nỗi gian nan vất vả. **Thanh liêm:** Trong sạch và không tham lam. **Chánh trực:** Ngay thẳng. **Lòng son:** Chữ Hán là Đan tâm, nghĩa là lòng ngay thẳng trung thành trước sau như một.

Bốn câu thơ 685-688: Nói về sự tích của Phạm Trọng Yêm. **Phạm Trọng Yêm:** Tự là Hy Văn, người xứ Tô Châu, tánh tình cương trực nhưng ôn hòa. Ngay từ lúc thi đậu Tú Tài, họ Phạm đã nghĩ rằng chuyện chánh trị quốc gia là trách nhiệm của ông. Ông thường nói: “*Lo trước cái lo của thiên*

hạ, vui sau cái vui của thiên hạ.” Câu nói này được truyền rộng rãi từ đời Tống đến nay. Sau đó ông thi đậu Tiến Sĩ, làm quan dưới triều Tống Nhân Tông đến chức Lại Bộ Viên Ngoại Lang, từng giữ chức Tri Châu ở Hàng Châu. Ông có tánh trọng nghĩa khinh tài, đối xử với bà con rất có hậu. Ông mua vài trăm mẫu ruộng dùng làm nghĩa địa cho dòng họ và lấy huê lợi châu cấp cho bà con khi đau ốm hay ma chay.

Ông có người con tên Nhân Đức, tánh cũng hào nghĩa như ông. Lúc ông làm quan ở Khai Phong, để dành được 500 thùng lúa, sai con chở về quê. Nhân Đức đến Đan Dương, gặp bạn cũ của cha là Thạch Man Kha, đang lúc cùng quẫn, lại chẳng may bị 3 cái tang cùng lúc. Nhân Đức liền lấy 500 thùng lúa cho Man Kha lo việc ma chay và lại cho luôn chiếc ghe bán lấy tiền gả 2 đứa con gái.

Chừng Nhân Đức trở về nhà thuật lại việc làm của mình cho cha nghe thì ông không rầy la mà lại khen con: “*Vậy mới phải là con của ta.*”

689

*Phải cần nợ cách non cũng gặp,
Lỡ trái duyên vội gặp ra hư.
Con xem từ trước đến chừ,
Đấng anh hùng gặp anh thư mấy người?*

Chú thích:

Cần nợ: Món nợ có gốc rễ từ kiếp trước, tức là món nợ đã thiếu từ kiếp trước, nay kiếp này phải trả. **Cách non:** Cách xa một cái núi, ý nói xa xôi cách trở núi sông. **Trái duyên:** Tình duyên ngang trái, đổ vỡ gây đau khổ. **Lỡ trái duyên:** Khi lỡ gặp cảnh tình duyên ngang trái. **Vội gặp:** Vội vã gặp rút. **Đến chừ:** Đến bây giờ. **Anh hùng:** Người tài giỏi có chí

lớn, lập được nhiều công trạng phi thường đối với quốc gia.
Anh thư: Người phụ nữ tài giỏi nổi bật hơn người.

693

*Dầu đẹp xấu để đời luận biện,
Vui duyên con, thân miễn an vui.
Đừng chê chồng phận thiệt thòi,
Đáng danh quân tử phải người lang quân.*

Chú thích:

Luận biện: Đưa ra nhiều lý lẽ để bàn cãi đúng sai. **Quân tử:** Người có tài đức hơn người, sẵn sàng đem tài sức ra giúp đời. Người quân tử là mẫu người lý tưởng mà Nho giáo nêu lên để giáo dục thanh niên. **Lang quân:** Tiếng vợ gọi chồng.

Câu 694: Mẹ khuyên con gái nên an phận, vui vẻ với cuộc sống gia đình mà mình đang có.

Hai câu 695-696: Đừng nên chê chồng là kẻ bất tài, chịu phận thiệt thòi, cũng đừng nên nghĩ rằng, đáng mặt là người quân tử thì mới phải là chồng của mình.

697

*Chữ hằng dạy thanh xuân bất tái,
Vợ người rồi danh gái hết kêu.
Nơi gương đức tánh Nhị Kiều,
Dở dang Du Sách, giữ điều tiết trinh.*

Chú thích:

Chữ hằng dạy: Sách thường dạy. **Thanh xuân bất tái:** Tuổi trẻ không trở lại. Thanh xuân là tuổi trẻ, tái là lập lại. **Nhị Kiều:** Hai nàng Kiều đẹp nhứt của đất Giang Đông nước Đông Ngô. Chị là Đại Kiều, gả cho Tôn Sách, vua nước Đông Ngô; em là Tiểu Kiều, gả cho Châu Du, Đại Đô Đốc

Thủy Quân của Đông Ngô. Tôn Sách và Châu Du đều chết sớm, hai nàng Kiều ở vậy thờ chồng, thủ tiết nuôi con. **Dở dang:** Tình duyên dang dở vì chồng chết sớm. **Du Sách:** Châu Du và Tôn Sách.

701

*Hễ thất nghĩa rẽ khinh kim cái,
Khó tươi hoa trở lại thanh tươi.
Hư nên cũng có một đời,
Hay chi thay đổi nhành mai sái mùa.*

Chú thích:

Thất nghĩa: Mất cái tình nghĩa. **Rẽ khinh kim cái:** Coi thường. **Kim cái:** Chỉ tình nghĩa vợ chồng. (Xem **Chú thích câu III**) Thanh tươi: Xanh tươi. Thanh là xanh. **Nhành mai sái mùa:** Cành mai chỉ có giá trị trong mấy ngày Tết, ai cũng quý trọng, đem đặt nơi thật trang trọng để cầu sự may mắn đến với gia đình trong năm mới. Nếu cành mai nở sái mùa, không đúng vào dịp Tết, thì giá trị của nó chẳng đáng bao nhiêu. Cành mai sái mùa là ý nói người con gái lỡ thời, đã qua thời xuân sắc tươi trẻ.

Hai câu 701-702: Khi tình nghĩa vợ chồng đã mất rồi thì khó mà hàn gắn lại được như lúc đầu.

705

*Tri âm ví đáng dây cầm nguyệt,
Đừng đem tình chí thiết giao hoan.
Căn duyên dẫu có phụ phàng,
Cũng do tiết giá mở đàng ngại lo.*

Chú thích:

Tri âm: Hiểu biết tiếng đàn, chỉ đôi bạn hiểu thấu lòng nhau, theo điển tích Bá Nha-Tử Kỳ. **Cầm nguyệt:** Cầm

là cây đàn, nguyệt là mặt trăng. Cầm nguyệt là cây đàn mà thùng đàn hình tròn như mặt trăng. **Tình chí thiết:** Tình yêu rất tha thiết. **Giao hoan:** Chỉ sự ân ái giữa nam nữ hay vợ chồng. **Căn duyên:** Duyên vợ chồng có gốc rễ từ kiếp trước. **Phụ phàng:** Đối xử tệ bạc, không nghĩ đến tình nghĩa thuở trước. **Tiết giá:** Lòng trong sạch ngay thẳng đối với chồng. **Câu 705:** Đôi bạn hiểu biết nhau sâu sắc xứng đáng là bạn tri âm.

709

*Trai bảy thiệp cũng cho chẳng hại,
Gái lộn chồng đã hoại tánh danh.
Con coi phận mẹ mồng mảnh,
Chánh thê nay lại sánh mình thú thê.*

Chú thích:

Gái lộn chồng: Gái bỏ chồng này đi lấy chồng khác, chỉ hạng gái hư thân mất nết. **Hoại tánh danh:** Hư hỏng họ tên. **Mồng mảnh:** Yếu ớt không đủ sức chịu đựng. **Chánh thê:** Vợ chánh. **Thú thê:** Vợ thứ, tức là vợ bé.

Hai câu 709-710: Lấy ý theo câu ca dao: *Trai năm thê bảy thiệp, gái chính chuyên một chồng.* (Chính chuyên là đứng đắn trung thành). Thời xưa cho phép đàn ông có nhiều vợ (chế độ đa thê), nhưng đàn bà chỉ được có một chồng. Gái nhiều chồng thì bị người ta chê cười là gái lộn chồng.

713

*Muốn còn phước dựa kẻ quân tử,
Phải hạ mình đặng xử vuông tròn.
Chia chồng vì dạ sắt son,
Nhịn chồng bởi chút sắp con cái nhà.*

Chú thích:

Dựa kẻ quân tử: Gần gũi kẻ bên chồng. **Hạ mình:** Tự đặt mình xuống địa vị thấp để mưu cầu việc gì. **Xử vuông tròn:** Sắp đặt công việc ổn thỏa mọi mặt. **Chia chồng:** Ý nói để cho chồng có vợ bé.

Câu 716: Nhường nhịn chồng vì còn lo nuôi mấy đứa con trong nhà.

717

*May tiểu thiệp biết hòa biết thuận,
An thân chồng đẹp xứng nợ duyên.
Rủi ro gặp gái bán thuyền,
Loạn gia phải chịu thảm phiền lắm cơn.*

Chú thích:

Tiểu thiệp: Vợ nhỏ của chồng. **Nợ duyên:** Duyên nợ. **Gái bán thuyền:** Con gái đem bán cái duyên của mình, chớ không có tình nghĩa chi hết. Đó là hạng gái chỉ biết có tiền, còn tiền thì còn tình, hết tiền thì hết tình. **Loạn gia:** Gây ra lộn xộn, rối loạn phép tắc gia đình.

721

*Thà thấy dạng còn hơn hiu quạnh,
Nên cẩn rắng nhịn nhín tình thương.
Ai đời thất dạ mà lương,
Bưởi bòng bụng gái vẫn thường giống nhau.*

Chú thích:

Cẩn rắng: Cố gắng chịu đựng âm thầm. **Nhịn nhín:** Nhịn bớt để chia sẻ cho người khác. **Thất dạ:** Ép lòng. **Bưởi bòng:** Trái bòng nhỏ hơn bưởi nhưng chua hơn. **Bưởi bòng bụng gái:** Ý nói đàn bà con gái có tánh ghen tuông.

725

*Cội thung thấy càng cao tuổi hạc,
Nhớ liễu mai chéch mác mà đau.
Trường đình giục thăm canh thâu,
Gối còn nửa nguyệt đỡ đầu phòng thu.*

Chú thích:

Cội thung: Đồng nghĩa Thung đường, chỉ người cha. (Xem *Chú thích câu 489*). **Tuổi hạc:** Tuổi của con chim hạc, ý nói rất lớn tuổi. Hạc là loại chim sống đến cả ngàn năm, nên gọi tuổi hạc là ý muốn cha mẹ sống lâu. **Liễu mai:** Cây liễu và cây mai được ví với người phụ nữ, vì con gái thì mảnh khảnh như mai, thướt tha như liễu. **Chéch mác:** Nghiêng ngã xiêu vẹo. **Trường đình:** Bên nước Tàu thời xưa, những quãng đường gần đô thị thường có trồng cây liễu ở 2 bên đường, rồi cách 5 dặm đường thì dựng lên một cái nhà nhỏ gọi là Đoàn đình, 10 dặm đường thì dựng lên một cái nhà lớn hơn gọi là Trường đình. Những người đi xa, cùng những người đưa tiễn, đem nhau vào Đoàn đình hoặc Trường đình để uống rượu từ biệt nhau, rồi bẻ cành liễu tặng nhau làm roi ngựa. Do đó, Trường đình là chỗ từ biệt nhau. **Canh thâu:** Suốt đêm. Canh là chỉ ban đêm, thâu là suốt. **Nửa nguyệt:** Phân nửa mặt trăng. **Đỡ đầu:** Kê đầu. **Phòng thu:** Chỉ người phụ nữ đã lúống tuổi. **Gối còn nửa nguyệt:** Ý nói người chồng đã đi rồi, chỉ còn người vợ ở nhà một mình trong phòng.

Thơ cổ có câu:

*Thùy bả kim bôi phân lưỡng đoạn,
Bán trâm thủy đế, bán phù không.
(Ai đem chén vàng chia hai mảnh,
Nửa chìm đáy nước, nửa trên không.)*

Truyện Kiều:

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*
Đây là tả cảnh vợ chồng ly biệt rất văn chương tuyệt diệu.

729

*Con quốc quốc chưa âu đôi bạn,
Máu đổ quyền đời mãn kiếp sanh.
Trượng phu hà hải đã đành,
Nỡ nào đây thiếp một mình tương tư.*

Chú thích:

Con quốc quốc: Chim đỗ quyên. **Chưa âu:** Có lẽ chưa. **Mãn kiếp sanh:** Hết một kiếp sống nơi cõi trần. **Đổ quyền:** Là tên của một giống chim, còn gọi là chim Đỗ Vũ, Tử Quy, tiếng nó kêu quốc quốc nên cũng được gọi là chim quốc quốc. Cuối xuân sang hạ thì nó bắt đầu kêu vào đêm trăng thanh vắng, giọng kêu buồn thảm nào nuốt, gọi lòng lữ khách nhớ nhà, nhớ quê hương. **Diễn tích:** Tương truyền, vua nước Thục (Thục Đế) tên là Đỗ Vũ, thấy vợ của một người bề tôi là Biết Linh rất đẹp, nên thông dâm. Biết Linh bắt được, buộc Thục Đế nhường ngôi cho mình và dẫn vợ Biết Linh đi để sống cho trọn mối tình với người đẹp. Nhưng thăm cho Thục Đế, người đẹp bỏ Thục Đế trở về với Biết Linh. Thục Đế buồn tủi, nhớ ngai vàng, nhớ người đẹp, đành chịu chết trong rừng, hóa thành con chim Đỗ Quyên, ngày đêm kêu quốc quốc nào nuốt, như hồn Thục Đế kêu than nhớ tiếc ngai vàng, oán giận người yêu. **Trượng phu:** Tiếng người vợ gọi chồng. **Hà hải:** Sông biển, ý nói đi xa. **Tương tư:** Sự nhớ thương da diết giữa 2 người yêu nhau.

Hai câu 729-730: Nói về con chim Đỗ Quyên để tả nỗi lòng

của người vợ vừa thương chồng vừa oán giận chồng đã phụ bạc bỏ nhà ra đi.

Hai câu 731-732: Chồng đã ra đi xa xôi, đã đành cho phận thiếp, nữ nào đây đọa thiếp trong nỗi niềm thương nhớ.

733

*Chiêu Quân chịu giã từ đất Hớn,
Thân cống Hồ ngắt ngưỡng tha bang.
Thiếp nay cũng giống như nàng,
Thân Hồ tâm Hớn đôi đành khó nguyên.*

Chú thích:

Thân cống Hồ: Tấm thân bị đem dâng nạp cho vua nước Hồ (Rợ Hồ) ở phương Bắc. **Ngắt ngưỡng:** Ở thế không vững, lắc lư như chực ngã xuống. **Tha bang:** Nước khác. Tha là khác, bang là một nước.

Bốn câu thơ trên nói về sự tích: Chiêu Quân cống Hồ.

Chiêu Quân: Tên là Vương Tường, tiểu tự là Hạo Nguyệt Chiêu Quân, con gái của Vương Trung, đang làm quan Tri Phủ Việt Châu. Bấy giờ, quan Nội thần Mao Diên Thọ được lệnh vua Hớn Nguyên Đế đi tuyển gái đẹp đưa vào cung. Diên Thọ tuyển được nàng Chiêu Quân, nhưng vì gia đình Vương Trung không tiền lo lót cho Diên Thọ, nên khi vẽ hình Chiêu Quân dâng lên vua Nguyên Đế, Thọ thêm vào mặt Chiêu Quân một nốt ruồi đen dưới mắt gọi là “*Thương phu trích lệ*” làm Hán Nguyên Đế không dám đưa nàng vào cung. Thọ lại giả chiếu vua, đem Chiêu Quân giam vào lãnh cung.

Việc đổ bể ra, Diên Thọ bị bắt tội chết, nhưng Thọ lanh chân trốn thoát sang nước Hồ. Chiêu Quân được vua Hớn yêu mến, đưa nàng vào Tây Cung làm Quý Phi. Thọ

qua tàu hót với vua Hồ là nàng Chiêu Quân đẹp nhất trên đời, muốn được nàng thì vua Hồ đem quân đánh vào Trung nguyên buộc vua Hán phải đưa Chiêu Quân qua cống Hồ thì mới bãi binh.

Kế ấy thành công vì nhà Hán suy nhược, không có tướng tài đủ sức chống cự quân Hồ. Chiêu Quân được đưa đi, đến Nhận Môn Quan, nàng lên Nhận lạc đài, khải một khúc đàn buồn thảm, rồi viết một bức thơ lâm ly thống thiết, buộc vào chân chim nhận, gửi về Nguyên Đế.

Nàng đến đất Hồ, nàng yêu cầu vua Hồ giết chết tên gian thần Mao Diên Thọ, rồi sau đó nàng tìm cách tự tử, nhảy xuống sông để xác nàng theo dòng trôi trở về đất Trung nguyên.

737

*Còn Tinh Vệ lấp phiến biển ai,
Đòi trả chồng hà hải sóng chôn.
Thiếp thân như ốc mượn hồn,
Sống không biết sống, chết còn ngậm đau.*

Chú thích:

Tinh Vệ: Một loài chim nhỏ ở bờ biển. Tương truyền, con gái vua Viêm Đế (*Thần Nông*) vượt biển, bị sóng đánh chìm chết đuối, hồn mang mối cảm hồn, hóa thành chim Tinh Vệ, hằng ngày ngậm gỗ và đá ở núi Tây Sơn đem ra lấp biển Đông cho cạn để trả hồn chết đuối vì sóng biển. Trong văn chương, người ta dùng điển tích này để chỉ mối cảm hồn hay điều tức giận dữ dội. **Biển ái:** Biển ái tình, biển tình yêu, đó là biển khổ.

Ốc mượn hồn: Ý nói ngơ ngơ ngẩn ngẩn, ngây dại như kẻ mất hồn. Trong Lục Súc Tranh Công có câu:

*Dại không ra đại, khôn chẳng nên khôn,
Ngất ngờ như ốc mượn hồn.*

Sống không biết sống: Sống mà không biết được hạnh phúc và tương lai, sống mà bị đau khổ đến mức như ngậy dại. **Chết còn ngậm đau:** Chết mà trong lòng vẫn còn mang nỗi đau đớn giận hờn như con gái của vua Thần Nông.

Hai câu 737-738: Nói tức giận của người vợ như con chim Tinh Vệ, muốn lấp bằng biển tình ái, cho hết phiền não, vì biển tình ái đã nhận chìm người chồng bấy lâu nay, để đem chồng trở lại gia đình.

Hai câu 739-740: Thiếp bây giờ ngờ ngờ ngẩn ngẩn như kẻ mất hồn, sống mà không biết hạnh phúc và tương lai, mà nếu chết thì linh hồn vẫn còn ngậm đau như con chim Tinh Vệ.

741

*Nơi Phiên quốc xôn xao lượng thăm,
Hạnh Nguơn xưa đã dám hy sinh.
Cũng như thiếp nặng khối tình,
Gãy trâm Lương Ngọc, bể bình Lý Uyên.*

Chú thích:

Phiên quốc: Nước Phiên, còn gọi là Hung Nô hay Rợ Hồ.

Lượng thăm: Nhiều nỗi sâu thăm. Lượng là số lượng.

Hạnh Nguơn cống Hồ: Hạnh Nguơn (*Hạnh Nguyên*) là con gái của Trần Đông Sơ, đính hôn với Mai Bích tự là Lương Ngọc, con của Mai Bá Cao. Bá Cao đang làm quan triều nhà Đường, tánh cương trực, nên bị bọn Thái Sư Lư Kỷ và Hoàn Trung căm ghét tìm cách hãm hại. Nhân việc quân Phiên xâm lấn ở phía Bắc, thế quân rất mạnh, quân Đường chống cự không lại. Lư Kỷ tâu vua xin bắt Hạnh Nguơn đem cống Phiên xin bãi binh. Vua ưng thuận. Đối với Mai Bá Cao, Lư Kỷ vu vào tội chết, truy bắt cả nhà, may

mắn là mẹ con Lương Ngọc trốn thoát được. Nàng Hạnh Nguơn, trên đường đi cống Hồ, nhảy xuống đầm Lâm Trì tự tử để thủ tiết cùng Lương Ngọc. Bà Châu Bá Phù may mắn cứu được Hạnh Nguơn, đem về làm con nuôi. Về sau, vua Đường xét ra tội trạng của bọn gian thần Lư Kỷ, bắt cả bọn đem chém đầu, minh oan Mai Bá Cao. Lương Ngọc gặp lại Hạnh Nguơn, sum họp gia đình. **Gãy trâm Lương Ngọc:** Ý nói tình duyên gãy đổ. **Bể bình Lý Uyên:** Ý cũng nói tình duyên gãy đổ. **Diễn tích:** Lý Uyên bắn trúng con mắt chim sẻ vẽ trên tấm bình phong, nên được Ông Đậu Nghi gả con gái là Đậu Thị cho. Hai vợ chồng giữ mãi tấm bình phong làm kỷ niệm. **Khối tình:** Tình yêu tương tư bị thất vọng, tụ lại thành một khối không tan, gọi là Khối tình. **Diễn tích:** Người con gái chết vì thất tình do người yêu không trở về đúng hẹn. Xác nàng được hỏa táng thì thấy còn lại một khối rắn chắc, đập không bể. Lúc người tình trở về, nghe thuật lại, cầm khối ấy lên xem, rồi khóc nức nở. Nước mắt chàng rơi lên khối tình, làm khối tình vỡ tan thành nước.

745

*Dầu chàng có vui riêng quên thiếp,
Thiếp cũng lo tội nghiệp thân chàng.
Đậm hương cho toại hồng nhan,
Gãm thân có lúc khốn nàn ốm o.*

Chú thích:

Tội nghiệp: Đáng thương hại vì gặp cảnh không may. **Đậm hương:** Ý nói sắc dục quá độ, chơi bời trác táng. **Toại:** Thỏa lòng. **Hồng nhan:** Má hồng, chỉ đàn bà con gái đẹp. Hồng là màu đỏ, nhan là vẻ mặt. **Gãm thân:** Suy nghĩ kỹ về cái bản

thân mình. **Khốn nạn:** Khốn đốn khổ sở đến mức thâm hại. **Ôm o:** Gây yếu một cách thâm hại.

749

*Thương chi thật con đồ đưa khách,
Nghĩa chi nông những cách bán duyên.
Còn thân còn mển còn quyền,
Hết ưá hết chuộng thì duyên hết nông.*

Chú thích:

Con đồ đưa khách: Vì thân phận của gái làng chơi, mỗi lần bán dâm, như con đồ đưa khách lấy tiền, không có tình nghĩa chi hết. **Nông:** Nông nàn, tha thiết sâu đậm. **Bán duyên:** Người con gái đem bán cái duyên của mình, ý nói gái điếm, gái làng chơi.

Hai câu 749-750: Thương mển làm chi những gái làng chơi! Có tình nghĩa nông nàn gì những kẻ bán duyên!

Hai câu 751-752: Còn thân thiết, còn thương mển khi người đàn ông còn quyền chức bạc tiền. Hết ưá hết chuộng khi hết quyền hết tiền, thì duyên kia cũng hết nông nàn.

753

*Đây còn nôi bế bồng thêm trẻ,
Hễ giao tình chẳng lẽ không con.
Hai vai gánh nặng thân mòn,
Cơn đau thất nghĩa, hầu hờn giảm thương.*

Chú thích:

Bế bồng: Ấm bồng con trẻ. **Giao tình:** Ân ái với nhau trong tình yêu vợ chồng. **Thân mòn:** Thân thể gầy mòn ốm yếu. **Thất nghĩa:** Mất đi cái tình nghĩa vợ chồng. **Hầu**

hờn giảm thương: Để mà sự hờn giận làm giảm bớt tình thương yêu chồng.

757

*Chẳng như thiệp nhớ ơn giải cầu,
Mến từ khi mở nụ đào yêu,
Trăm cay ngàn đắng cũng chiều,
Quý thân quân tử, dám liều với thân.*

Chú thích:

Giải cầu: Giải là tình cờ, cầu là gặp gỡ. Giải cầu là tình cờ không hẹn mà gặp. Kinh Thi: *Giải cầu tương ngộ, thích ngã nguyện hê.* Nghĩa là: Tình cờ gặp nhau, thích nguyện ta vậy.

Đào yêu: Chỉ con gái tới tuổi lấy chồng. (Xem *Chú thích câu 602*). **Mở nụ đào yêu:** Ý nói: Con gái mới vừa lớn lên tới tuổi lấy chồng. **Trăm cay ngàn đắng:** Ý nói chịu nhiều đau đớn khổ sở. **Thân quân tử:** Tấm thân của chồng.

Câu 760: Vợ quý trọng chồng đến độ dám liều mình để cứu chồng.

761

*Rẻ rúng bấy, hễ cân cũng trọng,
Quý bao nhiêu, hờ hững cũng khinh.
Chàng thì nhẹ thể vì tình,
Thiếp thì lo sợ lụy mình trượng phu.*

Chú thích:

Nhẹ thể: Xem nhẹ danh dự của mình. Thể là thể diện. **Lụy mình:** Tấm thân bị khốn đốn khổ sở vì dính dấp tới chuyện của người khác. **Trượng phu:** Tiếng vợ gọi chồng.

Hai câu 761-762: Việc coi trọng hay xem khinh là do theo tình cảm thương ghét của mình. Dầu cho người ta coi là rẻ

rúng, nhưng vì mình thương yêu nên mình quý trọng; còn người ta cho là quý giá bao nhiêu đi nữa mà mình hờ hững không yêu mến thì mình xem nó cũng tầm thường.

765

*Niềm âu yếm ai đâu rõ giá,
Vui trăng hoa đối trá là thường.
Ăn nhờ, ở tạm, mua thương,
Tiếc chi những thói hoa tường buồn ong.*

Chú thích:

Âu yếm: Cử chỉ thương yêu triu mến. **Trăng hoa:** Chỉ việc trai gái không đứng đắn hẹn hò nhau ngắm trăng xem hoa đặng đùa giỡn nhau. **Hoa tường:** Cái hoa bên tường, ai muốn rờ muốn hái cũng được, chỉ gái làng chơi. **Hoa tường buồn ong:** Gái làng chơi bán thân cho khách. Ong và bướm là chỉ những chàng trai không đứng đắn, thấy con gái thì đến chọc ghẹo.

Câu 765: Tắm lòng yêu mến nhau chân thành, chàng đâu rõ cái giá trị của nó.

Câu 766: Trong xóm làng chơi, sự âu yếm lã lơi, vui đùa nhau thường là đối trá, đâu có lạ gì!

769

*Trông tin nhận về đông mồn mõi,
Thả lá hồng biết hỏi nơi ai?
Khối sầu càng chất càng dày,
Chờ năm, năm lụn, đợi ngày, ngày qua.*

Chú thích:

Tin nhận: Tin tức do con chim nhận mang thơ đưa lại. **Thả lá hồng:** Viết thơ lên chiếc lá đỏ, thả trôi theo dòng nước,

hay thả cho bay theo gió để tìm dịp may hỏi thăm tin tức của chồng. **Năm lụn:** Năm tàn. Lụn là tàn dần.

Câu 769: Nói theo Điển tích Tô Vĩ chặn dê:

Tô Vĩ: Tự là Tử Khanh, làm quan Trung Lang Tướng, đời vua Hán Võ Đế, được cử đi sứ sang Hung Nô. Chúa Hung Nô là Thuyền Vu biểu Lý Lăng và Vệ Luật, tâu nhà Hán đã đầu Hung Nô, dụ Tô Vĩ đầu Hung Nô luôn. Tô Vĩ nhứt định không chịu. Thuyền Vu giận, nhốt Tô Vĩ vào hang đá và bỏ đói 3 ngày cho chết. Tô Vĩ nhờ vượt hột sương trên ngực cờ thấm giọt trong 3 ngày nên không chết. Thuyền Vu cho Tô Vĩ là Thần nên không dám giết, chỉ dày lên Bắc Hải chặn dê, giao hẹn chừng nào dê đực đẻ con thì mới tha về nước.

Tô Vĩ sống 19 năm nơi Bắc Hải, tuy cực nhọc đói lạnh nhưng tinh thần bất khuất, một lòng vì vua vì nước. Mỗi lần chim nhận lảnh tuyết lạnh, bay về hướng Đông Nam thì Tô Vĩ viết thơ buộc vào chân nhận, để nó đem về Trung nguyên báo tin cho vua biết, ông hiện còn sống ở Bắc Hải.

Về sau, Thuyền Vu giải hòa với Hán, Tô Vĩ mới được tha về. Vua Hán phong thưởng Tô Vĩ và cho vẽ hình ông nơi gác Lân để ghi công.

Câu 769: Người vợ mòn mỏi trông ngóng tin tức của chồng.

Câu 772: Sự lặp lại các từ ngữ: năm và ngày, làm cho thời gian như kéo dài ra theo sự đợi chờ của người vợ.

773

*Soi kính cũ mặt hoa đã nhú,
Tóc hoa râm mây liễu ướm sương.
Mùi ché dưới mắt chán chường,
Còn duyên chi mộng đến đường tái hôn.*

Chú thích:

Soi kính cũ: Lấy cái tấm gương cũ ra soi mặt. Lâu ngày không soi mặt trang điểm nên cái gương đóng bụi cũ kỹ. **Mặt hoa đả nhú:** Gương mặt đẹp của người vợ bây giờ đã nhăn nheo, ý nói đã bắt đầu già rồi. **Tóc hoa râm:** Có những điểm trắng lốm đốm trên tóc. **Mày liễu ướm sương:** Đôi lông mày như lá liễu có một vài sợi bạc như có điểm sương trắng. Ướm là mới bắt đầu. **Mùi:** Màu (từ ngữ xưa). **Mùi chê:** Màu bị chê, màu xấu. Mái tóc và đôi lông mày liễu chuyển sang màu hoa râm, là màu bị đàn ông chê vì nó báo hiệu tuổi già. **Chán chường:** Chán lăm, không còn thích thú nữa. **Mộng:** Mơ tưởng. **Tái hôn:** Lấy chồng một lần nữa.

777

*Thôi đành gởi tâm hồn gió tuyết,
Theo nương con cho hết tam tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,
Hoặc là chia dạ nào nùng với con.*

Chú thích:

Tâm hồn gió tuyết: Lòng lạnh lẽo băng giá, không còn sôi nổi trong tình yêu. **Tam Tùng:** Ba điều phải theo của người phụ nữ theo luân lý của Nho giáo: Tại gia tòng phụ, Xuất gia tòng phu, Phu tử tòng tử. **Nghĩa thủy chung:** Cách đối xử trước sau như một, không có gì thay đổi. Thủy là lúc đầu, Chung là lúc cuối. **Chia dạ:** San sẻ nỗi lòng. **Nào nùng:** Buồn rầu sâu đậm.

781

*Ngắm đường thế đã mòn vinh nhục,
Đổi thay duyên đặng phúc hạnh gì.
Lánh buồn lại lạc lối bi,
Rẻ duyên kim cái, đem bì phấn hương.*

Chú thích:

Đường thế: Con đường đời. **Đã mòn vinh nhục:** Đã từng đi qua nhiều lần vinh và nhục. **Đổi thay duyên:** Đổi duyên cũ thay duyên mới, ý nói: Bỏ chồng cũ lấy chồng mới. **Rẻ duyên kim cái:** Coi rẻ cái tình nghĩa vợ chồng. **Phấn hương:** Ý nói buồn phấn bán hương: gái làng chơi.

785

*Liếc mắt ngó vào trường phong nguyệt,
Mua trận cười nào tiếc ngàn vàng.
Chừng cơn phấn lạt hương tàn,
Núm mở bạc mệnh bên đàng cỏ chôn.*

Chú thích:

Trường phong nguyệt: Xóm làng chơi. **Phấn lạt hương tàn:** Nhan sắc tàn phai.

Câu 786: Theo thành ngữ: *Nhứt tiếu thiên kim*. Một tiếng cười giá đáng ngàn vàng. Đó là tiếng cười của nàng Bao Tự làm cho Vua U Vương nhà Châu mất ngôi mất nước.

Điển tích: Bao Tự là vợ yêu của U Vương, nàng rất đẹp nhưng luôn luôn ủ dột, không cười. Nàng chỉ ưa nghe tiếng lụa xé. U Vương muốn cho Chánh Hậu vui, mỗi lần xuất kho ra hằng trăm cây lụa, bảo cung nữ xé ra cho Bao Tự nghe, mặt nàng hơi tươi một chút chớ không cười. U Vương nghe theo lời Quách Thạch Phủ, sai đốt lửa Phong Hỏa Đài, các chư hầu thấy hiệu lửa tưởng là có giặc đánh

vào kinh đồ, liền kéo quân tới cứu, đến nơi mới biết mắc lừa. Bao Tự thấy vậy cả cười. Về sau, lúc có giặc đến thật, U Vương sai đốt lửa báo hiệu, các chư hầu không ai đem quân đến cứu. U Vương bị giặc bắt giết ở Ly Sơn.

Hai câu 787-788: Nắm mỡ của kẻ hồng nhan bạc mệnh chôn dựa bên đàng, cỏ mọc dây leo, như nắm mỡ hoang. Tả nắm mỡ của nàng kỹ nữ Đạm Tiên:

*Sè sè nắm đất bên đàng,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*
(Truyện Kiều)

789

*Nào những khách đoạn trường kim cổ,
Bởi trái duyên nên lỗ gót trần.
Bán xuân khi đắt giá xuân,
Thu qua để thẹn hồng quần biết bao.*

Chú thích:

Khách đoạn trường: Người phụ nữ có tên trong sổ đoạn trường, tức là người phụ nữ phải chịu cảnh éo le ngang trái trong tình trường, khiến phải chịu nhiều nỗi gian truân.

Trái duyên: Tình duyên ngang trái. **Lỗ gót trần:** Lỗ đi vào nơi cát bụi làm hoen ố tấm thân. **Xuân:** Mùa xuân, chỉ thời con gái còn son trẻ. **Thu:** Mùa thu, chỉ người con gái đã luống tuổi. **Bán xuân:** Bán cái nhan sắc lúc tươi trẻ.

Khi đắt giá xuân: Khi tuổi xuân có giá trị cao (đắt giá). **Thu qua:** Ý nói người con gái lúc trở về già.

793

*Hỏi đến khách sớm dào tối muộn,
Đon những trang ngọc cận hương thân.
Tặng nghe giá tuyết trong ngần,
Cớ sao bị nhiễm phong trần bởi đâu?*

Chú thích:

Khách sớm dào tối muộn: Chỉ người đàn ông không đứng đắn, sớm cặp cô này, tối ôm cô khác. **Đon:** Thăm chùng (từ ngữ xưa). **Ngọc cận hương thân:** Kế bên người ngọc, thân thiết mùi thơm. Ý nói người thường chung đụng gần gũi với đàn bà con gái, tức là người đam mê sắc dục. **Giá tuyết trong ngần:** Chỉ sự trong sạch không nhơ bợn. **Phong trần:** Ở đây có nghĩa đặc biệt là nhà chứa gái điếm. **Điển tích:** Theo Hậu Thôn Thi Thoại, Phan tử Tiên đời Đường để vào bức ảnh của một kỹ nữ: “*Gia hựu phong trần trung nhân diệp như thử, thịnh tai!*” Nghĩa là: Trong đám nhà chứa cũng có người như thế này, thịnh vậy thay! Trong Truyện Kiều có 2 câu tương tự:

*Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong trần cũng phong trần như ai.*

797

*Bởi thuyền bá sóng xao biển ái,
Bởi non thê sương trải lạnh lùng.
Bởi chàng phụ tấm tình chung,
Bởi tơ duyên cũ, tơ hồng hết xe.*

Chú thích:

Thuyền bá: Thuyền làm bằng cây bá (cũng gọi là cây bách). Chữ Hán gọi là Bá châu (Bá chu) hay Bách châu (Bách chu).

Điển tích: Nàng Cọng Khương, vợ của Vệ Thái Tử, sau khi

chống chết, nàng không chịu tái giá. Cha mẹ cố ép nhưng nàng kiên quyết không chịu và làm bài thơ “*Bách chu*” để tự khuyên mình. Do đó, Thuyền bá là chỉ người góa phụ tiết liệt. **Biển ái:** Biển tình ái, đó cũng là biển khổ.

Câu 797: Người vợ bị chồng phụ bạc giống như một góa phụ đứng trước những làn sóng dợn của biển tình. (*Coi chừng bị nó cuốn trôi!*).

Câu 798: Bởi vì sương mù trải ra bao phủ non thê, chàng không thấy nó nữa, nên chàng không nhớ đến lời thề.

801

*Bởi nhan sắc không khoe không mẫn,
Bởi hơi đồng không thẳng không kêu.
Bởi quen mùi vị phòng tiêu,
Bướm ong kiếm dựa vườn điều đổi hương.*

Chú thích:

Hơi đồng: Chỉ tiếng đàn. Đồng là dây bằng đồng dùng làm dây đàn. **Không thẳng không kêu:** Dây đàn lên không thẳng thì không phát ra tiếng đàn. **Phòng tiêu:** Phòng của vợ chánh, cũng chỉ người vợ chánh. Theo Hậu Hán Thư, các Hoàng Hậu đều ở trong tiêu phòng thuộc Cung Vị Ương. Gọi là Tiêu phòng vì vách phòng được trét bằng tiêu tán nhuyễn cho thơm và ấm. **Vườn điều:** Vườn đào, chỉ nơi ở của đàn bà con gái. Đào là chỉ con gái. **Đổi hương:** Chán mùi hương cũ, đổi mùi hương mới.

Hai câu 803-804: Bởi quen mùi vị của vợ chánh nên nhàm chán, học đòi theo đám bướm ong, đi tìm nơi có nhiều gái đẹp đang thay đổi mùi vị.

805

*Bởi hoa chạ bên đường dễ hái,
Bởi buồn hương nặng ngãi nhiều hơn.
Đờn hay vắn lắm trực lờn,
Đổi hơi cầm sắt ra trường ca xang.*

Chú thích:

Hoa chạ bên đường: Bông hoa của cây cỏ mọc hoang bên đường, không sắc không hương, chỉ gái làng chơi. **Buồn hương:** Chỉ gái làng chơi. **Nặng ngãi nhiều hơn:** Nặng nhiều hơn nghĩa. **Đổi hơi cầm sắt:** Thay đổi tiếng đàn cầm đàn sắt, ý nói thay đổi cuộc vợ chồng hòa hợp. **Ca xang:** Múa hát.

Hai câu 805-806: Bởi hay gần gũi với gái làng chơi, bởi nghe bọn chúng nói những lời đường mật nhân nghĩa.

Câu 807: Ngón đàn dù có hay chẳng nữa mà cứ lên dây vắn trực hoài thì trực đàn mau lờn, cây đàn hư hỏng. Ý so sánh việc làm của người kỹ nữ, họ sẽ sớm bị bệnh mà chết.

Câu 808: Thay đổi cảnh vợ chồng hòa hợp, đi tìm nơi múa hát vui chơi.

809

*Bởi vào trường ra màn hết vị,
Bởi ngời lờn lên kỹ hết nông.
Nên ưa mèo mả gà đồng,
Bỏ hình loan phụng dựa lồng chim xanh.*

Chú thích:

Hết vị: Hết mùi vị, ý nói chán rồi. **Ngời lờn lên kỹ:** Ngời hoai trên cái ghế trường kỹ. **Hết nông:** Hết cảm thấy nông nàn. **Mèo mả gà đồng:** Con mèo hoang ngoài mả, con gà hoang ngoài đồng. Ý nói người vô gia cư, đi hoang. **Bỏ hình**

loan phụng: Bỏ cảnh vợ chồng tốt đẹp. Loan phụng là loại chim cao quý, đối lại, chim xanh là loại chim thường. Ở đây, chim xanh không có nghĩa là kẻ đưa tin tức. **Dựa lông chim xanh:** Ý nói đi chơi với những kẻ tầm thường không ra gì. **Hai câu 809-810:** Nhàm chán cảnh sống giàu có êm đềm.

813

*Bởi mến cảnh đôi cành đài liễu,
Bởi ưa hoa bện bện đài hoa.
Bởi ham nguyệt rạng lánh nhà,
Đèn chong buồn bực lập lòe rèm thu.*

Chú thích:

Đôi cành đài liễu: Vài nhánh liễu ở xóm Chương đài. Xóm Chương Đài ở Trường An là xóm yên hoa, tập trung nhiều kỹ nữ. Liễu Chương đài là chỉ các nàng kỹ nữ. **Ưa hoa:** Ý nói mê gái. Hoa hay Đài hoa là chỉ đàn bà con gái. **Nguyệt rạng:** Trăng sáng, chỉ người con gái đẹp, bởi vì trên cung nguyệt có nàng Hằng Nga. **Lánh nhà:** Đi khỏi nhà. **Rèm thu:** Rèm là tấm đan bằng tre treo trước cửa. Rèm thu có nghĩa như Phòng thu, chỉ người phụ nữ luống tuổi.

Câu 816: Cảnh người vợ đã luống tuổi thức khuya chong đèn chờ chồng trở về.

817

*Bởi quen mặt đào châu bớt đẹp,
Bởi nhìn thường hoa ép liễu nài.
Chê vành xuân hết bện mai.
Kiếm đường hỏi liễu Chương đài bao mươi.*

Chú thích:

Đào châu: Hoa đào và hạt châu là 2 thứ đẹp, chỉ người con

gái đẹp. **Hoa ép liễu nài:** Ý nói các cô kỹ nữ kéo níu mời mọc nài ép đi với cô ta. **Vành xuân:** Vành trăng xuân. **Bao mươi:** Mấy mươi tuổi vậy?

Hai câu 817-818: Bởi thấy người vợ hoải, nên dù vợ có đẹp cũng cảm thấy bớt đẹp. Bởi thường thấy cảnh các cô kỹ nữ nài ép các chàng.

Câu 819: Chê vành trăng xuân hết ghẹo chọc hoa mai, mùa xuân đã qua, ý nói chê người vợ trở về già.

Câu 820: Kiếm đường đi đến tìm các cô kỹ nữ trẻ đẹp.

821

*Bởi cửa tia bóng trời nóng nực,
Bởi hiên thu gió chạt đường ong.
Cánh hồng quen với cuồng phong,
Nước non thế giới vẫy vùng tinh trắng.*

Chú thích:

Cửa tia: Cửa màu đỏ, chỉ nhà giàu sang quyền quý. **Bóng trời nóng nực:** Ánh sáng mặt trời nóng nực. **Hiên thu:** Hiên là cái mái hiên trước nhà. Thu là tiếng dùng cho đẹp lời và gợi ý buồn. **Gió chạt đường ong:** Ý nói đám thanh niên như ong bướm đi chạt ngoài đường. **Cánh hồng:** Cánh cửa chim hồng. **Cuồng phong:** Gió mạnh có sức cuốn xoay dữ dội. **Vẫy vùng:** Hoạt động tự do ngang dọc. **Tinh trắng:** Tinh tú và mặt trăng, chỉ bầu trời.

825

*Bởi cung Quảng bóng Hằng nhấp nhóa,
Bởi đèn Ngô nghe gã Tây Thi.
Bởi ham bóng sắc hơn chi,
Mỹ nhân thấy dạng kể gì đến duyên.*

Chú thích:

Bóng sắc: Sắc đẹp của đàn bà con gái. **Chì:** Kim loại nặng, chỉ tình nghĩa vợ chồng nặng như chì, do câu 137: *Nhẹ là bích, nặng chì tình nghĩa*. **Mỹ nhân:** Người đẹp.

Hai câu 825-826: Bởi nơi cung Quảng Hàn ở trên mặt trăng có thấp thoáng bóng nàng Hằng Nga. Bởi nơi đền vua nước Ngô có nàng Tây Thi đang mê hoặc vua Ngô Phù Sai. Hai câu này chỉ những người con gái đẹp.

Hai câu 827-828: Bởi ham sắc đẹp hơn là tình nghĩa vợ chồng, nên khi thấy người đẹp thì chạy theo, đâu kể gì đến duyên vợ chồng.

829

*Quen xa mã chề thuyền là chậm,
Đã mùi chàm gọi thắm là hơn.
Ca hay quên hẳn giọng đờn,
Một đêm túy mộng sánh hơn gập vàng.*

Chú thích:

Xa mã: Xe ngựa. **Mùi:** Màu (từ ngữ xưa). **Mùi chàm:** Màu chàm, màu xanh sẫm. **Đã mùi chàm:** Đã dính màu chàm, theo thành ngữ: *Tay đã nhúng chàm*, ý nói đã phạm vào tội lỗi. **Thắm:** Màu đậm, sẫm. **Túy mộng:** Túy là uống rượu say. Mộng là chiêm bao. Túy mộng là uống rượu say nằm chiêm bao: giấc mộng say.

Câu 830: Đã nhuộm màu chàm rồi lại làm cho màu đậm thêm. Ý nói: Đã phạm vào việc xấu xa rồi lại phạm sâu thêm nữa.

Câu 831: Mới tập ca thì nương theo giọng đờn mà ca, đến chừng ca hay rồi thì không cần giọng đờn nữa. Ý nói: Ăn cháo đá bát, qua sông nhận thuyền, chỉ kể bội ơn.

Câu 832: Người thích uống rượu, mê rượu hơn mê vàng.

833

*Nơi tửu điểm nhà lang khác hẳn,
Vợ chồng thường ít sẵn chiều thương.
Trà mi kém sắc hơn hương,
Tiếng cười Bao Tỷ hơn hờn Phan Vương.*

Chú thích:

Tửu điểm: Quán rượu. **Nhà lang:** Nhà của chồng. **Bao Tỷ:** tức là Bao Tỷ, vợ của U Vương. (Xem *Điển tích* nơi *Chú thích* câu 786). **Phan Vương:** Vua chư hầu, làm rào đậu cho Thiên Tử ở trung ương. Phan hay Phiên là hàng rào, tấm chắn. **Trà mi:** Một loại hoa đẹp. **Hương:** Hoa hồng.

Hai câu 833-834: Ở nhà, vợ ít chiều chuộng chồng hơn là ở nơi tửu quán, các cô thường hay chiều khách.

Câu 835: Ý nói, vợ không đẹp bằng các cô nơi tửu điểm.

Câu 836: Xem tiếng cười của nàng Bao Tỷ hơn là sự hờn giận của các vua chư hầu. Ý nói: Chết vì sắc đẹp của đàn bà.

837

*Thiếp biết phận cánh bướm dưới gió,
Đã khổ đời chịu khổ cùng đời.
Thuyền nan sợ sóng dòng khơi,
Khúc quanh eo hẹp, chiều thời khúc quanh.*

Chú thích:

Thuyền nan: Thuyền nhỏ mỏng manh, làm bằng nan tre, chỉ dùng đi gần bờ. **Dòng khơi:** Dòng nước ngoài khơi.

Câu 837: Thiếp biết số phận của mình phải tùy thuộc vào chồng như cánh bướm theo gió.

Hai câu 839-840: Thân phận người vợ như chiếc thuyền

nan, sợ sóng ngoài khơi đánh chìm, chớ đi vào khúc quanh
dầu eo hẹp khó khăn cũng chiều theo dễ dàng.

841

*Soi bóng nước dặng nhìn thấy dạng,
Thấy nghi dung hết mặ nét ngài.
Chẳng còn yếu điệu hình mai,
Da môi tóc đã ướm thay nửa vàng.*

Chú thích:

Nghi dung: Về mặt và hình dáng bề ngoài. **Hết mặ:** Không còn mặ mà, hết đẹp. **Nét ngài:** Đồi chân mày nhỏ và cong như râu con bướm tằm. Ngài là con bướm tằm. **Yếu điệu:** Có dáng người mềm mại thướt tha. **Hình mai:** Hình dáng mảnh khảnh như cành mai. **Da môi:** Da trở đổi môi, tức là trên da mặt hay da tay nổi những nốt nhỏ màu nâu nhạt như màu con đồi mồi. Da trở đổi môi là báo hiệu tuổi già. **Tóc đã ướm thay nửa vàng:** Phân nửa mái tóc đã bắt đầu chuyển sang màu vàng, trước khi trở thành tóc bạc.

Câu 841: Nhìn xuống mặt nước phẳng lặng thì thấy hình ảnh của mình nơi đáy nước. Mặt nước như tấm gương soi.

845

*Mảng gương vui cùng đàn cháu dại,
Chỉ lời hay sự phải khuyên răn.
Tóc xanh là bạn mày nhẵn,
Nên bà dạy cháu biết bằng năm mươi.*

Chú thích:

Mảng: Mảnh miết. **Tóc xanh:** Chỉ đám con cháu trẻ tuổi. **Mày nhẵn:** Chỉ người lớn tuổi, mặt mày bắt đầu nhăn.

Câu 848: Người vợ bây giờ đã 50 tuổi, có cháu mới lên 3 tuổi. Bà dạy cháu biết những điều mà tuổi 50 mới biết.

849

*Khóc của mẹ pha cười của trẻ,
Chậm của già đối lệ của tơ.
Ngắm coi cái nhỏ bây giờ,
Nhỏ trong cái lớn mịt mờ chiêm bao.*

Chú thích:

Tơ: Là non trẻ. **Cái nhỏ:** Đám con nít. **Cái lớn:** Người già.

Câu 850: Già thì chậm chạp, trẻ thì lanh lẹ.

Câu 852: Người già nhớ lại cuộc đời đã qua của mình thấy mịt mờ như một giấc chiêm bao.

853

*Nương con gậy ra vào lụm cùm,
Lưng gối dùn lưng thừng bước đi.
Thôi gấn hết kiếp còn gì,
Co tay đếm tuổi quá kỳ tri Thiên.*

Chú thích:

Con gậy: Cây gậy của người già dùng để chống đi, gấn gối thân thiết như đứa con. **Co tay đếm tuổi:** Co lại ngón tay cái của bàn tay trái để đếm tuổi trên các lông tay: Tý, Sửu, Dần,... **Tri Thiên:** Do câu nói của Đức Khổng Tử chép trong Luận Ngữ: Ngũ thập nhi tri Thiên mệnh. (50 tuổi mới biết được mệnh Trời), nên dùng chữ “tri Thiên” để chỉ 50 tuổi. **Quá kỳ tri Thiên:** Quá 50 tuổi.

857

*Bỗng tiếng sấm gân bên tai nổ,
Nghe tin chàng mệnh số du Tiên.
Ôi trời động đất nghiêng!
Chết chàng hồn thiếp chơi miền Âm cung.*

Chú thích:

Sấm gân bên tai nổ: Tiếng sấm nổ bên tai, ý nói một tin khủng khiếp xảy đến bất ngờ. **Mệnh số:** Số mệnh. **Du Tiên:** Đi chơi nơi cõi Tiên, ý nói chết, linh hồn rời khỏi thể xác đi lên cảnh Tiên. **Âm cung:** Cung điện nơi cõi Âm phủ. **Chơi miền Âm cung:** Đi chơi xuống cõi Âm phủ, ý nói chết, linh hồn đi xuống cõi Âm phủ.

Ba câu 857-858-859: Nghe tin chồng chết như sấm nổ bên tai, cảm thấy như Trời Đất nghiêng ngửa quay cuồng.

Câu 860: Nghe tin chồng chết, người vợ ngã xuống bất tỉnh như muốn chết theo.

861

*Khi tỉnh giấc còn trong vòng tục,
Mới biết thân ít phúc hơn chàng.
Giá chi một mảnh xương tàn,
Đày cho thiếp nối đoạn tràng tử ly.*

Chú thích:

Tỉnh giấc: Tỉnh lại sau một hồi chết giấc vì nghe tin chồng mới chết. **Vòng tục:** Trong vòng cõi trần. **Giá chi:** Có giá trị gì. **Một mảnh xương tàn:** Chỉ tấm thân của người vợ đã già rồi, cũng sắp tàn. **Đoạn tràng:** Đoạn trường, chỉ nỗi đau đớn dữ dội như bị cắt ruột thành nhiều đoạn. **Tử ly:** Chết thì biệt ly. Tử là chết, ly là xa cách. Thường nói: *Tử biệt sanh ly.*

865

*Một thân góa tang y lại mặc,
Chống gậy lê nhúc nhúc đưa linh.
Đầu sương chất trắng khối tình,
Bao nhiêu ân ái trong mình tử thi.*

Chú thích:

Thân góa: Tấm thân góa bụa vì chồng mới chết. **Tang y:** Áo tang, áo mặc vào khi làm lễ tang. **Chống gậy lê:** Chống cây gậy lê đi từng bước. **Nhúc nhúc:** Lúc lắc, đi từng bước chậm chạp lắc lư đầy vẻ khó khăn. **Đưa linh:** Đưa linh cữu ra nghĩa trang. **Đầu sương:** Trên đầu mái tóc đã bạc như sương. **Chất trắng khối tình:** Đội lên đầu chiếc khăn tang trắng giống như chất lên đầu cả khối tình thương yêu chồng. **Tử thi:** Xác chết. Tử là chết, thi là thi hài thể xác.

869

*Ngó vạn vật cũng kỳ lẽ chết,
Nghe non sông như hết khí sinh.
Hỏi ta có sống thật tình,
Hay là giấc mộng Diêm đình đưa nhau.*

Chú thích:

Cũng kỳ lẽ chết: Cũng đều có kỳ hạn phải chết. **Khí sinh:** Sức sống. **Sống thật tình:** Sống thật không phải chiêm bao. **Diêm đình:** Triều đình của Diêm Vương.

873

*Xem cây cỏ như màu thâm đậm,
Ngó thú cầm dường cảm đau thương.
Đất nhà cảnh vật ruộng vườn,
Hình chàng như gấn nẻo đường vô ra.*

Chú thích:

Thảm đạm: Buồn thảm lạnh lẽo. **Thú cầm:** Thú chạy chim bay. **Như gấn:** Như gấn dính chặt vào.

Câu 876: Trên các nẻo đường vô ra, đầu đầu dường như đều có phảng phất hình ảnh của chàng.

877

*Kìa đào lý tàn già đã côi,
Nhắc tượng chàng dựa cội trông hoa.
Nào là trời lặn bóng tà,
Đêm khuya chờ lụn canh gà thăm em.*

Chú thích:

Bắt đầu từ câu 877 đến câu 920, gồm 44 câu: Nhắc lại những kỷ niệm hồi 2 người mới quen biết, rồi yêu nhau và trở thành vợ chồng.

Côi: Là già. **Trời lặn bóng tà:** Mặt trời lặn, ánh sáng chệch xuống. **Chờ lụn canh gà:** Chờ cho đêm tàn đến canh năm gà gáy, tức là chờ đến gần sáng. Lụn là tàn dần.

Câu 877: Kìa là 2 cây: Cây đào và cây lý, tàn cây đã già côi rồi, không còn sức phát triển.

881

*Kìa cụm liễu gió đêm xao xác,
Đám chim chiều tìm mát nghỉ ngơi.
Ấy là nơi thiếp trao lời,
Trăm năm khi hứa nửa đời buổi nay.*

Chú thích:

Xao xác: Tiếng lá cây va chạm vào nhau khi có gió. **Trăm năm khi hứa:** Khi hứa hẹn việc trăm năm, ý nói hứa hẹn

kết thành chồng vợ suốt đời. **Nửa đời buổi nay:** Tối ngày nay là nửa đời người rồi, tức là được 50 tuổi.

885

*Kìa đâu rừng chòm mai đua nở,
Trước xem màu hôn hờ như nay,
Cớ sao như ủ như vầy,
Hay là nhắc thiếp những ngày trao tơ.*

Chú thích:

Như ủ như vầy: Như ủ rử, như bị vầy vò héo hắt. **Trao tơ:** Trao cho chàng sợi tơ hồng để kết thành vợ chồng. Nguyệt Lão dùng sợi tơ hồng (*xích thằng*) để cột chặt đôi nam nữ thành vợ chồng.

889

*Kìa lũ én dật dờ cánh liêng,
Dựa chơn mây kêu tiếng nỉ non.
Cớ sao người cũng vẫn còn,
Chông ta thân mất hình chơn có nào?*

Chú thích:

Dật dờ: Bay lơ lửng theo chiều gió. **Dựa chơn mây:** Ở gần cuối đám mây.

893

*Bầy hồng nhận lao xao vịnh liễu,
Đám cò ngà bận bận gành khơi.
Là nơi lúc đứng khi ngồi,
Trông trăng hẹn biển, ngó trời thề non.*

Chú thích:

Vịnh liễu: Cái vịnh mà trên bờ có trồng nhiều cây liễu. Vịnh liễu để đối với Gành khơi. **Gành khơi:** Gành tức là

ghềnh, chỗ có đá nổi ở giữa dòng nước khiến nước chảy xiết; khơi là ở ngoài xa. **Cò ngà:** Con cò có màu lông trắng như ngà. **Bận bịu:** Vương vấn không muốn rời. **Hẹn biển thề non:** Do thành ngữ chữ Hán: *Thệ hải minh sơn*, nghĩa là chỉ biển mà thề, chỉ núi mà nguyện. Ý nói dẫu cho biển cạn non mòn, tình yêu của đôi ta không thay đổi.

897

*Kìa đường cũ bước mòn lãng tử,
Đám thú nhà dụ dụ bước chiều.
Ấy là nẻo thiệp đến kêu,
Chàng vào kẻ trễ quá chiều bữa cơm.*

Chú thích:

Lãng tử: Người sống tự do, đi chơi đây đó không bị ràng buộc. **Đám thú nhà:** Đám gia súc như trâu, bò,... **Dụ dụ bước chiều:** Bước đi ngập ngừng như chưa muốn trở về nhà vào buổi chiều.

901

*Kìa bến nước dập dồn sóng dợn,
Chỗ đôi ta vui giỡn khi thơ.
Cũng cây, cũng bãi, cũng bờ,
Mà sao buổi ấy bây giờ khác nhau?*

Chú thích:

Dập dồn sóng dợn: Sóng nước liên tục dồn vào bờ.
Hai câu 903-904: Cảnh vật không đổi thay nhưng tâm tình người thay đổi, nên có cảm tưởng như cảnh vật cũng thay đổi theo.

905

*Kìa nhịp cầu bên đầu khe nhỏ,
Đông chòm cây, Tây có triển bưng.
Ấy nơi đôi lứa gặp mừng,
Mà nay như nhắc mấy từng tương tư.*

Chú thích:

Triển bưng: Triển là bờ dốc thoải xuống, bưng là vùng đồng lầy ngập nước có nhiều cỏ lác. **Mấy từng tương tư:** Ý nói người vợ thương nhớ chồng nhiều lắm, nhìn thấy có bao nhiêu nhịp cầu, có bao nhiêu chòm cây thì lòng tương tư cũng nhiều như thế.

909

*Kìa chùa cũ nóc hư muốn sập,
Nơi đôi ta lén gặp gỡ nhau.
Có sao cảnh tịnh ủa xào,
Hay là thấy thiệp mà sầu lẻ loi.*

Chú thích:

Cảnh tịnh: Chỉ cảnh chùa. Tịnh là trong sạch, vì nơi tu hành thì phải thanh tịnh, tức là trong sạch. **Ủa xào:** Héo úa như mất hết sự sống. **Sầu lẻ loi:** Buồn rầu vì chồng chết phải chịu cảnh lẻ loi trở lại một mình.

913

*Bóng hải đường ta ngồi buổi nọ,
Bóng con thơ tìm ngõ nhà thầy.
Còn am tự, còn chùa mây,
Mà chàng đâu vắng, chốn nầy lặng trang.*

Chú thích:

Bóng hải đường: Bóng mát của cây hải đường. Hải đường

là loại cây có hoa màu đỏ tươi rất đẹp. **Am tự:** Am là cái chùa nhỏ, tự là cái chùa lớn. Am tự là chỉ chung các chùa thờ Phật. **Chùa mây:** Cái chùa cất trên sườn núi cao, nhìn lên thấy có mây bám trên nóc chùa. **Lặng trang:** Yên lặng hoàn toàn.

917

*Kìa cuối xóm mấy hàng trước tử,
Nợ đầu làng chày lữ phơi sương.
Ấy là nơi thiếp đến thường,
Thăm chàng đang học nơi trường sân ngô.*

Chú thích:

Trước tử: Cây trúc màu đỏ tía. **Chày lữ:** Phường chày, xóm nhà làm nghề chày lưới. **Chày lữ phơi sương:** Người ở xóm chày đem lưới đánh cá ra phơi sương. Lữ là bạn cùng đi cùng ở với mình. **Sân ngô:** Cái sân có trồng cây ngô đồng. **Trường sân ngô:** Ngôi trường học mà sân trường có trồng nhiều cây ngô đồng, để tượng trưng rằng, trường này đào tạo ra nhiều người tài giỏi hiển đạt. **Diễn tích:** Nhà họ Hàn có 8 anh em trai, đều học hành rất giỏi và thi đậu làm quan. Người đời có lời truyền tụng rằng “Hàn thị Bát đồng”, nghĩa là: Nhà họ Hàn có 8 cây ngô đồng.

921

*Kìa xóm rẫy năm mố lỗ xố,
Nơi đôi ta tảo mộ đập thanh.
Gò đầu phút nổi thành linh,
Nào dè chàng cũng đến giành một nơi.*

Chú thích:

Xóm rẫy: Xóm làm rẫy, trồng các loại hoa màu. **Năm mố lỗ xố:** Nhiều năm mố nhỏ lớn cao thấp không đều. Đây là

nghĩa trang trong làng. **Tảo mộ:** Quét dọn mồ mả cho sạch sẽ, hoặc sửa sang sơn phết cho mới, cho đẹp. **Đập thanh:** Nghĩa đen là Đập lên cỏ xanh. Theo tục lệ thời xưa của Tàu, đến ngày lễ Thanh minh, khoảng giữa tháng 3 âm lịch, nơi các bãi cỏ xanh, người ta tổ chức các hội chợ đồng vui. Các nam nữ thanh niên thường đến đó vui chơi.

Câu 923: Một cái gò đất mới phứt chốc nổi lên thành linh, dè đầu đó là năm mộ của chàng, chàng cũng đến giành ở đây một chỗ.

925

*Để thân thiếp mình ngồi hiu quạnh,
Còn thấy chàng tuyết lạnh nắng nóng.
Đã đành bẻ gãy chũ đồng,
Chia đôi thiếp xóm chàng đồng không hay.*

Chú thích:

Tuyết lạnh nắng nóng: Tuyết làm cho lạnh lẽo, nắng làm cho nóng bức. **Bẻ gãy chũ đồng:** Đồng là cùng chung. Hễ là vợ chồng sống với nhau thì cái gì cũng đồng hết. Bẻ gãy chũ đồng là tình vợ chồng bị bẻ gãy, nghĩa là có một người chết. Thành ngữ này đồng nghĩa thành ngữ: *Gãy gánh giữa đường.*

Câu 928: Vợ chồng bị chia đôi, vợ ở trong xóm, còn chồng ở ngoài đồng, vì mộ của chàng ở ngoài đồng.

929

*Tiếng oan ương bên tai dan dúi,
Gió đẩy đưa bờ liễu lao xao.
Lạ nghe lời vật thể nào,
Mà ra như tiếng chàng chào buổi xưa.*

Chú thích:

Oan ương: Còn gọi là uyên ương, con trống là uyên, con

mái là ương, là một loài chim nhỏ, luôn luôn sống từng cặp, không bao giờ rời nhau. Tương truyền, khi một con chết thì con kia nhịn đói chết theo. Uyên ương chỉ đôi vợ chồng thương yêu gắn bó không rời nhau. **Dan điếu:** Tiếng chim nhỏ kêu riu rít.

933

*Nhánh dâu khuất, bóng đưa mờ mịch,
Cội tà dương như hết reo chiều.
Hương tàn gió tối hiu hiu,
Đỡ chơn hỏi nợ buổi chiều nghi đâu?*

Chú thích:

Nhánh dâu khuất: Mặt trời đã khuất khỏi nhánh cây dâu, ý nói mặt trời chiều sắp lặn. **Mờ mịch:** Mờ mịt. **Cội tà dương:** Cội cây vào lúc mặt trời chiều. Cội là gốc cây, tà là xế chiều, dương là mặt trời. **Hết reo chiều:** Buổi chiều gió thổi làm lá cây chạm vào nhau phát ra tiếng vi vu hay xào xạc, giống như lá reo. Hết reo tức là không có gió thổi, trời lặng gió. **Hương tàn:** Buổi sáng thì hoa nở tỏa hương thơm, buổi chiều tối thì hoa tàn hết thơm. **Hiu hiu:** Gió nhẹ. **Đỡ chơn:** Bước chơn dang dở, tức là đi được nửa chừng hay được nửa đường. **Hỏi nợ:** Ý nói hỏi người duyên nợ của mình, tức là hỏi người chồng.

937

*Ai sau gót giầy lâu như nói,
Xin người thương tha lỗi khi xưa.
Giận đem đời nhớ cũng vừa,
Trách mình nào có đổ thừa phụ duyên.*

Chú thích:

Ai sau gót: Ai đứng ở sau lưng. **Giầy lâu:** Một hồi lâu. **Người thương:** Người yêu, ở đây chỉ người vợ. **Đổ thừa:**

Đổ lỗi cho người khác để trốn trách nhiệm. **Phụ duyên:** Phụ bạc duyên vợ chồng.

Câu 939: Lấy sự giận hờn đổi thành sự nhớ thương thì cũng vừa lúc vì người chồng mới chết.

941

*Phải buổi trước đừng phiền đừng oán,
Để nguyên tình uống cạn chén tình.
Làm chi rẽ nợ ba sinh,
Mà nay phải chịu một mình riêng thương.*

Chú thích:

Rẽ: Chia rẽ. **Nợ ba sinh:** Duyên nợ tiền định, thế duyên trong 3 kiếp sống phải gặp gỡ nhau.

Câu 942: Giữ nguyên vẹn tình thương yêu để hưởng trọn tình thương yêu của nhau như thủa đầu tiên mới cưới nhau, uống cạn chén rượu giao bôi hợp cấn.

945

*Tội chàng trước tiêu đường tuyết giá,
Còn thiệp mang trọn cả lỗi chàng.
Lời phiền đổi lại tiếng than,
Thương kia bao nả lại càng thêm thương.*

Chú thích:

Tiêu đường tuyết giá: Tiêu tan hết như tuyết và nước đá khi gặp nóng. Giá là nước đá. **Lời phiền:** Lời nói giận hờn trách móc. **Bao nả:** Có bao nhiêu.

949

*Đời vẫn ngần huỳnh lương in giấc,
Kiếp phù sinh dạng thất nơi thân.
Còn thân sống chịu phong trần,
Dứt hơi dầu muốn trọn gần cũng xa.*

Chú thích:

Đời vẫn ngần: Một đời người ngắn lắm.

Huỳnh lương in giấc: Giống in như một giấc mộng huỳnh lương.

Điển tích: Hồn Chung Ly muốn độ Lữ Đồng Tân đi tu, nên đến huyện Hàn Đang gặp họ Lữ, nói rằng: Ta là Chung Ly Vân Phòng, tu ở núi Triều Hạc, ông có muốn đi chơi với ta không?

Lữ Đồng Tân có vẻ lưỡng lự vì còn muốn đi thi đậu Tiến Sĩ trở danh với đời. Chung Ly biết vậy, liền mời họ Lữ đến bên nồi bấp vàng (*huỳnh lương*) mà ông đang nấu, ngồi chơi, rồi đưa cho một cái gói bảo nằm nghỉ, còn mình vẫn tiếp tục đun nồi bấp vàng.

Lữ Đồng Tân kê đầu vào gói giấy lát thì chiêm bao, thấy mình đi thi, ngang qua nhà nọ, gặp người con gái tuyệt đẹp thì ước lời. Nàng nọ nói rằng: *Nếu chàng thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa ống tay.* Đồng Tân vào khoa, thi đậu Trạng, về cưới nàng ấy, được vua bổ làm quan Giám Nghị. Đồng Tân lần lần được thăng quan tiến chức, sau 40 năm lên đến chức Tể Tướng, giàu sang tột bậc, con cháu đầy đàn, sau đó chẳng may bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa. Vua truyền bắt tội, thân hết quyền chức, tịch thân gia sản đày ra núi Lãng Biển, cực khổ vô cùng. Kế giết mình thức dậy, ngỡ ngỡ tâm thần. Chung Ly cười lớn ngâm 2 câu thơ:

*Nồi bấp hầy còn ngồi,
Chiêm bao đà thấy cháu.*

Lữ đồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng: *Thấy biết sự chiêm bao của tôi sao?*

Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không

đây một lát, đặng chẳng khá mừng, mất không nên tham, hết vinh tới nhục là lẽ thường.

Lữ Đồng Tân nghe Hồn Chung Ly nói thế thì tỉnh ngộ, ngẫm nghĩ mà chán ngán cuộc đời, liền từ bỏ mộng công danh, cầu Hồn Chung Ly truyền đạo.

Do điển tích này, trong văn chương, người ta thường dùng các từ ngữ: Giấc huỳnh lương, Giấc kê vàng, Giấc Hàn Đang, để chỉ giấc mộng của Lữ Đồng Tân, coi công danh phú quý của cuộc đời như là phù du mộng ảo.

Kiếp phù sinh: Kiếp sống của con người như cái bọt nổi trên mặt nước, rất mau tan vỡ và không có gì nhất định. Kiếp là một đời sống, phù là nổi, sinh là sống. **Sách xưa có câu:** “*Ký sinh nhược phù hê, tử nhược hữu*”, nghĩa là: Sống như là trôi nổi, chết như được nghỉ ngơi. **Đặng thât:** Được mất, hơn thua. **Phong trần:** Gió bụi, chỉ cảnh gian nan vất vả ở đời. **Dứt hơi:** Hết thở, chết. **Cung xa:** Cung phải xa cách nhau, vì người chết về Âm cảnh, kẻ sống ở lại cõi dương gian.

Câu 949: Cuộc đời của con người ngắn lẩn, công danh phú quý giống in như một giấc chiêm bao.

953

Nếu thiếp trước biết hòa biết thuận,

Nhẫn ghen tương nhịn lãn ân tình.

Chia thương ơn ấy đã đành,

Thứ thê chánh thiếp giết giành chi duyên.

Chú thích:

Nhẫn: Nhường nhịn. **Nhịn lãn ân tình:** Nhường nhịn cả đến việc yêu đương ân ái với chồng. **Thứ thê chánh thiếp:** Vợ lớn vợ nhỏ, vợ chánh vợ thứ.

Câu 956: Vợ chánh, vợ thứ giành giựt nhau chi cái tình thương yêu của chồng.

957

*Giọt lệ thiếp vì phiền mà chảy,
Gấm thương người chia dải đồng tâm.
Ta than lỗi bạc cung cấm,
Nàng sầu lạc nhận ngư trảm biển mê.*

Chú thích:

Dải đồng tâm: Chỉ sự thương yêu gắn bó giữa vợ chồng. (Xem **Chú thích** câu 194). **Người chia dải đồng tâm:** Chỉ người vợ nhỏ của chồng, vì người này chia cái dải đồng tâm của người vợ chánh. **Lỗi bạc cung cấm:** Cung đàn lỗi nhịp, chỉ sự không hòa hợp giữa vợ chồng. **Nhận lạc:** Con chim nhận lạc đàn, cô độc, lẻ loi. **Ngư trảm:** Con cá chìm xuống nước. **Biển mê:** Chỉ cõi trần, vì chúng sanh trong cõi trần đều mê muội, nên chịu nhiều phiền não, khổ đau.

Câu 960: Người vợ nhỏ thì buồn rầu vì thân nàng bây giờ như con nhận lạc đàn, như con cá chìm vào biển mê, biết bao giờ mới thoát khỏi biển mê cho hết đau khổ.

961

*Vắng mặt chàng thiếp về kiếm kẻ,
Chia tương tư đặng để nên tình.
Vì chàng thiếp kết bố kinh,
Giữ câu hải thệ sơn minh với nàng.*

Chú thích:

Bố kinh: Chỉ người vợ hiền cần kiệm. **Kết bố kinh:** Kết tình thương yêu với vợ nhỏ như tình chồng vợ. **Hải thệ sơn minh:** Thề non hẹn biển, chỉ núi mà thề, chỉ biển mà nguyện.

Hai câu 961-962: Chàng chết rồi, thiếp (vợ chánh) sẽ về kiếm người vợ nhỏ của chàng để chia sớt nỗi tương tư với nàng, đặng tạo nên tình thương yêu tốt đẹp về sau.

Hai câu 963-964: Thiếp sẽ vì chàng mà chăm sóc nàng như chồng chăm sóc vợ, và giữ lời thề hẹn với nàng.

965

*Màng sầu muộn ngổn ngang trăm mối,
Chùa thu không bóng tối mật mờ.
Oanh về tổ, dễ reo tơ,
Đường về vắng bước như tờ canh khuya.*

Chú thích:

Màng: Mãi miết. **Sầu muộn:** Buồn rầu. **Ngổn ngang trăm mối:** Ý nói lòng bối rối lo âu chưa biết cách xử trí. **Thu không:** Thu là bắt lấy, không là không có gì. Ngày xưa dân chúng sống trong thành, mỗi khi trời sắp tối, quân lính đi tuần tra xem xét coi có kẻ gian vào thành ẩn núp không. Nếu không có thì đánh chiêng hay đánh trống làm hiệu. Đó là tiếng chiêng hay tiếng trống thu không. Thu không là chỉ trời sắp tối. **Chùa thu không:** Cảnh chùa lúc chiều tối. **Dễ reo tơ:** Hai cánh蝶 chạm vào nhau rung lên phát ra tiếng kêu như tiếng nhạc phát ra từ dây đàn. Tơ là dây đàn. **Vắng như tờ:** Hoàn toàn vắng vẻ yên lặng.

969

*Tiếng U Minh tia lia gọi thăm,
Giọng kinh khua cửa Phạm dập dồn.
Câu kinh tiếng kẻ gọi hồn,
Kêu thương khách tục, giải lòng người nhàn.*

Chú thích:

Tiếng U Minh: Tiếng chuông U Minh phát ra từ gác chuông

chùa. Tiếng chuông U Minh có hiệu lực truyền xuống cõi U Minh, cõi của người chết, để làm thức tỉnh các tội hồn, sớm giác ngộ, nhận thức thiện ác, chánh tà, mà ăn năn sám hối tội tình, cầu nguyện Đức Chí Tôn tha thứ và cứu rỗi.
Tía lia: Lia lịa liên tiếp không dứt. **Gọi thăm:** Khêu gọi sự sâu thăm.

Giọng kinh khua: Tiếng chuông vang lên.

Trong sách Hậu Hán thư, lời chú trong bài ký của Ban Cố có chép: Kinh là loại cá kinh rất lớn ở ngoài biển, và ở gần bờ biển có con thú gọi là Bồ lao. Con Bồ lao rất sợ cá kinh. Mỗi lần cá kinh lội vào bờ để đánh Bồ lao thì Bồ lao kêu vang lên. Người xưa muốn cho chuông kêu to, thì khắc hình con cá kinh lên cái chày dựng chuông, và đúc hình con Bồ lao trên chóp chuông. Khi chày kinh dựng vào chuông Bồ lao thì chuông kêu to lên. Đó là cách trang trí chuông và chày dựng chuông mà có sự tích hay.

*Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giục mình trong giấc mộng.
(Thơ của Chu Mạnh Trinh)*

Cửa Phạm: Do chữ Phạm môn, Phạm là Phật, môn là cửa, Phạm môn là cửa Phật, ý nói cửa chùa. **Kinh kệ:** Các bài kinh và các bài kệ dùng để tụng đọc trong tôn giáo. Bài văn dài để tụng gọi là Kinh, bài thơ ngắn để ngâm gọi là Kệ. **Câu kinh tiếng kệ:** Tiếng tụng kinh trong giờ công phu và tiếng kệ chuông lúc khởi đầu hay chấm dứt một thời công phu. **Gọi hồn:** Khêu gọi các chơn hồn mau thức tỉnh. **Khêu thương:** Khêu gọi thương yêu nhau. **Khách tục:** Khách trần. Tục là tầm thường thấp kém, chỉ cõi trần. Khách tục là chỉ nhơn loại sống nơi cõi trần. Gọi là khách bởi vì cõi trần là cõi tạm, cõi chơn thật của con người là cõi Thiêng liêng Hằng sống. Con người đến cõi trần sống tạm một thời gian nhiều

lắm là trăm năm để học hỏi và tiến hóa, xong rồi thì bỏ xác phàm, linh hồn trở về cõi thiêng liêng. **Khêu thương khách tục:** Khêu gọi con người nơi cõi trần hãy thương yêu nhau. **Giải lòng:** Cởi bỏ lòng trần, tức là cởi bỏ lòng mê luyến cõi trần, lo việc tu hành để trở về cõi thiêng liêng. **Người nhàn:** Người có lòng nhân đức thương người.

973

*Rón để bước đến gần điện Thánh,
Nhìn tượng thờ lại ngảnh thân mình.
Sao đó hiển, sao đó linh,
Phải chăng trước cũng lụy tình như ta?*

Chú thích:

Rón: Rán kéo dài thêm. **Điện Thánh:** Chánh Điện thờ Phật. **Ngảnh:** Nhìn trở lại. **Hiển linh:** Thiêng liêng huyền diệu, có thể hiện ra thấy được. **Lụy tình:** Bị đau khổ vì tình yêu.

977

*Đau đôn thể nắn ra tượng Phật,
Lánh khổ nên vụ tất của không.
Biết chẳng cái thăm mắt chông,
Xin cho thiếp dựa nơi lòng từ bi.*

Chú thích:

Nắn ra tượng Phật: Dùng hỗn hợp mềm và nhào như thạch cao hay xi măng để nắn thành tượng Phật, như tượng Đức Phật Thích Ca, tượng Đức Quan Âm Bồ Tát, vv... **Vụ tất:** Chuyên lo có một việc. **Cửa không:** Chữ Hán là Không môn, chỉ cửa Phật. Không là trống không, không có gì cả. Giáo lý của Phật đều cho rằng tất cả mọi vật đều gốc ở không mà sanh ra, rồi cuối cùng thì trở về không: *không tức thị sắc, sắc tức thị không*. Khi nói đến Sắc Không là nói đến giáo lý nhà Phật. **Từ bi:** Từ là lòng thương tưởng lo lắng giúp ích

chúng sanh, làm chúng sanh an ổn vui vẻ. Bi là lòng trắc ẩn thương cảm các cảnh khổ não của chúng sanh, lúc nào cũng muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi phiền não và tai họa. Từ bi là hạnh của Phật. Đức Từ bi là Đức Phật.

Hai câu 977-978: Có đau đớn khổ sở mới nghĩ đến Phật, mới nhớ đến cửa chùa, vì Đức Phật giáng sinh lập ra Phật giáo là để giải khổ cho chúng sanh.

981

*Hay sợ khổ sanh ly tử biệt,
Nên tìm phương dứt tuyệt nợ đời.
Biết chẳng tình ái của người,
Xin cho thiệp hiểu ít lời chơn ngôn.*

Chú thích:

Sanh ly tử biệt: Sống mà chịu cảnh chia lìa, chết thì biệt ly. Đó là 2 cảnh khổ trong nhiều cái khổ của con người.

Dứt tuyệt: Cắt đứt hẳn. Tuyệt là dứt hẳn. **Nợ đời:** Các món nợ mà mình phải mang khi làm người sống trong cõi đời. Muốn tìm phương dứt tuyệt nợ đời thì phải tu hành để thành bậc Tiên, Phật, không bị luân hồi xuống cõi đời nầy nữa. **Tình ái:** Tình yêu giữa nam và nữ. **Chơn ngôn:** Lời nói chơn thật phô diễn được chơn lý.

985

*Hay đã sợ thân mòn gối mỏi,
Mến ngày xuân mà tuổi không chờ.
Linh đình bể khổ dật dờ,
Xin cho thiệp gửi thân nhờ cửa không.*

Chú thích:

Thân mòn gối mỏi: Chỉ lúc tuổi già. **Ngày xuân:** Ngày còn trẻ tuổi. **Linh đình:** Lênh đênh trên mặt nước vô định. **Dật**

dờ: Lờ đờ trôi theo dòng nước. **Bể khổ:** Người sống nơi cõi trần phải chịu nhiều nỗi đau khổ phiền não. Đức Phật nói rằng, con người có Tứ Khổ: Sinh, Lão, Bệnh, Tử. Nước mắt của chúng sanh nhiều hơn nước bốn biển. Đó là những cái khổ về thể xác, còn những cái khổ về tinh thần, nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Do đó, cõi trần là bể khổ, con người đang lặn ngụp trong bể khổ ấy.

*Bể thảm mệnh mông sóng lụt trời,
Khách trần chèo một lá tuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió,
Coi lại cùng trong bể thảm trôi.*

(Đoàn như Khuê)

989

*Hay đã sợ nắng nóng tuyết lạnh,
Cảnh đau thương khó lánh thân phạm.
Thuyền tình chịu sóng không kham,
Xin cho phận thiệp biển làm ni cô.*

Chú thích:

Nắng nóng tuyết lạnh: Nắng thì nóng, tuyết thì lạnh. Ý nói những nỗi khổ cực vất vả ở đời. **Thân phạm:** Xác thân của con người nơi cõi phàm trần, do cha mẹ phạm trần sanh ra và nuôi dưỡng bằng vật chất nơi cõi trần mà lớn lên. **Thuyền tình:** Chiếc thuyền chở tình yêu nam nữ, ở đây chỉ người vợ đang mang nặng tình yêu thương chồng. **Chịu sóng không kham:** Chịu không nổi các cơn sóng gió. **Ni cô:** Ni là người phụ nữ qui y theo Phật và xuất gia vào chùa tu hành. Cô là tiếng gọi người phụ nữ có chức phận và chưa già. Ni cô là Nữ tu sĩ Phật giáo.

993

*Buồn tình lóng nam-mô câu tụng,
Nhìn tượng cây rồi khủng cho thân.
Thân còn nương giữa phong trần,
Khổ kia còn đếm mấy lần mới thôi.*

Chú thích:

Buồn tình: Buồn vì ở trong tình trạng không biết làm gì.
Lóng: Lảng tay nghe. **Câu tụng:** Câu kinh để tụng. **Nam-mô:** do phiên âm từ tiếng Phạn: Namah, có nghĩa là qui y, qui mạng, chí tâm hướng, tức là quyết chí vâng theo lời Phật dạy một cách cung kính và nguyện hiến trọn đời mình cho Đạo pháp. Tiếng Nam-mô sau này trở thành tiếng khởi đầu cho một câu cầu nguyện. **Tượng cây:** Tượng Phật tạc bằng gỗ. **Khủng cho thân:** Sợ hãi cho tấm thân của mình. **Phong trần:** Gió bụi, chỉ những nỗi khó khăn vất vả.

997

*Rón rón trước Phật ngồi cúi gập,
Mấy lạy trình mấy nấc tương tư.
Mảnh thân xin gửi bầy chừ,
Nương theo thuyền huệ vào bờ Tương giang.*

Chú thích:

Rón rón: Đi khếp nép nhẹ nhàng, sợ gây ra tiếng động làm mất vẻ tôn kính trang nghiêm. **Cúi gập:** Cúi lạy xuống và gập đầu. Lạy Phật thì lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gập, mỗi gập niệm danh hiệu của Phật. **Mấy nấc tương tư:** Đồng nghĩa: Mấy từng tương tư, ý nói lòng nhớ thương chồng nhiều lắm. (Xem *Chú thích câu 908*). **Mảnh thân:** Tấm thân. **Bầy chừ:** Bầy giờ. **Thuyền huệ:** Huệ cũng đọc Tuệ, là sự sáng suốt thông hiểu rất ráo đạo lý. Thuyền huệ là chiếc Thuyền trí huệ, tức

là Thuyền Bát Nhã, vì Bát Nhã, là phiên âm từ tiếng Phạn “Prajñā” có nghĩa là Trí huệ. Trí là sự hiểu biết thấu đáo. Thuyền Bát Nhã là lời Phật nói ví dụ: Cõi trần là biển khổ sông mê, muốn đến Cực Lạc Thế giới thì phải vượt qua sông mê bể khổ. Muốn qua sông mê bể khổ thì phải dùng Thuyền Bát Nhã. Bên này bể khổ là Bên mê (*Mê tân*), bên kia biển khổ là Bờ giác (*Giác ngạn*). Thuyền Bát Nhã đưa người tu từ bên mê sang bờ giác, đắc đạo thành Tiên Phật. **Nương theo thuyền huệ:** Dựa vào cái trí huệ để phân biệt thiện ác chánh tà mà giác ngộ. Giác ngộ thì hết khổ, dứt luân hồi, đắc thành Tiên Phật. Muốn có trí huệ thì phải “Tu”. **Tương giang:** Sông Tương, đây là con sông đau khổ chia cắt tình yêu, tượng trưng biển khổ. (Xem *Chú thích câu 598*). **Bờ Tương giang:** Ý nói bờ bên kia (*Bỉ ngạn*) của biển khổ, đó là bờ giác ngộ, thoát khổ, bờ của người đắc đạo.

Câu 1000: Tu hành để có được trí huệ thì đắc đạo.

1001

*Lui chân kiếm con đường nhà nội,
Lửa đốt nhen dẫn lối thăm trang.
Mắt xem cái cảnh điêu tàn,
Lòng thương dường đổ dẫy tràn khắp nơi.*

Chú thích:

Nhà nội: Nhà ở đồng nội. Nội là cánh đồng. **Lửa đốt nhen:** Nhúm lửa đốt đuốc lên hay đốt đèn lên để thấy đường đi về nhà lúc đêm tối. **Thăm trang:** Nhà đang có việc sầu thảm, ý nói nhà mới có tang. Trang là nhà có vườn cây bao quanh ở vùng quê. **Điêu tàn:** Xác xơ tàn tạ. **Dẫy tràn:** Đầy dẫy tràn trề.

Câu 1004: Lòng thương nhớ chồng nhiều lắm, dường như đổ xuống đầy tràn khắp nơi trên cảnh vật.

1005

*Tiếng dế giống như lời chia thắm,
Ngọn đèn khuya nhấp nhoáng mùi thương.
Thương vì trong kiếp đoạn trường,
Cùng căn là chết ấy đường xưa nay.*

Chú thích:

Nhấp nhoáng: Chập chờn khi mờ khi tỏ. **Mùi thương:** Mùi thương nhớ. **Kiếp đoạn trường:** Kiếp sống bạc mệnh của kẻ hồng nhan trong tình trường, phải chịu nhiều nỗi gian truân vất vả, đau đớn ê chề. **Cùng căn:** Cùng là hết, Căn là cái gốc rễ nơi kiếp trước, nó chính là cái nghiệp, định đoạt số phận trong kiếp sống hiện tại này. Cùng căn là cái số phận đến lúc chấm dứt.

Hai câu 1007-1008: Thương chồng vì người vợ ở trong kiếp sống đoạn trường. Số phận đến lúc tận cùng thì chết, con đường xưa nay đều trải qua y như thế.

1009

*Một ngày sống là bày bước chết,
Sợ chết nên không tiếc sống thừa.
Đời không mển, thế không ưa,
Lòng thương nẩy nở cho vừa tốt tươi.*

Chú thích:

Sống thừa: Chữ Hán là Dư sanh hay Hư sanh, nghĩa là sống mà không làm được điều gì hữu ích hay có ý nghĩa. Ở đây, sống thừa là đời sống lúc tuổi già, không làm được việc gì mà còn phải trông cậy vào con cháu nuôi dưỡng.

Câu 1009: Sống được một ngày là đi gần đến mức chết một ngày.

Câu 1010: Biết rằng sống thừa là vô ích cho xã hội, nhưng vì sợ chết nên không hối tiếc khi phải sống thừa.

Câu 1011: Đời không mển, đời cũng không ưa kẻ sống thừa.

Câu 1012: Nhờ tình thương nẩy nở trong gia đình mà người già sống đầy đủ tốt tươi.

1013

*Vì sợ chết mà người kiếm sống,
Trong căn oan lại mộng tâm duyên.
Già hay sợ, thế nên hiền,
Khuyên đau giải thắm cõi phiên của ai?*

Chú thích:

Căn oan: Căn là gốc rễ có từ kiếp trước, oan là mối dây oan nghiệt. Căn oan là mối dây oan nghiệt có gốc rễ từ kiếp trước, nên kiếp này phải đền trả. Duyên vợ chồng cũng do oan trái mà tìm đến nhau để trả nợ, cho nên mới nói rằng: Con là nợ, vợ là oan gia; Tu là cội phúc, tình là dây oan.

Mộng: Mơ ước. **Tâm duyên:** Tìm kiếm duyên vợ chồng.

Giải thắm cõi phiên: Cởi bỏ những nỗi phiên não buồn rầu. **Của ai?:** Của mình, của vợ nhỏ, hay của cả hai?

Câu 1013: Già thì nhát, vì thấy biết nhiều và đã trải qua nhiều nỗi nguy hiểm, nhờ vậy mà người già sống hiền từ và ôn hòa.

1017

*Một vật nhỏ cũng mài cũng gọt,
Của dầu đèn cũng mót cũng cần.
Giá kia nào kẻ nên chăng,
Tay chân chàng để cũng bằng bấu chầu.*

Chú thích:

Cung một cũng cần: Cũng lo nhặt nhạnh từng chút, ky cốp từng tý, để dành sau này có việc cần dùng.

Bốn câu 1017 đến 1020: Những dấu tích của chồng để lại, dù không có giá trị gì, nhưng người vợ rất trân trọng và xem chúng rất quý báu.

1021

*Thấy ai thâm lòng đau ái ngại,
Nghe kẻ sầu như cháy lòng thương.
Lau giọt lệ, giải tai ương,
Chia cơm nhịn muối đỡ đường khó khăn.*

Chú thích:

Như cháy lòng thương: Lòng thương đau xót như bị đốt cháy, nóng nảy muốn đi cứu giúp ngay. **Lau giọt lệ:** Ý nói dỗ dành cho bớt sầu khổ. **Giải tai ương:** Cởi bỏ những tai họa đã mắc phải. **Chia cơm nhịn muối:** Chia sớt từng miếng cơm, từng hột muối, ý nói hết lòng giúp đỡ nhau.

1025

*Thấy ai thâm lòng vàng xót xáy,
Nghe kẻ sầu như cháy tâm can.
Lau giọt thấm, giúp tai nạn,
Nâng hình quân tử với hàng lụy chung.*

Chú thích:

Lòng vàng: Tấm lòng tốt quý báu. **Xót xáy:** Đau rát trong lòng làm cho đứng ngồi không yên. **Như cháy tâm can:** Lòng dạ nóng nảy như bị đốt cháy.

Câu 1028: Nâng tấm hình của chồng đặt lên bàn thờ, hai người vợ cùng khóc.

1029

*Khi ghen ghét không cùng hiệp mặt,
Nay thấy nhau mà bắt động tình.
Hơn chi giành én giết anh,
Thước cừ khuất bóng dựa cành chung nhau.*

Chú thích:

Động tình: Khơi động tình cảm thương xót. **Giành én giết anh:** Ý nói sự tranh đua giành giật tình cảm để lấy phần hơn về mình. **Thước cừ:** Chim thước và chim cừ. Kinh Thi có câu: *Duy thước hữu sào, cừ cư chi*. Nghĩa là: Con chim thước có tổ, con chim cừ đến ở. Ý nói con chim cừ không biết làm tổ, chờ con chim thước làm tổ xong thì đến ở nhờ. Chim thước ví người vợ lớn, chim cừ ví người vợ bé. Vợ lớn xây dựng gia đình sẵn thì vợ bé vào ở. **Khuất bóng:** Mặt trời lặn, trời tối. **Dựa cành chung nhau:** Sống chung và nương tựa nhau.

1033

*Xem nét thâm, nàng đau như thiếp,
Trông tình chung mòn kiếp hồng nhan.
Phăng tâm dòm mảnh đoạn tràng,
Thì trong mấy khúc của nàng như ta.*

Chú thích:

Trông tình chung: Nhìn vào cái tình cảm chung thủy của nàng. **Mòn kiếp hồng nhan:** Ý nói: Người vợ nhỏ của chồng, nhan sắc cũng đã phai tàn. **Phăng:** Dò xét lần lần để tìm manh mối. **Phăng tâm:** Dò xét lòng dạ của nàng. **Mảnh đoạn tràng:** Tấm lòng đau đớn dữ dội như ruột bị cắt ra từng khúc, từng mảnh.

Câu 1036: Trước cảnh chồng chết, ta (*vợ chánh*) và nàng (*vợ thứ*) đều đau đớn như nhau.

1037

*Sầu đã cháy mặt hoa ủ dột,
Thảm đã tràn hình cốt héo don.
Xuân mai ba bảy đã mòn,
Cội thu thêm nảy mấy hoàn anh nhi.*

Chú thích:

Mặt hoa: Gương mặt của người phụ nữ. **Ủ dột:** Buồn bã héo úa. **Hình cốt:** Hình hài xương cốt. **Héo don:** Héo úa như mất hết sự sống. **Xuân mai ba bảy:** Cây mai mùa xuân có quả mai rụng hết 7 phần còn 3 phần. Ý nói người phụ nữ đã quá tuổi xuân rồi, nhưng chưa già lắm. Kinh Thi, bài thơ Phiếu Mai (*Mai rụng*): “*Phiếu hữu mai, kỳ thực thất hê,..., kỳ thực tam hê.*” (*Quả mai rụng, 10 phần quả còn 7, 10 phần quả còn 3.*). **Cội thu:** Chỉ người phụ nữ đã luống tuổi, đồng nghĩa với: Phòng thu, Rèm thu. **Hoàn:** Viên tròn. **Mấy hoàn anh nhi:** Mấy đứa con còn bé nhỏ. **Anh nhi:** Anh là đứa bé mới lọt lòng mẹ, nhi là đứa con. Anh nhi là đứa con nhỏ bé.

1041

*Tay bồng con, tay thì dịu trẻ,
Cảnh gia đình quanh quẽ không ai.
Hương thê để trước vị bài,
Châm để thấy rõ những ngày biệt phu.*

Chú thích:

Hương thê: Cây nhang đốt lên để van vái Trời Phật thể nguyên hai người thương yêu và sống với nhau trọn đời. **Vị bài:** Bài vị, tấm thẻ bằng giấy ghi tên họ người chết, năm sanh, chức phận và ngày chết, đặt lên bàn để thờ. **Châm**

đề: Châm đèn cho sáng để thấy rõ những chữ đề trên bài vị. **Biệt phu:** Xa cách chồng.

1045

*Cặp liên tang còn câu long ám,
Hạc qui hồi lãnh đạm trần ai.
Quả như chàng có chốn này,
Tưởng khi đổ lụy châu mày với duyên.*

Chú thích:

Cặp liên tang: Hai câu đối đặt 2 bên bàn thờ người chết. **Long:** Rồng. **Ám:** Che. **Hạc:** Chim Hạc. **Qui:** Trở lại. **Hồi:** Trở về. **Lãnh đạm:** Lạnh nhạt. **Trần ai:** Chỉ cõi trần. **Châu mày:** Nhíu cặp chun mày lại, chỉ sự đau buồn hay nghĩ ngợi. **Hồi don thừ:** Hồi dò thử cho biết.

Hai câu 1045-1046: Nhằm vào 2 câu thơ cổ, cũng là 2 câu trong Bài thài hiển lễ hàng vong thường trong tang lễ.

*Vân ám đỉnh hồ, long khứ viễn.
Nguyệt minh hoa biểu, hạc qui tri.*

Nghĩa là:

*Mây che đỉnh hồ, rồng đi xa,
Trăng soi trụ hoa, hạc trở lại muôn.*

Ý nói người chết, linh hồn cõi rồng hay cõi hạc bay lên cõi Tiên. **Đỉnh hồ:** Vua Huỳnh Đế, đúc cái đỉnh có hình cái bầu, ở núi Kinh sơn, đỉnh đúc xong thì vua cõi rồng lên cõi Tiên. Đời sau dùng chữ Đỉnh hồ để chỉ vua chết. **Hoa biểu:** Cột trụ đá trên đầu có làm hình búp sen dùng đặt quanh lăng mộ.

1049

*Hỏi đơn thử lời nguyên buổi trước,
Gãm thân nàng bạc phước như ta.
Oán hình liễu, ghét mày hoa,
Kiếp tu mỏng mảnh mới là nữ nhi.*

Chú thích:

Câu 1051: Oán ghét cái thân phận của người phụ nữ.

Câu 1052: Theo giáo lý Phật giáo, người nào có công tu thì kiếp sau đầu thai làm đàn ông con trai, còn nếu không tu hay tu ít thì kiếp sau làm đàn bà con gái.

1053

*Giọt lụy đổ không chi ngăn nổi,
Thương thân nàng chung với thân mình.
Thương chàng đầy đầy mỏng mệnh,
Khối thương khó lấy gáo tình đem đong.*

Chú thích:

Khối thương: Tình thương chồng rất nhiều, có thể tụ lại thành một khối, giống như khối tình. **Gáo tình:** Cái gáo tình cảm để múc khối nước tình cảm mà đong coi nhiều hay ít.

1057

*Đôi mặt cách mà lòng vẫn một,
Khác tông môn hài cốt hòa chung.
Thề nhau trọn kết dải đồng,
Cám ơn chàng giúp mặng nông nghia nhân.*

Chú thích:

Đôi mặt cách: Hai gương mặt khác nhau, chỉ 2 người vợ.

Khác tông môn: Khác dòng họ, không bà con thân thích.

Hài cốt: Hình hài xương cốt, ý nói thể xác con người. **Dải**

đồng: Chỉ sự thương yêu khắn khít giữa vợ chồng. (Xem lại *Chú thích câu 194*).

Câu 1059: Vợ lớn cùng vợ nhỏ thề nguyện kết dải đồng tâm, tức là thề nguyện thương yêu nhau suốt đời.

1061

*Chia gia nghiệp trong cơn khốn khó,
Hiệp đôi nhà con nhỏ làm chung.
Đây là vẹn giống trọn dòng,
Nàng sanh thiệp dưỡng cũng đồng như nhau.*

Chú thích:

Gia nghiệp: Sản nghiệp của một gia đình, tức là toàn bộ của cải, nhà cửa, ruộng vườn của gia đình.

Qua mấy câu thơ này, chúng ta thấy được tấm lòng thương yêu quảng đại và cao cả của người vợ lớn. Mọi hờn ghen không còn nữa, bây giờ chỉ có tình thương mà thôi.

1065

*Lập gia thất làm giàu con trẻ,
Định lứa đôi đủ thế cùng đời.
Nàng thì an phận an nơi,
Con thì đáng mặt đáng người với ai.*

Chú thích:

Lập gia thất: Dựng vợ gã chồng cho con cái. (Xem *Chú thích câu 350*). **Định lứa đôi:** Đồng nghĩa: Lập gia thất.

1069

*Khi thông thả đặt bài trẻ học,
Lấy gương già gợi chốc sắp con.
Nhìn non chỉ nước làm hơn,
Mượn bầu tuế nguyệt giải hờn căn sanh.*

Chú thích:

Tuế nguyệt: Năm tháng, chỉ thời gian. **Căn sanh:** Cái gốc rễ của kiếp sống. Đó là những việc làm thiện ác của kiếp trước, tạo thành cái nghiệp ảnh hưởng lên kiếp nầy, làm cho kiếp nầy hạnh phúc hay đau khổ, giàu sang hay nghèo hèn. Căn sanh là cái số phận của mỗi người.

Hai câu 1071-1072: Ngắm cảnh vật núi non sông nước là điều hay hơn hết để phôi pha lòng sầu muộn, mượn dòng thời gian để cởi bỏ sự hờn giận cái số phận không may.

1073

*Cỏ huyền cắm kênh kênh đầu tuyết,
Con gậy lê mòn khuyết nửa cây.
Mắt mờ thêm nổi lảng tai,
Thất tuần đã quá từ ngày ấu xuân.*

Chú thích:

Cỏ huyền: Chỉ người mẹ. **Cắm kênh kênh:** Cắm lên mà không vững. **Đầu tuyết:** Đầu bạc trắng như tuyết. **Lảng tai:** Lỗ tai không còn nghe rõ vì tuổi già. **Thất tuần đã quá:** Đã hơn 70 tuổi. **Ấu xuân:** Bé nhỏ non nớt.

Câu 1074: Kéo lê cây gậy đi làm nó mòn, khuyết vào hết nửa cây. Ý nói tuổi già sống dai.

1077

*Dò đơn hỏi bước rừng thiên cũ,
Rằng Phật còn ngụ ở Lôi Âm.
Tính niên rồi lại tủi thâm,
Con đường Cực Lạc biết tâm sao ra.*

Chú thích:

Dò đơn hỏi: Dò hỏi thăm chừng. **Rừng thiên:** Chữ Hán là Thiên lâm. Thiên là yên lặng suy tưởng. Thiên là pháp môn trọng yếu của Phật giáo, tu đốn ngộ, tạo thành một tông phái đặc biệt gọi là Thiên Tông. Các nhà sư tu Thiên thường đi vào rừng, tìm chỗ thanh vắng mát mẻ dựng Thiên đình, nên Rừng Thiên là chỉ cảnh chùa, nơi tu hành. **Ngụ:** Cư ngụ. **Lôi Âm:** Lôi Âm Tự, chùa Lôi Âm. Đây là ngôi chùa rất lớn ở tại kinh đô của cõi Cực Lạc Thế giới, là nơi ngụ của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A-Di-Đà. **Tính niên:** Tính năm. **Con đường Cực Lạc:** Con đường tu hành đặng đắc đạo lên cõi Cực Lạc Thế giới.

Hai câu 1079-1080: Tính tuổi rồi lại tủi thâm, vì đã già hơn 70 tuổi mà mới bắt đầu đi tìm con đường tu hành. **Tủi thâm vì nghĩ đến 2 câu thơ của Đức Phật Thích Ca:**

*Mạc đãi lão lai phương học đạo,
Cô phân tận thị thiếu niên nhưn.*

Nghĩa là:

Đừng chờ đến lúc già mới lo học Đạo,
Những năm mồ hoang thấy rõ là những kẻ trẻ tuổi.

1081

*Nhãng vơ vẩn vào ra bến khố,
Trước mặt xem những chỗ sấu than.
Đây là hình ảnh của chàng,
Đây là tiếng khóc của đàn trẻ con.*

Chú thích:

Nhãng: Những, cứ. **Vơ vẩn:** Ở trạng thái lơ lơ lửng lửng, không biết làm gì. **Bến khố:** Chỉ bể khố, cối trần.

1085

*Này là chỗ thiếp còn niên thiếu,
Này là nơi chàng níu thiếp trì.
Này là buổi hiệp hội ly,
Này là khi khóc khi thì cười mơn.*

Chú thích:

Niên thiếu: Ít tuổi, chỉ tuổi trẻ. **Níu trì:** Níu kéo và ghì lại. **Buổi hiệp hội ly:** Lúc sum họp, lúc chia ly. **Cười mơn:** Cười nịnh, cười để lấy lòng.

1089

*Này là chỗ lời hơn tiếng thiệt,
Này là nơi cách biệt sanh ly.
Này là chỗ thiếp chẳng vì,
Này nơi chàng giận ra đi bỏ nhà.*

Chú thích:

Lời hơn tiếng thiệt: Cãi cọ với nhau để giành phần thắng về mình, không ai chịu thua ai. **Cách biệt sanh ly:** Sống mà xa cách chia lìa nhau. **Thiếp chẳng vì:** Thiếp không vì nể chàng.

1093

*Này là chỗ đôi ta tái hiệp,
Này là nơi vừa kịp hòa vui.
Này là chỗ thiếp đương ngồi,
Tin nghe chàng đã qui hồi Tiên bang.*

Chú thích:

Tái hiệp: Sum họp trở lại sau những ngày chia ly. **Vừa kịp hòa vui:** Vừa kịp lúc hòa thuận vui vẻ với nhau. **Qui hồi:** Qui là trở về, hồi là trở về. **Qui hồi là trở về.** **Tiên bang:** Cõi Tiên. Bang là một nước, một cõi.

Câu 1096: Nghe tin chàng đã trở về cõi Tiên. Trở về cõi Tiên tức là chết, linh hồn xuất ra khỏi thể xác, bay trở về cõi Tiên.

1097

*Các chỗ ấy dẫy tràn thảm tín,
Càng ở gần khó nhìn sấu than.
Cam tâm nín nấp gia đàn,
Vì con chưa giữ vững vàng qui mô.*

Chú thích:

Thảm tín: Tin buồn. Tín là tin tức, thảm là buồn. **Khó nhìn sấu than:** Khó bớt buồn rầu. Nhìn là bớt lại. **Cam tâm:** Đành lòng, cam lòng chịu vậy. **Nín nấp:** Nén lòng chờ đợi. **Gia đàn:** Gia đình nhà cửa. **Qui mô:** Phép tắc và khuôn mẫu phải theo. Qui là cây thước tròn của thợ mộc. Mô là cái khuôn.

1101

*Nay tuyết đóng song hồ động lãnh,
Đánh cửa không gõ mảnh tâm hồn.
Tiếng chuông thức giấc huỳnh lương,
Toan nương thuyền huệ vào đường vĩnh sanh.*

Chú thích:

Song hồ: Cái cửa sổ phật bằng giấy hồ. Song là cửa sổ.
Động lãnh: Động là hang núi, lãnh là cái núi. **Cửa không:** Cửa chùa. (Xem *Chú thích câu 978*). **Giác huỳnh lương:** Ý nói xem công danh phú quý của cuộc đời như là một giấc mộng. (Xem *Điển tích câu 949*). **Thuyền huệ:** Thuyền Bát Nhã. (Xem *Chú thích câu 1000*). **Đường Vĩnh sanh:** Con đường hằng sống, tức là đắc đạo, sống hạnh phúc mãi nơi cõi Tiên. Vĩnh sanh là hằng sống.

Câu 1101: Nay thì tới mùa đông, trời rất lạnh nên có tuyết đóng ở cửa sổ, và trên núi. Gợi ý muốn nói rằng lòng lạnh lẽo, không còn muốn đua chen danh lợi.

Câu 1102: Đành vào chùa tu hành.

Câu 1103: Tiếng chuông chùa làm thức tỉnh giấc mộng huỳnh lương.

1105

*Bước cảnh tịnh đã đành để cảnh,
Tóc qui y nửa trắng nửa vàng.
Phấn hoa xa mã rộn ràng,
Vinh vinh nhục nhục đầy tràn kiếp căn.*

Chú thích:

Cảnh tịnh: Cảnh chùa, ngôi chùa. Tịnh là trong sạch, nơi tu hành thì phải thanh tịnh, trong sạch. **Qui y:** Qui là trở về, y là nương theo, dựa vào. Nói đầy đủ là Qui y Tam bảo:

Qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng. Qui y Tam bảo là trở về nương theo Phật, Pháp, Tăng. **Tóc qui y:** Người lập nguyện qui y vào cửa Phật thì phải thí phát, tức là cạo tóc cho thành đầu trọc. Tóc qui y là tóc cạo ra trong buổi lễ qui y. **Phấn hoa:** Nơi dân cư đông đảo đua chen danh lợi. **Xa mã rộn ràng:** Xe ngựa nhộn nhịp. **Kiếp căn:** Đồng nghĩa với Căn sinh (trong *câu 1072*).

Câu 1105: Đành bước vào chùa xin qui y tu hành.

1109

*Ngắm thể cuộc chẳng bằng một giấc,
Kiếp phù sinh dựng thất là bao.
Nhãng là đeo thâm chác sấu,
Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.*

Chú thích:

Nhãng là: Chỉ là. **Đeo thâm chác sấu:** Đeo mang phiến não, chuốc lấy buồn rầu.

Hai câu 1109-1110: Ý nghĩa giống với 2 câu 949-950:

*Đời vẫn ngủn huỳnh lương in giấc,
Kiếp phù sinh dựng thất nơi thân.*

Câu 1112: Từ lúc trẻ tuổi cho tới lúc tuổi già đầu bạc, việc đời cũng in hết nhau, nghĩa là chỉ biết chạy theo danh lợi rồi phải mang lấy phiền não.

1113

*Nào là phép giết giành quyền lợi,
Nào là phương chuộng quới cầu vinh.
Thử đem sánh khổ kiếp sanh,
Chưa ai thấy đặng phước giành nhiều hơn.*

Chú thích:

Phép: Cách thức. **Phương:** Phương cách. **Chuộng quí:** Ưa thích giàu sang. Quí là nói trại chữ Quý, là giàu sang.

Hai câu 1115-1116: Trong kiếp sống của mỗi người, thử đem so sánh cái đau khổ và cái hạnh phúc, chưa ai thấy cái hạnh phúc chiếm phần nhiều hơn. (Cho nên, Đức Phật mới nói rằng: Đời là biển khổ.)

1117

*Nào vui gương do cơn khóc lã,
Nào là khi chịu tờ làm thấy.
Quyền là chi? Lợi là chi?
Dứt hơi ba tấc có gọi hay.*

Chú thích:

Chịu tờ làm thấy: Chịu nhẹn nhục vì gặp kẻ không ra gì mà lên mặt làm thầy dạy đời. **Dứt hơi ba tấc:** Hết thở, chết. Ba tấc hơi không có nghĩa là cái hơi thở dài 3 tấc, mà đây chỉ là một cách nói, giống như nói: Tắc lòng.

1121

*Nào là lúc ăn cay ướng đắng,
Nào là khen rồi mắng bao phen.
Tuồng đời trọng trọng hèn hèn,
Chẳng qua bướm tối mền đèn xôn xao.*

Chú thích:

Ăn cay ướng đắng: Chỉ sự khổ cực đau đớn.

Câu 1124: Bướm cũng như các con thiêu thân khác, chỉ những kẻ tầm thường; ánh đèn chỉ cuộc danh lợi. Người đời thấy chỗ nào có danh lợi thì rộn rịp nhào vô, giống như

con bướm kia thấy ánh đèn thì bu lại để rồi bị sức nóng của đèn đốt chết.

1125

*Nào chữa để biết bao khổ nhọc,
Nào hơn thua theo học sách đời.
Tang thương lúc biến khi dời,
Trăm năm e cũng một đời thế thôi.*

Chú thích:

Chữa để: Người phụ nữ có chồng thì có chữa và đẻ ra đứa con. Đó là nhiệm vụ cao quý mà Trời giao phó cho phụ nữ để di truyền nòi giống loài người. **Sách đời:** Cuộc đời ví như một cuốn sách, có đủ các bài học, đủ các môn học thiện ác, chánh tà, từ thấp lên cao. **Tang thương:** Do thành ngữ “Tang điền thương hải”: Ruộng dâu biến thành biển xanh. Theo Thần Tiên Truyện, Tiên Nữ Ma Cô nói với Vương phương Bình rằng: Từ khi tôi hầu tiếp ông đến nay, đã từng thấy biển xanh 3 lần biến thành ruộng dâu. Do đó, các thành ngữ: Tang thương, Tang hải, Bể dâu,... là để chỉ sự biến đổi luôn luôn xảy ra trong cuộc đời.

1129

*Nào tranh đấu thắng rồi lại thất,
Của phù du chứa chất gọi giàu.
Thân còn đã quý là bao,
Dứt hơi của cái thế nào không hay.*

Chú thích:

Phù du: Phù là nổi, du là lông bông trên mặt nước. Con phù du là loại côn trùng nhỏ, bay từng đàn trên mặt nước, tối lại khi thấy ánh đèn thì bay tới bu quanh ngọn đèn rồi chết. Kiếp phù du là kiếp sống ngắn ngủi của con phù du,

sáng sanh ra chiếu thì chết. **Của phò du:** Của cải không bền, thấy có đó rồi mất đó.

Hai câu 1131-1132: Tắm thân của con người, mình phải xem là quý trọng biết bao, vì có thân mới tạo ra của cải. Khi thân chết rồi thì của cải đâu có đem theo được, lại lọt vào tay kẻ khác mà mình đâu còn hay biết.

1133

*Thiệt thì bỏ, giả vay nên nợ,
Mãn căn sanh chưa mở dây oan.
Kìa là vua, nợ là quan,
Cũng như bọn hát hý tràng bán vui.*

Chú thích:

Căn sanh: Cái số phận của kiếp sông con người. (Xem *Chú thích câu 1072*). **Mãn căn sanh:** Hết một kiếp sống. **Dây oan:** Sợi dây oan nghiệt. Mình làm người ta thù giận mình thì sự thù giận ấy tạo thành sợi dây oan nghiệt ràng buộc mình, kiếp này phải đền trả theo đúng luật nhân quả. Khi trả xong thì sợi dây oan nghiệt này mới tiêu mất. **Hý tràng:** Hý trường, rạp hát. **Bán vui:** Bọn đào kép thì bán vui, người đi coi hát thì mua vui.

Câu 1133: Người đời thường vô minh, nên cái thiệt thì bỏ đi, lại ham thích cái giả, tìm kiếm cái giả để mà vay mượn nên phải mắc nợ. Vì mắc nợ nên con người cứ mãi trầm luân trong cõi trần để vay vay trả trả, hết kiếp này sang kiếp khác.

Vậy cái nào là Thiệt? Cái nào là Giả?

Đức Chí Tôn có dạy rằng: “Việc chi do người đều phạm cả, nó không bền, thường thường bị hư hỏng và tiêu tan ngay sau khi người đã được nó tặng bị cướp mất sự sống. Các con nên tìm phẩm tước nơi cõi thiêng liêng, tước phẩm ấy mới là vĩnh

viễn. ... Các con nên tìm sự giàu có trong đức tính của Trời. Chỉ có cách đó mới là vĩnh cửu. Của quý ấy không ai ăn cướp được cả. ... Danh quyền nơi Trời là bền nhứt, và danh quyền ấy mới chịu đựng nổi bao thử thách. Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung bạch: *Mấy con phải làm sao mà tìm được phẩm tước, của cải, danh vọng nơi Trời? Thấy trả lời: Tu.*” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, trang 136)

Như vậy, tất cả danh vọng, của cải nơi cõi thế gian này đều là giả tạm, chúng ta chỉ mượn nó để học hỏi và làm nấc thang để tiến hóa. Chỉ có của cải và danh vọng nơi Trời mới thiệt, vì nó tồn tại vĩnh viễn với thời gian.

1137

*Sống thấy chết, miệng cười mắt khóc,
Nịnh lừa trung, lưỡi thọc tay đâm.
Cũng như ác thú nhốt hầm,
Ăn nhau cho đã nào cần mệnh nhau.*

Chú thích:

Lưỡi thọc tay đâm: Miệng thì nói lời đâm thọc gây ác cảm chia rẽ, tay thì toan cầm gươm đâm chém.

Câu 1137: Người này sống thấy người khác chết thì cười, trong lúc thân nhân của người chết thì khóc.

Hai câu 1139-1140: Cũng như đám thú dữ bị nhốt chung trong một cái hầm, chúng không biết thương nhau, mà lại ăn thịt nhau cho thỏa sự thèm khát, nào cần biết mạng sống của nhau.

1141

Muốn lấy đao làm đao hại thế,
Toan dùng văn gọi kẻ sanh nhai.
Đường hung ác, nẻo chông gai,
Lấn chen vào chốn nghiệt đài gọi ngoan.

Chú thích:

Đao: Tôn giáo. **Đao:** Cây gươm. **Hại thế:** Hại đời. **Nghiệt đài:** Nghiệt là cái mầm ác, nghiệp ác; đài là nơi cất cao. Nghiệt đài tức là Nghiệt Cảnh Đài. Nơi đây có một tấm kiếng huyền diệu dành cho những người tội lỗi, nhìn vào thấy diễn ra trở lại hành vi tội lỗi của mình. Người thiện không bao giờ được đến Nghiệt Đài. “Đài Nghiệt Cảnh là nơi rọi sáng các việc lỗi lầm, bước luân hồi sẽ dẫn vào nơi u khổ cùng sâu mà dày đọa đời đời kiếp kiếp. Ấy là buổi chung qui của khách trần đó.” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, trang 90)

Hai câu 1141-1142: Muốn dùng tôn giáo làm món khí giới sắc bén để hãm hại người đời, lại tính dùng văn chương để mê hoặc người đời, gọi đó là phương cách để sanh sống.

Hai câu 1143-1144: Đi vào con đường hung ác, hay đi vào những nẻo chông gai khó khăn nguy hiểm, chẳng khác chi chen lấn vào chốn Nghiệt Cảnh Đài, gây ra lăm oan nghiệt tội tình, thế mà gọi là ngoan!

1145

Mạnh hiệp yếu lấy gan hung bạo,
Dữ lấn hiền gươm giáo là hơn.
Nhặng lo chác oán mua hờn,
Hại nhau chẳng biết nghĩa nhưn thế nào.

Chú thích:

Gan hung bạo: Lòng hung dữ bạo ngược. **Gươm giáo là hơn:** Chỉ biết dùng võ lực hay gươm giáo là hơn hết.

1149

Thấy cảnh thế mà đau với thế,
Biết thương đời mấy kẻ vì đời.
Ngán thay cái kiếp con người,
Thôi đành bến Phạm kiếm lời Phật răn.

Chú thích:

Bến Phạm: Ý nói cửa chùa, nơi tu hành. Phạm là Phật.

1153

Thay đao phục bước xãng lánh thế,
Mời thì kinh, tối kệ giải lòng.
Từ bi hứng giọt nhánh dương,
Lau thanh trái chủ, lấp đường nghiệt căn.

Chú thích:

Đạo phục: Quần áo của tu sĩ mặc trong tôn giáo. **Bước xãng:** Bước nhanh đi. **Lánh thế:** Xa lánh cõi đời. **Giọt nhánh dương:** Nước Cam lồ do Đức Quan Âm Bồ Tát luyện thành, dùng cảnh dương liễu rải nước Cam lồ. Nước Cam lồ có tác dụng rất huyền diệu, tiêu trừ các ô trược, các oan nghiệt tội chướng nơi cõi trần, và cải tử hườn sanh. **Lau thanh:** Lau sạch. **Trái chủ:** Người chủ nợ. **Nghiệt căn:** Cái gốc rễ của nghiệp ác, tức là những việc làm ác độc trong kiếp trước, khiến kiếp này phải chịu nhiều nỗi đau đớn khổ sở. Nghiệt là cái nghiệp ác; căn là cái gốc rễ từ kiếp trước.

Hai câu 1153-1154: Mau bước lánh đời, qui y vào đạo, mặc áo đạo tu hành, sáng chiếu tụng niệm kinh kệ, cởi bỏ lòng trần tục.

1157

*Đoạn tình ái đem quăng bể khổ,
Bút hồng duyên tính bỏ non thê.
Nấy bờ tục, nợ bến mê,
Từ đây không trở lộn về thấy người.*

Chú thích:

Đoạn: Cắt đứt. **Quăng:** Ném đi. **Bút:** Giật cho đứt. **Hồng duyên:** Tơ duyên, mối dây ràng buộc vợ chồng. Hồng là chỉ sợi tơ đỏ, tơ hồng. **Non thê:** Cái núi mà 2 người lúc mới yêu nhau chỉ nó mà thể nguyên với nhau. **Bờ tục & Bến mê:** Đồng nghĩa với Bến mê, chỉ cõi trần. Bờ tục tức là cõi tục, cõi trần; Bến mê chữ Hán là Mê tân, chỉ cõi trần, vì con người sống trong cõi trần đều mê muội. Trái với Mê là Giác. Còn Mê thì còn là chúng sanh, Giác thì thành Phật. **Người:** thế cho chữ Bờ tục hay Bến mê.

Hai câu 1157-1158: Quyết tâm cắt đứt tình yêu vợ chồng hay tình yêu nam nữ để đi tu.

Câu 1160: Quyết tâm đi tu, như định không thối bước

1161

*Vì thấy đó phải cười lộn khóc,
Sách của người chẳng học mà say.
Của người của đọa của đây,
Ghét người ta dứt từ ngày buổi ni.*

Chú thích:

Sách của người: Sách của cõi trần. **Buổi ni:** Buổi này.

Câu 1162: Nói ví theo nghĩa đen của từ ngữ Mê. Mê thì đi liền với chữ Say: Mê say, Say mê. Sách của Bờ tục Bến mê không học mà cũng say.

Câu 1163: Cõi trần là cõi đọa cõi đây. “Trần là cõi khổ để

đọa bậc Thánh Tiên có lắm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả phải mất cả chơn linh, là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là Khách trần.”
(*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, trang 3*)

1165

*Lần chuỗi hạt từ bi cứu khổ,
Nương gió thanh trăng tỏ là nhà.
Nước non để bước ta-bà,
Sớ xiêm đem nhuộm màu dà gọi duyên.*

Chú thích:

Gió thanh trăng tỏ: Chữ Hán là “Thanh phong minh nguyệt”: Gió mát trăng sáng, chỉ cảnh thanh tịnh nên thơ. **Ta-bà:** Chữ Phạn là Saha, phiên âm là Ta-bà hay Sa-bà, nghĩa là nhẩn nhục. Cõi Ta-bà là cõi mà người tu phải chịu đựng sự nhẩn nhục vì cõi này có nhiều ác độc và ô trược. Cõi Ta-bà chính là cõi trần này. **Để bước Ta-bà:** Bước đi khắp nơi trên cõi trần. **Sớ xiêm:** Quần áo bằng vải thô. Sớ là vải thô, xiêm là xiêm y, quần áo. **Màu dà:** Màu nâu. **Gọi duyên:** Gọi là có duyên tu hành.

Câu 1165: Lần chuỗi hạt bồ đề, niệm câu từ bi của Phật, tụng kinh Cửu Khổ cầu cho chúng sanh bớt khổ.

1169

*Trương thẳng cánh con thuyền Bát Nhã,
Cối đau thương giải quả trừ khiên.
Lấy thân rửa thảm lau phiền,
Đem công chuộc khách thuyền quyền lụy tình.*

Chú thích:

Trương thẳng cánh: Giương thẳng cánh bướm. **Thuyền Bát Nhã:** Thuyền Trí huệ. (Xem Chú thích câu 1000). **Cối**

đau thương: Cởi bỏ hết các nỗi đau thương. **Giải quả:** Cởi bỏ hết các kết quả xấu do các ác hành đã gây ra trong kiếp trước. Đó là Nghiệp quả xấu cần phải cởi bỏ ra. **Trừ khiên:** Trừ diệt các tội lỗi trong kiếp trước gây ra. **Lấy thân:** Dùng cái tấm thân tu hành này. **Đem công:** Lấy cái công quả lập được do tu hành. **Thuyền duyên:** Người phụ nữ xinh đẹp. **Lụy tình:** Khốn khổ vì tình yêu.

1173

*Túi gió trắng thình thình rộng mở,
Vui hạc cầm hay dở thú riêng.
Khi động Thánh, lúc non Tiên,
Sớm thì Hải đảo, tối miền Thiên Thai.*

Chú thích:

Túi gió trắng: Bầu trời có gió mát trắng thanh, chỉ cảnh thanh nhàn thơ thời. La Hồng Tiên viết: “*Thanh phong minh nguyệt nhất thi nang.*” nghĩa là: Gió mát trắng trong, thơ một túi. **Thình thình:** Rộng lớn thênh thang. **Hạc cầm:** Con hạc và cây đàn, chỉ cảnh nhàn hạ thanh bạch. **Điểm tích:** Ông Triệu thanh Hiến đời Tống, được vua bổ nhậm làm quan, khi đi phó nhậm, ông chỉ đem theo một con hạc và một cây đàn, không có vợ con hay đầy tớ chi cả. Ông nổi tiếng là vị quan thanh liêm và nhân hậu. **Vui hạc cầm:** Ý nói sống vui vẻ tự nhiên, không bận tâm đến việc đời. **Thú riêng:** Thú vui riêng của mỗi người. **Động Thánh:** Cái động đá làm nơi ở của các vị Thánh. **Non Tiên:** Cái núi dùng làm nơi ở của các vị Tiên. **Hải đảo:** Cái đảo ngoài biển, nơi ở của các vị Tán Tiên. **Thiên Thai:** Tên một hòn núi ở tỉnh Triết giang bên Tàu, chỉ cảnh Tiên. Tương truyền, Lưu Thân và Nguyễn Triệu đi hái thuốc, lạc vào núi này, gặp hai Tiên Nữ, rồi cùng hai nàng kết duyên thành vợ chồng. Lưu Thân

và Nguyễn Triệu vì lòng trần chưa dứt nên sau khi ở cảnh Tiên được nửa năm thì lòng chợt nhớ quê nhà, hai người đòi về thăm. Khi trở lại quê hương thì phong cảnh hoàn toàn đổi khác, hỏi ra mới biết đã đến đời cháu thứ sáu rồi. Không còn ai quen thuộc, lòng buồn bã hối hận, hai chàng trở lại núi Thiên Thai nhưng không tìm được đường lên cõi Tiên nữa. (*Chuyện này giống như chuyện Từ Thức ở nước ta.*)

Hai câu 1175-1176: Đi chơi vui thú nơi này nơi khác, thật thành thời nhàn hạ.

1177

*Đạp giày cỏ nương cây gậy bá,
Mặc áo tơ nón lá che thân.
Trừ trần cấu, xử phát trần,
Quen bờ biển trí, dựa gấn non nhân.*

Chú thích:

Giày cỏ: Chũ Hán là Thảo hài. Thảo là cỏ, hài là giày. Đây là giày của các đạo sĩ thời xưa làm bằng loại cỏ mềm kết lại. Giày cỏ có hình dáng thô kệch, nhưng không tốn tiền mua, đi cũng được êm chân. Đây là giày của người tu. **Gậy bá:** Cây gậy làm bằng cây trúc. **Áo tơ:** Áo đi mưa làm bằng lá cọ, không có tay áo. **Trần cấu:** Trần là bụi, cấu là cấu ghét dơ bẩn. Trần cấu là chỉ những xấu xa dơ bẩn nơi cõi trần. **Xử:** Rửa xuống. **Phất trần:** Phất là quét, trần là bụi. Phất trần là cây chổi Tiên để quét các thứ bụi dơ dáy của cõi trần bám vào Chơn thân, làm cho Chơn thân được trong sạch nhẹ nhàng, có thể bay lên cõi Tiên. Phất trần còn được gọi là Phất chủ, là bữa bổi đặc biệt của các vị Tiên, nên Phất trần được dùng làm Cổ pháp tượng trưng Đạo Tiên (*Tiên giáo*). **Biển trí:** Trí là sự sáng suốt hiểu biết. Biển trí là sự hiểu biết rộng như biển, đó là Trí huệ. Người có trí huệ thì hết mê

lâm, tức là giác ngộ, mà giác ngộ thì đắc thành Tiên, Phật. Ở đây, biến trí chỉ cội Tiên hay cội Phật. **Quen bờ biển trí:** Thường đi đến cội Tiên. **Non nhân:** Nhân là lòng thương người mền vật, thương khắp chúng sanh. Non nhân là lòng thương người lớn như núi. Đó chính là lòng từ bi bác ái của Phật. Ở đây, non nhân là chỉ cội Phật.

Câu 1179: Dùng cây Phật trần để quét sạch các thứ dơ bẩn của cội trần đã bám vào Chơn thân.

1181

*Đến phồn hoa thân gần tục lự,
Chơi lầu hồng hời thử trái căn.
Chuôi bồ trừ nghiệt gió trắng,
Linh đơn cứu kẻ khổ phần liễu hoa.*

Chú thích:

Phồn hoa: Nơi đông đúc dân cư đua chen danh lợi. **Tục lự:** Tục là tâm thường thấp kém, chỉ cội trần; lự là suy nghĩ lo lắng. Tục lự là những lo lắng phiền não của con người nơi cội trần. **Lầu hồng:** Chữ Hán là Hồng lâu, chỉ nhà ở của con gái đẹp và giàu sang. **Thơ của Lý Bạch:** “*Mỹ nhân nhất tiểu khiên châu bạc, Giao chỉ hồng lâu thị thiếu gia.*” nghĩa là: Người đẹp liền cười, kéo rèm châu nhìn ra. Tay chỉ lầu hồng đó là nhà em. **Trái căn:** Trái là món nợ, căn là gốc rễ từ kiếp trước. Trái căn là món nợ đã gây ra từ kiếp trước. **Chuôi bồ:** Xâu chuỗi bồ đề, làm bằng những hạt của cây bồ đề. **Nghiệt:** Cái mầm ác, cái nghiệp ác. **Gió trắng:** Chữ Hán là Phong nguyệt, chỉ sự lả lơ chung chạ không đứng đắn giữa nam và nữ. **Linh đơn:** Thuốc Tiên. Linh là thiêng liêng, đơn là thuốc. **Liễu hoa:** hay Hoa liễu, là những chứng bệnh nơi bộ sinh dục và lây lan do giao hợp, như bệnh lậu,

bệnh giang mai, v.v... **Kẻ khổ phần liễu hoa:** Những người bị đau khổ vì chứng bệnh do sắc dục bừa bãi và quá độ gây ra.

Câu 1181: Đi đến chốn phồn hoa là đem thân vào nơi phiền não.

Hai câu 1183-1184: Việc tu hành trừ bỏ được các oan nghiệt gây ra do sự quan hệ không đứng đắn giữa nam nữ, và như liễu thuốc Tiên để cứu vớt những kẻ đau khổ vì sắc dục bừa bãi quá độ.

1185

*Gót nhân ái đến nhà kẻ bệnh,
Giọng từ bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trời căm,
Lấy hơi hòa nhã dẹp lằn bỉ thô.*

Chú thích:

Gót nhân ái: Bước chân của người có lòng nhân ái, luôn luôn muốn cứu giúp chúng sanh. **Giọng từ bi:** Lời nói từ từ bi. **Náo loạn:** Ý nói lúc căng thẳng thường diễn đảo, đạo đức suy đồi, mạnh ai nấy tranh đua giết giành danh lợi. **Trời căm:** Trời lên tiếng đàn. **Bỉ thô:** Thô bỉ, xấu xa đáng khinh rẻ.

Hai câu 1187-1188: Giữa cuộc đời đang lúc náo loạn, người tu cần phải nói lên lời đạo đức giống như trời lên khúc nhạc hòa nhã để thức tỉnh người đời, dẹp lằn điều xấu xa bỉ ổi.

1189

*Giúp những kẻ ôm mô thù hiếu,
Dỗ những trang bận bịu khởi tình.
Dọn đường phước giúp mây xanh,
Đưa con thuyền hạc đến gánh thiên lương.*

Chú thích:

Ôm mô thù hiếu: Đây là nói về Vương Bâu, mỗi khi nghe

sấm nổ thì chạy ra ôm mổ của mẹ mà vái rằng: “*Có con ở đây, mẹ đừng sợ.*” Vì lúc mẹ còn sống, bà rất sợ tiếng sấm. Đây là một gương hiếu thảo trong Nhị thập tứ Hiếu. **Khối tình:** Ý nói tình yêu dữ dội giữa trai và gái. **Đường phước:** Con đường tạo ra phước đức, đó là con đường tu hành. **Mây xanh:** Chỉ người phụ nữ trẻ tuổi. **Thuyền hạc:** Thuyền được ví duyên phận của người con gái (*Thuyền với 12 bến nước*); Hạc được ví với vóc dáng của con gái (*Mình hạc xương mai*). Thuyền hạc là chỉ người phụ nữ. **Gành:** Ghềnh, ở đây có ý chỉ nơi chốn. **Thiên lương:** Cái tốt đẹp mà Trời ban cho người để khuyên nhủ con người làm điều hay sự phải. **Đến gành thiên lương:** Đến nơi mà Thiên lương tỏ rạng, hết vô minh, ý nói đến bờ giác ngộ.

1193

*Tươi hoa chạ bên đường vô chủ,
Đầy giậu thưa cúc xù mai xào.
Bó lòng thăm, dệt tâm đau,
Nâu sồng cấy phép đổi màu anh hoa.*

Chú thích:

Hoa chạ: Bông của cây mọc hoang, chỉ những người con gái làng chơi, vô giá trị. **Vô chủ:** Không có ai làm chủ. **Giậu thưa:** Hàng rào thưa thớt. **Cúc xù mai xào:** Hoa cúc hoa mai héo xào, chỉ những phụ nữ đang gặp hoạn nạn sâu thẳm. **Dệt:** là kết lại. **Nâu sồng:** Màu nâu và màu sồng, là màu quần áo của tăng ni nhà Phật, chỉ việc tu hành. **Nâu sồng cấy phép:** Dựa vào việc tu hành. **Anh hoa:** Cái bông đẹp dễ nhứt, chỉ người phụ nữ đẹp.

Hai câu 1193-1194: Mở lòng nhân ái cứu giúp những người con gái làng chơi bạc phận, và những phụ nữ hoạn nạn thẳm sâu.

Câu 1195: Buộc chặt lòng sâu thẳm và lòng đau khổ, ý nói đè nén lòng sâu thẳm đau khổ.

Câu 1196: Người phụ nữ trút bỏ lớp quần áo đẹp, để mặc nâu sồng lo việc tu hành.

1197

*Câu tư dục biến ra bác ái,
Nghiep oan khiên đổi lại hồng ân.
Khi kinh Thánh, lúc kệ Thần,
Đoạn trường diệt dứt nợ nần nữ lưu.*

Chú thích:

Tư dục: Lòng tham lam ích kỷ. **Nghiep oan khiên:** Sự hờn giận và tội lỗi do mình gây ra tạo thành cái nghiệp xấu ảnh hưởng lên đời mình, làm cho mình phải chịu nhiều đau đớn sâu khổ. **Hồng ân:** Ôn huệ to lớn do Trời ban cho. Theo Giáo lý của Đạo Cao Đài, sau khi nhập môn cầu đạo, người tín đồ được hưởng Phép Giải Oan, cởi bỏ hết các oan khiên nghiệp chướng, lại hưởng được hồng ân của Đức Chí Tôn, mà đốc chí tu hành.

Câu 1200: Tiêu diệt hết sạch những nỗi đau khổ trong tình trường và những oan trái của người phụ nữ.

1201

*Lầu xanh giặm màu tu trở về,
Cửa không môn mở hé chơn hồng.
Thu phòng học chức thu không,
Đốt hương cho ấm cho nồng phòng tiêu.*

Chú thích:

Lầu xanh: Thanh lâu, ở đây không có nghĩa là nhà chứa gái điếm, mà chỉ nhà giàu có sang trọng. **Điểm tích:** Tấn

Thư có câu: “*Nam khai chu môn, bắc vọng thanh lâu.*” nghĩa là: Phía Nam mở cửa đỏ, phía bắc trông lầu xanh. **Giẫm:** Điểm thêm vào. **Màu tu trở về:** Thay đổi màu sắc để có cái vẻ là nơi tu hành. **Chơn hồng:** Gót son, chỉ người phụ nữ đẹp. **Thu phòng:** Chỉ người phụ nữ luống tuổi. **Thu không:** Chiêu tối. (Xem câu 966). **Phòng tiêu:** Phòng của người vợ.

Câu 1201: Người phụ nữ ở trong cái nhà sang trọng kia nay biết lo tu hành thì cái vẻ ngoài của nó đổi khác trước.

Hai câu 1203-1204: Người phụ nữ lo tu hành rồi nên chiêu tối là đốt hương niệm Phật.

1205

*Đưa tuổi hạc quen chiều non nước,
Mượn bút nghiên làm chúc chề đời.
Nâng bầu nhứt nguyệt lưng vơi,
Dành gương liệt nữ để lời trinh phu.*

Chú thích:

Liệt nữ: Người phụ nữ tiết nghĩa, có khí phách anh hùng.
Trinh phu: Người đàn ông chính đính, giữ trọn thủy chung. Trinh phu ở đây đồng nghĩa với Trinh nhân.

Câu 1205: Đưa tuổi già quen sống với cảnh vật thiên nhiên.

Câu 1206: Dùng lời văn để chề cõi đời là phù du mộng ảo.

Câu 1207: Ý nói ngày tháng dần dần trôi qua.

Câu 1208: Gìn giữ để làm người liệt nữ nêu gương tốt và để lời nói cùng các trinh phu.

1209

*Năm huệ kiếm định thâu trái chủ,
Mặc đạo y sạch giữ phồn hoa.
Nơi bến khổ để bước già,
Xuân xanh noi dấu xây tòa anh phong.*

Chú thích:

Huệ kiếm: Gươm trí huệ. **Kinh Duy Ma Cật:** “*Dĩ trí huệ kiếm phá phiền não tặc.*” nghĩa là: Lấy kiếm trí huệ phá tan giặc phiền não. Ý nói: dùng cái trí huệ của mình có được do tu hành làm thành cây kiếm để trừ diệt lục dục và tam độc Tham Sân Si, vì chúng là giặc gây ra phiền não, cũng như chặt đứt các mối dây oan nghiệt trói buộc mình vào Luân hồi. **Trái chủ:** Người chủ nợ. Nợ đây là nợ oan nghiệt. **Đạo y:** Đạo phục, quần áo của người tu. **Sạch giữ:** Giữ cho rơi sạch hết các bụi bặm. **Phồn hoa:** Chỉ danh lợi. **Bến khổ:** Chỉ biển khổ, tức là cõi trần. **Xuân xanh:** Người trẻ tuổi. **Tòa anh phong:** Tòa nhà truyền thống tốt đẹp. Anh là đẹp nhứt, phong là phong tục.

1213

*Cột thân ái cậy lòng đạo đức,
Gây từ tâm gắng sức ôn nhu.
Nung trang trí thúc nữ lưu,
Biết thân giữ mặt hảo cừu giai nhân.*

Chú thích:

Cột thân ái: Gây tình thương yêu giữa mọi người. **Từ tâm:** Lòng lành. **Ôn nhu:** Ôn hòa mềm mỏng. **Nung:** Nung đúc, xây dựng và thúc đẩy. **Hảo cừu:** Đẹp đôi. Hảo là tốt đẹp, cừu là kết đôi. **Giai nhân:** Người con gái đẹp. Kinh Thi:

Yếu diệu thực nữ, Quân tử hảo cừu. (Người con gái yếu diệu nét na, đẹp đôi cùng người quân tử.)

Câu 1216: Người con gái phải biết thân phận của mình, giữ gìn cho xứng đáng là một giai nhân, để được sánh duyên cùng người quân tử.

1217

*Giỏi trí thức tinh thần đẹp đẽ,
Trau tài ba vẹn vẻ anh thư.
Vinh thì chuộng, nhục thì từ,
Cân cao tính thấp đặng trừ thiệt hơn.*

Chú thích:

Giỏi trí thức: Trau giỏi sự hiểu biết cho sâu rộng. **Tinh thần:** Phần vô hình tốt đẹp nhất của con người để điều khiển các hoạt động của thể xác. Nếu phân tích theo Giáo lý của Đạo Cao Đài thì tinh thần gồm: Chơn thần và Chơn linh. Chơn linh điều khiển Chơn thần, Chơn thần điều khiển thể xác. **Tài ba:** Ba là cái hoa. Tài ba tức là Tài hoa, là tài giỏi về nghệ thuật và văn chương. **Vẹn vẻ:** Vẻ đẹp trọn vẹn. **Anh thư:** Anh là tài giỏi xuất chúng, thư là con gái. Anh thư là người phụ nữ tài giỏi xuất chúng. **Vinh thì chuộng:** Cái nào là vinh hiển thì mến thích. **Nhục thì từ:** Cái nào nhục nhã thì từ bỏ.

Câu 1220: Cân đo tính toán cao thấp, hơn thiệt kỹ lưỡng để có hành động đúng đắn thích hợp.

1221

*Nước Ma-Ha rửa hờn nhi nữ,
Chuỗi bồ đề gìn giữ hồng nhan.
Cây trăm thuốc đối hương tàn,
Treo y bá nạp làm màn phòng the.*

Chú thích:

Nước Ma Ha: Chữ Hán là Ma Ha thủy, nghĩa đen là nước sông Ma Ha tức là nước của sông Gange (*sông Hằng*) linh thiêng bên Ấn Độ. Ở đây Nước Ma Ha là nước Thánh dùng trong Phép Tắm Thánh và Phép Giải Oan. Khi Luyện Ma Ha thủy, vị Chức sắc hành pháp niệm câu Chú: “*Ma Ha thủy năng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa.*” Nghĩa là: Nước Ma Ha có khả năng tiêu hủy sự đọa đày do các oan nghiệt và các tội chướng. **Rửa hờn:** Rửa sạch sự hờn giận. **Nhi nữ:** Đàn bà con gái. **Chuỗi bồ đề:** Xâu chuỗi làm bằng các hạt bồ đề, các tầng ni thường vừa lần từ hạt chuỗi vừa niệm Phật. **Hồng nhan:** Má đỏ, chỉ người phụ nữ đẹp. **Cây trăm thuốc:** Cây bồ đề, chỉ sự tu hành. Kinh Phật có câu: “*Bồ đề bách xích thụ, Liên tọa tứ thời hoa.*” Nghĩa là: Bồ đề là cây trăm thuốc, Tòa sen là hoa 4 mùa. Theo lịch sử Phật giáo, Thái Tử Sĩ Đạt Ta thiên định dưới cội cây bồ đề và thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Do đó, cây bồ đề là chỉ sự tu hành. **Hương tàn:** Hương tàn phần lợt, chỉ người phụ nữ trở về già. **Đối hương tàn:** Thay vào chỗ hương tàn. **Y bá nạp:** Cái áo làm bằng hàng trăm miếng vải vụn may lại. Y là cái áo, bá là trăm, nạp là vá lại cho lành. Thường nói là Bá nạp y. Theo giới luật của Phật giáo, các nhà sư phải lượm các miếng vải bỏ của người đời, may kết lại thành áo mà mặc. Mặc như thế để tỏ ý rằng: Không phải mặc cho đẹp, mà mặc cho ấm, và khỏi tốn tiền mua vải. Do đó, Bá nạp y là cái áo của các nhà sư Phật giáo. **Phòng the:** Cái phòng có treo màn bằng the, đó là phòng ở của phụ nữ, chỉ người phụ nữ. The là loại vải mỏng, mịn và đẹp.

Câu 1221: Nước Thánh Ma Ha (*trong Phép Giải Oan*) có khả năng rửa sạch các oan nghiệt của người phụ nữ.

Câu 1223: Nghĩa đen: Đem cây bồ đề thay vào chỗ hương tàn phần lợt. Ý nói người phụ nữ trở về già lo tu hành.

Câu 1224: Lấy áo bá nạp treo thế cho màn the, ý nói người phụ nữ khoát áo bá nạp, làm ni cô tu hành.

1225

*Để chuông mõ dựa kê sơn phấn,
Chất nhờn tình chông cận kệ kinh.
Tâm ẩn ái giúp Chí Linh,
Biển mê chèo chiếc thuyền tình độ nhân.*

Chú thích:

Tâm ẩn ái: Lòng trắc ẩn thương người. **Chí Linh:** Rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn. **Biển khổ:** Chỉ cõi trần. **Thuyền tình:** Chiếc thuyền của tình thương, của từ bi, bác ái, để cứu vớt những người đang chìm đắm trong biển khổ. **Độ nhân:** Cứu giúp người.

Hai câu 1225-1226: Ý nói: Đẹp sơn phấn qua một bên, đẹp nhờn tình qua một bên, tức là đẹp hết việc đời, chuyên tâm gõ mõ tụng kệ tụng kinh, niệm Phật tu hành.

Hai câu 1227-1228: Hai câu này đã có dẫn để giải thích hình bìa (*Phần 6*), ý nói: Lấy lòng trắc ẩn thương người giúp Đức Chí Tôn, làm thành chiếc thuyền bác ái cứu giúp người đang chìm đắm trong biển khổ.

1229

*Lấy tâm chánh làm cân đong thế,
Cây lòng lành làm kẻ dui đời.
Chông gai vạch bước thanh thời,
Cầm phương cứu khổ độ người trầm luân.*

Chú thích:

Tâm chánh: Chánh tâm, cái tâm chánh trực. **Cầm phương cứu khổ:** Nắm giữ phương pháp cứu khổ. **Độ:** Cứu giúp.

Trầm luân: Trầm là chìm, luân là chìm đắm. Trầm luân là chìm đắm trong biển khổ.

Câu 1229: Lấy chánh tâm để xác định giá trị thực của những thứ hiện diện trong cõi đời.

Câu 1231: Chỉ cho thấy những nẻo chông gai của cuộc đời, vạch ra con đường đưa đến cảnh thanh thoi nhân hạ.

1233

*Vẹn nhờn đạo, đi lẩn nẻo chánh,
Đến vô ưu đặng lánh nhờn luân.
Thuyền con mệch mệch như rừng,
Đon đường Thánh đức, hỏi chùng Như Lai.*

Chú thích:

Nhờn đạo: Đạo làm người. Đây là nấc thang thấp nhứt trong 5 nấc thang tiến hóa của con người. Sách Nho có viết rằng: “Dục tu Tiên đạo, tiên tu Nhờn đạo. Nhờn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hỹ.” Nghĩa là: Muốn tu Tiên đạo, trước tu Nhờn đạo. Nhờn đạo không tu, Tiên đạo xa vời lắm vậy. Theo Nho giáo, Nhờn đạo gồm: Tam cang và Ngũ thường (*đối với Nam*) và Tứ Đức Tam Tùng (*đối với Nữ*). **Nẻo chánh:** Con đường chánh, tức là Chánh đạo. **Vô ưu:** Không phiền não. **Đến vô ưu:** Đến cõi không phiền não, tức là đến cõi Cực Lạc Niết Bàn. Muốn đến được cõi này thì phải tu. **Đặng lánh:** Đặng đi xa khỏi chỗ đó. **Nhờn luân:** Ở đây có nghĩa là Luân hồi nhờn quả. Sự luân hồi là thể hiện luật nhờn quả. Trong kiếp trước mình gây ra nhiều mối nợ oan nghiệt thì mình bị luân hồi lại kiếp này để lo đền trả các món nợ ấy cho xong, đúng theo lẽ công bình tuyệt đối của Trời Đất.

Thuyền con: Chiếc thuyền bé nhỏ, ý so sánh con người nơi cõi trần như chiếc thuyền bé nhỏ lênh đênh trên biển khổ.

Đon: Hỏi thăm chừng. **Đường Thánh đức:** Con đường Đạo, rèn luyện con người có đức tốt như của bậc Thánh.

Như Lai: Phật. Kinh Kim Cang: Phật vốn không do đâu lại, cũng không đi đâu, nên gọi Như Lai. **Hỏi chừng Như Lai:** Hỏi thăm chừng nơi nào là cõi Phật.

Câu 1235: Con người nơi cõi trần như chiếc thuyền bé nhỏ lênh đênh trên biển khổ, mờ mịt như đi trong rừng, không biết phương nào thoát ra.

1237

*Am tự đóng chặt gài bước tục,
Nước Cam lồ cho phúc tiêu điều.
Oan trái dứt, nghiệp chướng tiêu,
Cảnh vui Cực Lạc mỹ miều vẽ tâm.*

Chú thích:

Am tự: Am là cái chùa nhỏ, tự là cái chùa lớn. Am tự là chỉ chung các chùa thờ Phật. **Chặt gài:** Gài chặt cái cánh cửa, không cho mở ra. **Tục:** Thâm thường thấp kém, chỉ cõi trần. **Bước tục:** Bước vào cõi trần. **Nước Cam lồ:** Nước sương ngọt. Cam là ngọt, lồ là giọt sương. Cũng gọi là nước hành dương, vì nước Cam lồ được đựng trong cái bình, có hành dương gác ngang miệng bình. Nước Cam lồ do Đức Quan Âm Bồ tát chế luyện, được đựng trong Tịnh bình, Đức Quan Âm dùng cành dương liễu để rải nước Cam lồ này cứu sống người hay vật, hay rửa sạch các ô trược bám vào Chơn thân, để được trong sạch tinh tấn. **Phúc tiêu điều:** Điều may mắn tốt đẹp được thung dung tự tại. Phúc là điều may mắn tốt đẹp, Tiêu điều là thanh thoi vui thú không vướng bận việc đời. **Oan trái:** Trái là món nợ. Oan

là oan nghiệt, là những việc làm ác độc gây thù giận tạo thành nghiệp ác. **Nghiệp chướng:** Sự ngăn trở của nghiệp. Chướng là ngăn trở. Ở đây là nói nghiệp dữ hay nghiệp ác. Nghiệp ác ảnh hưởng làm kiếp này phải chịu nhiều hoạn nạn đau khổ. **Cảnh vui Cực Lạc:** Cõi Cực Lạc hoàn toàn an vui hạnh phúc. **Mỹ miều vẽ tâm:** Cái tâm tốt đẹp.

Câu 1237: Đóng chặt cửa chùa, không cho các tu sĩ thói bước trở lại cõi trần. Ý nói khuyên người tu dứt khoát việc đời, chuyên tâm tu hành, không cho hoàn tục.

1241

*Lánh bọn tục tình thâm cũng tránh,
Trốn đau thương xa cảnh trần gian.
Biến thân hạc nội mây ngàn,
Năm phan Tiếp Dẫn, mở đàng Lô Âm.*

Chú thích:

Bọn tục: Những thứ dơ bẩn ô trược nơi cõi trần. **Tình thâm:** Tình cảm sâu đậm như tình vợ chồng, tình mẫu tử, tình phụ tử... **Trần gian:** Cõi trần, cõi thế gian.

Hạc nội mây ngàn: Ý nói tự do, thung dung tự tại như con hạc ngoài đồng, muốn bay đâu thì bay; như đám mây trên rừng, bay tự do theo gió. Nội là đồng cỏ, ngàn là rừng. Lý Bạch viết:

*Lung kê hữu mễ than oa cận,
Dã hạc vô lương thiên địa khoan.*

Nghĩa là:

Con gà trong lồng có lúa đầy bụng mà nổi nước sôi kể bên;

Con hạc ngoài đồng túng thiếu lương thực nhưng Trời Đất rộng thênh, mặc tình cao bay xa liệng.

Ý nói chẳng thà làm con hạc ngoài đồng bữa đói bữa no mà được tự do thoải mái, hơn là làm con gà bị nhốt trong lồng, mất tự do mà nổi nước sôi kế bên, không biết bị cắt cổ làm thịt lúc nào.

Phan Tiếp Dẫn: Cây phước Tiếp Dẫn của vị Phật gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, dùng để hướng dẫn các chơn hỗn đắc đạo đến Cực Lạc Thế giới. Nơi kinh đô của Cực Lạc Thế giới có chùa Lô Âm (*Lôi Âm Tự*), là nơi ngự của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A-Di Đà. Phan là cây phước dẫn đường.

Câu 1243: Biến cái thân của mình thành thơi như con chim hạc ngoài đồng, như đám mây trên rừng, không còn vướng bận việc đời.

Câu 1244: Theo cái phước Tiếp Dẫn của vị Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mở đường để đi đến chùa Lô Âm ở cõi Cực Lạc Thế giới.

1245

*Nơi cảnh tịnh âm thầm vui thú,
Đem tấm tình để ngụ đài sen.
Thong dong quạt gió trăng đèn,
Nhành dương làm bạn, sách hiền gọi quen.*

Chú thích:

Cảnh tịnh: Cảnh chùa, nơi tu hành. Tịnh là trong sạch.

Tấm tình: Cái tấm tình cảm yêu thương vợ chồng. **Đài sen:**

Tòa sen, nơi Đức Phật ngự. **Ngụ:** Ở, cư ngụ. **Để ngụ đài**

sen: Ý nói đem gọi cho Phật. **Nhành dương:** Cảnh dương

liễu của Đức Quan Âm Bồ Tát dùng để rải nước Cam lồ.

Nhành dương làm bạn: Làm bạn với cành dương liễu, ý

nói làm đệ tử của Phật. **Sách hiền:** Kinh sách của các bậc

Thánh Hiền. **Sách hiền gọi quen:** Ý nói thường đọc kinh

sách của Thánh Hiền.

Câu 1246: Đem cái tấm ái tình đặt lên tòa sen gọi cho Phật, để lòng được yên ổn lo việc tu hành.

Câu 1246: Thung dung nhàn hạ sống với cảnh vật thiên nhiên, dùng gió làm quạt, dùng trăng làm đèn.

1249

*Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,
Diệt lục trần, xa lánh phạm tâm.
Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
Đoạt phương tư diệt giải phần hữu sanh.*

Chú thích:

Ngũ quan: Năm giác quan của con người: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân (*Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Da của thân thể*).

Lục trần: Sáu thứ dơ bẩn nơi cõi trần. Trần là bụi, chỉ cái dơ bẩn. Nhà Phật cho là dơ bẩn vì làm cho cái tâm dơ bẩn, nhưng lại rất hấp dẫn đối với con người đời.

Lục trần gồm: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp (*Sắc đẹp, Âm thanh, Mùi thơm, Đồ ăn ngon ngọt, Sự tiếp xúc trên da thịt, Ý tưởng*).

Lục trần kêu gọi các giác quan của con người, làm con người ham muốn, tạo thành Lục dục: Sáu điều ham muốn.

Lục dục gồm: Sắc dục, Thinh dục, Hương dục, Vị dục, Xúc dục, Pháp dục.

- Mắt nhìn thấy Sắc đẹp thì sanh ra Sắc dục.
- Tai nghe âm thanh êm diệu, lời ngon ngọt thì sanh ra Thinh dục.
- Mũi ngửi mùi thơm dễ chịu thì sanh ra Hương dục.
- Lưỡi nếm sự ngon ngọt béo bùi thì sanh ra Vị dục.
- Da thịt tiếp xúc sự mềm mại thì sanh ra Xúc dục.
- Ý tưởng thích được mền khen sanh ra Ý dục.

Bế ngũ quan: Đóng 5 giác quan lại, không cho lục trần cảm dỗ. **Không kiêng:** Không nể sợ. **Tục tánh:** Cái tánh tâm thường của người phàm, thích vật chất. **Diệt lục trần:** Tiêu diệt sự cảm dỗ của Lục trần, chớ không thể tiêu diệt được Lục trần, vì Lục trần là ngoại cảnh. **Phàm tâm:** Cái tâm phàm tục, nhiều tham vọng và ích kỷ, thích hưởng thụ vật chất. Trái với Phàm tâm là Thánh tâm. **Mệnh Trời:** Mệnh Trời, mệnh lệnh của Trời. **Đoạt phương tự diệt:** Đoạt được phương pháp để tự mình diệt hết cái phàm tâm của mình, để phàm tâm không còn che lấp Thánh tâm, Tâm sáng tỏ, có được trí huệ, đặc đạo. **Giải phần hữu sanh:** Giải là cởi bỏ; phần hữu sanh là phần có sống, tức là phần thể xác của con người. Giải phần hữu sanh là cởi bỏ thể xác, để chơn linh và chơn thần xuất ra đi lên cõi thiêng liêng.

Câu 1251: Giữ vững Mệnh Trời. Muốn giữ vững Mệnh Trời thì phải biết Mệnh Trời. Điều này rất khó, vì Đức Khổng Tử tới 50 tuổi mới biết được mệnh Trời. (*Ngũ thập nhi tri Thiên mệnh*). Khi đã biết được mệnh Trời thì cứ sống vui theo mệnh Trời, chớ lập ý riêng, lần lần tạo được năng lực mãn huệ, đặc đạo tại thế.

1253

*Linh linh, hiển hiển, khinh khinh khứ,
Sắc sắc, không không, sự sự tiêu.
Chơn linh đẹp đẽ mỹ miều,
Xuất dương sớm đã đến triều Ngọc Hư.*

Chú thích:

Linh: Thiêng liêng. **Hiển:** Hiện ra. **Khinh:** Nhẹ. **Khứ:** Đi. **Sắc:** Cái có hình dạng thấy được bằng mắt thường. **Không:** Không có gì cả, trống không. **Sự:** Việc. **Tiêu:** Mất. **Xuất dương:** Đi ra khỏi cõi trần. Xuất là đi ra. Dương là

cõi dương gian, tức là cõi trần. **Triều:** Châu. (*Chầu vua*) **Ngọc Hư:** Ngọc Hư Cung nơi cõi thiêng liêng. Đây là nơi nắm giữ Thiên điều, điều hành tất cả các hoạt động của Càn khôn Vũ trụ.

Câu 1254: Sắc và Không chỉ là hai trạng thái nối tiếp của một sự vật. Vật có hình thể là Sắc, lần hồi theo thời gian, vật bị hủy hoại tiêu mất để trở về Không. Rồi từ cái Không, sẽ tạo trở lại vật có hình thể tức là Sắc. Sắc Không cứ thế luân chuyển. Thể xác của con người cũng thế, luân chuyển trong vòng Sắc Không. Khi thể xác già yếu thì sẽ chết, tức là bị hủy hoại, Chơn linh và Chơn thần xuất ra khỏi thể xác, bay lên cõi thiêng liêng, tức là trở về Không.

Câu 1255: Nhờ tu hành, Chơn linh của người tu đẹp đẽ.

Câu 1256: Chơn linh đi ra khỏi cõi trần, bay lên Ngọc Hư Cung để chầu Đức Chí Tôn.

1257

*Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.
Xác tại thế, đã nên Thân,
Ba mươi sáu cõi đặn gần Linh Thiên.*

Chú thích:

Ngũ khí: Năm chất khí gồm: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ. Thân thể con người có Ngũ Tạng: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận. Ngũ tạng sanh ra Ngũ khí, giống như 5 dòng điện.

- Tâm là trái tim, thuộc Hỏa.
- Can là lá gan thuộc Mộc.
- Tỳ là hai lá lách thuộc Thổ.
- Phế là hai lá phổi thuộc kim.
- Thận là hai quả thận thuộc Thủy.

Ngũ Tạng, nếu được nuôi dưỡng bằng thức ăn mặn, tức là cá thịt, thì Ngũ Khí sanh ra ô trược và năm dòng điện phát ra có tần số thấp; trái lại nếu được nuôi dưỡng bằng những thức ăn chay, tức là rau quả, thì Ngũ Khí thanh nhẹ, và năm dòng điện phát ra có tần số cao. (*Thanh là trong sạch nhẹ nhàng*).

Người tu luyện đạo, luyện cho năm luồng điện này điều hòa hiệp lại làm một trở nên mạnh mẽ, gọi là Ngũ Khí triều ngươn; kể đó luyện cho Tam Huê tụ đỉnh, tức là luyện cho Tinh Khí Thần hiệp nhứt thì đắc đạo thành Tiên Phật tại thế.

Muốn luyện cho Ngũ Khí triều ngươn thì phải dụng công phu định cái tâm, gìn cái ý, bế Ngũ quan, thì Ngũ Khí hiệp về. Còn muốn luyện Tam huê tụ đỉnh thì luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hiệp Thần và luyện Thần hườn Hư.

Các phép luyện đạo chỉ được truyền dạy trong Tịnh Thất dưới dự chăm nom của một Tịnh Chủ.

Quả kiếp: Cái kết quả của kiếp trước tạo thành cái Nghiệp để theo báo đáp lại trong kiếp này. Khi diệt trừ hết quả kiếp, tức là hết Nghiệp, hết nợ, tu hành rất mau đắc đạo. **Linh quang:** Điểm linh quang của Đức Chí Tôn ban cho mỗi người để làm Chơn linh. **Đầy:** Đủ sự tốt đẹp. **Hồng ân:** Ôn huê to lớn của Đức Chí Tôn ban cho. **Ba mươi sáu cõi:** Còn gọi là Tam thập lục Thiên: Ba mươi sáu cõi Thiên Tào. **Linh Thiên:** Ông Trời, Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Câu 1259: Tuy còn mang xác phàm tại thế nhưng đã đắc đạo, thành bực Thần, Thánh, Tiên, Phật tại thế.

1261

*Hiệp Tào hóa cầm quyền chuyển thế,
Dạy vạn linh dụng thể từ bi.*

Sanh ấy ký, tử là qui.

Điều huyền cơ tạo chẳng gì gọi hơn.

Chú thích:

Tạo hóa: Đấng Tạo hóa là Đấng tạo ra Càn khôn Vũ trụ và hóa sanh vạn vật. Đó là Đức Chí Tôn, Thượng Đế. **Chuyển thế:** Làm cho đời thay đổi, từ xấu thành tốt, từ đời hung tàn bạo ngược trở nên thuần lương đạo đức. **Vạn linh:** Toàn thể các chơn linh trong Càn khôn Vũ trụ, gồm đủ Bát hồn. Vạn linh đầu kiếp xuống cõi trần làm chúng sanh. Nên nghĩa thông thường của Vạn linh là Chúng sanh. **Điều huyền cơ tạo:** Bộ máy của Đấng Tạo hóa huyền diệu.

Câu 1261: Khi đắc đạo rồi thì trở về cõi Thiêng liêng, hiệp cùng Đức Chí Tôn lo cơ chuyển thế.

Câu 1263: Sống gởi thác về. Đây là một triết lý nhân sinh hoàn toàn đúng đắn. Cõi thật sự của con người là cõi Thiêng liêng Hằng sống. Con người đầu kiếp xuống cõi trần là để học hỏi và tiến hóa. Khi hết hạn thì trở về cõi Thiêng liêng. Cho nên cõi Trần là nơi tạm mượn, cõi thật là ở thiêng liêng.

1265

*Chữ mới rõ nguồn cơn kiếp sống,
Tắc thầy phàm rất mỏng số căn.*

*Ham phương cứu thế độ nhân,
Giải mê khách tục, cõi trần lánh xa.*

Chú thích:

Chữ: Bây giờ. **Nguồn cơn:** Đầu đuôi ngọn ngành của sự việc. **Tắc thầy phàm:** Thầy xác phàm. Dùng chữ Tắc là để tỏ

sự khiêm tốn. **Số căn:** Số phận của con người. **Cứu thế độ nhân:** Cứu đời giúp người. **Giải mê:** Cởi bỏ sự mê muội để được sáng suốt, thông hiểu sự lý, tức là giác ngộ. **Khách tục:** Khách trần, chỉ con người đang sống trên cõi trần. (Xem Chú thích câu 972).

1269

*Lấy bác ái làm hòa vạn vật,
Đem thiện duyên xây nấc thang hồng.
Đoạn căn đóng chặt Âm cung,
Tòa sen chín phẩm để cùng Phật tâm.*

Chú thích:

Làm hòa: Làm cho thuận hòa với nhau. **Thiện duyên:** Duyên lành, ý nói cái duyên tu hành. **Xây nấc thang hồng:** Xây cái thang to lớn bắc lên Trời cao. Đây là nói ví dụ, sự tu hành ví như là cái thang bắc lên Trời để người tu đắc đạo đi lên Trời. Hồng là to lớn. **Đoạn căn:** Đoạn là cắt đứt. Căn là gốc rễ tức là chỉ những việc làm thiếu đạo đức trong kiếp trước tạo thành những mối dây oan nghiệt buộc chặt Chơn thần, không cho Chơn thần bứt ra rời khỏi thể xác khi thể xác chết để đi lên cõi thiêng liêng. Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài là đại khai ân xá cho các đấng linh hồn, nên ban cho Phép Đoạn Căn để Chúc sắc hành pháp cắt đứt bảy dây oan nghiệt, Chơn thần mới được xuất ra đi lên cõi thiêng liêng. **Âm Cung:** Các cung điện nơi cõi Âm phủ, chỉ cõi Địa ngục. **Đóng chặt Âm Cung:** Đóng chặt cõi Địa ngục. **Tòa sen chín phẩm:** Cửu phẩm Liên hoa, là chín phẩm bậc nơi cõi Cực Lạc Thế giới. Những chơn linh đắc đạo lên cõi này sẽ tùy công đức nhiều ít mà ở trong chín phẩm liên hoa này. **Phật tâm:** Tâm từ bi giác ngộ hoàn toàn của Phật.

Câu 1269: Nhờ bác ái mà vạn vật sống hòa bình với nhau, nếu không bác ái thì vạn vật tranh đấu giết hại nhau.

Câu 1271: Cắt đứt các dây oan nghiệt để chơn thần thoát ra khỏi thể xác và đóng chặt cửa Địa ngục, ân xá không cho hành hình các chơn hồn tội lỗi để đưa họ đi học đạo.

Cũng trong thời kỳ ân xá của Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn cho đóng cửa Địa Ngục, không cho giam giữ và hành phạt các linh hồn tội lỗi, mà đưa họ qua cõi Âm Quang để học đạo và tự xét mình. Khi họ biết hối ngộ thì sẽ được cho đi đầu thai lên cõi Trần để trả quả và tu hành, mong có ngày diệt trừ hết quả kiếp, trở về cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Đồng thời, Đức Chí Tôn cho mở rộng cõi Trời để tiếp rước những linh hồn đầy đủ đạo đức trở về.

Kinh Giải Oan:

Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,

Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây phương.

Câu 1272: Cửu phẩm Liên hoa là ngôi vị dành cho những linh hồn có tâm lành như Phật.

1273

Trăm tuổi sống chẳng làm tuổi sống,

Một kiếp sanh chưa trọng kiếp sanh.

Thay thân Tạo hóa là mình,

Năng niu sanh chúng mới đành chữ nhơn.

Chú thích:

Câu 1273: Một kiếp sống của con người lâu lắm là một trăm năm, chẳng còn gì để làm nữa.

Câu 1274: Trong một kiếp sanh, con người chưa biết quý trọng kiếp sanh của mình. Con người thường phung phí thời giờ vào các cuộc tranh giành danh lợi hay các cuộc vui

chơi, chỉ biết lo cho phần thể xác giả tạm, mà quên hẳn phần linh hồn. Đó là chưa biết trọng kiếp sanh của mình. Trái lại, nếu biết trọng kiếp sanh, phải lo trau tâm luyện tánh cho trở nên tốt đẹp, và lo phụng sự nhơn sanh thì linh hồn mới mau tiến hóa, mới đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi Thiêng liêng.

Câu 1275-1276: Thượng Đế tạo ra con người theo hình ảnh của Ngài, nên Thượng Đế có gì thì người có nấy. Thượng Đế là Đại Thiên Địa thì người là Tiểu Thiên Địa. Cho nên con người nơi cõi Trần là thay thân cho Đấng Thượng Đế, làm anh cả của chúng sanh, dìu dắt chúng sanh, xem chúng sanh là đàn em nhỏ thì mới đúng theo lòng Nhân của Thượng Đế.

1277

*Ngôi mà lóng tiếng đồn vô cực,
Phước siêu thăng đặng thất nơi ta.
Biết coi thế giới như nhà,
Sống nên Chí Thánh, thác là Thần Tiên.*

Chú thích:

Lóng: Lắng tai nghe. **Vô cực:** Vô là không, cực là chỗ đầu cùng. Vô cực là không có đầu cùng, chỉ một nơi xa không cùng tận. **Tiếng đồn vô cực:** Tiếng đàn từ cõi xa xăm, ý nói tiếng gọi của Đại Hồn vũ trụ. Tiếng gọi đó cũng chính là tiếng gọi từ chỗ sâu thẳm của tâm hồn con người. **Phước:** Điều phước đức. **Siêu thăng:** Bay vượt lên cõi thiêng liêng. **Đặng thất:** Được hay mất, siêu thăng hay đọa lạc. **Nơi ta:** Do nơi mình, không do nơi người khác. **Chí Thánh:** Bực Thánh lớn. Chí là rất. **Thác:** Chết. **Thần Tiên:** Chỉ chung các Đấng Thiêng Liêng gồm: Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Câu 1277: Ngôi yên lặng mà lắng nghe tiếng gọi thiêng liêng

của Đại Hồn (*Thượng Đế*), kêu gọi các Tiểu Hồn (*con người*) sớm giác ngộ, quay trở về con đường tu thì mới mong hiệp nhất với Đại hồn.

Câu 1278: Có phước đức thì được siêu thăng, siêu hay đọa là do nơi mình có tu hay không tu.

Câu 1279: Coi thế giới này như nhà của mình, tức là coi nhân loại là anh em một nhà, dù khác tiếng nói hay màu da sắc tóc, vì toàn cả nhơn loại đều là con cái của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Nếu làm được như vậy thì tạo thành nơi mặt thế này một thế giới đại đồng, một Thiên đường tại thế, gọi là đời Thượng ngươn Thánh đức.

1281

*Thiếp nhờ Đạo giải phiền diệt khổ,
Biết may duyên lựa chỗ gửi tâm.
Tìm đâu đặng kẻ tri âm,
Ôm thương đem gửi cảnh Thần cửa Không.*

Chú thích:

Giải phiền: Cởi bỏ sự phiền não. **May duyên:** Cái duyên may mắn gặp Đạo và theo Đạo. **Gửi tâm:** Gửi trọn tâm hồn vào cửa Đạo. **Kẻ tri âm:** Người bạn hiểu được tiếng đàn của mình, ý nói người bạn hiểu rõ lòng mình. **Cảnh Thần cửa Không:** Ý nói cảnh chùa cửa Phật.

Câu 1281: Nhờ theo đạo, lo tu hành nên cởi bỏ được sự phiền não và diệt trừ hết sự đau khổ.

Câu 1284: Ôm cái tấm tình thương yêu vợ chồng đem gửi vào cửa Phật. Ý nói dứt bỏ tình thương yêu thấp kém ích kỷ, để nuôi lấy lòng bác ái vị tha.

1285

*Càng ngó trái lại miền thế tục.
Lụy nhỏ dầm đòi khúc lòng đau.
Ái ân, ân ái là sao?
Đày thân lắm khách má đào gian truân.*

Chú thích:

Ngó trái lại: Ngoảnh nhìn lại phía sau. **Thế tục:** Cõi đời thấp kém. **Lụy nhỏ dầm:** Ý nói đau khổ khóc lóc. **Đòi khúc lòng đau:** Lòng đau đón như ruột bị cắt nhiều khúc (đoạn trường). Đòi là nhiều. **Ái ân:** Sự giao hợp hạnh phúc giữa vợ chồng. **Đày thân:** Đày đọa tấm thân. **Má đào:** Gò má đỏ hồng như trái đào, chỉ người phụ nữ. **Gian truân:** Khó khăn vất vả.

Hai câu 1285-1286: Ngoảnh nhìn lại thấy cảnh đời khiến cho lòng đau khổ đoạn trường, nước mắt tuôn rơi.

1289

*Chịu mòn mỗi mảnh thân nhi nữ,
Cũng toan lo gìn giữ khối tình.
Trăm năm dẫu sống mảnh hình,
Thì trong tâm lý đã đành tiêu tan.*

Chú thích:

Khối tình: Khối tình thương yêu sâu đậm giữa nam và nữ, hay giữa vợ chồng. **Mảnh thân, Mảnh hình:** Tấm thân của người phụ nữ. **Tâm lý:** Cái lẽ biến hóa và tác dụng của lòng dạ con người. Nói cụ thể hơn, tâm lý là tất cả tình cảm, tư tưởng và ý thích trong lòng. **Tiêu tan:** Tiêu mất hết.

Bốn câu 1289-1292: Tấm thân nhi nữ phải chịu mòn mỗi là vì lo toan gìn giữ khối tình. Dẫu cho tấm thân này có sống được trăm năm nhưng trong lòng cũng đành phải để cho

cái khối tình này tiêu tan, bởi vì người phụ nữ ấy bây giờ đã từ bỏ việc đời, đem thân vào con đường đạo đức.

1293

*Nào những mộng nợ chàng duyên thiệp,
Nào những mơ ý hiệp tâm đầu.
Duyên là đâu, nợ là đâu?
Chẳng qua biển khổ bắc cầu sông mê.*

Chú thích:

Mộng: Mơ tưởng. **Ý hiệp tâm đầu:** Tâm và ý đều hoàn toàn hòa hiệp với nhau. Đầu là hợp nhau. **Biển khổ, Biển mê, Mê tân, Sông mê, Bến mê, Bến khổ:** Những từ ngữ này đều đồng nghĩa, chỉ cõi trần.

Câu 1296: Chẳng qua chỉ là việc đi qua khỏi biển khổ thì đến sông mê, qua được sông mê thì lại đến bể khổ. Ý nói con người phải chịu đau khổ triền miên nơi cõi trần. Cho nên cõi trần là cõi đọa. Muốn hết khổ thì phải giác ngộ có được trí huệ. Muốn có trí huệ thì phải Tu.

1297

*Khối thâm chất trần trử bề hện,
Giọt đau thương quá chén hiệp phu.
Hễ là trí, ấy là ngu,
Càng say âu yếm càng sâu nhớ thương.*

Chú thích:

Bề hện: Ý nói Biển hện non thể, chỉ sự thể nguyên đỉnh ước cùng nhau giữa đôi nam nữ yêu nhau tha thiết. **Chén hiệp phu:** Chén rượu hiệp cần mà người vợ mới cưới uống với chồng. Đây là chén rượu vui mừng hạnh phúc.

Câu 1298: Giọt nước mắt đau thương của người vợ nếu lấy

cái chén đã đựng rượu hợp cần mà đong thì quá đầy đầy tràn trề. Ý nói: Trong suốt cuộc sống vợ chồng, người phụ nữ hạnh phúc thì ít mà đau buồn thì nhiều.

Câu 1299: Sự khôn ngoan đua chen danh lợi trong trường đời được các nhà đạo đức xem là sự ngu xuẩn trong đường đạo. (*Trí là sự khôn ngoan, Ngu là sự khờ dại*).

Câu 1300: Càng thương yêu nhiều chừng nào thì càng sâu khổ nhớ thương nhiều chừng ấy.

1301

*Khách má phấn môi son đậm sắc,
Đặng đem môi trêu mặt ác phong.
Đâu chữ tiết gọi là đồng,
Lời than tiếng thiết để lòng trăm năm.*

Chú thích:

Ác phong: Do thành ngữ chữ Hán: “Ác nguyệt đàm phong.” Nghĩa là: Cầm trăng gánh gió. Ác phong là chỉ những người háo sắc, dâm đảng, thích việc gió trăng. Ác là cầm giữ, đảm là gánh lấy, nguyệt phong là trăng gió. **Tiếng thiết:** Tiếng kêu đau đớn. Thiết là cắt.

Hai câu 1303-1304: Đâu là chữ tiết hạnh, đâu là chữ đồng tâm? Lời kêu than đau đớn giữ mãi trong lòng suốt đời.

1305

*Chẳng qua khách ăn nằm quán tục,
Vấn một ngày, lâu chút trọn đời.
Hỏi ai thỏa chí ai ơi?
Tra phòng hiệp cần, bao hồi khóc riêng.*

Chú thích:

Quán tục: Cõi Trần là quán trọ của khách trần. Người

khách trần tạm ở nơi quán trọ một thời gian rồi cũng trở về quê cũ là cõi Thiêng liêng Hằng sống. **Vấn:** Ngắn. **Tra:** Xem xét, kiểm tra. **Phòng hiệp cần:** Phòng của vợ chồng mới cưới, chỉ người vợ. **Khóc riêng:** Khóc một mình.

Hai câu 1305-1306: Con người chẳng qua chỉ là những khách trần, ăn ở tạm thời nơi cõi trần một thời gian, nếu ngắn thì một ngày, nếu lâu thì nhiều lắm là trăm năm.

Câu 1308: Kiểm điểm trong cuộc sống vợ chồng, người phụ nữ âm thầm chịu đựng biết bao đau đớn khổ sở.

1309

*Một câu mền gieo phiến muôn tiếng,
Đôi lời phân ngàn miệng xa xôi.
Hỏi ai trộm đứng lên ngồi,
Những cay những đắng cái mùi ra sao?*

Chú thích:

Mền: Thương yêu. **Phiến:** Phiến não. **Phân:** Phân trần.

Câu 1309: Một tiếng nói thương yêu gây ra cả muôn tiếng phiến não. Ý nói vì tình yêu, người phụ nữ phải chịu biết bao phiến não.

Câu 1310: Một vài lời nói phân trần, cả ngàn miệng nói ra nói vào, nói xa nói gần. (*không người thông cảm*)

Hai câu 1311-1312: Người con gái về nhà chồng, lạ người lạ cảnh, chỉ có chồng là thân yêu, nên sống rất kén kè, mất tự nhiên, cái gì cũng ngại cũng sợ (*trộm đứng lên ngồi*), lại còn chịu nhiều nỗi đắng cay khổ sở.

1313

*Tính để viết khuyên rào tiết ngọc,
Thì sợ e ghẹo chọc si tình.
Còn không để trọn lời lành,
Lại e cho gái nhẹ mình nữ trung.*

Chú thích:

Rào: Giữ gìn, bảo vệ. **Tiết ngọc:** Cái tiết hạnh quý báu của con gái. **Ngọc:** Chỉ sự đẹp đẽ quý báu. **Si tình:** Tình yêu đắm đuối mê mẩn như ngây dại. **Nhẹ mình:** Xem nhẹ giá trị của mình, không biết quý trọng giá trị của mình. **Nữ trung:** Trong giới phụ nữ.

Hai câu 1313-1314: Tính đặt bút viết một bài khuyên bảo người con gái nên gìn giữ tiết hạnh quý báu của mình. Nhưng e sợ làm như vậy thì cũng như chọc ghẹo kẻ si tình.

Hai câu 1315-1316: Còn không viết ra để lưu lại lời lành thì e sợ đám con gái không biết quý trọng giá trị của mình.

1317

*Toan để bút ngăn vòng chồng vợ,
Thì lại e nghịch nợ tiền khiên.
Còn không lưu lại lời hiền,
Mưu chi gỡ nỗi thâm phiến đạo thê.*

Chú thích:

Nợ tiền khiên: Nợ nần với nhau từ kiếp trước. **Gỡ:** Tháo ra cho hết rồi. **Thâm phiến:** Buồn rầu phiền não. **Đạo thê:** Bốn phận làm vợ trong gia đình.

Hai câu 1317-1318: Tính viết ra một bài để khuyên con gái đừng nên có chồng, thì lại sợ rằng điều ấy đi ngược lại sự vay trả nợ nần từ kiếp trước.

Hai câu 1319-1320: Còn nếu không viết ra để lưu lại lời hiền

thì người phụ nữ không có cách chi để thoát khỏi những nỗi sâu thâm phiền não trong bốn phận làm vợ trong gia đình.

1321

*Thấy trẻ gái dâm để lụy đổ,
E cho sau chịu số như già.
Muốn khuyên đầu Phật xuất gia,
Lại e để hại nước nhà khuyết dân.*

Chú thích:

Chịu số như già: Gánh chịu cái số phận như kẻ già nầy đây. Già là tiếng tự xưng của tác giả. **Đầu Phật:** Theo Phật. Đầu là theo. **Xuất gia:** Đi ra khỏi nhà, tức là từ bỏ gia đình để đi tu. **Khuyết dân:** Thiếu dân, không đủ số dân để xây dựng và bảo vệ quốc gia.

Bốn câu 1321-1324: Thấy đám con gái khóc lóc đau khổ, e rằng chúng nó phải chịu số phận giống như già nầy đây, nên muốn khuyên chúng xuất gia đầu Phật, nhưng rồi lại sợ con gái không có chồng để sinh sản con cái, làm cho dân số của quốc gia giảm đi.

1325

*Thấy nhi nữ kiếp căn mỏng mảnh,
Muốn bình lời làm mạnh đỡ nâng.
Lại e lỗi đạo hơn luân,
Đỡ dang gia pháp, vương thân loạn ngôi.*

Chú thích:

Kiếp căn: Số kiếp, số phận. (Xem Chú thích câu 1108). **Đạo hơn luân:** Phép tắc cư xử giữa con người với nhau trong xã hội, gồm năm bậc: Vua tôi, Cha con, Chồng vợ, Anh em, Bè bạn. **Gia pháp:** Phép tắc riêng của gia đình. **Vương thân:** Vua tôi. **Loạn ngôi:** Đảo lộn ngôi thứ, trật tự.

Bốn câu 1325-1328: Nhận thấy nữ phái có số phận mỏng manh, nên muốn để lời binh vực mạnh mẽ, nâng đỡ cho nữ phái được bình quyền cùng nam phái, nhưng sợ e trái với đạo nhơn luân lúc bấy giờ, làm cho gia pháp không thi hành được và làm đảo lộn phép tắc nơi triều đình.

1329

*Gẫm thân gái trọn đời cực nhọc,
Tính buông câu gọi chút nghỉ ngơi.
Lại e sai thế lỡ thời,
Giúp nam nhân chẳng có người trọn tâm.*

Chú thích:

Buông câu: Viết ra một câu. **Sai thế:** Trái với lẽ thường của cuộc đời. **Lỡ thời:** Không hợp thời. **Nam nhân:** Người đàn ông con trai. **Người trọn tâm:** Người hết lòng giúp đỡ.

Bốn câu 1329-1332: Ngẫm nghĩ, người phụ nữ trọn đời cực nhọc, nên muốn viết bài kêu gọi phụ nữ hãy dành thời gian để nghỉ ngơi, nhưng lại sợ rằng làm như thế là trái lẽ thường và không hợp thời, vì không có người hết lòng giúp đỡ nam nhân.

1333

*Nghĩ phận vợ ngàn trăm đau đớn,
Sanh đẻ còn nuôi dưỡng nhọc nhằn.
Muốn khuyên giảm bớt ái ân,
Lại e giục kẻ Tấn Tấn chia phối.*

Chú thích:

Giục: Xúi giục. **Chia phối:** Chia lia. **Tấn Tấn:** Chỉ vợ chồng. **Điển tích:** Nước Tấn và nước Tần là 2 nước lớn thời Xuân Thu bên Tàu. Theo Tả Truyện, Huệ Công vua nước Tấn, phụ ước vua Tần, bị Tần đem quân đánh, bắt được Thái Tử

Ngũ đem về Tần làm con tin. Sau vua Tần Mục Công gả Công chúa Hoài Danh cho Thái Tử Ngữ và hai nước Tấn Tần hòa nhau. Từ đó về sau, luôn năm đời liên, con cháu hai nước cưới gả cho nhau, đối xử nhau rất tốt đẹp.

Hai câu 1335-1336: Muốn khuyên bảo người vợ giảm bớt việc ái ân với chồng để giảm bớt việc sanh đẻ, nhưng lại sợ làm như thế là xúi giục vợ chồng chia lia nhau.

1337

*Nên ngậm thâm đắng ngồi nuốt thảm,
Toan buông lời, chẳng dám hở môi.
Lén xem sự thế ngậm ngùi,
Nguyên trông chỉ đợi phép Trời dạy khuyên.*

Chú thích:

Lén: Không dám ra mặt. **Sự thế:** Việc đời. **Ngậm ngùi:** Buồn rầu thương xót trong lòng. **Nguyên:** Tự cam kết sẽ làm đúng theo ước vọng của mình. **Trông:** Mong mỏi. **Phép Trời:** Luật Trời, Thiên điều.

Hai câu 1337-1338: Nên phải chịu nhiều nỗi sâu thẳm trong lòng mà không thể tỏ bày ra được, tính nói ra mà lại sợ nên cũng chẳng dám hở môi. (Bởi vì những điều nói ra cũng không thể đem thi hành được trong hoàn cảnh xã hội bấy giờ).

1341

*Tay lịch sự tự nhiên chê sự,
Lòng đa tình vẫn cứ vị tình.
Biết từng quyền biểu chấp kinh,
Tìm phương hay gởi lấy mình cửa tu.*

Chú thích:

Tay lịch sự: Người từng trải việc đời. **Chê sự:** Chê việc đời.

Đa tình: Có nhiều tình cảm thương yêu, dễ xúc động. **Tùng quyền, chấp kinh:** Do câu: “Xử thường chấp kinh, ngộ biến tùng quyền.” Nghĩa là: Việc bình thường thì đối xử theo đạo thường, khi gặp biến thì tùy theo tình thế mà đối phó, không nên khư khư cố chấp mà chịu thất bại.

Hai câu 1341-1342: Người từng trải việc đời thì tự nhiên chề đời (nếu chưa từng trải thì chưa dám chề đời), người đa tình thì vẫn cứ vì tình yêu mà làm.

Hai câu 1343-1344: Biết lúc nào phải giữ đạo thường, biết lúc nào phải quyền biến, để tìm phương hay trong hoàn cảnh thích hợp mà lánh mình vào cửa Phật.

1345

*Những tháng nắng tháng đầu năm lụn,
Sớm công phu, tối tụng vãng sanh.
Đã quen cảnh Phạm lánh mình,
Nên phương nhờ bởi đoạn tình ái yêu.*

Chú thích:

Tháng nắng: Thôn mỏn, thời gian dần dần trôi qua. **Tháng đầu:** Suốt tháng. **Năm lụn:** Năm tàn. **Công phu:** Công việc tụng kinh hay ngồi thiền. **Vãng sanh:** Sanh qua cõi khác tốt đẹp hơn. **Tụng Vãng sanh:** Là tụng Vãng Sanh Chơn ngôn (Vãng Sanh Thần chú), để cầu cho chúng sanh khi chết được thoát sanh về cõi Cực Lạc. **Cảnh Phạm:** Cảnh Phật, cảnh chùa. **Nên phương:** Cách thức làm có kết quả. **Đoạn tình ái yêu:** Cắt đứt ái tình nam nữ, hay cắt đứt tình thương yêu vợ chồng.

1349

*Nghe một sự, hiểu điều khác nghĩ,
Trong thất tình tiêu hủy không không.
Hết ham danh, chẳng mến công,
Xem hình lẫn lộ, bùi nông thế gian.*

Chú thích:

Thất tình: Bảy tình cảm gồm: Hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục (Mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, muốn). **Lẩn lộ:** Lẩn là giấu kín, lộ là hiện rõ ra. Đây là hai trạng thái đối nghịch nhau của một sự việc. **Nông:** Cay.

Câu 1349: Nghe một việc, suy nghĩ thì hiểu thêm ra được nhiều việc khác.

Câu 1350: Tiêu hủy hết Thất tình, để cho lòng không còn mừng vui hay hờn giận ganh ghét, không còn buồn rầu hay ước muốn, để giữ cho lòng trống trải không không.

Câu 1352: Ngồi xem cảnh đời biến đổi trong hai trạng thái đối ngược nhau: Kín hở, bùi nông, vui buồn, thương ghét.

1353

*Cây trăm thước bắc thang bến khổ,
Hoa bốn mùa thơm chỗ nhớp nhơ.
Vui đọc truyện, buồn ngâm thơ,
Non Vu lấp nẻo, đàn tơ dỏ mù.*

Chú thích:

Cây trăm thước: Cây bồ đề, chỉ sự tu hành. (Xem Chú thích câu 1223). Về Cây trăm thước, có một Điển tích nữa là: Thiên Sư Cảnh Sầm, đời thứ 4 sau Lục Tổ Huệ Năng, có làm bài kệ:

*Bách xích can đầu bất động nhơn,
Tuy nhiên đắc nhập vị vi chơn.
Bách xích can đầu tu tiến bộ,
Thập phương thế giới thị toàn thân.*

Nghĩa là:

*Trăm thước đầu sào người đứng yên,
Tuy nhiên được nhập chơn là chơn thật.
Đầu sào trăm thước tu hành tiến bộ,
Mười phương thế giới là toàn thân thể.*

Theo bài kệ này, Cây trăm thước là cây sào trăm thước, cũng chỉ sự tu hành.

Bến khổ: Ý nói bể khổ, chỉ cõi trần. **Bốn mùa:** Ý nói suốt năm. **Hoa thơm chỗ nhớt nhơ:** Chỉ bông sen, vì gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. **Non Vu:** Theo bài phú Cao Đường của Tống Ngọc, vua Sở đi chơi núi Vu sơn, nằm mơ thấy ân ái với Thần nữ núi Vu sơn. **Non Vu lấp nẻo:** Ý nói tuyệt dứt đường ân ái. **Đàn tơ:** Dây đàn. Dờ là đờn không hay, mùi là đờn rất hay. **Đàn tơ dờ mùi:** Khảy đàn chơi, hay dở gì cũng được.

Câu 1353: Sự tu hành như là cái thang để người tu trèo lên thoát qua biển khổ.

Câu 1354: Tà cái hoa đèn trên bàn thờ Phật, chân đèn có hình hoa sen, giữa hoa sen cắm cây đèn sáp. Mỗi khi cúng Phật hay tụng kinh đều đốt đèn lên, suốt năm đều như vậy. Ngày nay, thay vì cắm đèn sáp, người ta gắn vào chỗ đó một bóng đèn điện thì tiện lợi hơn và không có khói.

1357

*Đếm thử tuổi tám mươi đã quá,
Giác Nam Kha giục già tỉnh mê.
Tâm thần mỗi một ử ê,
Khởi sanh khi đã gần kề dứt hơi.*

Chú thích:

Giác Nam Kha: Giác mộng ở đất Nam Kha, chỉ cuộc đời là phù du mộng ảo, công danh phú quý như giấc chiêm bao. Giác Nam Kha đồng nghĩa với Giác Huỳnh lương. **Điển tích:** Ông Lý Tá đời Đường làm sách Nam Kha, có thuật lại một chuyện như sau: Thuần Vu Phần nằm mộng đi đến nước Hòe An, được vua nước này đem lòng thương gả Công chúa cho, rồi bổ làm quan Thái Thú đất Nam Kha, công danh thật là hiển hách. Vu Phần được vua sai đi đánh giặc, chẳng may bại trận, trong lúc đó, Công chúa ở nhà bị đau bệnh đột ngột từ trần. Vua nghi ngờ rồi cách chức đuổi đi. Thuần Vu Phần quá buồn bã và uất ức, liền giết mình thức dậy, thì thấy mình đang nằm ngủ dưới gốc cây Hòe, nơi cành cây phía Nam, trên đó có một con kiến chúa trong tổ kiến lớn. Thuần Vu Phần nhớ lại giấc mộng và chợt hiểu rằng: Cây Hòe là nước Hòe An, cành cây phía Nam là đất Nam Kha, vua nước Hòe An là con kiến chúa. Ông lấy làm chán nản sự đời, thấy cuộc đời chẳng khác chi giấc mộng, nên liền đi lên núi, tìm Đạo tu Tiên. **Giục già:** Thúc giục liền tiếp. **Tỉnh mê:** Tỉnh cơn mê. **Tâm thần:** Tâm trí và tinh thần. **Ử ê:** Chán chường. **Khởi sanh:** Khởi vật chất có sự sống, chỉ thân thể con người lúc còn sống. **Gần kề dứt hơi:** Gần kề sự chết.

Bốn câu 1357-1360: Đã sống quá 80 tuổi rồi, thấy công danh

phú quý của cuộc đời như giấc mộng, hãy mau thức tỉnh cơn mê, tâm thần mỗi mệt ủ ê, gần tới ngày chết rồi.

1361

*Khổ bệnh thấy trên người đã quá,
Buổi vắng sanh giục già kêu hôn.
Tỉnh say trong kiếp dương môn,
Nửa thì thấy cảnh hoàng hôn mộng hình.*

Chú thích:

Vắng sanh: Chết ở thế giới này để linh hồn chuyển sanh qua thế giới khác tốt đẹp hơn. Vắng là đi qua. **Tỉnh say:** Lúc tỉnh thức, lúc mơ màng. **Dương môn:** Cửa dương gian, đây là cõi trần, cõi của người sống. **Kiếp dương môn:** Kiếp sống nơi cõi trần. **Cảnh hoàng hôn:** Cảnh chiều vàng, ý nói cảnh của người sắp chết, như buổi chiều sắp tắt. **Mộng hình:** Mơ thấy hình hài của mình.

Hai câu 1361-1362: Bệnh tật gây đau khổ quá nhiều, như kêu réo thúc giục linh hồn chuyển sanh qua thế giới khác.

Câu 1364: Lúc mơ màng thì mộng thấy cảnh sắp chết của hình hài của mình.

1365

*Muốn gặp mặt thâm tình gởi trời,
Nhưng lỡ bề vì buổi đoạn từ.
Khôn nhận tín, khó hồng thư,
Viết quơ chẳng nổi, giấy như tránh để.*

Chú thích:

Thâm tình: Tình cảm sâu đậm. **Gởi trời:** Gởi lời trần trời trước khi chết. **Lỡ bề:** Lỡ dịp, dịp tốt đã qua. **Buổi đoạn từ:** Buổi chia tay từ già, cắt đứt tình ái. Đó là buổi ly gia cắt ái để vào chùa tu hành. **Khôn:** Không. **Nhận tín:** Tin tức

do chim nhận mang lại. **Hồng thư:** Cái thơ cột vào nách của con chim hồng để nó mang đi. Hồng là loại chim nhận nhưng lông màu đỏ. (Xem Chú thích câu 769). **Để:** Là viết vào.

Câu 1368: Cầm viết quơ quào ít chữ mà không nổi, tấm giấy như né tránh không cho viết chữ vào.

1369

*Muốn nhắm mắt một bề cho khỏe,
Những tình hình mọi vẻ trên người.
Khi thì khóc, lúc thì cười,
Bao nhiêu tình nghĩa một đời thoáng qua.*

Chú thích:

Nhắm mắt: Ý nói chết. **Một bề:** Chịu an phận như vậy. **Tình hình:** Tình trạng của các việc xảy ra. **Mọi vẻ:** Nhiều mặt khác nhau. **Trên người:** Gheo chọc một cách cố ý, tỏ ra không kiêng nể.

Hai câu 1369-1370: Muốn an phận mà chết cho khỏe, nhưng tình hình các mặt chung quanh như có ý trên gheo người sắp chết.

Hai câu 1371-1372: Nằm nhớ đến việc này việc kia, khi nhớ việc vui thì cười, khi nhớ việc buồn thì khóc. Bao nhiêu tình nghĩa trong cuộc đời, thoáng qua như giấc mộng.

1373

*Tám chục năm lâu xa cách mấy,
Trong giấc mê xem thấy ngắn thay!
Ba vạn sáu ngàn ngày,
Cõi dương gian với tuyến đài gần nhau.*

Chú thích:

Giấc mê: Giấc mộng lúc ngủ mê. **Ba vạn sáu ngàn ngày:** là thời gian 100 năm. **Dương gian:** Cõi của người sống,

Tuyên đài: Tuyên là tuổi, đài là đèn đài cung điện. Tuyên đài là chỉ cõi Âm phủ, cõi của người chết.

Hai câu 1373-1374: Sống được 80 tuổi là lâu dài trường thọ lắm, nhưng trong giấc mộng lúc ngủ mê thì thấy rất ngắn ngủi. (như *Giấc Huỳnh lương hay Giấc Nam Kha*).

Hai câu 1375-1376: Một đời người nhiều lắm là một trăm năm, cõi của người sống và cõi người chết rất gần nhau.

1377

*Nhớ con cháu còn lâu kiếp sống,
Đâu gặp hình như bóng sá chi.
Dở hồn phách, yếu thấy thi,
Đậy ngời chẳng nổi, bước đi không rời.*

Chú thích:

Còn lâu kiếp sống: Đời sống còn lâu dài. **Hình:** Hình hài xác thịt. **Bóng:** Cái ảnh chụp in trên giấy. **Sá chi:** Có đáng kể chi. **Dở:** Không giỏi. **Hồn phách:** Linh hồn và chơn thần. **Thấy thi:** Thấy là thể xác, thi là thi hài xác thịt. Thấy thi là thể xác phàm bằng xương bằng thịt.

Hai câu 1377-1378: Nhớ đến con cháu, thấy cái kiếp sống của chúng nó còn lâu dài. Con cháu gặp dạng cái hình hài xác thịt này hay thấy cái hình chụp, việc ấy đâu có sá gì.

Hai câu 1379-1380: Chơn thần và linh hồn dở lắm rồi, thân thể đã yếu đuối lắm rồi, đứng dậy hay ngời đều không nổi, bước đi cũng không được.

1381

*Gắng cầm viết nín hơi sống rớt,
Để năm vẫn khắc cốt nữ lưu.*

*Dứt tình ái, giải sầu ưu,
Hễ thương thì cũng lo mưu giữ mình.*

Chú thích:

Gắng cầm viết: Cố gắng cầm cây viết lên để viết. **Nín hơi:** Giữ lấy hơi thở. **Sống rớt:** Rán sống thêm. **Để năm vẫn:** Viết ra bài thơ gồm có năm vắn. **Khắc cốt nữ lưu:** Khắc vào xương của nữ phái để ghi nhớ hoài.

Hai câu 1383-1384: Khuyến nữ phái hãy dứt bỏ tình ái, cời bỏ sự ưu sầu, mà hễ có yêu ai thì cũng phải lo tìm mưu kế để gìn giữ tấm thân của mình. (Đừng như già này đây, vì chữ ái tình mà phải chịu đau đớn khổ sở suốt đời.)

Thi:

1385

*Giữ mình dầu vẹn tấm tình chung,
Danh tiết nữ lưu ở phụ tùng.
Mặt biển khổ dãi dào ái thủy,
Đầu non thể hủy hoại hương hồng.*

Chú thích:

Tình chung: Tình yêu chung thủy trước sau như một.
Danh tiết: Danh là tiếng tăm, Tiết là lòng trong sạch ngay thẳng, không như bọn. **Nữ lưu:** Nữ phái. **Phụ tùng:** Phụ là phụ nữ; tùng là theo, ý nói Tam tùng. Phụ tùng là đạo Tam tùng của người phụ nữ. **Tam Tùng gồm:** Tại gia tùng phụ, Xuất giá tùng phu, Phu tử tùng tử. **Ái thủy:** Nước ái tình, ấy là nước của biển khổ. **Non thể:** Cái núi mà hai người lúc mới yêu nhau chỉ nó mà thể nguyên với nhau là sẽ yêu nhau suốt đời. **Hoại hủy:** Hủy hoại, làm hư nát. **Hương hồng:** Cây nhang cháy đỏ hồng. Đây là cây nhang đốt lên để hai người vái Trời Đất thể nguyên với nhau.

Câu 1385: Dầu thể nào cũng phải giữ mình cho toàn vẹn tình yêu chung thủy.

Câu 1386: Danh giá và tiết hạnh của phụ nữ là ở trong cái đạo Tam tùng.

Câu 1387: Mặt biển khổ có nhiều nước ái tình. Ý nói: Những đau khổ của con người nơi cõi trần phần lớn là do ái tình. Càng yêu nhiều càng khổ nhiều.

Câu 1388: Coi chừng người yêu (hay người chồng) hủy hoại cây nhang thể nơi đầu núi thể. Ý nói coi chừng người yêu (hay người chồng) quên hết lời thể nguyên thuở trước, sanh tâm có người yêu khác (hay có vợ bé).

1389

*Mây xanh khá nhớ cơn đầu bạc,
Ngọc trắng đừng cho nhiễm bọn bùn.
Khí tượng anh thư gìn lẫn giá,
Giúp đoàn nhi nữ mở non sông.*

Chú thích:

Mây xanh: Chữ Hán là Thanh mi, chỉ lúc trẻ tuổi. **Đầu bạc:** Chỉ lúc tuổi già tóc bạc. **Ngọc trắng:** Chỉ cái tiết hạnh của người con gái trong trắng sáng đẹp như ngọc. **Bọn bùn:** Bùn dơ. **Khí tượng:** Cái khí phách phát ra thành hình tượng có thể nhận biết được qua lời nói và việc làm. Người có khí phách mạnh mẽ khiến cho lời nói, cử chỉ đều tỏ ra vững vàng, cương quyết, tự tin. **Anh thư:** Anh là tài giỏi hơn người, thư là đàn bà con gái. Anh thư là người phụ nữ tài giỏi hơn người. **Gìn lẫn giá:** Gìn giữ cái khí tượng anh thư lẫn cái giá trị cao quý của mình, cũng là gìn giữ cả tài năng lẫn đức hạnh. **Nhi nữ:** Chỉ chung giới phụ nữ.

Hai câu 1389-1390: Người con gái lúc trẻ tuổi thì nên nhớ đến lúc tuổi già đầu bạc, khá gìn giữ tiết hạnh cho tốt đẹp đừng để cho nhớ nhớt.

Hai câu 1391-1392: Người phụ nữ cần phải gìn giữ cái khí tượng anh thư lẫn cái giá trị cao quý của mình, để giúp cho nữ phái mở mang non sông đất nước.

1393

*Rán quá sức cần phong thi nhận,
Dường say mê lơ lửng tinh thần.
Sấn tay thêm một chữ: Thân,
Để dành gỡ khổ đoạn tràng hồng nhan.*

Chú thích:

Cẩn phong: Cẩn là cẩn thận; phong là niêm lại cho kín. Cẩn phong là cẩn thận niêm lại cho kín. **Thí nhạn:** Nhạn là con chim nhạn; thí, đáng lẽ là chữ “thi” (*thi nhạn tức là thơ nhạn*), nhưng vì luật thơ, chỗ này phải là chữ vần trắc, nên đổi lại là “thí”. Thi nhạn tức là Thơ nhạn, nghĩa là gởi thơ nhờ con chim nhạn mang đi. **Sấn tay:** Đưa tay lướt tới, với một cử chỉ mạnh dạn. **Thân:** nghĩa là: tự mình.

Câu 1393: Tác giả rần rả súc viết thành bài thơ này, cẩn thận niêm lại, nhờ chim nhạn gởi đi khắp nơi để khuyên dạy nữ phái rần lo tròn Nhơn đạo gồm Tứ Đức và Tam Tùng.

Câu 1394: Dường như vì say mê công việc mà tinh thần có vẻ lơ lơ lảng lảng như để ở đâu đâu.

Câu 1395-1396: Tác giả, Đoàn Tiên Nương đưa tay lướt tới, với ý chí mạnh mẽ, viết thêm một chữ Thân để lưu ý giới phụ nữ phải nhớ kỹ rằng: Tự mình mới có thể cứu được mình chứ không ai cứu được mình, tự mình giải khổ cho mình chứ không ai giải khổ giùm mình, tự mình tu hành để giải thoát chứ không ai tu giùm mình được, tự mình bước lên nấc thang tiến hóa để lên địa vị cao thượng chứ không ai bồng ẵm mình lên được.

Sở dĩ Đoàn Tiên Nương phải nhấn mạnh như thế là vì Bà biết rõ người phụ nữ luôn luôn có tánh ỷ lại, chỉ biết nương dựa chứ ít khi tự chủ, tự lực cánh sinh. Đó cũng là yếu điểm của đạo Tam Tùng, làm cho người phụ nữ chỉ biết tùng theo và sống phụ thuộc vào người khác.

1397

*Buông ngọn viết vào làn mây trắng,
Hễ có thương nhớ dạng là hơn.*

*Cảnh Thiên gởi tức hương hồn,
Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.*

1401

Đời đời danh chói Cao Đài!**Chú thích:**

Buông ngọn viết: Buông tay bỏ cây viết ra, vì đã viết xong.

Vào làn mây trắng: Ý nói linh hồn siêu thăng, bay vào làn mây trắng, lên các tầng Trời để đến cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. **Cảnh Thiên:** Ý nói cõi Trời, tức là cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. **Tác:** Tiếng dùng để tỏ ý khiêm nhường. **Hương hồn:** Hồn thơm, linh hồn của người chết. **Đề câu:** Viết ra một câu. **Tiết nghĩa:** Lòng ngay thẳng trong sạch và sự ăn ở phải đạo. **Vĩnh tồn:** Tồn tại lâu dài. **Hậu lai:** Thời gian từ đây về sau.

Câu 1397: Bà Đoàn Thị Điểm giáng cơ viết xong tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận thì Bà liền được siêu thăng, linh hồn Bà được đi lên cõi Tiên, đứng như lời Đức Phạm Hộ Pháp nói: “*Thuở xưa, Bà Điểm qui liễu nhưng chưa siêu thoát được vì Bà thiếu công quả. Nay Bà ra được cuốn Nữ Trung Tùng Phận rồi, tức nhiên Bà lập được công quả trong buổi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nhờ vậy Bà mới siêu thoát và trở về Tiên Cảnh.*”

Câu 1399: Gởi linh hồn nơi cõi Trời. Ý nói đặc đạo, linh hồn được lên ở cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Câu 1400: Viết ra một câu để khuyên nữ phái phải giữ gìn

tiết nghĩa thì mới được vịnh tồn hậu lai. Đời đời danh chói

CAO ĐÀI ■



CHINH PHỤ NGÂM
ĐOÀN THỊ ĐIỂM



CHINH PHỤ NGÂM

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

*(Chép theo bản của Văn Bình Tôn thất Lương
in năm 1950 Sách Giáo Khoa Văn Việt)*

I

*Thuở Trời Đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.
Xanh kia thăm thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.*

5

*Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam tuyến mờ mịt thức mây.
Chín tầng gương báu trao tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.*

9

*Nước thanh bình ba trăm năm cũ,
Áo nhung trao quan vũ từ đây.
Sứ Trời sớm giục đường mây,
Phép công là trọng, niềm tây sá nào.*

13

*Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng bạn thê noa.
Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.*

17

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt,
 Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
 Thành liền mong tiến bệ rồng,
 Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc Trời.

21

Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,
 Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao.
 Già nhà đeo bức chiến bào,
 Thét roi cầu Vy, ào ào gió thu.

25

Ngồi đầu cầu nước trong như lọc,
 Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
 Đưa chàng lòng đặc đặc buồn,
 Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.

29

Nước trong chảy, lòng phiền chẳng rửa,
 Cỏ xanh thơm, dạ nhớ khó quên.
 Nhủ rồi tay lại trao liền,
 Bước đi một bước lại vin áo chàng.

33

Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi,
 Dạ chàng xa ngoài cõi Thiên sơn.
 Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,
 Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.

37

Săn Lâu lan rừng theo Giới Tử,
 Tới Man Khê bàn sự Phục Ba.
 Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
 Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

41

Tiếng nhạc ngựa lân chen tiếng trống,
 Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
 Hà lương chia rẽ đường này,
 Bên đường trông bóng cờ bay ngùi ngùi.

45

Quân trước đã gần ngoài doanh liêu,
 Kỳ sau còn khuất nẻo Tràng dương.
 Quân đưa chàng ruổi lên đường,
 Liễu dương biết thiệp đoạn trường này chăng?

49

Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,
 Hàng cờ bay trong bóng phất phơ.
 Dấu chàng theo lớp mây đưa,
 Thiếp nhìn rặng núi, ngăn ngơ nỗi nhà.

53

Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
 Thiếp lại về buồng cũ gối chăn.
 Đoái trông theo đã cách ngăn,
 Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh.

57

Chốn Hàm dương chàng còn ngảnh lại,
 Bến Tiêu tương thiếp hãy trông sang.
 Khói Tiêu tương cách Hàm dương,
 Cây Hàm dương cách Tiêu tương mấy trùng.

61

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
 Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
 Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
 Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

65

Chàng từ đi vào nơi gió cát,
 Đêm trăng nầy nghĩ mát phương nao?
 Xưa nay chiến địa đường bao,
 Nội không muôn dặm xiết bao dãi dâu.

69

Hơi gió lạnh người râu mặt dạn,
 Giòng nước sâu ngựa nân chân bon.
 Ôm yên gối trống đã chôn,
 Năm vùng cát trắng, ngũ cồn rêu xanh.

74

Nay Hán xuống Bạch thành đóng lại,
 Mai Hồ vào Thanh hải dòm qua.
 Hình khe thế núi gần xa,
 Đút thôi lại nổi thấp đà lên cao.

77

Sương đầu núi buổi chiều như giội,
 Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.
 Nào người áo giáp bấy lâu,
 Lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuấy.

81

Trên trường gấm có hay chẳng nhẽ?
 Mặt chinh phu ai vẽ cho nên.
 Tưởng chàng giống ruồi bấy niên,
 Chẳng nơi Hãn hải thì miền Tiêu quan.

85

Đã trác trở đòi ngàn xà hổ,
 Lại lạnh lòng những chỗ sương phong.
 Lên cao trông thức mây lồng,
 Lòng nào mà chẳng động lòng bi thương.

89

Chàng từ sang đông nam khơi nẻo,
 Biết nay chàng tiến thảo nơi đâu?
 Những người chinh chiến bấy lâu,
 Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây.

93

Nức hơi mạnh ân dày từ trước,
 Trái chốn nghèo, tuổi được bao nhiêu?
 Non Kỳ quạnh quẽ trăng treo,
 Bến Phì gió thổi đều hiu mấy gò.

97

Hôn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trắng đôi đôi soi.
Chinh phu tử sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hôn?

101

Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai già cõi chiến trường,
Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về.

105

Tưởng chàng trải nhiều bể nắng nỏ,
Ba thước gươm, một cỗ nhung yên.
Xông pha gió bãi trắng ngàn,
Tên reo đầu ngựa, giáo lan mặt thành.

109

Áng công danh trăm đường rộn rã,
Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
Nõi lòng biết ngó cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.

113

Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay?
Những mong cá nước sum vầy,
Nào ngờ đôi ngã nước mây cách vời.

117

Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
Chàng há từng học lũ vương tôn.
Có sao cách trở nước non?
Khiến người thôi sớm thôi hôm những sầu.

121

Khách phong lưu đương chùng niên thiếu,
Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên.
Nỡ nào đôi lứa thiếu niên,
Quan sơn để cách hàn huyền bao đàn.

125

Thuở làm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quỳên ca.
Nay quỳên đã giục oanh già,
Ý nhi lại gáy trước nhà liú lo.

129

Thuở dăng đồ mai chưa dạn gió,
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.
Nay đào đã quỳên gió đông,
Phù dung lại đã bên sông bơ sò.

133

Hẹn cùng ta Lũng tây nham ấy,
Sớm đã trông nào thấy hơi tăm.
Ngập ngừng lá rụng cảnh trâm,
Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm xôn xao.

137

Hẹn nơi nao Hán dương cầu nợ,
 Chiều lại tìm nào có tiêu hao.
 Ngập ngừng gió thổi chèo bào,
 Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông.

141

Tin thường lại, người không thấy lại,
 Hoa dương tàn đã trái rêu xanh.
 Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
 Đạo sân một bước trăm tình ngần ngại.

145

Thư thường tới, người không thấy tới,
 Bức rèm thưa lẩn dãi bóng dương.
 Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
 Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai.

149

Thử tính lại diễm khơi ngày ấy,
 Tiền sen nẩy đã nẩy là ba,
 Xót người lẩn lữa ả xa,
 Xót người nương chốn Hoàng hoa đậm dài.

153

Tình gia thất nào ai chẳng có,
 Kia lão thân khuê phụ nhớ thương.
 Mẹ già phơ phất mái sương,
 Con thơ măng sữa vả đường phù trì.

157

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
 Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
 Ngọt bùi thiệp đã hiểu nam,
 Dạy con đèn sách thiệp làm phụ thân.

161

Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
 Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao.
 Nhớ chàng trái mấy sương sao,
 Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư.

165

Kể năm đã ba tư cách diễm,
 Mỗi sầu thêm nghìn vạn ngón ngang.
 Ước gì gần gũi tác gang,
 Giải niêm cay đắng để chàng tỏ hay.

169

Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá,
 Gương lầu Tần dẫu đã soi chung.
 Cây ai mà gọi tới cùng,
 Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.

173

Nhãn đeo tay mọi khi ngắm nghĩa,
 Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
 Cây ai mà gọi tới nơi,
 Để chàng trân trọng dẫu người tương thân.

177

Trải mấy thu tin đi tin lại,
 Tôi xuân nẩy tin hăy vắng không.
 Thấy nhàn lưỡng tưởng thư phong.
 Nghe hơi sương, sấm áo bông sẵn sàng.

181

Gió tây thổi không đường hồng tiện,
 Xót cõi ngoài tuyết quyến mưa sa.
 Màn mưa trướng tuyết xông pha,
 Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.

185

Đề chữ gấm phong thôi lại mở,
 Gieo bó tiên tin dở còn ngờ.
 Trời hôm tựa bóng ngăn ngờ,
 Trăng khuya nương gối bỏ phờ tóc mai.

189

Há như ai, hôn say bóng lẫn,
 Bông thơ thơ thần thần hủ không.
 Trâm cài xiêm giặt lạnh lưng,
 Lệnh làn tóc rối, lòng vòng lưng eo.

193

Dạo hiên vắng thăm gieo từng bước,
 Bức rèm thưa rủ thác đòi phen.
 Ngoài rèm thuốc chẳng mách tin,
 Trong rèm đường đã có đèn biết chăng?

197

Đèn có biết đường bằng chẳng biết,
 Lòng thiệp riêng bi thiết mà thôi.
 Buồn rầu nói chẳng nên lời,
 Hoa đèn kia với bóng người khá thương.

201

Gà eo óc gáy sương năm trống,
 Hòe phát phơ rủ bóng bốn bên.
 Khắc chờ đằng đẵng như niên,
 Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.

205

Hương gương đốt hôn đà mê mải,
 Gương gương soi lệ lại chứa chan.
 Sắt cầm gương gãy ngón đàn,
 Dây yên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

209

Lòng nẩy gửi gió đông có tiện,
 Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.
 Non Yên dù chẳng tới miền,
 Nhớ chàng thăm thăm đường lên bằng Trời.

213

Trời thăm thăm xa vời không thấu,
 Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
 Cảnh buồn người thiết tha lòng,
 Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

217

Sương như búa, bổ mòn gốc liễu,
Tuyết đường cửa, xé héo cành ngô.
Giọt sương phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.

221

Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.
Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.

225

Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.

229

Đâu xiết kể trăm sâu nghìn nảo,
Từ nữ công phụ xảo đều nguôi.
Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa.

233

Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều dò dẫm nương song.
Nương song luống ngẩn ngơ lòng,
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?

237

Biếng trang điểm lòng người sâu túi,
Xót nỗi chàng ngoài cõi trùng quan.
Khác gì ả Chúc chị Hằng,
Bến Ngân sùi sụt cung trăng chốc mòn.

241

Sầu ôm nặng hã chông làm gối,
Buồn chứa đầy hã thổi làm com.
Muộn hoa muộn rượu giải buồn,
Sầu làm rượu nhạt, muộn làm hoa ôi.

245

Gõ sanh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đàn tranh mấy phím rời tay.
Xót người hành dịch bấy nay,
Dặm xa mong mỏi hết đây lại với.

249

Ca quyên ghẹo làm rơi nước mắt,
Trống tiêu khua như đốt buồng gan.
Võ vàng đổi khác dung nhan,
Khuê ly mới biết tân toan dường này.

253

Ném chua cay tẩm lòng mới tỏ,
Chua cay này há có vì ai?
Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bể.

257

Thân thiếp chẳng gần kẻ dưới trướng,
 Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn.
 Duy còn hôn mộng được gần,
 Đêm đêm thường đến Giang tân tìm người.

261

Tìm chàng thuở Dương đài lối cũ,
 Gặp chàng nơi Tương phố bến xưa.
 Sum vầy mấy lúc tình cờ,
 Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân.

265

Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
 Được gần chàng bến Lũng thành Quan.
 Khi mơ những tiếc khi tàn,
 Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.

269

Vui có một tấm lòng chẳng dứt,
 Vốn theo chàng giờ khắc nào nguôi.
 Lòng theo nhưng chưa thấy người,
 Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.

273

Trông bến nam bãi che mặt nước,
 Cỏ biếc um dàu mướt màu xanh.
 Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
 Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.

277

Trông đường bắc đò chòm quán khách,
 Ruộm rả xanh cây ngắt núi non.
 Lúa thành thoi thóp bên cồn,
 Nghe thoi địch ngọc véo von bên lầu.

281

Non đông thấy lá hầu chất đồng,
 Trĩ xập xoè, mai cũng bẻ bai.
 Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
 Con chim bạt gió lạc loài kêu sương.

285

Lũng tây thấy nước đường uốn khúc,
 Nhận liệng không sóng giục thuyền câu.
 Ngàn thông chen chúc khóm lau,
 Cách ghềnh thấp thoáng người đầu đi về.

289

Trông bốn bề chân trời mặt đất,
 Lên xuống lầu thắm thoát đòi phen.
 Lốp mây ngừng mắt ngại nhìn,
 Biết đâu chinh chiến là miền Ngọc quan.

293

Gậy rút đất dẽ khôn học chức,
 Khăn gieo cầu nào được thấy Tiên.
 Lòng nẩy hóa đá cũng nên,
 E không lệ ngọc mà lên trông lầu.

297

Lúc ngảnh lại ngắm màu dương liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.
Chẳng hay muôn dặm ruổi dong,
Lòng chàng biết có như lòng thiệp chăng?

301

Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiệp đâu dám nghĩ gần xa.
Hương dương lòng thiệp như hoa,
Lòng chàng lẫn thấn e tà bóng dương.

305

Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
Trái xem hoa rụng đem sương mấy lần.

309

Chồi lan nọ trước sân đã hái,
Ngọn tần kia bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm dạo bước tiền đường,
Ngửa trông xem vẻ thiên chương thấn thờ.

313

Bóng Ngân hà khi mờ khi tỏ,
Độ Khue triển buổi có buổi không.
Thức mây đòi lúc nhật nong,
Chuôi sao Bắc đẩu thôi đông lại đòi.

317

Mặt trăng tỏ thường soi bên gối,
Bừng mắt trông sương gội cánh khô.
Lạnh lòng thay bấy nhiều thu,
Gió may hiu hắt trên đầu tường vôi.

321

Một năm một nhật mùi son phấn,
Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
Xua sao hình ảnh chẳng rời,
Bây giờ nở để cách vời Sâm Thương.

325

Chàng ruổi ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp dạo hài lâu cũ rêu in.
Gió xuân ngày một vắng tin,
Khá thương lỗ hết mấy phen lương thì.

329

Xảy nhớ khi cảnh Diêu đóa Ngụy,
Trước gió Xuân vàng tía sánh nhau.
Nọ thì ả Chúc chàng Ngâu,
Tới trăng thu lại bắc cầu sang sông.

333

Thương một kẻ phòng không luống giữ,
Thời tiết lạnh lắm lỗ đòi nau.
Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
Người đời thấm thoát qua màu xuân xanh.

337

*Xuân thu để giận quanh ở dạ,
Hợp ly đành buồn quá khi vui.
Oán sâu nhều rồi toi bời,
Vóc bỏ liễu dễ ép nài chiều xuân.*

341

*Kìa Văn Quân mỹ miều thuở trước,
E đến khi đầu bạc mà thương.
Mặt hoa nọ gã Phan lang,
Sợ khi mái tóc điểm sương cũng ngừng.*

345

*Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở,
Tiếc quang âm lẫn lửa gieo qua.
Nghĩ mệnh bạc, tiếc niên hoa,
Gái tơ mấy chốc đã ra nạ dòng.*

349

*Gác nguyệt nọ mơ màng vẽ mặt,
Lâu hoa kia phảng phất mùi hương.
Trách Trời sao để lỗ làng,
Thiếp rầu thiếp lại rầu chàng chẳng quên.*

353

*Chàng thấy chẳng chim uyên ở nội,
Cũng dập dìu chẳng vợi phân trương.
Chẳng xem chim yến trên rường,
Bạc đầu không nở đôi đường rẽ nhau.*

357

*Kìa loài sâu đôi đầu cùng sánh,
Nọ loài chim chấp cánh cùng bay.
Liều sen là thức cỏ cây,
Đôi hoa cũng dính đôi cây cũng liền.*

361

*Ấy loài vật tình duyên còn thế,
Sao kiếp người nữ để đầy đây.
Thiếp xin về kiếp sau này,
Như chim liền cánh như cây liền cành.*

365

*Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,
Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
Thiếp xin chàng chờ bạc đầu,
Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.*

369

*Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
Chàng nương vầng nhật thiếp nguyện,
Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.*

373

*Lòng hứa quốc tựa son ngăn ngắt,
Sức tỳ dân dường sắt trở trở.
Máu Thuyền vu, quốc Nhục chi,
Ấy thì bữa uống, ấy thì bữa ăn.*

377

Mũi đồng vác đòi lần hăm hở,
 Đã lòng Trời gìn giữ người trung.
 Hộ chàng trăm trận nên công,
 Buông tên ải bắc, treo cung non đoài.

381

Bóng kỳ xí giã ngoài quan ải,
 Tiếng khải ca trở lại thần kinh.
 Đỉnh non khắc đá để danh,
 Triều thiên vào trước cung đình dấng công.

385

Nước Ngân hán vác đồng rửa sạch,
 Khúc nhạc từ réo rất lừng khen.
 Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền,
 Tên ghi gác khói, tượng truyền đài lân.

389

Nền huân tướng dai cân rạng vẻ,
 Chũ đồng hưu bia để nghìn đông.
 Ôn trên tử ẩm thê phong,
 Phần vinh thiệp cũng đượm chung hương Trời.

393

Thiếp chẳng đại như người Tô phụ,
 Chàng hẳn không như lũ Lạc dương.
 Khi về đeo quả ấn vàng,
 Trên khung cửi dám rầy ruộng làm cao.

397

Xin vì chàng xếp bào cỡi giáp,
 Xin vì chàng giữ lớp phong sương.
 Vì chàng tay chuốc chén vàng,
 Vì chàng điểm phấn đeo hương nảo nùng.

401

Mở khăn lệ chàng trông từng tấm,
 Đọc thơ sầu chàng thấm từng câu.
 Câu vui đối với câu sầu,
 Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.

405

Sẽ rót vơi lần lần từng chén,
 Sẽ ca dần ren rén từng thiên.
 Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
 Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.

409

Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ,
 Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.
 Ngâm nga mong gửi chữ tình,
 Đường này âu hẳn tài lành trượng phu.

HƯỚNG DẪN

Tìm các từ ngữ, Thành ngữ, Điển tích
trong **Nữ Trung Tòng Phận**

A

Ác thú: C. 1139	Ác phong: C. 1302
Ai bi: C. 336	Ái ân: C. 68
Ái phong: C. 620	Ái thủy: C. 1387
Am tự: C. 915	An bang tế thế: C. 400
Áng văn: C. 10	Anh hoa: C. 1196
Anh nhi: C. 339	Anh phong: C. 399 & C. 1212
Anh thư: C. 1218	Áo tơi: C. 1178
Áo trâu: C. 553	Âm cung: C. 860
Ẩn ái: C. 1227	Ấu nhi: C. 268
Ấu xuân: C. 1076	

B

Ba mươi sáu côi: C. 1260	Ba vạn sáu ngàn ngày: C. 1375
Bá Lý Hề: C. 556	Bá nạp: C. 1224
Bác ái: C. 1197	Bạc phước: C. 305
Bạc tình: C. 556	Bán duyên: C. 750
Bán xuân: C. 791	Bạn tác: C. 519
Bao chừ: C. 342	Bao nả: C. 948
Bao Tỷ: C. 836	Bảo thân: C. 364
Bạo ngược: C. 429	Bạo tàn: C. 372
Bạt tụy: C. 368	Báu châu: C. 1020
Bắn bình: C. 60	Bầu nhựt nguyệt: C. 1207
Bấy chầy: C. 340	Bấy chừ: C. 999

Bẻ gãy chữ đồng: C. 927
 Bể hện: C. 1297
 Bền khổ: C. 1081
 Bền Phạm: C. 1152
 Bỉ bàng: C. 665
 Biển ái: C. 737
 Biển trí: C. 1180
 Biju mai: C. 819
 Bóng Hằng: C. 825
 Bóng sắc: C. 827
 Bóng trời nồng nực: C. 821
 Bốn nghìn năm: C. 393
 Bở bên: C. 376
 Bợn bùn: C. 1390
 Buồn duyên bán nợ: C. 580
 Buồn tình: C. 993
 Buông lời: C. 1338
 Bút hoa: C. 162
 Bút ngọc: C. 165
 Bướm cũ: C. 183

Bê liễu: C. 60
 Bể khổ: C. 987
 Bền mè: C. 1159
 Bỉ thô: C. 1188
 Biên đình: C. 431
 Biển mê: C. 1228
 Biệt phu: C. 1044
 Bóng bọt: C. 100
 Bóng ngà: C. 536
 Bóng trăng xuân: C. 610
 Bồ kinh: C. 101
 Bờ tục: C. 1159
 Bợn hoang: C. 332
 Bợn tục: C. 1241
 Buồn hương: C. 806
 Buông câu: C. 1330
 Buông ngọn viết: C. 1397
 Bút nghiên: C. 14
 Bưởi bông: C. 724
 Bướm ong: C. 46

C

Ca xang: C. 808
 Cam lồ: C. 1238
 Canh gà: C. 187
 Canh tàn: C. 184
 Cành mai đương nở: C. 593
 Cánh bướm: C. 837

Cam tâm: C. 1099
 Canh củi: C. 680
 Canh lụn: C. 185
 Canh râu: C. 727
 Cành xuân nhụy nở: C. 293
 Cánh hồng: C. 823

Cánh nhận: C. 282
 Cảnh Phạm: C. 1347
 Cảnh tịnh: C. 911
 Căn duyên: C. 707
 Căn oan: C. 1014
 Căn răng: C. 722
 Cầm hồn hoa: C. 534
 Cầm sắt: C. 668
 Cẩn phong: C. 1393
 Cầu Lam: C. 201
 Cây liễn cành: C. 243
 Cò ngà: C. 894
 Cỏ rế hai: C. 406
 Con gậy lê: C. 1074
 Con Rồng cháu Tiên: C. 4
 Cội thu: C. 1040
 Cội tử: C. 640
 Công nghệ: C. 361
 Cơ hàn: C. 680
 Cối phụng ngựa loan: C. 159
 Cửa ông công bà: C. 544
 Cúc đục: C. 489
 Cúi gặt: C. 997
 Cung đầu tên cỏ: C. 432
 Cung loan: C. 608
 Cung Quảng: C. 825
 Cùn căn: C. 1008

Cảnh hạn: C. 281
 Cảnh Thiên: C. 1399
 Cao niên: C. 649
 Căn nợ: C. 689
 Căn sanh: C. 1072
 Cầm điệu: C. 253
 Cầm nguyệt: C. 705
 Cẩn Vương: C. 386
 Cây trăm thuốc: C. 1223 & C. 1353
 Cầu Ô: C. 214
 Co tay đếm tuổi: C. 340
 Cỏ huyền: C. 1073
 Con đồ đưa khách: C. 749
 Con Hồng cháu Lạc: C. 415
 Cô đăng: C. 172
 Cội thung: C. 725
 Công danh: C. 473
 Công phu: C. 1346
 Cơ tạo: C. 1264
 Cơm tẻ: C. 341
 Cửa phù du: C. 1130
 Cúc xử mai xào: C. 1194
 Cung cấm: C. 155
 Cung Ngọc Hư: C. 1256
 Cung nguyệt: C. 147
 Cung Thiềm: C. 190
 Cuồng khấu: C. 431

Cút còi: C. 247
 Cửa hấp gà: C. 554
 Cửa Phạm: C. 970
 Cừu thước: C. 246
 Cửa công: C. 86
 Cửa Không: C. 978
 Cửa tía: C. 821
 Cứu thế độ nhơn: C. 1267

Ch

Chác oán mua hờn: C. 1148
 Chánh thê: C. 712
 Chăn dân: C. 684
 Chằm khú: C. 642
 Châu mai Thần: C. 565
 Châu Trần: C. 532
 Chếch mác: C. 726
 Chí Linh: C. 1227
 Chích bạn: C. 238
 Chim kết cánh: C. 243
 Chín ước: C. 492
 Chơn chánh: C. 425
 Chơn ngôn: C. 984
 Chùa mây: C. 915
 Chúa Thánh tôi hiền: C. 682
 Chuông quói: C. 1114
 Chừ sao: C. 171
 Chài lữ: C. 918
 Chánh tà: C. 453
 Châm đê: C. 1044
 Châu lưu: C. 403
 Châu mây: C. 1048
 Chén hiệp phu: C. 1298
 Chì dẫn dạ: C. 269
 Chí thiết: C. 706
 Chiêu Quân cống Hồ: C. 733
 Chim xanh: C. 812
 Chinh phu: C. 326
 Chơn hồng: C. 1202
 Chủ trương: C. 108
 Chúa cả: C. 116
 Chuối bồ: C. 1183
 Chuyển thế: C. 1261
 Chước quí: C. 11

D

Da mối: C. 844
 Danh thần: C. 367
 Dân khí: C. 426
 Dây oan: C. 1134
 Dải đồng: C. 194
 Danh tiết: C. 1386
 Dật dờ cánh liệng: C. 889
 Dẩy xe cha: C. 482

Dãy trần: C. 143
 Dẽ duôi: C. 79
 Di hơi: C. 70
 Đồ đơn: C. 1077
 Dòng Tương: C. 97
 Dỡ chơn hỏi nợ: C. 936
 Du Tiên: C. 858
 Dưới Bộc trong dâu: C. 198
 Dương môn: C. 1363
 Dứt hơi ba tấc: C. 1120
 Dế reo tơ: C. 967
 Dệt văn Tô Huệ: C. 632
 Diêm đình: C. 872
 Dòng là: C. 240
 Dỡ cảm: C. 104
 Du Sách: C. 700
 Dục tài: C. 8
 Dương gian: C. 1376
 Dương nghi: C. 484

Đ

Đa tình: C. 1342
 Đài hoa: C. 814
 Đài sen: C. 1246
 Đại trưởng phu: C. 434
 Đàn tơ dờ mùi: C. 1356
 Đào lý: C. 877
 Đào yêu: C. 602
 Đạo ngài: C. 506
 Đạo phu thê: C. 114
 Đạo phục: C. 1153
 Đạo thê: C. 1320
 Đạo tông: C. 112
 Đắc truyền: C. 450
 Đặng thất: C. 1110
 Đắm thắm: C. 564
 Đạm sắc: C. 1301
 Đại cân: C. 373
 Đài liêu: C. 813
 Đại đồng: C. 448
 Đàn ong xóm bướm: C. 581
 Đào châu: C. 817
 Đào thư: C. 343
 Đạo hằng: C. 570
 Đạo nhơn luân: C. 1327
 Đạo phụ cơ: C. 22
 Đạo quân thần: C. 442
 Đạo thờ thần: C. 642
 Đạo y: C. 1210
 Đắc vận: C. 404
 Đắp cạn thành sâu: C. 162
 Đậm hương: C. 747
 Đất chiếu trời màn: C. 256

Đầu Phật: C. 1323
 Đầu tuyết: C. 1073
 Đeo đẳng: C. 21
 Để năm vân: C. 1382
 Để thi tự thuật: C. 165
 Điện Thánh: C. 973
 Đình thần: C. 428
 Đóa ngọc: C. 145
 Đoạn căn: C. 1271
 Đoạn trường: C. 251
 Đoạt binh: C. 440
 Đòi khúc: C. 1286
 Đơn đường: C. 1236
 Đồ vương: C. 514
 Đồ quyền: C. 729
 Độ dân: C. 384
 Đông độ: C. 325
 Đông bào: C. 507
 Động tình: C. 1030
 Đỡ ngọn binh đao: C. 15
 Đưa linh: C. 866
 Đứng mây râu: C. 409
 Đường thế: C. 781

E

Én anh: C. 203 & C. 250

G

Gái bán thuyền: C. 719

Đầu sương: C. 867
 Đen bạc: C. 317
 Đeo thâm chác sấu: C. 1111
 Để Oanh: C. 643
 Để Nghiêu: C. 479
 Điều tàn: C. 1003
 Định triều an bang: C. 416
 Đoan nghiêm: C. 636
 Đoạn tình: C. 1348
 Đoạn từ: C. 1366
 Đoạt phương tự diệt: C. 1252
 Đòi phen: C. 263
 Đồ thơ: C. 518
 Đồ lụy: C. 1048
 Đồ thừa: C. 648
 Độc mã đơn đao: C. 511
 Đông sương: C. 553
 Động đảo: C. 133
 Đơn cô: C. 590
 Đút cơm vợ quáng: C. 572
 Đưa thoi: C. 672
 Đường phước: C. 1191

Gan sắt đá: C. 455

Gành khơi: C. 894
 Gãy trâm, bể bình: C. 744
 Gãy sống: C. 526
 Gậy lê: C. 866
 Gót sen: C. 616
 Gối loan: C. 302
 Gươm thư hùng: C. 3
 Gương xưa lỗi ráp: C. 136
 Gia đàn: C. 1099
 Gia nô: C. 116
 Gia thất: C. 356
 Giá tuyết: C. 795
 Giải mê: C. 1268
 Giải phiền: C. 1281
 Giải thảm cõi phiền: C. 1016
 Gian truân: C. 1288
 Giao thân: C. 571
 Giày cỏ: C. 1177
 Giéo cầu: C. 604
 Gió trắng là phận: C. 521
 Giọng kinh khua: C. 970
 Giọt nhành dương: C. 1155
 Giữa đàn trông ngọc: C. 197

Gáo tình: C. 1056
 Gắm lót đường: C. 614
 Gậy bá: C. 1177
 Gót nhân ái: C. 1185
 Gối còn nửa nguyệt: C. 728
 Gối phụng: C. 188
 Gương thu: C. 104
 Gia cư: C. 192
 Gia nghiệp: C. 1061
 Gia pháp: C. 1328
 Gia tư: C. 312
 Giải cầu: C. 757
 Giải phần hữu sinh: C. 1252
 Giải quả trừ khiên: C. 1170
 Gian ngược chi danh: C. 558
 Giành én giật anh: C. 1031
 Giao tình: C. 11 & C. 754
 Giấc Nam Kha: C. 1358
 Gió tuyết: C. 777
 Giống từ hơi: C. 66
 Giọt đau thương: C. 1298
 Giục giá: C. 1358

H

Hà hải: C. 731

Hạc nội mây ngàn: C. 1243

Hải đảo: C. 1176

Hạc cầm: C. 1174

Hạc qui hồi: C. 1046

Hải đường: C. 620 & C. 913

Hải thệ sơn minh: C. 964
 Hạnh Nguơn: C. 742
 Hằng Nga: C. 324
 Hâu xinh: C. 562
 Hậu thế: C. 436
 Héo don: C. 144
 Hiến tổ vinh tông: C. 437
 Hiệp cần: C. 1308
 Hiếu nam: C. 228
 Hình hoa: C. 46
 Hoa bốn mùa: C. 1354
 Hoa dưới gạch phòng thu: C. 102
 Hoa phong nhụy: C. 613
 Hoàng hôn: C. 1364
 Hồn phách: C. 1379
 Hồng duyên: C. 1158
 Hồng nhạn: C. 893
 Hơi cầm sắt: C. 808
 Huệ kiếm: C. 1209
 Huyết khí: C. 222 & C. 266
 Huynh lương: C. 949
 Hương hỏa: C. 31 & C. 357
 Hương hỗn: C. 1399
 Hương nguyên: C. 132
 Hạng Thác: C. 445
 Hảo cừu giai nhân: C. 1216
 Hẫu hờn giảm thương: C. 756
 Hậu lai: C. 167
 Hẹn biển thể non: C. 896
 Hiền thu: C. 822
 Hiến tông môn: C. 486
 Hiệp hào: C. 517
 Hiếu thân: C. 478
 Hình mai: C. 144 & C. 843
 Hoa chạ: C. 805
 Hoa ép liễu nài: C. 818
 Hoa tường buồn ong: C. 768
 Hoành sơn: C. 390
 Hồng ân: C. 1198
 Hồng nhan: C. 609
 Hồng thư: C. 1367
 Hơi đồng: C. 802
 Hùng Vương: C. 391
 Huyết mạch đồng môn: C. 499
 Hương đượm lửa nồng: C. 47
 Hương hỏa ba sinh: C. 210
 Hương hồng: C. 1388
 Hương sắc: C. 578

Hương tàn: C. 935 & C. 1223
 Hữu giao: C. 516
 Hý tràng: C. 1136
 Hương thế: C. 182
 Hy sinh: C. 420

K

Kẻ Hồn người Hồ: C. 215
 Kém phương thiếu thế: C. 409
 Kể nhiệm mưu mầu: C. 451
 Kênh kênh: C. 1073
 Kiên trinh: C. 288
 Kiếp cần: C. 1108
 Kiếp phù sanh: C. 950
 Kim cổ: C. 789
 Kinh bố: C. 532
 Kinh sử: C. 13
 Khách đoạn trường: C. 789
 Khai phát: C. 446
 Khắc cốt: C. 1382
 Khi thị: C. 397
 Khí tượng: C. 1391
 Khó nhín: C. 1098
 Khối sanh: C. 1360
 Không không: C. 1350
 Khuất bóng: C. 1032
 Khuê các: C. 621
 Khuyết dân: C. 1324
 Kẻ thiết: C. 77
 Keo rã sơn rời: C. 106
 Kể sanh nhai: C. 1142
 Kiểm cung: C. 83
 Kiến thân: C. 39
 Kiếp làng chơi: C. 330
 Kim cải: C. 111
 Kim tiền: C. 683
 Kinh luân: C. 2
 Kinh tâm: C. 352
 Khách tục: C. 972 & C. 1268
 Khai quốc công thần: C. 435
 Khép khuôn: C. 494
 Khí sinh: C. 870
 Khinh trọng: C. 376
 Khối chung tình: C. 268
 Khối tình: C. 743
 Khổng Trình: C. 34
 Khúc khiu: C. 345
 Khuê phòng: C. 19
 Khuynh thành: C. 383 & C. 559

L

- Lạc cung: C. 64
 Lang quân: C. 696
 Lãnh cung: C. 272
 Lạnh ngắt: C. 285
 Lão thành: C. 472
 Lãng trang: C. 916
 Lập thân: C. 488
 Lầu xanh: C. 320 & C. 1201
 Lệ ngọc: C. 279
 Lịch sự: C. 1341
 Liệt nữ: C. 1208
 Liễu Chương đài: C. 820
 Liễu ngô hoa tường: C. 600
 Linh quang: C. 1258
 Loan phụng: C. 812
 Loạn quốc: C. 383
 Lòng son: C. 688
 Lỗ Ban: C. 370
 Lộn chồng: C. 710
 Lỡ duyên: C. 648
 Lời than tiếng thiết: C. 1304
 Lục trần: C. 1250
 Lụy mình: C. 764
 Lừa lọc câu thể: C. 658
 Lương nhân: C. 48
 Lưu Quang Trương: C. 509
 Lại nhũng quan gian: C. 422
 Lãng tử: C. 897
 Lãnh đạm: C. 1046
 Lạnh nong: C. 537
 Lau thanh: C. 1156
 Lấn lộ: C. 1352
 Lầu hồng: C. 1182
 Lê thứ: C. 117
 Lịch sắc: C. 45
 Liễn tang: C. 1045
 Liệt sĩ: C. 384
 Liễu mai: C. 726
 Linh đơn: C. 1184
 Linh Thiên: C. 1260
 Loạn gia: C. 720
 Long ám: C. 1045
 Lòng vàng: C. 1025
 Lôi Âm: C. 1078
 Lỡ bề: C. 1366
 Lời hơn tiếng thiết: C. 1089
 Luận biện: C. 693
 Luông tuồng: C. 496
 Lụy tình: C. 976
 Lừa hương: C. 492
 Lương tài cân sắc: C. 656
 Lựu đào: C. 124

M

- Ma Ha thủy: C. 1221
 Mái Thần: C. 565
 Mạng phụ: C. 677
 Mạnh Quang: C. 675
 Máy nhân: C. 847
 Máy xanh: C. 1389
 Máy may: C. 306
 Mạn mà: C. 620
 Mắt kẻ ngó song: C. 220
 Mặt ngăn thân diệu: C. 49
 Mãn Tử Khiên: C. 481
 Mấy nấc tương tư: C. 998
 Mèo mả gà đồng: C. 811
 Mệnh số: C. 858
 Miếu đường: C. 392
 Mòn vinh nhục: C. 781
 Mối giềng: C. 30
 Mua quan bán chức: C. 424
 Mùi chê: C. 775
 Mỹ miếu: C. 1240
 Mỹ nhân: C. 828
 Má đào: C. 14
 Mãng: C. 33
 Mảnh hình: C. 1291
 Mày liễu: C. 50
 Mày râu: C. 129
 Máy linh cơ tạo: C. 461
 Mắc mỏ: C. 107
 Mặn nong: C. 476
 Mặt hoa đả nhú: C. 773
 Mặt phép: C. 85
 Mây mưa đánh Giáp: C. 189
 Mấy từng tương tư: C. 908
 Mến anh quen ến: C. 321
 Mệnh Thiên: C. 1251
 Mịt mờ: C. 966
 Mót cần: C. 1018
 Một ngựa một mình: C. 504
 Mùi chàm: C. 830
 Mười hai bến nước: C. 645
 Mỹ ngôn: C. 12
 Nam châu: C. 414
 Nam Kha: C. 1358
 Nam nhân: C. 1332
 Nam trà: C. 387
 Nam Hải: C. 405
 Nam mô: C. 993
 Nam phong: C. 456
 Nam tử: C. 401

N

Não nong: C. 287	Não nùng: C. 780
Năm châu: C. 402	Nắng nồng tuyết lạnh: C. 989
Nặng ngãi nhiều nhơn: C. 806	Nấc thang hồng: C. 1270
Nâng khăn tráp: C. 93	Nâu sồng: C. 1196
Nấu kính sử: C. 13	Nén hương nguyên: C. 148
Nẻo chánh: C. 1233	Nét ngài: C. 842
Nết khuôn: C. 48	Ni Cô: C. 992
Niểm: C. 193	Niên thiếu: C. 1085
Nín hơi sống rọt: C. 1381	Nín nầm: C. 1099
Non nhân: C. 1180	Non thể: C. 798
Non Vu: C. 1356	Nô y: C. 338
Nội trợ: C. 21	Nợ ba sinh: C. 943
Nợ đời: C. 982	Nợ tiền khiên: C. 1318
Nơi cân quân tử: C. 588	Núm mỡ bạc mệnh: C. 788
Nữ lưu: C. 36	Nữ nhi: C. 164
Nữ phách: C. 1	Nữ sĩ: C. 8
Nữ trung: C. 672	Nữ Trung Tùng Phận: Tự sách
Nước Cam lồ: C. 1237	Nước thấm đầu non: C. 235
Nướm nượp: C. 206	Nương ý: C. 12
Ngai vàng: C. 371	Ngàn đầu: C. 337
Ngập ngừng: C. 275	Ngắt ngưỡng: C. 734
Ngoại lân: C. 458	Ngoại tông: C. 80
Ngọc cận hương thân: C. 794	Ngọc Cầu Lam: C. 134
Ngọc trắng: C. 1390	Ngô Khởi: C. 558
Ngồi lơ lên kỷ: C. 810	Ngôn từ: C. 626
Ngũ hổ: C. 56	Ngũ khí: C. 1257

Ngũ quan: C. 1249	Nguy Tào: C. 388
Nguyệt rạng: C. 815	Nguyệt tà: C. 188
Ngư Tiểu Canh Mục: C. 364	Nghi phu thê: C. 280
Nghĩa thâm: C. 231	Nghĩa thủy chung: C. 779
Nghịch chủng: C. 421	Nghiệp cả: C. 4
Nghiệp chướng: C. 1239	Nghiệp oan khiên: C. 1198
Nghiệt căn: C. 1156	Nghiệt đài: C. 1144
Nhà lan: C. 629	Nhà lang: C. 833
Nhà nội: C. 1001	Nhà vàng: C. 615
Nhạc Phi (Điện tích): C. 381	Nhạn lạc ngư trầm: C. 960
Nhạn tín: C. 1367	Nhánh đầu khuất: C. 933
Nhánh dương: C. 1248	Nhánh mai sái mùa: C. 704
Nhánh xuân: C. 104	Nhật nghiêm: C. 74
Nhấp nhóa: C. 825	Nhấp nhoáng: C. 1006
Nhấp nhò: C. 282	Nhất tiểu thiên kim (Thành ngũ): C. 786
Nhẹ là bức: C. 137	Nhẹ mình nữ trung: C. 1316
Nhẹ thể: C. 762	Nhi tôn: C. 26
Nhị Kiều: C. 699	Nhiễm lấm thân: C. 617
Nhiếp chánh: C. 681	Nhiều điều gói gương: C. 604
Nho Tông: C. 446	Nhơn duyên: C. 236
Nhơn đạo: C. 1233	Nhơn luân: C. 366 & C. 1234
Nhơn tình: C. 1226	Nhúc nhắc: C. 866
Nhục tổ hổ tông: C. 485	Nhuệ khí: C. 10
Nhụy phai hương lợt: C. 176	Nhụy tướng hương hình: C. 74
Như Lai: C. 1236	Như tờ: C. 968

Nhứt quốc: C. 405

O Ô

Oan khiên: C. 1198

Oan ương: C. 929

Ô thước bắc cầu: C. 271

Ôm mỗ thủ hiếu: C. 1189

Oan trái: C. 1239

Ong bướm: C. 73

Ốc mượn hồn: C. 739

Ôn nhu: C. 1214

P

Phàm tâm: C. 1250

Phan Tiếp Dẫn: C. 1244

Pháp gia: C. 358

Phăng tâm: C. 1035

Phấn lột hương tàn: C. 787

Phận mỏng: C. 609

Phật tâm: C. 1272

Phiên quốc: C. 741

Phong nguyệt: C. 585

Phong trần: C. 796

Phòng hạnh: C. 216

Phòng không: C. 286

Phòng thu: C. 102

Phòng toan: C. 200

Phồn hoa: C. 1107

Phù du: C. 1130

Phù sinh: C. 950

Phụ duyên: C. 940

Phụ nhân nan hóa: C. 533

Phụ thân: C. 224

Phạm trọng Yêm: C. 685

Phan Vương: C. 836

Pháp nghiêm: C. 652

Phẩm quyền: C. 32

Phận bạc như vôi: C. 239

Phất trần: C. 1179

Phép qui hợp hôn: C. 398

Phím loan: C. 180

Phong tình: C. 650

Phòng đào: C. 57

Phòng hiệp cần: C. 1308

Phòng the: C. 1224

Phòng tiêu: C. 803

Phồn ba: C. 582

Phụ phụ: C. 525

Phù dung: C. 126

Phụ cơ: C. 22

Phụ nghĩa: C. 199

Phụ phàng: C. 68

Phụ tình: C. 204

Phụ tùng: C. 1386

Phụng lấu: C. 163 & C. 603

Phúc hạnh: C. 782

Q

Quả kiếp: C. 1257

Quán tục: C. 1305

Quạt gió trăng đèn: C. 1247

Quần trung: C. 368

Quân tử hảo cừu: C. 139

Quần hồng: C. 2

Qui hồi Tiên bang: C. 1096

Qui y: C. 1106

Quốc chánh: C. 389

Quốc triều: C. 414

Quan cả: C. 117

Quạt duyên: C. 216

Quân thân: C. 378

Quân tử: C. 93 & C. 696

Quân Vương: C. 686

Quần xoa: C. 15

Qui mô: C. 402 & C. 1100

Qui tế: C. 357

Quốc thể: C. 397

Quyển môn: C. 18

R

Rấp ranh: C. 406

Rẻ rúng: C. 5

Rèm thu: C. 816

Roi dẫu: C. 481

Rỡ rỡ: C. 414

Rù quén: C. 90

Rừng thiên: C. 1077

Rẻ duyên: C. 784

Rèm là: C. 618

Rỉ rả: C. 250

Rốn: C. 973

Rời bốc đóa hoa: C. 654

Rừng Nho biển Thánh: C. 35

Rượu quyền: C. 212

S

Sách đời: C. 1126

Sạch giũ: C. 1210

Sái thể lỗ thời: C. 1331

Sanh ly tử biệt: C. 981

Sanh thành: C. 347

Sách hiền: C. 1248

Sài Triệu Trinh: C. 513

Sanh ký tử qui: C. 1263

Sanh nhai: C. 363

Sanh tử: C. 508

Sánh bì: C. 8
 Sắc so tài: C. 209
 Sắt son: C. 508
 Sấn tay: C. 1395
 Sĩ Nông Công Cổ: C. 363
 Siêu thăng: C. 1278
 Soi bóng nước: C. 841
 Song hồ: C. 1101
 Sỏ xiêm: C. 1168
 Sòng Ngân: C. 200
 Sơ giao: C. 199
 Sớm đào tối mặn: C. 793

Sắc không: C. 1254
 Sấp con cái nhà: C. 716
 Sân ngô: C. 920
 Sĩ tình: C. 1314
 Siêu quần: C. 368
 So sóng: C. 586
 Sơn sắt: C. 193
 Sóng xao: C. 797
 Số căn: C. 1266
 Sống thừa: C. 1010
 Sơ sẩy: C. 72
 Suối vàng: C. 417

T

Ta bà: C. 1167
 Tài ba: C. 1218
 Tài sắc đa truân: C. 611
 Tài tình: C. 441
 Tái hiệp: C. 1093
 Tam Tùng: C. 778
 Tàn hoa: C. 106
 Tang y: C. 865
 Tảo mộ đạp thanh: C. 922
 Tạo Hóa: C. 1261
 Tâm can: C. 1026
 Tâm đầu: C. 200
 Tâm thần: C. 1359
 Tắm duyên: C. 284

Tà dương: C. 934
 Tài danh: C. 502
 Tài thân: C. 459
 Tài tử: C. 365
 Tái hôn: C. 776
 Tắm phân: C. 292
 Tang thương: C. 1127
 Tánh danh: C. 710
 Tảo tần: C. 227 & C. 306
 Tay co: C. 54
 Tâm chánh: C. 1229
 Tâm lý: C. 1292
 Tâm trung nghĩa khí: C. 512
 Tắm gan: C. 384

Tắm tình: C. 1246
 Tấn Tân: C. 1336
 Tập búa Lỗ Ban: C. 370
 Tây Thi: C. 826
 Tể mi vẹn đạo: C. 676
 Tiệt tỳ: C. 547
 Tiếng tiêu: C. 163
 Tiệt giá: C. 708
 Tiệt nghĩa: C. 1400
 Tiêu hủy: C. 1350

Tiểu thiếp: C. 717
 Tin nhận: C. 769
 Tinh trăng: C. 824
 Tinh Vệ: C. 737
 Tinh niên: C. 1079
 Tòa sen chín phẩm: C. 1272
 Tóc xanh: C. 847
 Tố trần: C. 316
 Tộc chủng: C. 389
 Tôn kính: C. 449
 Tông môn: C. 1058
 Tơ duyên: C. 158
 Tơ hồng: C. 800
 Tơ tóc: C. 6
 Tục lệ: C. 1181
 Tuế nguyệt: C. 1072

Tấn khí hùng: C. 522
 Tận trung: C. 369
 Tây Âu: C. 328
 Tế bao lăm: C. 353
 Tế tông đường: C. 38
 Tiếng đồn vô cực: C. 1277
 Tiếng tiêu khải phụng: C. 628
 Tiệt hạnh: C. 661
 Tiệt ngọc: C. 1313
 Tiêu Sử-Lộng Ngọc (Điển tích): C. 603
 Tìm vợ dâng dưa: C. 323
 Tinh thần: C. 7
 Tinh trung: C. 381
 Tình si: C. 142
 Tinh say: C. 1363
 Tóc hoa râm: C. 774
 Tô Huệ: C. 632
 Tố hiển: C. 37
 Tội nghiệp: C. 234
 Tông đường: C. 38
 Tống Hoàng: C. 569
 Tơ đồng: C. 178
 Tơ loan: C. 66
 Tua: C. 396
 Tục tánh: C. 1249
 Túi gió trắng: C. 1173

Tùng phu: C. 674
 Tùng quyền chấp kinh: C. 1343
 Tuổi đời: C. 1123
 Tuyển đài: C. 1376
 Tuyệt giá: C. 167 & C. 945
 Tứ dục: C. 1197
 Từ duyên: C. 571
 Từ tâm: C. 1214
 Tứ hải ngũ hồ: C. 56
 Tử ly: C. 864
 Tử tiết: C. 151
 Tự thuật: C. 165
 Tương tư: C. 154
 Tướng hạc hình mai: C. 622
 Tùng phụ: C. 639
 Tuổi hạc: C. 725
 Túy mộng: C. 585
 Tuyển hiền: C. 649
 Tuyết lạnh nắng nồng: C. 926
 Từ bi: C. 980
 Từ lệnh, Từ mạng: C. 69
 Từ Thức: C. 213
 Tử xứ: C. 457
 Tử thi: C. 868
 Tự kể phụng thờ: C. 358
 Tương giang: C. 196
 Tường đông: C. 73 & C. 178
 Từ điển: C. 833

Th

Tha bang: C. 394
 Thác ra ma: C. 319
 Tham nhúng: C. 683
 Thâm phiến: C. 720
 Thâm trang: C. 1002
 Thảng mảng: C. 1345
 Thanh liêm: C. 688
 Thánh miếu: C. 17
 Thăm má đào: C. 14
 Thân danh: C. 602
 Thân phạm: C. 990
 Thất tình: C. 1350
 Thả lá hồng: C. 770
 Tham lê bỏ lựu: C. 204
 Thảm đạm: C. 873
 Thâm tín: C. 1097
 Thảng thâu năm lụn: C. 1345
 Thanh lâu: C. 584
 Thanh xuân bất tái: C. 697
 Thăm ván bán thuyền: C. 131
 Thâm tình: C. 90
 Thân mòn gối rung: C. 540
 Thất nghĩa: C. 701
 Thất tuần: C. 1076

Thầy phạm: C. 1266
 Thê nhi: C. 546
 Thi lá: C. 607
 Thí nhận: C. 1393
 Thiên lương: C. 1192
 Thiện duyên: C. 1270
 Thầy thi: C. 1379
 Thế cuộc: C. 1109
 Thi thơ: C. 36
 Thiên hạ: C. 448
 Thiên Thai: C. 1176
 Thiếu phụ Nam Xương: C. 299-300
 Thiếu tài khiếm đức: C. 416
 Thọ giáo: C. 441
 Thơ hương: C. 404
 Thu phòng: C. 1203
 Thú trùng: C. 254
 Thục nữ: C. 16
 Thung đường: C. 489
 Thuốc trường sanh: C. 202
 Thuyền Bát Nhã: C. 1169
 Thuyền hạc: C. 1192
 Thuyền nan: C. 839
 Thuyền tình: C. 991 & C. 1228
 Thừa nguyên: C. 303
 Thức tỉnh: C. 218 & C. 1186
 Thương tâm: C. 172
 Thường phu: C. 103
 Thịnh thịnh: C. 35
 Thơ chim: C. 607
 Thu không: C. 966
 Thú cầm: C. 874
 Thúc thách: C. 2
 Thung dung: C. 139
 Thung huyền: C. 225
 Thuyền bá: C. 797
 Thuyền con: C. 1235
 Thuyền huệ: C. 1000
 Thuyền quân: C. 5
 Thứ thê chánh thiếp: C. 956
 Thúc ngọc: C. 653
 Thuốc cứu: C. 1032
 Thương thân: C. 238
 Thượng sĩ: C. 367

Tr

Trà mi: C. 72
 Trá ngôn: C. 652
 Trái chủ: C. 1209
 Trang tài mào: C. 669
 Trà ngâu: C. 212
 Trái căn: C. 1182
 Trái duyên: C. 790
 Tranh tông đứt dây: C. 180

Trao duyên: C. 600	Trao tơ: C. 888
Trao trăm đắp áo: C. 670	Trau tria: C. 1
Trăm năm: C. 884	Trăng hoa: C. 766
Trâm luân: C. 1232	Trân cam: C. 80
Trần ai: C. 1046	Trần cầu: C. 1179
Trận trung: C. 440	Treo mắt: C. 46
Tri âm: C. 705	Tri Thiên: C. 856
Trí già: C. 471	Trí thức: C. 1215
Trí tri: C. 448	Trí xảo: C. 462
Triền bưng: C. 906	Trình phu: C. 1208
Trình tiết: C. 601	Trọng ngãi: C. 378
Trọng nghi phụ tử: C. 485	Trọng Ni: C. 445
Trọng tiếng cũng như: C. 614	Trọng yếu: C. 438
Trộm nén hương thừa: C. 322	Truân chuyên: C. 686
Truyền hiên: C. 479	Truyền hương: C. 488
Trừ mị: C. 425	Trước mai: C. 204
Trước tử: C. 917	Trương Lương dâng dếp: C. 443
Trường đình: C. 727	Trường phong nguyệt: C. 785
Trường huỳnh: C. 232	Trượng phu: C. 60

U

U Minh: C. 969	U ơ: C. 483
Ủ dột: C. 144	Ủ ê: C. 184
Úa xào: C. 175	Uống cạn chén tình: C. 942
Uy linh: C. 405	Ước: C. 193
Uóm sương: C. 774	Ưu quân ái quốc: C. 460

V

Vách có âm thính: C. 75	Vạn linh: C. 1262
Vãng sanh: C. 1346 & C. 1362	Vành xuân: C. 819
Vào trướng ra màn: C. 809	Vày vãi: C. 534
Văn hóa: C. 1	Văn minh: C. 462
Văn nhân: C. 365	Văn tài: C. 166
Vấn ngữn: C. 949	Vấn vỏi: C. 242
Vặn lăm trực lờn: C. 807	Vắng hoe: C. 188
Vấn vợ: C. 245	Vận trù: C. 410
Vẫy vùng: C. 824	Vẻ hồng: C. 107 & C. 273
Vẻ xuân: C. 616	Vện giống trọn dòng: C. 1063
Vĩ nhân: C. 433	Vị bài: C. 1043
Vịn núu: C. 174	Vĩnh sanh: C. 1104
Vĩnh tồn hậu lai: C. 356	Vịnh liễu: C. 893
Voi cày chim cấy: C. 477	Vong thân: C. 434
Vòng tục: C. 861	Vô duyên: C. 156
Vô ưu: C. 1234	Vợ Châu Công: C. 677
Vợ tôi chống chúa: C. 113	Voi chành: C. 58
Voi voi: C. 99	Vũ trụ: C. 517
Vụ tất: C. 978	Vua Thuấn: C. 477
Vui càn: C. 95	Vùng Nam Hải: C. 405
Vườn diều: C. 804	Vườn thu: C. 619
Vườn xuân: C. 206	Vương thần loạn ngôi: C. 1328

X

Xa hoa: C. 594	Xa mã: C. 829
Xa thơ: C. 395	Xã tắc: C. 421

Xanh mào: C. 45

Xấu phận: C. 52

Xử mệnh: C. 207

Xuân nguyên: C. 666

Xuân xanh: C. 1212

Xử sự: C. 458

Xao xác: C. 881

Xót xáy: C. 1025

Xuân mai ba bảy: C. 1039


Xuân sắc: C. 665

Xuất dương: C. 1256

Y

Ý hiệp tâm đầu: C. 1294

Yếu điệu: C. 843



NỮ TRUNG TÙNG PHẬN
Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ đề bút
Năm Quý Dậu – 1933
Hội Thánh Giữ Bản Quyền

